

Dương Nghiễm Mậu

## Lên Đỉnh Qua Cửa Thần Phù



### MỤC LỤC

- 1- Gọi Hồn
- 2- Về Nhà
- 3- Kẻ Khắc Mặt Quỷ

### GỌI HỒN

1.

Tới ngã ba đường tôi đứng lại. Nhà hát nhìn thẳng ra con đường lớn trước mặt. Tôi băng qua đường, bước lên những bậc đá của nhà hát. Những cánh cửa sắt khép kín. Không một bóng người. Một tấm bảng nhỏ: có việc xin đi cửa sau. Tôi ngồi xuống thềm đá. Chắc bố tôi đã nhiều lần bước trên những bậc đá này. Bao nhiêu người đã từng đặt những bước chân lên đây, như bố tôi và nay không còn cơ hội. Mỗi kẻ có một thời của nó. Còn tôi, tôi chưa bao giờ bước chân lên đây, tiến vào trong đại sảnh. Chưa bao giờ. Tôi thấy như mình ở ngoài màn kịch. Những màn kịch, những lớp tường có mấy khi được trình diễn giữa ban ngày ban mặt? Chỉ là bóng tối. Ánh sáng chỉ được rọi vào những chỗ nào mà người ta muốn. Sáng. Tối. Lộ

ra. Khuất đi. Tiếng cười. Tiếng khóc. Mưa nắng. Sớm mai. Hoàng hôn... Tất cả đều được xếp đặt. Hỷ, nộ, ai, lạc, ái, ố, dục đều được cân đo đong đếm...

Cánh cửa sắt, những thanh sắt nhiều chỗ đã bong sơn, rỉ sét. Lớp vôi tường bắn cũ nhòa nhuộm... Tôi đứng sát vào cánh cửa sắt. Lớp bụi đất dày trên nền nhà, một cánh cửa phía trong hé mở. Tôi đi vòng về phía sau. Hàng rào sắt cách xa với tường nhà hát. Cổng sắt gần cuối hàng rào mở một cánh. Có chiếc xe đạp cũ dựng tựa vào vách tường gần với cửa nhỏ vào trong nhà hát. Tôi bước lên bậc tam cấp đứng sát vào khung cửa nhìn vào trong: không bóng người. Không tiếng động. Chỉ có bóng tối. Với ánh sáng từ khung cửa nhỏ tôi nhận ra một bậc cấp ở phía trong để lên sân khấu. Phía tay mặt đưa tới khu khán giả, phía trái đưa vào phần trong sân khấu. Tôi bước hẳn vào trong:

- Có ai không?

Trong im lặng tôi nghe thấy tiếng mình vang lên từ phía trong hắt ra: Có ai không...

Tôi vào hẳn trong nhà hát đi về phía dành cho khán giả. Trong ánh sáng mờ mờ hiện ra những lưng ghế màu đỏ, những khe hở đầu đó tạo ra những vệt ánh sáng chòng chéo nhau. Trên sân khấu có một vùng ánh sáng, tấm màn đỏ đã được kéo ra hết sang hai bên cánh gà. Tôi quay trở lại tới chỗ cửa có bậc bước lên, tôi bước lên đi qua cánh gà vào giữa sân khấu. Tôi nhìn xuống: những hàng ghế chạy song song...

- Ai đó?

Tôi giật mình với tiếng người không biết phát ra từ phía nào:

- Ai đó?

- Tôi là...

- ... Cột, Kèo... là gì cũng được. Chẳng quan trọng gì. Nhưng đã đứng ở trên sân khấu thì diễn đi.

- Anh nói tôi?

- Chứ còn ai nữa. Hãy diễn vai kịch của anh đi...

- Tôi không phải diễn viên. Tôi không có vai kịch nào cả.

- Có đấy...

Tiếng cười khô khan cất lên vang động. Tôi đứng im. Hình như có tiếng cánh cửa mở rồi đóng ở một chỗ nào đó trong nhà hát:

- Tôi lại tìm về sân khấu

Đêm đêm bên tấm màn nhung

Tiếng gõ ba hồi xuống ván

Nghe như vồ đập áp<sup>1</sup>

Tiếng đọc thơ, giọng mạnh mẽ vang động tôi nghe như ở trên tầng cao gần sát với trần của nhà hát. Tôi nhìn từ trên xuống dưới, chú ý vào những góc tối với hy vọng tìm ra nhân dáng của tiếng nói đang dấu mặt.

- Anh hãy diễn đi. Tôi nhìn thấy anh rất rõ: ở giữa sân khấu, một vùng ánh sáng dưới chân, mặt khuất trong bóng tối... Đến tuổi anh đủ để vào vai một ông bố trẻ, một người con đã hơi già... Cuộc chiến tranh đã kết thúc, như vậy anh là kẻ sống sót. Có phải anh cũng trở về từ một chiến trường nào đấy? Như vậy thì anh có thể vào vai nhiều loại nhân vật. Anh thích vào vai nào? Một chiến binh trở về với một quê nhà đổ nát? Một ông bố trước những đứa con lớn lên vào thời bình hay một ông bố... Nhiều người thích đóng vai ông bố lắm. Làm bố thiên hạ ai chả thích. Sao? Một ông bố nhá?

- Bố của tôi hay bố của con tôi?

Tiếng cười lại vang lên:

- Thật tuyệt – Đúng rồi. Bố của anh hay bố của con anh? Anh thử nghĩ xem vai nào thích hợp với anh?

- Tôi chẳng muốn chọn vai nào. Tôi không phải là diễn viên.

- Anh không chọn anh vẫn là một diễn viên. Vậy anh là một ông bố không muốn làm ông bố. Một ông bố không là một ông bố thì là gì nhỉ? Có tên gọi không? Một người đàn ông trước sau gì cũng là một ông bố vì chẳng lẽ anh ái nam ái nữ, hay con cu đã gửi lại chiến trường? Anh không muốn thì ít nhất cũng là bố một đứa con. Phải thế không? Xem ra anh có bố mà không muốn nhận đó là bố mình. Anh muốn có một ông bố khác, một ông bố mà anh tưởng tượng ra, một ông bố mà anh muốn có. Anh quên rằng chẳng có ai được chọn bố mình. Diễn đi, có thể chọn một ông bố mà anh thích. Hãy chọn lấy vai diễn của mình.

Tôi bỏ sân khấu vào trong cánh gà. Thêm một thằng điên nữa.

- Anh không thể cáng đáng được vai ông bố phải không? Đó anh thấy chưa: để đóng vai một ông bố là khó cực kỳ. Chọn vai diễn một bậc anh hùng, một thằng ăn mày, một tên say rượu, một thằng ăn cướp giết người... có khi anh diễn ngay được đấy. Anh chịu rồi à. Vai một ông bố đâu phải dễ. Anh bỏ cuộc à?

Tôi trở lại chỗ đứng cũ vừa nói vừa giơ tay vẻ cương quyết như một vai diễn nào đó tôi đã từng được coi?

- Tôi không bao giờ bỏ cuộc.

Tiếng vỗ tay đơn lẻ vang lên ở một góc nào đó.

- Tuyệt lắm, rất kịch. Diễn đi...

Diễn đi. Ông già ngồi im lặng trên chiếc giường cá nhân. Anh Tín từ ngoài cửa bước vào với những bước đi nhẹ. Anh Tín đứng bên giường nói vừa đủ nghe: Bố quyết định thế nào? Tôi bỏ tờ báo xuống. Ông già ngồi bất động. Có tiếng một con chim sâu kêu ở một ngọn cây phía ngoài cửa sổ. Một hồi chuông reo. Ở ngoài cửa có một ai đó. Tôi lắng nghe và chừng như anh Tín cũng đang chờ đợi. Thôi không đóng kịch nữa. Câu nói ngắn gọn, rõ ràng. Ông già xoay người rồi nằm xuống. Anh Tín bước ra. Tôi cầm tờ báo bước ra theo: Chuyện gì vậy? Họ tới nói với bố việc tổ chức tuyên dương bố, chắc họ nghĩ bố sắp chết. Tôi mỉm cười: đóng kịch mãi cũng mệt. Anh Tín trừng mắt nhìn tôi rồi nói: không biết phải nói sao cho xuôi đây? Cứ nói ông già yếu lắm rồi, không ngồi được nữa, không ăn được nữa là xong chứ gì? Càng chết, có người nằm ngáp ngáp còn bị dựng dậy để nghe diễn văn. Anh Tín bước ra phòng nơi có những người khách đang đợi. Tôi nói: mệt nhỉ, làm nhân vật đâu sung sướng gì.

Để tránh gặp những người khách và chứng kiến một lớp kịch, tôi trở vào phòng ông già. Ông già mình đang nằm đó sao? Chẳng còn một ông già lưng thẳng, bước đi dài, cứ có mặt ở chỗ nào là nghe thấy tiếng nói oang oang: khi mạnh mẽ như ở đấu trường, khi trầm thắm nhẹ nhàng khi lên giọng, khi xuống giọng... Từ mở đầu tới kết thúc bao giờ cũng suôn sẻ, bài bản... Bây giờ mệt rồi: chân tay không muốn động đậy, miệng không muốn mở. Bây giờ là một vai kịch lặng lẽ trong một không gian tĩnh lặng. Phải chăng một vở kịch mới đang hình thành, một kịch bản không còn đối thoại, chỉ còn độc thoại câm lặng với chính mình? Ông đã quyết định điều này từ bao giờ? Các chức vụ ông nắm giữ vẫn còn nguyên. Chức vụ, ông có mấy chức vụ cùng một lúc và vai diễn khi nào cũng hoàn thành tốt đẹp. Có người gọi ông là ông trạng. Từ hội trường của một hội nghị khi ông bước xuống tam cấp để ra xe thì ông té ngã. Ba ngày sau anh Tín mới báo tin và nhắc đi nhắc lại: bố bảo chú đưa hai cháu lên cho bố gặp. Vợ tôi bảo: vậy chắc bố sắp chết nên muốn gặp cháu đích tôn. Tôi bảo: chưa đâu, chết đâu có dễ thế? Tôi leo xe ra thành phố, vào bệnh viện. Ông già ở một phòng riêng với nhiều hoa và trái cây. Khi tôi mở cửa bước vào tôi thấy ông già đang ngồi mặt hướng ra ngoài cửa sổ. Tôi ngồi xuống ghế ở phía đầu giường lấy một trái cam bóc ăn. Chị Tín dẫn người con gái lớn tới. Chị Tín nói: Hôm nay chú mới lên? Tôi nói: Dạ, anh báo tin em lên ngay. Chị Tín nói: hôm mới nhập viện bọn tôi lo... Ông già xoay người lại, mắt ông chạm vào mắt tôi, ông già phác một nụ cười nói: khỏe rồi, mai về... Tôi im lặng, ông già cũng không nói gì thêm. Sao ông không hỏi về thằng cháu đích tôn của ông? Hay có chị Tín ở đó nên ông không nói? Ông già nằm xuống, kéo cho vạt áo trắng thớm rồi để hai tay lên ngực. Tôi nhìn thấy hình ảnh một người chết sau khi được người thân chăm sóc trước khi nhập quan. Khỏe rồi, mai về. Đó là bốn tiếng duy nhất tôi nghe được từ miệng ông già. Tôi đứng lên ra khỏi phòng. Tôi nghĩ ông già nhắm mắt nhưng biết tôi ra khỏi phòng.

Tôi đứng yên giữa sân khấu rất lâu, sau chót tôi khoanh tay trước ngực. Giọng nói ở đâu đó, rất xa:

- Bố anh như vậy à? Chỉ có im lặng? Nếu thế tất nhiên là một thảm kịch...

Tôi bỏ sân khấu đi vào cánh gà. Tôi cố gắng tìm kiếm trên vách tường chỗ đóng mở hệ thống đèn chiếu sáng trong nhà hát. Cuối cùng tôi đã thấy tấm bảng với những dây nhợ chằng chịt. Tôi bật nút thứ nhất: không có. Tôi bật nút thứ hai: ánh sáng nhấp nháy ở cửa vào nhà vệ sinh một lúc rồi tắt ngấm. Tôi bật liên tiếp những nút còn lại nhưng không có một bóng đèn nào lóe sáng. Tôi thất vọng bật nút cuối cùng: một ngọn đèn đỏ sáng lên ở cửa dành cho khán giả bước vào trong nhà hát. Tiếng cười khó chịu vang lên. Hình như mọi động tác của tôi đều bị theo dõi bởi một đôi mắt xa lạ. Tiếng nói vang lên:

- Chỉ còn một bóng đèn dành cho những người ra vào cửa không bị vấp ngã. Thế là nhiều... Tôi đứng giữa sân khấu nhìn khắp bốn bề:

- Thôi tôi đi đây, chào ông...

Tôi bước trở vào. Giọng người đuổi theo:

- Tắt giúp tôi ngọn đèn đỏ đi đã. Đi đâu mà vội thế? Chẳng lẽ anh đến đây chỉ để cho biết nhà hát thôi sao?

Tôi quay trở lại sân khấu:

-Tôi đi tìm đoàn kịch Ánh Sáng.

- Không còn Ánh Sáng ở đây.
- Họ đã ở đây mấy chục năm... Vậy họ đi đâu?
- Đi đâu? Ánh Sáng họ đi đâu làm sao tôi biết.
- Thế ông làm gì ở đây?
- Tôi chẳng làm gì cả?
- Vậy ông là ai?
- Tôi là ai? Vậy ông là ai? Tôi là khán giả, tôi là người đi xem kịch. Được không?
- Có mỗi cái sân khấu bỏ không, ông xem gì?
- Sao tôi bảo anh diễn mà anh không chịu diễn?
- Tôi không phải diễn viên...

Tiếng cười vang lên, hình như nó chạy dọc theo những hành lang của nhà hát. Bỗng tiếng cười im bật và sự tĩnh lặng trở lại. Tiếng nói dẫu mặt lại cất lên:

- Anh đi tìm đoàn Ánh Sáng làm gì? Để trở thành diễn viên?
- Tôi đi tìm ông đạo diễn.
- Ông đạo diễn nào? Đoàn đâu chỉ có một ông đạo diễn.
- Đạo diễn Hùng Tiến, ông có biết không?
- Nhưng trước hết anh hãy làm ơn tắt giúp tôi ngọn đèn đỏ đi đã.

Tôi vào trong cánh gà tắt ngọn đèn đỏ. Nhìn xuống: những hàng ghế lờ mờ trong bóng tối nhợt nhạt. Từ trên sân khấu tôi bước xuống bậc thang dẫn xuống phía khán giả. Tôi đi thẳng xuống lối đi giữa. Tôi chọn chiếc ghế ở gần cuối rạp định ngồi xuống. Vừa kéo mặt ghế xếp ra, tôi nghe giọng nói gấp gáp:

- Coi chừng ghế gãy.

Tôi kéo lên kéo xuống mấy lần rồi mới ngồi xuống.

- Anh chỉ thích đóng vai khán giả thôi phải không? Nhưng kịch bây giờ khán giả cũng có vai diễn. Anh biết chẳng có kịch nếu không có khán giả.

Tôi nghe rõ tiếng nói vọng xuống từ phía sân khấu. Tôi nói thật to:

- Diễn đi, ông diễn đi. Có khán giả rồi đây.

Không có tiếng đáp lại. Hoàn toàn im lặng. Từ xa, ở chỗ nào đó có tiếng bước chân, tiếng đóng cửa, mở cửa.

Tôi cũng từng có dịp ngồi trong một nhà hát. Ngay khi bước vào tấm màn nhung đỏ rực đập vào mắt. Người người nối nhau, với sự hướng dẫn mọi người tìm chỗ ngồi. Tiếng nói chuyện nhỏ, tiếng ghế va đập, tiếng gọi nhau... Khi đèn tắt, tiếng gõ vang động trên sàn sân khấu.

Không khí bỗng im lặng vẻ trang trọng như đang chờ đón một cái gì. Tấm màn nhung kéo lên...

Tiếng chuột đầu kêu ngay dưới chân, tôi giật mình. Nhà hát đã tối đèn từ bao giờ? Tiếng của người dấu mặt đầu rồi? Tôi la lớn:

- Diễn đi, sao ông không diễn đi?

Tiếng nói như mất tăm. Tôi đứng dậy đi trở lại sân khấu, băng qua cánh gà, tới cửa sau và ra sân. Nắng chan hòa làm tôi chói mắt. Tôi ngạc nhiên thấy chiếc xe đạp lúc trước dựa vào tường nhà hát đã không còn nữa. Cánh cửa sắt nơi hàng rào đã khép lại. Kẻ dấu mặt chắc đã cười thầm khi bỏ tôi lại một mình trong nhà hát... Tôi đi về phía sau. Một dãy nhà lợp ngói đỏ nhìn ra khoảng sân hẹp được ngăn ra làm nhiều căn, chỉ có căn đầu tiên có cửa sổ mở, còn lại tất cả đều đóng kín. Tôi tới gần cửa sổ mở và cất tiếng gọi. Không có ai trả lời. Tôi tới gần hơn, sát cửa sổ: phía trong có một cái bàn gỗ thấp kê sát vào cửa, trong xa là một chiếc giường cá nhân có trải một cái chiếu mộc, bên cạnh có một tủ thấp, những vật dụng chung quanh cho thấy có người sống ở đây. Tôi nghĩ tới tiếng nói dấu mặt trong nhà hát. Tôi trở ra mặt tiền nhà hát đứng nhìn mông đọc con đường trước mặt.

Anh Tín nói: chú tin rằng có một vở kịch chưa được công diễn còn ở đâu đó? Thì anh đã chẳng nghe ông già nói đó sao. Ông già bảo: nếu con đọc được vở kịch này con sẽ hiểu bố. Anh có hiểu được bố không? Anh Tín ngần ngừ: cũng không rõ nữa, có cái hiểu được, có cái chẳng hiểu gì hết. Con người ta... Anh Tín nói nửa chừng thì ngừng lại. Lúc sau anh bảo: Bố chết rồi, hiểu hay không hiểu mà làm gì. Có vở kịch hay không có vở kịch chưa công diễn, nhưng biết đâu vở kịch đó bố chưa viết, hoặc là bố chỉ mới nghĩ tới trong đầu mà tưởng viết ra. Tôi ngạc nhiên với điều anh Tín nói. Tôi nhìn vào mắt anh Tín nói: sao người ta bảo: lời nói của người sắp chết là lời nói thật? Sao phải chờ tới lúc sắp chết mới nói thật?

2.

Nghe tiếng động ngoài ngõ, từ trong nhà nhìn ra thấy anh Tín thò tay vào phía trong tìm cách mở cổng, tôi vội chạy ra, nắng đã đứng bóng, tôi vừa mở cửa vừa nói:

- Trưa nắng muốn vỡ đầu mà anh đi đâu vậy...

Anh Tín cười nhẹ nhàng:

- Về nhà chứ đi đâu nữa.

Qua sân, lên hiên, vào nhà, anh Tín nhìn quanh quất rồi hỏi:

- Đi đâu cả rồi?

- Nhà em cho hai cháu qua nhà ngoại chơi... chắc anh chưa ăn cơm?

- Ăn rồi, ăn từ lúc đợi xe.

Anh Tín đi tới ngồi ở trường kỷ giữa nhà. Tôi vội lấy cái nón ở hiên băng qua sân, ra ngõ đi nhanh tới nhà bà Bát ở đầu ngõ lấy bốn chai bia và nước đá. Để hai cái cốc lớn lên bàn, tôi nói:

- Nóng thế này uống bia cho giải nhiệt.

Anh Tín nhìn lên bàn thờ rồi đưa mắt nhìn khắp nhà, anh hỏi:

- Cái giường của bố em kê ở nhà trên à?

- Không... Cái giường em bán ngay ở bến xe từ hôm đó...

Anh Tín lặng im cầm cốc bia lên uống.

Ông già tôi chết được mấy ngày anh Tín nhấc tôi lên nhà và bảo: Bố bảo anh đưa cái giường của bố về nhà chú kê ở gian bên nhà ngang cạnh bàn học của cháu Luận. Hình như lúc đó bố định khỏi bệnh ra viện sẽ về ở với gia đình chú. Không may bố mất, nhưng anh vẫn muốn thực hiện điều bố dặn... Anh Tín chỉ vào cái giường cá nhân đã được tháo ra và cột lại gọn gàng để nằm dọc theo bờ tường. Cái giường này tôi đã thấy khi còn mới nguyên lúc ông già quyết định về ở với anh Tín. Anh Tín bảo: quà tặng của một ông trung ương, đại biểu của một tỉnh vùng ngược, gỗ có mùi lạ lắm, chú ngửi thử mà xem, thơm phức à, mỗi một đều không dám bén mảng, gỗ này người ta xẻ mỏng thay ngói lợp nhà, đóng quan tài muôn đời không mục. Hôm mang chiếc giường tới, ông ấy còn kể cho bố nghe về những ai được nằm trên giường loại gỗ này, con số chỉ trên đầu ngón tay. Tôi nghe giọng anh Tín đều đều dễ chịu. Đã lớn tuổi vậy mà anh vẫn nghĩ một cách đơn giản. Vào bệnh viện sau cơn đột quy, khi thấy sức khỏe đã hồi phục có phải ông già đã có ý định về ở với tôi? Tôi không biết là có thể tin được điều này không?

Rót thêm bia, uống hết chai thứ nhất, anh Tín gúc gặc đầu nói:

- Cái giường quý thể mà chú bán đi, uống quá.
- Giường người bệnh nằm, sau khi chết em thấy người đem đốt bỏ cả.
- Đó giường tre, giường nứa, lại chết vì dịch kia... Thật chú chẳng biết gì cả...
- Em cứ nghĩ để cái giường không đó ngày ngày nhìn thấy, em khiếp lắm...

Nói với anh Tín là bán cái giường ở ngay bến xe thì cũng không đúng hẳn. Khi ra bến xe, anh Tín gọi một chiếc xích lô tới bỏ cái giường lên và dặn người đạp xe quen biết hãy giúp tôi bỏ chiếc giường lên nui vì nó nặng. Tới bến xe nhìn cái giường tôi chợt nhớ tới thằng bạn thân. Tôi nói người đạp xe đợi tôi một chút. Tôi tới nhà Chánh và nói chuyện cái giường cho nó nghe. Nó theo tôi ra bến xe, nó sờ sờ mó mó, cả người nữa. Tôi bảo nó: có cách nào giải quyết không? Chánh bặm môi về suy nghĩ rồi: giải quyết ngay thì không được, hãy mang về để ở nhà mình đã rồi tính sau. Chưa chừng trúng đậm, của quý mà... Thế là tôi không phải mang cái giường về nhà. Bữa ấy Chánh đãi tôi một chiều suốt từ trưa tới chiều tối. Hứng khởi với chiều bia Chánh lấy xe gắn máy vượt hơn hai chục cây số đưa tôi về tận cửa nhà. Vợ tôi từ trong nhà chạy ra, Chánh nói lớn: Tôi mang ổng về cho chị đây. Không sút mẻ gì đâu. Ra đi vợ đã dạy rằng: Nhậu thì cứ nhậu lẳng nhăng thì đừng... Chánh cười ha hả của một kẻ gốc nam bộ rồi quay xe nổ máy chạy đi...

Cầm cốc bia lên nửa chừng, anh Tín ngừng lại để cốc xuống bàn:

- Không hiểu bố nghĩ thế nào lại bảo đưa cái giường về nhà chú nhỉ?
- Ông già không nói gì với anh sao?
- Chú biết đó, sau này bố ít nói hẳn đi. Ông thường ngồi im đưa mắt nhìn vào khoảng không. Bố nói gì anh nghe thôi... Hay khi già rồi bố mới nhớ: bố chưa bao giờ sống với chú?

Tôi dốc cạn những giọt bia trong chai cuối cùng.

- Kiểm vài chai nữa đi...

Giọng anh Tín nhẹ nhàng về buồn ngủ. Tôi cầm mấy vỏ chai đi lấy thêm bia. Những viên gạch dưới chân nóng rẫy. Khi trở lại, anh Tín đã nằm xuống trường kỷ, mắt nhắm và có tiếng ngáy. Tôi nhủ thầm: một con người hạnh phúc... Bà ngoại bảo: số nó bọc vải điều, sinh ra vào lúc nô lệ nhưng có hòa bình, cháu đích tôn của một gia đình giàu có, ngày thôi nô lệ vàng bạc đeo đầy người, lúc nào cũng được bế ẵm trên tay chẳng có thời gian để khóc...

Những kỷ niệm thời thơ ấu tôi không nhớ được nhiều, cuộc sống những ngày tản cư chỉ lơ mờ những di chuyển không ngừng. Tôi nhớ rõ ngày anh em tôi theo bà hồi cư trở lại ngôi nhà này: mới đầu là một người rồi hai người, rồi ba người... ngôi nhà bỗng đông nghẹt những người... Bà tôi vừa nói vừa mếu máo vì cảm động và vui mừng. Chúng tôi được gọi đến tên nhiều lần, người vỗ vai, kẻ xoa đầu, người kéo lại ôm chặt vào lòng, có người nhắc đến mẹ tôi rồi ôm tôi mà khóc... Tôi hiểu rằng đây là những bà con của ông bà ngoại, những người hàng xóm cũ và người dân trong làng. Nhiều người ngạc nhiên khi thấy em Lành: da trắng, mắt xanh, tóc hoe vàng hơi quăn... Bà ngoại ôm Lành vào lòng bảo: đây là cháu nuôi... Ba anh em tôi lạc lõng giữa đám đông. Mọi người biết chúng tôi là con ai, cháu ai. Còn chúng tôi chẳng biết gì về những người vừa gặp mặt. Anh Tín và tôi được sinh ra ở thành phố, lửa đạn đến chúng tôi được đưa lên tận những vùng núi non thưa thớt bóng người và em Lành ra đời ở đó. Tôi nghĩ: chắc lúc còn nhỏ đã có lần mẹ tôi đưa chúng tôi về đây. Cuộc sống ở quê ngoại vừa mới quen, bỗng một buổi sáng có người mặc đồ bộ đội đi xe đạp chạy thẳng vào sân, dựng xe nơi hè, bà ngoại ở trong nhà bước ra, hai người ôm chầm lấy nhau. Cậu tôi từ thành phố về. Tôi thấy bà ngoại khóc không thành tiếng. Cậu nhìn em Lành không chớp mắt làm em sợ bỏ chạy. Bà ngoại dắt cậu đi thăm khắp, hết nhà này tới nhà khác. Tối đó bà ngồi ngoài hiên với cậu nói chuyện tới khuya. Tôi ngồi ở phía sau bậc cửa lắng nghe, cậu nói về đời sống bộ đội, có lúc hai người nhắc đến mẹ tôi rồi cả hai đều im lặng rất lâu. Bà nói nhiều nhưng giọng nhỏ không nghe rõ, tôi nhớ chỉ có một câu bà nói lớn và rõ: ai ngờ quân ấy bạc... tôi không rõ bà nói tới ai. Có rất nhiều những quăng im lặng trong câu chuyện, và những lúc giọng bà tôi ghen ngào... Sáng hôm sau cậu đeo anh Tín bằng xe đạp lên tỉnh bắt đầu cuộc sống mới. Từ đó chỉ thỉnh thoảng anh Tín mới về. Ít ngày sau khi anh Tín đi, bà ngoại dắt em Lành ra tỉnh, tôi đòi đi theo nhưng không được. Bà xoa đầu nói với tôi: rồi bà cũng cho cháu ra ngoài với anh Tín và em Lành... Cùng với năm tháng, càng lớn lên chúng tôi càng xa nhau. Em Lành không phải ra sống ở thành phố mà bà đã giao cho một người em nuôi đưa vào sống ở trong Nam. Anh Tín được học hành đến nơi đến chốn, sau đó được đưa ra nước ngoài học trong lúc chiến tranh ác liệt. Có bằng cấp, có chuyên môn, có một ông bố có chức có quyền khiến cuộc sống của anh Tín dễ dàng. Anh lấy vợ, được phân nhà, có con đầu lòng sớm, ai cũng chúc ruộng sâu trâu nái không bằng con gái đầu lòng. Sau đó anh và mọi người trông đợi anh có một đứa con trai để nối dõi tông đường. Nhưng trông đợi ấy mãi không thành sự thật. Đột nhiên anh xin nghỉ hưu non với lý do sức khỏe kém. Từ đó mỗi sáng anh ra bưu điện xếp hàng mua báo ra công viên ngồi đọc rồi chơi cờ tướng với những cụ già râu tóc bạc phơ. Có lần tôi hỏi: sao anh không phấn đấu thêm ít năm nữa. Anh cười buồn: có mỗi một mụn con gái làm gì nhiều cho mệt...

Tôi mở bia uống tiếp. Có một con ruồi bay vòng vòng một lúc rồi đáp xuống má anh Tín, nó bước đi nhún nhảy trên da mặt láng bóng mờ hôi. Chợt anh Tín đưa tay lên má, con ruồi bay nhanh lên và biến mất dạng. Anh Tín hơi xoay người, nghiêng mặt sang một bên, miệng hé mở làm chảy một dòng nước miếng xuống mặt ghế... Tôi thấy như mắt mình nhú lại, tôi nằm xuống tràng kỷ đối diện với anh Tín...



Khi thức dậy tôi thấy anh Tín đang ngồi ở ngoài hiên nhà trên, hai chân bỏ xuống sân. Trời đã hết nắng, gió thổi nhẹ. Những cục nước đã tan hết trong cái ca nhựa. Tôi thu dọn mấy chai bia, lau sạch mặt bàn rồi bước ra sân.

- Anh thật dễ ngủ...

Anh Tín cười hèn hếch. Tôi ra bể lấy gáo múc nước rửa mặt. Anh Tín nói:

- Anh em mình tưới lượng đều kém.

Tôi đi lấy thêm ít cục nước đá vào nhà mang mấy chai bia còn lại ra hiên. Anh Tín cười nhìn tôi:

- Uống nữa à?

- Uống nốt, chẳng lẽ mang đi trả, mấy khi...

Tôi rót bia đưa cho anh Tín. Anh Tín uống một hơi dài, để cốc xuống hiên, đầu gục gục. Tôi nói:

- Đã có khi nào anh được uống bia với bố chưa?

Anh Tín nhìn tôi, hừ một tiếng rồi nói:

- Làm gì có chuyện đó, bố mình mà...

- Thế bố người ta? Có một ông bố có thể cụng ly với con chắc là thú lắm chứ.

- Chú nghĩ cái gì vậy, bố con cụng ly với nhau, rồi quay ra mà gác chân gác tay, thế thì còn ra cái thể thống gì nữa.

Anh Tín chột im lặng, tôi cười nhìn anh:

- Anh hiểu sai ý em, em chỉ muốn nói: một sự gần gũi nào giữa bố với con chứ đâu như anh nghĩ.

- Kể chú cũng lạ thật đấy, có người còn hỏi tôi: chú có hâm không đấy. Bố rất ngại chú, nhất là mỗi khi chú phán điều gì...

Tôi phá lên cười, nốc cạn cốc bia. Tôi phân trần:

- Có gì đâu anh, em sống như một người bình thường. Quả là cái đầu em có nhiều khi nó nghĩ lung tung...

- Anh thấy chú như vậy là sướng. Vợ hiền, con thì có trai có gái. Có lẽ tuổi của chú khắc với tuổi bố. Khi rời quê ra tỉnh, anh có hỏi bố: sao không đưa em ra. Bố bảo để sau đã... Anh cũng chẳng hiểu được bố. Bây giờ nhìn lại: chú sống với bà lại sướng, chẳng phải khổ tâm.

Anh Tín đứng lên nhìn về phía nhà thờ cửa đóng:

- Anh chị đang tính vào Nam với gia đình cháu nhưng cứ lúng túng cái nhà. Bán thì tiếc nhưng để không làm gì. Chị bảo: nói chú ra ngoài tỉnh ở cho mấy cháu nó tiện học hành, chú tính sao?

- Em ra ngoài thì nhà này giao cho ai? Vợ chồng em lại sợ cuộc sống ở ngoài. Em nghĩ anh bán quách nó đi lấy vốn cho cháu nó làm ăn, không ở giữ làm gì. Nó đâu phải nhà thờ hay của hương hỏa gì.

Anh Tính tư lự:

- Thực ra có được căn nhà tốt thế cũng là nhờ bố. Hôm rồi thu dọn nhà cửa cho gọn gàng anh thấy nhiều thứ linh kinh quá, bỏ thì không đáng, giữ thì không biết để làm gì? Cả một đống sách vở, bố đã nói giao cho chú mà chú vẫn cứ để đó. Sau này có đứa nào đọc không? Rồi những tranh tượng, những vật kỷ niệm, giấy khen, huân chương... của bố để lại. Có người bảo anh: của gia bảo đó vô giá, nhất là của một người nổi tiếng... Bao nhiêu người muốn mà không có được.

Giọng anh Tí có vẻ gì xúc động. Anh ngừng lại tự rót bia cho mình, anh Tí hơi cúi người, hai tay để lên đầu gối, hai chân đạp nhịp xuống mặt gạch. Tôi nghĩ tới gia đình người con gái anh:

- Thăng con rể của anh em thấy nó được đấy chứ...

- Nó thì được lắm... nhưng là con trưởng của một dòng họ... Phải chi anh có được một thằng con trai.

Tôi ngậm ngậm bia trong miệng mà thấy đắng trong cổ họng. Tôi không biết nói sao. Giọng anh Tí có vẻ khác thường:

- Chú có biết tại sao bao nhiêu sách vở bố giao hết cho chú không? Lại nữa, bố bảo đưa cái giường của bố về nhà chú chính là ý bố muốn về nhà chú và chết ở đó, tất cả là vì chú có thằng con trai, cháu đích tôn của bố, người nối dõi...

Tôi lặng đi. Không ngờ anh Tí nói ra điều mà không ai muốn nói, hình như cả ông già tôi. Giọng anh Tí đều đều:

- Bán nhà rồi, mấy thứ bố để lại anh sẽ đưa về cho chú giữ...

Tôi lặng im không biết phải nói thế nào. Về sống với anh Tí nhưng ông già ở riêng một phòng lớn vừa là nơi làm việc, vừa là nơi tiếp khách nghỉ ngơi, chỉ có bữa ăn là ông ra khỏi phòng. Một hôm tôi ghé thăm ngồi ở nhà ngoài nói chuyện với anh chị Tí. Chợt cánh cửa phòng ông già mở ra, ông già nói: chút nữa vào đây bố nói cái này. Tôi dạ và vào phòng ông già ngay. Ông già cúi xuống dưới gầm giường kéo ra một cái thùng gỗ lớn được chằng lại bằng dây thừng rất kỹ. Ông già nói: Anh thích văn chương nên bố nghĩ anh thích sách. Tất cả sách vở của bố để lại cho con. Còn đây là những bản thảo, những sách bố đã viết, có sách đã in, có cuốn chưa in được... Anh Tí từ ngoài bước vào. Ông già tôi nói tiếp: Chắc là con có đọc một ít cuốn của bố, cũng chẳng có gì phải không, nhưng ở đây còn những trang chữ con chưa từng biết... Tiếc là có một kịch bản hiện thất lạc... Nếu như con tìm lại được. Bố chỉ muốn con hiểu bố... Tôi nhìn cái thùng gỗ để giữa nhà thấy ngần ngại. Tôi nhìn sang anh Tí, nét mặt anh bình thản. Tôi muốn từ chối, nhưng thấy như vậy có vẻ tàn nhẫn. Tôi tới bên chiếc thùng gỗ, cúi người đẩy nó trở lại gầm giường: bố hãy để đó đã, hôm nay con chưa về nhà ngay. Ông già im lặng. Ông già im lặng. Anh Tí nhìn tôi.

Câu chuyện về cái thùng sách đến hôm nay tôi vẫn còn nhớ như in. Phải chăng tất cả chỉ vì tôi có một thằng con trai để nối dõi. Tôi nhìn anh Tí, nhìn về phía nhà thờ.

- Con cái có ai được chọn bố mẹ đâu.

Tôi nghe trong giọng nói của anh Tí như có ý trách tôi về thái độ đối với ông bà. Chợt anh Tí hỏi:

- Vậy cậu cũng bỏ đi luôn rồi sao?

- Lần trước cậu vào thấy dễ chịu, bệnh suyễn nhờ khí hậu như dứt hẳn. Mấy anh chị thì làm ăn khấm khá. Cậu bảo con cái ở đâu thì bố mẹ ở đó chứ mình già rồi, trông vào con chứ trông vào ai, bây giờ hãy biết thế đã. Cậu còn nói: cháu ở ngôi nhà này từ nhỏ, nay cậu giao cho cháu trông nom cùng với mồ mả tổ tiên, bên ngoài cũng như bên nội thôi. Những người thân của mẹ mình đâu còn ai, mồ mả thì chỉ còn mộ bà ngoại nhờ mất sau này, còn mộ ông ngoại và những người trước nữa thì đâu có tìm lại được từ sau ngày cải cách... Cậu bảo mang bàn thờ mẹ lên nhà trên nhưng em vẫn chưa mang.

Anh Tín dăm chiêu nhìn lên ngọn cau vượt lên trên bức tường của nhà hàng xóm. Thời gian gần đây tôi thường thấy nét mặt anh như thế. Hình như anh phân vân có nên đi theo con không? Hai vợ chồng đã lớn tuổi sống với nhau, sinh hoạt lặng lẽ đó làm cho ngày tháng trôi qua một cách nhàm chán, tẻ nhạt, nhưng đi theo con, nếu là con trai thì chắc dễ hơn, đằng này lại là con gái. Anh Tín quay lại nhìn tôi:

- Có người hỏi anh: sao bố không chuyển ngôi nhà bố ở với dì cho chú mà lại trao cho người ta. Chú là con mà...

Tôi mỉm cười:

- Em chẳng hiểu gì cả, hay là bố muốn dứt khoát với một thời kỳ trong đời bố, một thời kỳ bố không muốn nhớ tới nữa. Và em cũng đã có chỗ ở rồi.

- Nhưng đây là nhà của bà ngoại chứ đâu phải nhà của gia đình mình...

- Quả là em chưa bao giờ nghĩ đến điều này...

Vợ tôi cùng hai đứa con từ ngoài đi về cắt đứt câu chuyện giữa hai anh em. Tôi nói:

- Tối nay anh ở đây mai về.

Anh Tín cười:

- Giờ này còn về đâu nữa, lúc đi anh đã nói với chị rồi.

Anh Tín vào trong nhà trò chuyện với vợ tôi và hai đứa cháu. Bữa ăn tối vui vẻ, tiếng cười nói quăn quýt chan hòa. Vợ tôi nói: sao hôm nay bác Tín vui thế...

Giữa đêm tôi thức giấc thấy anh Tín ngồi ở trên phía đầu giường, lưng dựa vào tường.

- Anh mất ngủ sao?

- Chắc lạ nhà.

Thấy tôi đã thức anh Tín rời giường ra bàn rót nước uống, đứng ngẩn ngơ một lúc anh lại trở về giường nằm xuống, hai bàn tay đan với nhau kê dưới đầu.

- Về đây anh lại nghĩ tới bà... Tại sao suốt từ lúc tản cư cho tới khi bà mất bố không về nhà một lần thăm bà?

Giọng anh Tín nhẹ nhàng nhưng đượm vẻ buồn. Truyện của người lớn đối với tôi lúc nào cũng nhòe nhoẹt, nhập nhằng... có những điều được che đậy, hoặc làm cho biến dạng. Người lớn không muốn chúng tôi biết rõ sự thật. Nhưng những sự việc không nằm nguyên một chỗ, qua thời gian có cũng đến với tôi, nhưng sự thật đã biến dạng, méo mó. Nó là một

sự thật khác. Lúc tản cư bà nói tới bố tôi mỗi khi có thông tin. Về sau, không biết vào lúc nào không thấy bà nhắc đến bố tôi nữa. Có lần anh Tín hỏi: sao lâu quá không có tin của bố cháu, bà nghe nhưng không trả lời. Lần khác anh Tín lại hỏi, bà gắt lên: không hỏi nữa. Tôi nhớ mặt bà cau lại, giọng nói khô cứng. Giọng anh Tín đều đều:

- Chú có nhớ lúc cậu về đưa anh ra tỉnh không? Hình như lúc đó anh chẳng có nghĩ ngợi gì, người lớn bảo sao thì nghe vậy. Ra tới tỉnh anh đâu có được gặp bố ngay. Cậu đưa anh về nhà cậu. Anh lớn hơn em nhưng cũng chỉ có ba tuổi. Anh hỏi cậu: Bố cháu đâu? Cậu bảo rồi sẽ gặp, bây giờ về nhà cậu đã, cậu còn phải nói chuyện với cháu. Buổi tối đầu tiên ở thành phố, trong căn nhà chật hẹp cậu nói: bố cháu đã lập gia đình sau khi mẹ cháu mất, cháu sẽ sống với mẹ kế của cháu... Anh ngạc nhiên: bố cháu lấy vợ rồi? Anh hỏi cậu xong thì nước mắt trào ra. Sống với gì ghê, nghĩ thế anh muốn về ở với bà...

Tôi đứng lên ra bàn nước:

-Thôi, anh đừng kể nữa, chuyện đã mấy chục năm...

Anh Tín ra ngời nơi trường kỷ:

- Anh nói để em rõ tình cảm lúc đó của anh. Anh đòi cậu đưa về quê với bà. Mới đầu cậu có vẻ bức mình, sau cậu dịu xuống và giải thích cho anh nghe vì sao phải ra đây, cậu gắt lớn: về đó mà đi cày à? Còn về bố, cậu bảo: bố còn trẻ sao lại không cho bố lấy vợ, bố cháu là người có lý tưởng, có tài. Sau cùng cậu bảo: nếu không muốn ở với bố và dì thì ở đây với cậu mợ, dứt khoát không về quê. Bây giờ nhìn lại, nhờ bố anh được học hành, có điều sao đời sống của bố phức tạp quá... Anh chẳng hiểu gì cả, cho đến bây giờ khi bố đã mất.

Anh Tín rót nước, nhìn tôi:

- Có những thắc mắc mà anh tin là chẳng bao giờ được sáng tỏ. Con người của bố? Khó quá, anh đã nói với em: anh chẳng hiểu được.

Anh Tín vừa nói vừa lắc đầu. Tôi nói:

- Anh gần bố nhiều, vậy có khi nào anh nghe bố nói về gia đình mình? Quê quán, dòng họ?

- Anh nhớ lần làm hồ sơ cá nhân, trong tờ khai lý lịch có phần: thành phần gia đình. Anh không hiểu rõ thành phần là thế nào? Có phải là giàu nghèo, giai cấp xuất thân? Anh cầm tờ khai tới hỏi bố. Bố đọc qua rồi bảo: gia đình cách mạng. Bút vẫn cầm trên tay, tờ giấy ở trên mặt bàn. Bố có vẻ ngạc nhiên nhìn sự bất động của anh. Giọng bố hơi lớn: Ông ngoại con bị quân Nhật lôi ra khỏi nhà giết chết, ông bà nội chết vì giặc Pháp, mẹ bị Tây hiếp, bố đi kháng chiến... Như thế không phải là gia đình cách mạng sao? Giọng bố khô cứng lại, anh hoảng sợ vội vàng viết vào tờ khai. Đó là lần đầu tiên anh nghe bố nói về gia đình. Sau anh mang thắc mắc hỏi cậu.

- Cậu bảo: ông nội của mẹ cháu làm quan, không rõ chức tước thế nào vì cụ mất sớm lúc cậu chưa ra đời. Chúng ta còn thấy tấm ảnh thờ cụ đội mũ cánh chuồn, áo có thêu rồng phượng. Ông ngoại cháu được đi học nhưng bỏ nửa chừng không biết có đỗ đạt gì không, với đầu óc phiêu lưu nên ông theo những người đi đào vàng tận bên Lào. Chính ở Lào ông ngoại cháu đã quen biết ông nội cháu. Có một số vốn khi về ông ngoại buôn bán tơ lụa. Còn ông nội cháu khi về thì làm đại lý bán rượu và thuốc phiện. Bà ngoại bảo: ông nội cháu buôn thuốc phiện lậu từ lúc còn ở bên Lào, nếu biết trước đã không gả mẹ cháu cho gia đình ấy.

Anh Tín ngừng kể, nét mặt tư lự, không gian như rộng ra trong không khí im ắng của đêm khuya:

- Chúng ta còn nhỏ không dám hỏi.

Người lớn thì không nói. Có điều là hai bên nội ngoại của anh em mình trước kia giàu có nhờ buôn bán. Về cái chết của ông ngoại, có lần anh nghe bà kể: ông ngoại là người hiền lành, có máu làm giàu. Vào năm đói ông tham gia phong trào cứu tế. Bọn Nhật nghĩ ông có nhiều của nên một hôm ập vào nhà, bắt trói ông lại khảo của, chúng lục lọi tìm vàng bạc nhưng chẳng được bao nhiêu, chúng lôi ông đi, hôm sau thấy xác ông bị nhiều viên đạn nằm ở ngoài bờ sông. Bà ngoại bảo bên nội rất giàu có, có nhiều nhà cho thuê, bố được đi học trường Tây, Bố là con một, con nhà giàu, học giỏi, đẹp trai, ăn nói hấp dẫn nên có nhiều gia đình bán tiếng gả con gái. Ông nội bắt bố lập gia đình lúc bố còn đang đi học... Sau đám cưới bố mẹ ra ở riêng ngay với vốn liếng của ông bà cho. Bà bảo bố mẹ cháu ra ở riêng là ý của bà nội: tránh sự va chạm giữa hai bố con. Bà biết điều này vì mẹ nói ra. Bố muốn ông nội bỏ thuốc phiện và thôi buôn bán nha phiến cho giặc. Ông nội cho dẹp chuyện buôn bán nhưng cai thuốc thì ông không cai, ông bảo: tao già rồi, sống được bao nhiêu nữa mà phải hành hạ thân mình. Một lần hai cha con to tiếng với nhau ông nội bảo bố: thằng con đánh ngạnh kia, mày hãy bóp cổ cho tao chết đi... Mấy lần bố về nhà đập bỏ bàn đèn của ông nội. Nhưng ông vẫn không bỏ hút, mỗi lần như thế bà nội lại lặng lẽ đi sắm bàn đèn mới cho ông nội. Có một thời gian dài hai cha con không nhìn mặt nhau. Đến khi giặc Pháp nổ súng, bố đưa mẹ và anh em mình gửi bà ngoại vì ông bà nội dùng dằng không muốn đi khỏi nhà. Ông bảo: Tây đi rồi Tây lại về. Đi làm gì. Ông không đi nên bà cũng không thể đi. Mẹ nói với bà ngoại: ông bảo bọn mày đi hết đi tao ở lại đây với Tây mà hút cho sướng. Ông cho quét dọn một cái gầm giường, trên có che chắn như một cái hầm trú ẩn và mang bàn đèn xuống đó. Khi từ chiến khu trở về thành cậu gặp bố và hỏi thăm về ông bà nội mình, bố bảo: chết rồi, chết cả rồi. Thái độ của bố làm cậu khó chịu nên không hỏi tiếp. Ngay những ngày đầu mới về cậu có đi qua ngôi nhà cũ của ông bà nội, ngôi nhà đã không còn nữa, cả một khu phố chỉ còn những bức tường, những đống đổ nát và cỏ dại... Sau này cậu có nói lại với bà. Bà bảo lúc đang tản cư bố có nhắn về là ông bà cụ đều đã chết. Như vậy là bố cháu có tin tức. Bà còn nói với cậu: hình như thằng đó không phải con của ông cụ, chính ông cụ đã có lần nói: thằng con đánh ngạnh.

Tôi đứng dậy, nhìn anh Tín:

- Thế là thế nào? Sao em không nghe ai nói.

Anh Tín giữ giọng bình thản:

- Chắc bà giận vì cách ăn ở của bố nên nói thế. Anh cũng chẳng hiểu gì cả, thực hư thế nào bọn mình đâu có thể biết. Tất cả chỉ là nghe nói...

- Sự thực chỉ có bà nội biết. Chỉ có người mẹ biết đứa con trong bụng mình là con ai.

- Bà mình ngờ không phải chỉ vì điều ông nội nói với bố mà còn những nguyên do khác. Ông nội lập gia đình từ sớm nhưng phải sáu năm sau mới sinh ra bố. Ông nội nghiện từ hồi qua Lào, lại nuôi nhiều nàng hầu kế tiếp nhau, người ta bảo người nghiện không thích gần đàn bà.

- Vậy cha thực của bố là một người khác?

- Đó là điều bà ngoại mình nghi. Anh có được nghe một vài câu chuyện như vậy. Có người lấy nhau không có con, chồng đồng ý cho vợ ăn ở với người khác để có con nối dõi và giữ của cải. Người đàn bà đi xin con thường lựa người đàn ông tử tế, con nhà danh giá thì tốt nhất, người ta gọi là đi lấy giống. Nhưng ở nhà quê xưa kia có khi bà chủ nhà ăn nằm với tá điền. Có những trường hợp, dù người chồng không cho, nhưng bà vợ vì lo cho tuổi già của mình, hoặc vai trò của mình trong gia đình thì tự ý làm. Cũng có những người có con với người này nhưng vì lý do nào đấy lại lấy người khác, hóa ra ông bố thực chính người con cũng không biết. Bố mình có con đường tranh đấu trước mặt có lẽ vì thế bố không muốn có một ông bố hút thuốc phiện. Đã có những người con ngoảnh mặt đi khi bố bị liệt vào hàng những kẻ bóc lột. Bây giờ bố đã mất, tại sao em không bỏ qua mọi điều. Bố dù có là người thế nào đi nữa thì cũng là bố mình. Anh đã nói rồi: chẳng ai được quyền chọn lựa bố mẹ.

Anh Tín ngồi im. Có lẽ trời cũng sắp sáng. Bầu không khí chung quanh như khô đặc lại. Tôi nhớ tới khuôn mặt bà ngoại mấy nét mơ hồ về mẹ tôi. Tôi cố tìm kiếm nhưng không thấy khuôn mặt nào của ông bà nội. Còn lại khuôn mặt của ông già im lặng bí hiểm. Tất cả đều đã chết, rồi tôi cũng chết...

- Em đâu có oán trách gì, em chỉ muốn tìm hiểu xem con người của bố là như thế nào giữa những điều đã nghe, đã thấy. Bố đã chết. Bây giờ chúng ta là những ông bố... Thấy mình là một ông bố, em khiếp quá....

Anh Tín không nói gì trở lại giường, nằm xuống và quay mặt vào tường. Tôi nghe như có tiếng gà gáy ở xa...

3.

Một khung cảnh tôi còn nhớ mãi hôm ra nhà anh Tín: Anh Tín đang quỳ trên nền nhà, hai tay đẩy một tấm bao tải sũng nước trên những viên gạch men vuông vức trắng và đen. Gian phòng sáng sủa, không còn một thứ đồ đạc gì, gian phòng rộng và cao hơn thường nhật như tôi thường thấy. Anh Tín chợt đứng lên khi quay lại thấy tôi thì à lên một tiếng với nét mặt tươi cười. Anh nói: một công trình vĩ đại của thế kỷ, chú thấy nó sạch chưa? Vừa nói anh Tín vừa bỏ tấm bao tải vào trong chiếc thùng nhựa rồi xách chiếc thùng ra khỏi phòng. Trở lại, anh đứng ở cửa nói: anh phải đánh vật cả tuần mới được thế này đấy. Tôi nói: anh định cho thuê à? Giọng anh Tín vui vẻ: đâu có. Hôm rồi bố đến bảo anh: thu xếp cho bố về ở với các con. Vì thế anh mới thu dọn, sắp xếp lại nhà cửa, dành riêng phòng này cho bố. Sao hai ông bà lại tính thế nhỉ. Anh Tín không trả lời đi thẳng về phía nhà tắm. Tôi ngồi xuống chiếc ghế bên cạnh chiếc bàn nước nhỏ. Anh Tín trở lại, hai tay vuốt tóc xuôi về phía sau bước lại ngồi nơi chiếc ghế đối diện với tôi. Hai ông bà chịu về ở với anh chị kể cũng lạ. Tại sao vậy? Bố bảo gì anh nghe thôi, không dám hỏi. Bố cũng không nói khi nào. Lạ thật, anh cũng chẳng hiểu được. Tôi về nhà nói cho vợ nghe. Vợ hỏi: thế còn cái nhà bố đang ở.

Một buổi chiều sớm sau khi biết tin ông già định về ở với anh chị Tín độ mười ngày, anh Tín gọi điện thoại bảo tôi ra tỉnh ngay. Tôi hỏi việc gì gấp vậy, anh Tín bảo ra rồi biết, việc gấp lắm. Anh Tín bỏ máy không nói tiếp. Tôi vội vàng đón xe ra thành phố. Lúc ấy mặt trời đã ngả hẳn về phía tây. Tới nhà, chị Tín bảo: Chứ vào ngay bệnh viện đi. Anh đang đợi chú ở trong đó. Bố bệnh nặng sao? Không, bà dì. Nghe xong tôi ngồi xuống ghế, rót nước uống. Bà ấy nhập viện bao giờ vậy. Chị không rõ, hôm qua có người tới nói: đi ở trong bệnh viện và muốn gặp anh. Đêm qua anh ở trong đó, sáng nay về tắm rửa rồi lại vào ngay. Anh bảo dì đang trong tình trạng nguy kịch. Thế bố đâu. Bố đi công tác nước ngoài rồi. Thế đã nhắn cho bố

biết chưa? Anh đã nói với cơ quan của bố rồi nhưng đang công tác ai cho về ngay. Anh Tín bảo chú lên thì vào ngay bệnh viện vì dì muốn gặp chú. Anh lại mới gọi về hỏi, thôi chú vào ngay đi. Tôi ngồi ngả người vào lưng ghế phân vân. Trong đầu tôi hiện ra cảnh tượng nhà thương: lối đi, phòng bệnh, mùi thuốc, những bức tường trắng... Chị Tín ngạc nhiên nhìn tôi: chú không muốn gặp bà dì sao? Tôi nói: Em sợ nhà thương, nhất là phải nhìn người bệnh hấp hối. Tôi nhớ lại hình ảnh người vợ kế của ông già mà tôi còn ghi lại trong một vài lần gặp ngắn ngủi: một thân hình phức phịch, người thấp, bước đi nhanh, một khuôn mặt tròn hai gò má cao, nước da ngăm đen... Tất cả những điều đó rất mơ hồ vì thực ra chưa bao giờ tôi nhìn kỹ bà. Chị Tín nói: Anh đã nhầm, chú nên vào một chút. Vừa nói chị vừa đưa cho tôi tờ giấy nhỏ ghi số phòng. Tôi đứng lên, ra đường, trời đã nhá nhem tối.

Tôi nhớ lại câu chuyện hôm nào giữa hai anh em. Anh Tín bảo: Có lẽ mong ước lớn nhất của bố là có một đứa con với dì. Anh Tín kể: một lần anh tới thăm bố thấy nhà, vắng lặng. anh hỏi thăm dì. Bố bảo dì ra nước ngoài chữa bệnh. Bố và dì muốn có một em bé mà chữa trị mãi ở trong nước không có kết quả... Anh thấy bố rất ưu tư. Anh biết dì rất sợ người ta nói cây độc không trái, gái độc không con. Dì là con duy nhất của một bà mẹ sớm giác ngộ. Bà cụ là con mồ côi nhà nghèo từ nhỏ đã phải đi làm mướn cho một tay phú hộ. Lớn lên bị tên phú hộ phá đời con gái của mình và bà có thai. Thân cô thế cô, bà phấn đấu nuôi con rồi tham gia vào tổ chức cách mạng. Tổ chức tận tình giúp đỡ, bố trí công tác. Trước khởi nghĩa bà đã từng trừng trị nhiều tên cường hào ác bá trong vùng giúp cho tổ chức hoạt động có hiệu quả và có uy tín với quần chúng. Chính bà đã ra tay trừng trị tên phú hộ đã hại đời bà. Có một bà mẹ như thế lại ở giữa những người bạn chiến đấu của mẹ, dì đã lớn lên và trưởng thành... Bố rất hãnh diện về dì, một người vừa là vợ vừa là đồng chí đã xuất thân từ giai cấp cùng khổ, bị áp bức, ngược hẳn với bản thân của bố. Có một đứa con, điều ấy hạnh phúc biết bao đối với bố và dì. Anh Tín ngừng lại gật gù: Anh đã có con, anh hiểu được tâm trạng của bố và dì. Sau đó biết tin dì đi chữa bệnh đã về anh ghé chơi, anh thấy bà ấy khỏe mạnh, tươi tắn cùng thái độ vui vẻ, anh nghĩ, chắc rồi bố cũng sẽ có một người con như mong ước... Thời gian sau, không nhớ là năm nào, một hôm dì tới gặp anh và nói: dì muốn anh chị dọn nhà đến ở chung với bố và dì cho vui, nhà rộng chỉ có hai người lớn nó cứ thom thòm làm sao ấy. Anh thấy ngại quá. Anh nói với chị, chị rầy lên không chịu. Chị còn bảo anh: nói với dì xin một đứa con nuôi đi, có người làm vậy mà sau sinh con cả đàn. Anh mang điều này nói với dì. Dì không nói không rằng. Anh vẫn không hiểu sao dì lại muốn anh chị đến ở chung? Bẵng đi một thời gian dì lại đến nhà anh: có quà cho chị, quà cho cháu. Dì bảo bố đi công tác dài ngày, ở nhà một mình nên tới chơi. Dì ở lại ăn cơm tối. Khi chỉ có dì với anh, dì nói: tôi muốn anh dọn nhà tới ở chung cho vui. Tôi không thể có con được, lại nữa bố anh đang đòi ly hôn với tôi để chính thức sống với một người đàn bà khác đã sinh được cho bố anh một cô con gái. Tôi nhất định không ly hôn. Anh hãy giúp tôi. Có vợ chồng anh và cháu sẽ giúp tôi sống dễ chịu hơn. Tôi đã nói rõ với ông ấy: ông muốn ăn nằm với ai, có con với ai cũng được. Tôi coi như không biết. Nhưng ký giấy ly hôn thì không.

Sự việc làm anh bàng hoàng. Trước đây anh có nghe nói chuyện này. Không phải một mà nhiều lần. Những tình nhân người ta gán cho bố có khi còn quá trẻ, có người lại đã có chồng con, anh lại nghĩ chắc người ta tìm cách nói xấu vì địa vị bố đang có, hoặc là những phụ nữ dan díu với bố là lợi dụng cho mục đích riêng của họ. Anh mang câu chuyện này hỏi người này người khác nhưng ai cũng chỉ cười bảo không rõ. Hình như ai cũng tránh không muốn dính vào câu chuyện. Anh tìm cậu, cậu bảo: chuyện đó có thật. Anh bảo cậu biết sao không cho cháu hay. Cậu cười bảo: thế cháu biết thì cháu làm gì nào? Có người nói đứa con gái

xinh lắm. Bố cháu xin ly hôn nhưng bà dì không chịu. Sự việc bế tắc. Tổ chức cố gắng hòa giải nhưng cả hai đều cương quyết nên vấn đề vẫn còn nguyên. Dì cháu cũng có cái thế rất lớn đã nói với những người hòa giải là nếu ép bà ấy thì bà ấy sẽ làm cho biết: ở trên không cho phép dung túng sự biến chất của cán bộ. Chính vì thách thức của bà dì, ở cơ sở có người đứng ra tố cáo bố cháu hủ hóa, con rơi con vãi đầy cả, lợi dụng chức vụ hủ hóa cả với người có chồng có con. Có người trong cuộc đã trực tiếp lên tiếng. Vì thế tổ chức ở cơ sở sợ mang họa nên đã gay gắt phê bình và đòi kỷ luật bố cháu. Nhưng tất cả những điều đó chỉ diễn ra ở tổ chức cơ sở. Khi lên đến trên thì có chỉ đạo: Không được làm mất uy tín cán bộ, sự trung thành và khả năng là quan trọng. Thế là sự việc đứng nguyên một chỗ. Bố cháu tài lắm. Quạt được ông ấy xuống đâu phải dễ. Tất nhiên là việc ly hôn của bố cháu cũng không thể có nếu bà dì không bằng lòng. Cậu cũng không biết rồi bố cháu sẽ xoay xử ra sao.

Tôi nhớ: lần đầu trở về thăm bà ngoại sau khi ra tỉnh, anh Tín nói: bố đã có vợ kế. Tôi hỏi: lễ cưới khi nào? Bà ngoại nói bâng quơ: cưới với hỏi gì, dặt nhau vào giường là xong... Nói xong bà quay đi... Một chủ nhật cậu về rất sớm xin phép bà đưa tôi ra tỉnh chơi, hình như việc này có là từ ông già tôi. Cậu đưa hai anh em đi phố chơi và được ăn kem. Sau đó anh Tín nói với tôi: anh đưa em tới gặp bố. Đó là một con phố có nhiều cây xanh, yên tĩnh, những ngôi nhà đều ngăn với đường bởi một bức tường cao. Đứng trước một cổng nhà bằng sắt kín đáo. Tôi hỏi: nhà bố ở đây? Anh Tín gật đầu không nói. Tôi thấy mình hồi hộp và như khó thở. Tôi nói: đến nhà bố làm gì? Anh Tín mở lớn mắt: Thế em không muốn gặp bố sao? Không đợi tôi trả lời, anh Tín cầm lấy đầu một sợi dây buông thông xuống cánh cửa và kéo mạnh, tôi nghe thấy tiếng chuông nhỏ rung ở phía trong cổng sắt. Lúc sau tiếng then cửa vang động, khuôn mặt một người phụ nữ hiện ra. Tôi cúi xuống nhìn mấy cánh lá khô dưới chân. Anh Tín nói: em con ở quê ra thăm bố và dì. Người đàn bà mở rộng cánh cổng lùi sang một bên cho chúng tôi vào. Tiếng cánh cửa sắt và tiếng then cửa vang động khô khan. Anh Tín nói: bố con ở nhà – Có. Tiếng đáp ngắn gọn. Người đàn bà đi nhanh về phía trước với đôi chân ngắn, dáng người phụng phịch khỏe mạnh... người đàn bà đi thẳng vào trong, bước lên bậc thềm, vào nhà... Tôi nhớ mãi cho tới nay cái lưng đi nhanh về phía trước và nhủ thầm: sau này nếu gặp mặt bất ngờ hẳn tôi cũng không biết người trước mặt là bà dì ghê của mình. Khi trở về nhà, tôi nói: Anh Tín đưa cháu tới nhà bố và gặp dì. Bà ngồi im không nói gì rồi lặng lẽ đi chỗ khác. Tôi biết mình có một ông bố nhưng hình như ông bố đó khác với những ông bố khác. Với thời gian, tôi lớn lên dù thế giữa tôi với ông già cũng không thay đổi. Có một cái gì đó ngăn cách giữa tôi với ông. Tôi nhớ hôm nào anh Tín nói: Bố đang tìm cách ly hôn với dì, có lẽ vì dì không sinh được con như bố muốn. Bố muốn có cuộc sống khác. Tôi tự hỏi: nhưng có con để làm gì? Tôi hoài nghi về điều anh Tín nói.

Một lần đang ngồi với đám bạn, Chánh đang cầm tờ báo đọc bỗng chìa vào mặt tôi, chỉ vào hình một thiếu nữ: mày biết ai đây không. Tôi nhìn tấm ảnh một thiếu nữ mặt tươi cười. Tôi lắc đầu. Chánh bảo: nhà thơ đấy, người tình mới của bố cậu, nghe nói tay này oai lắm đã dấm tát vào mặt bố cậu giữa chỗ đông người vì phát hiện ra bố cậu lại mới thả câu bắt được người đẹp khác... nghe nói hai người đã cắt đứt nợ tình... Một lần khác Chánh rủ tôi đi coi kịch. Tôi ngần ngừ, Chánh bảo: mày phải đi người ta bảo bà này đang là tình địch của dì ghê mày. Ông già mày sao đào hoa thế. Nghe nói cô đào này hấp dẫn lắm. Một lần khác đang ngồi uống bia với đám bạn trên hè phố, một đứa vừa la vừa chỉ sang bên kia đường: người đẹp, bọn mày nhớ không, người đẹp thuở nào, người từng cửa ông già mày, cửa không biết có được gì không mà cuối cùng thì đổ kèn ra với cái bụng báng, bố mày thượng thừa thật. Có người được thấy đứa nhỏ bảo: như tặc, nhìn qua biết con ai, để hôm nào tao tìm gặp



xem có giống ông bạn quý của chúng ta không. Cả đám cười ngặt nghẽo. Tôi chỉ biết cười theo.

Bố muốn ly hôn với dì để sống chính thức với một phụ nữ khác. Tại sao bây giờ ông già mới quyết định sau bao nhiêu năm im lặng sống với những góc tối của đời mình? Đã không còn ở thời trai trẻ, đã hai lần kết hôn, đã nhiều lần qua đường với những phụ nữ khác, tất cả những cái đó là gì? Vì ông ở thế bị động, chấp nhận việc đặt đầu gối đấm của bố mẹ, của tổ chức? Là nhu cầu của một con đực? Từ đâu ông không còn cam chịu? Ông tìm thấy gì ở người phụ nữ này? Đứa con đực sinh ra có phải là con ông không? Không phải một đàn dúi dọc đường? Không phải một qua đêm? Ông không còn cần một lý lịch tốt? Ông không còn quan tâm tới địa vị đã có? Cậu bảo: bà dì đã biết hết mọi chuyện nhưng mặc nhiên chấp nhận, không gây khó khăn gì cho bố cháu nhưng ký vào giấy thuận ly hôn thì cương quyết không ký dù bố cháu thuyết phục lâu dài...

Khi người chồng không còn thương yêu mình, không muốn sống với mình, không còn cần tới mình dù với mục đích gì đi nữa thì tại sao còn níu kéo? Vì sợ tai tiếng? Trong đầu tôi hiện ra hình ảnh ông già với vẻ hào nhoáng, tươi cười làm tôi khó chịu.

Những ý nghĩ miên man không dứt. Tôi đứng trước cửa bệnh viện, những ngọn đèn đã thấp sáng từ bao giờ. Tôi đưa tờ giấy nhỏ hỏi thăm một nhân viên bệnh viện ở ngay cổng vào. Người đàn ông chỉ cho tôi thấy dãy nhà nơi có căn phòng tôi tìm kiếm. Đây là khu đặc biệt dành cho cán bộ cao cấp nên rất vắng. Hành lang dài hun hút, ánh sáng xanh, không một bóng người, không một tiếng động... Tới cửa phòng số 3 tôi dừng lại, cánh cửa hé mở, tôi nhìn vào không thấy ai... Tôi đi thẳng tới cuối hành lang. Không có một người để hỏi. Những cửa phòng đóng kín. Đi hết hành lang tôi dừng lại, ở bên kia khoảng sân hẹp có người đi lại. Tôi bước xuống tam cấp, vượt qua khoảng sân. Anh Tín đứng ở trên hiên của dãy nhà nhìn tôi. Tôi hỏi ngay: Bà dì đâu? Anh Tín chỉ vào phía trong: đang ở trong phòng đặc biệt. Anh Tín kéo tay tôi đi vào hành lang cắt ngang dãy nhà, tới gần cửa thông thì dừng lại trước cửa kính của một gian phòng ở bên tay phải, anh Tín chỉ tay: bà dì đang nằm đó. Tôi đứng sát lại, nhìn qua cửa kính: ở chiếc giường phía góc có một người nằm, nơi phía đầu giường có một người ngồi quay mặt lại phía con bệnh. Anh Tín nói: bác sỹ bảo dì đang suy kiệt dần. Tôi nhìn mặt anh: không có hy vọng gì sao? Chắc phải chờ một phép lạ. Tôi hỏi: ai ngồi đó vậy? Một người bạn thiết. Già yếu, bệnh tật không có con cái, anh chị em thật bất hạnh... Anh Tín mở cửa phòng kéo tay tôi vào trong. Người đàn bà đang ngồi nhìn lên, tôi gật đầu chào. Hai chúng tôi đứng sát giường. Tôi nhìn mặt bà dì thấy khác hẳn những gì tôi còn ghi nhớ: má hóp lại, hai gò xương má nhô cao, mắt nhắm nghiền trũng sâu, đôi môi mỏng thâm đen, trên khoảng trán hẹp mấy sợi tóc khô rũ xuống, thân hình teo tóp với lớp vải trắng đắp lên. Tất cả là một xác chết nếu không thấy khoảng ngực còn chút lay động của nhịp thở. Anh Tín nói: cháu ngồi dưới căng-tin. Nói xong anh Tín quay ra, tôi bước theo.

Ngồi xuống chiếc ghế sắt tôi nói: liệu bố có về kịp không? Anh Tín lắc đầu: chắc không kịp. Dì không cho bố biết bệnh nan y của dì khi phát hiện ra. Trước khi bố đi công tác nước ngoài lần này bố đã có giấy ký thuận ly hôn của dì, tòa đã lên lịch sử, đâu còn hơn tuần lễ nữa. Nghe dì nói anh mới vỡ lẽ ra: dì thuận ly hôn nên bố mới nói anh thu xếp để bố về ở chung. Bố đã tính cả. Tôi nói: tàn nhẫn quá.

Anh Tín nói: đêm qua ở đây, anh được nghe bà bạn của dì kể cho nghe hồi bố làm lễ tuyên hôn với dì ở chiến khu. Bà ấy bảo: lúc đó việc hai người lấy nhau là một sự kiện điển hình cho cuộc sống mới. Chồng là một con nhà giàu, trí thức thoát ly gia đình, từ bỏ nếp sống cũ

đã kết hôn với một người hèn kém, thất học, thuộc giai cấp bần cùng, con của một người đi ở đợ bị hà hiếp mà vươn lên... Mỗi khi cặp vợ chồng này xuất hiện ở đâu là được hoan hô ở đó, là tấm gương để mọi người học tập. Anh Tín nói hết câu ngời im. Tôi nhìn lên mặt anh, đôi mắt như đờ đi nhìn vào khoảng không.

Một khoảng thời gian im lặng. Tôi hỏi: gia đình của bạn dì chắc dễ chịu. Anh Tín thở dài: nghe bà ấy nói cũng thấy thảm. Chồng chết ngoài mặt trận, có một người con trai, nhờ gia đình cách mạng, bố hy sinh nên được ưu tiên đi lao động hợp tác. Bà ấy bảo: có con mà chẳng được nhờ, nó chỉ nghĩ tới nó, nó nói thẳng với tôi: nó không về, nó đã lấy vợ và có con, có nhiều tiền để gửi cho mẹ là tốt rồi. Trời ạ, nó nghĩ tiền thì thay được nó. Nhưng tiền để làm gì? Tôi chỉ còn biết đi chúng chùa và bố thí. Cả đời hy sinh, trông đợ vào đứa con, ai ngờ. Vậy mà có người còn bảo tôi: bà vậy là có phúc, có người có con nó còn không nuôi kia.

Như vậy là bố tôi cũng có đám cưới với bà dì một cách đường hoàng chứ không phải như bà ngoại tôi nói. Tôi nói: Lúc ông già lấy dì anh em mình ở đâu nhỉ? Anh Tín nhìn tôi gượng cười: hỏi vợ vẫn, lúc ấy anh em mình ở với bà ngoại chứ ở đâu. Sau này qua những câu chuyện với bà và cậu anh biết bố lấy dì khoảng một năm sau cái chết của mẹ. Suốt thời gian tản cư bố không về thăm gia đình một lần, mẹ bị thảm họa bố không hỏi han, lấy vợ mới không nói với bà một tiếng. Vì thế bà coi bố như không có. Bà gọi bố là cái quân bạc ác. Tôi nhìn vào mặt anh Tín: có khi cũng không muốn nhận cả anh em mình? Anh Tín không nói. Tôi nói tiếp: tại sao ông già làm vậy nhỉ? Để dứt khoát với cái cũ, cắt đứt với quá khứ mà toàn tâm với cái mới? Anh Tín gật gù: chắc là bố cũng đã tính toán cả.

Anh Tín đứng lên: kiểm cái gì ăn, anh phải ở lại thôi, bố không có mặt, dì không có người thân, dù sao mình... Anh Tín không nói hết câu đi thẳng tới chỗ bán hàng mua hai đĩa cơm sườn. Tôi nói: ở đây đó bán kia không anh nhỉ? Anh Tín nhăn mặt: ở bệnh viện bán bia cho người ốm à? Tôi tới quầy hỏi, cô gái nói chỉ có rượu thuốc. Tôi mua một cốc. Trở lại chỗ ngồi, để cốc rượu lên bàn, bệnh viện có khác, rượu thuốc mà... Tới tuổi em, có vợ có con mà chưa một lần cụng ly với ông già... Anh Tín cúi mặt ăn không nói gì...

Uống gần cạn cốc rượu tôi thấy người lâng lâng. Anh Tín nói: có lẽ chú về nhà anh mà ngủ, anh ở đây với bà bạn của dì là đủ. Tôi nói: sao chị nói dì muốn gặp em? Đúng là dì nói với anh muốn gặp chú, lúc đó dì còn tỉnh táo. Dì có hỏi thăm gia đình em hồi này thế nào. Anh nghĩ nếu thấy mặt chú chắc dì cũng được an ủi, và hình như dì có điều muốn nói với chú. Dì có nói gì về ông già không? Không, dì không nhắc đến một tiếng. Nói chuyện với dì sao anh thấy khổ tâm, nếu dì có con cái, có gia đình bình thường...

Người bạn của bà dì xuất hiện ở cửa căng-tin, tay vẫy vôi vàng. Anh Tín đứng lên đi vội ra cửa. Tôi cầm cốc rượu nốc cạn rồi ra theo. Người đàn bà nói: bà ấy... Chúng tôi vào phòng. Một bác sỹ và một y tá đang đứng bên giường bệnh. Ông bác sỹ lấy ống nghe ra khỏi tai, ông lấy chiếc đèn pin nhỏ bấm sáng, một tay lộn mí mắt lên rọi đèn quan sát. Ông bác sỹ nói: bà ấy đi rồi. Trước mắt tôi, mặt bà dì xám đen, đôi mắt đã tự khép lại không cần người vuốt. Tôi từng nghe kể: có người khi chết dù có người vuốt mắt nhưng mắt không thể nhắm lại. Người chết trước mặt tôi đã ra đi không quằn quại, không rầy rụa rên la, đôi mắt tự khép lại. Trần gian đâu có gì? Anh Tín kéo tấm vải trắng lên che hết mặt rồi lùi ra. Ông bác sỹ và người y tá ra khỏi phòng. Người bạn của bà dì ôm mặt khóc lặng lẽ. Lúc sau hai nam nhân viên bệnh viện trở vào cùng với chiếc giường rồi đẩy ra ngoài, cả ba chúng tôi cùng đi theo. Khi ra tới hành lang, người bạn của dì khụy xuống đất khóc nức. Anh Tín và tôi dừng lại. Người đàn bà cố gắng quỳ hai gối rồi lạy về hướng chiếc xe đang đi xa. Anh Tín cúi xuống đỡ người đàn bà:

để cháu đưa bà về... Tôi hỏi anh Tín: tang lễ chắc phải đợi bố về? Anh Tín nói giọng khô: dì đã làm giấy hiến xác rồi.

Tôi sửng người. Người đàn bà khóc mỗi lúc một lớn với giọng kể ai oán: ối trời cao đất giày ơi... sao mà lại khổ từ lúc lọt lòng cho tới khi chết... ối giờ ơi... Tiếng khóc như đã thành tiếng gào thảm thiết... Cả tôi lẫn anh Tín không biết phải làm sao. Những người có mặt trên hành lang nhìn chúng tôi với vẻ ái ngại.

Ra khỏi cổng bệnh viện, tiếng người đàn bà chỉ còn là tiếng rên âm ỉ, người đàn bà lặng lẽ vượt lên rồi đi thẳng về phía góc đường nơi có những xích lô đỗ, bà bước lên xe. Anh Tín đơm người định chạy tới nhưng bỗng dừng lại ngay. Người đàn bà không còn để ý tới chúng tôi. Ngồi lọt người trong lòng xe, người bà cúi gập xuống phía trước, hai bàn tay ôm lấy mặt, hình như bà ấy vẫn đang khóc. Chúng tôi đứng lại một lúc cho tới khi chiếc xe chở người đàn bà đi khuất về cuối con đường. Tôi và anh Tín lặng lẽ trở về nhà. Trời về khuya.

Vừa mở cửa nhìn thấy chúng tôi chị Tín hỏi ngay: sao về cả vậy? Anh Tín nói: dì mất rồi. Chị Tín hơi sửng lại rồi quay vào: bố có được tin về cũng chẳng kịp...

Vào nhà, chúng tôi chẳng ai nói thêm điều gì. Có một cái gì đó vô hình vây lấy chúng tôi... Tôi nhìn lên đồng hồ, đã hơn nửa đêm. Sau khi rửa ráy, thay quần áo, anh Tín trở ra nói với tôi: em hãy xem đây. Vừa nói anh vừa đến cái tủ lớn, mở cánh cửa cầm ra hai chiếc phong bì để lên mặt bàn trước mặt tôi. Giọng anh Tín bình thản: Hôm vào gặp dì, dì đưa cho anh hai cái phong bì này: một cái đựng hai tờ giấy viết tay, một là đơn xin hiến xác, một là di chúc trao cho anh những gì để lại. Phong bì thứ hai đựng những chiếc chìa khóa nhà, tủ... Dì nói: Tôi không có bố, mẹ mất sớm, không anh em, họ hàng. Lúc lớn lên tôi gặp bố anh... Đó là những lời di nói anh còn nhớ được, dì nói nhiều nhưng lẫn lộn, có lúc môi mấp má mà không có tiếng... Tôi hỏi: bà ấy có nói, hoặc nhắn bố điều gì không? Không, chắc dì coi việc ký giấy ly hôn là kết thúc tất cả, việc hiến xác là một hành động dứt khoát. Bố có muốn làm đám ma cho dì cũng không được... Tôi nói: chắc ông già không tính được điều này? Anh Tín không nói. Anh Tín ngồi im một lúc rồi quay sang bảo tôi: thôi chú đi nghỉ đi, anh đi ngủ đây, mệt quá rồi. Anh Tín đứng lên tắt ngọn đèn lớn, bật ngọn đèn nhỏ, ánh sáng đỏ tù mù. Tôi nằm nhưng không sao chợp mắt được: hình ảnh người đàn bà khô gầy, đôi mắt trũng sâu khép lại... tôi nghĩ tới lúc ông già tôi về tới nơi biết vợ đã chết liệu ông có vui không? Không cần phải ra tòa, bây giờ ông tự do để sống như ông muốn.

Hôm sau khi trở về nhà kể chuyện cái chết của bà dì cho vợ tôi nghe, khi hết câu chuyện, nhìn lên tôi thấy nước mắt vợ tôi đang lăn trên má, vợ tôi nói: em thấy sao tội nghiệp quá. Tôi chẳng biết nói sao. Trong nhiều ngày sau cái chết của bà dì vẫn ám ảnh tôi.

Mấy ngày sau anh Tín gọi điện thoại cho tôi báo tin ông già đã về. Anh Tín bảo tôi ra ngay. Tôi hỏi: bố gọi à, em không muốn gặp. Anh Tín nói: bố đã đi nghỉ trên núi rồi, anh có việc muốn nhờ. Thực tình tôi không muốn gặp mặt ông già. Hôm sau tôi leo xe ra thành phố.

Vừa thấy mặt tôi anh Tín đã à lên một tiếng dài và tươi cười: chú ra rồi, anh đang đợi, giúp anh dọn nhà cho bố, mình anh thật không biết xoay xử thế nào. Vừa ngồi xuống ghế tôi vừa hỏi: ông già thế nào? Chẳng thế nào cả, Bố về anh nhẹ cả người, để anh nói chú nghe: hôm sau ngày dì mất, cơ quan, bạn bè của dì và bố kéo đến nhà, thật khổ không biết chừng nào với bao nhiêu câu hỏi mà anh không biết trả lời ra sao: chết bao giờ, chết ra sao, bố đâu, khi nào cử hành tang lễ? Bố về tới cơ quan mới biết tin dì mất, nghĩa là cơ quan bố đã không báo tin cho bố. Bố có vẻ không bình tĩnh khi tới gặp anh. Anh kể mọi việc cho bố nghe. Bố

cầm tờ giấy xin hiến xác, tờ di chúc cho anh lật lên lật xuống mấy lần rồi bỏ lại trong phong bì. Bố hỏi: di có nhắn gì cho bố không. Anh nói không, lúc di còn tỉnh có nhắc đến chú nhưng khi chú lên thì di đã không còn tỉnh nữa. Bố ngồi một lúc rồi đứng lên bảo anh: mọi việc qua rồi không nói tới nữa. Con lo dọn nhà cho bố, những vật dụng cá nhân như quần áo... thì vứt hết đi, rồi khóa cửa nhà lại. Bố đi nghỉ ít ngày rồi về ở với bác con. Bố đi khỏi nhà chẳng hỏi gì tới chị và cháu. Tôi nói: chắc vội đi báo tin mừng cho bà ba chứ gì, bây giờ kết hôn được rồi, danh chính ngôn thuận. Anh Tín trừng mắt nhìn tôi: chú nói gì tàn nhẫn vậy.

Anh Tín cầm chùm chìa khóa nói: phải tới xem thế nào đã rồi mới tính đến dọn, nó linh kinh lắm đây. Tôi nói: ra chợ cơ bắp kiểm mấy tay khỏe mạnh, thuê xe làm một buổi thì xong chứ gì. Anh Tín gạt đi: không được đâu...

Đứng trước hai cánh cổng sắt rỉ sét chỉ còn một vài mảng sơn màu xanh lá cây cũ kỹ bột màu. Anh Tín thò tay qua một lỗ vuông kéo sợi dây xích tìm ổ khóa trên đó lôi ra ngoài. Anh Tín lấy chùm chìa khóa ra quan sát, tìm kiếm... Tôi lùi ra tận mép đường ngắm ngôi nhà ông già tôi và người di đã ở. Tôi đã có dịp bước qua cổng ngôi nhà này. Mỗi lần ngang qua, chợt nhớ tôi cũng có lúc ngừng lại quan sát. Đã bao nhiêu năm khu nhà này không có thay đổi gì. Ngôi nhà thấp, mái ngói nâu cũ, tất cả nằm dưới những tàn cây, hình như không một biến động nào chạm đến đời sống của những người ở đây. Khác hẳn với nhiều khu nhà mà ở đó những bức tường được phá đi, những cửa hàng xuất hiện với những che chắn, coi như một cách tạm bợ. Những khoảng sân hẹp, lối đi được biến thành những túp nhà... Anh Tín đã phải lần mò từng cái chìa khóa một mới mở được ba chiếc khóa riêng của cổng sắt. Cánh cổng được mở ra, lối đi đầy lá khô. Cửa chính vào nhà có hai khóa, anh Tín lại một lần nữa phải tìm, phải thử. Vào trong, gian phòng tối mù. Đèn được bật sáng, những cánh cửa được mở, gian phòng lớn hiện ra như một cửa hàng tập hóa bày biện không biết bao nhiêu thứ. Từ nền nhà tới đồ đạc đều phủ một lớp bụi. Ở góc mặt bàn dài có sáu chiếc ghế bao quanh có một chiếc đĩa lớn ở trên còn một trái cam, bên cạnh mấy miếng vỏ cam tất cả đã khô đen. Có phải chiếc đĩa đã được đưa tới đây lần cuối cùng khi chủ nhân rời khỏi và không còn trở lại? Bốn vách tường của gian phòng thì hai vách là tủ sách cao những mảnh tường còn lại lấp đầy những tranh vẽ, những khung kính lồng giấy khen, huân chương, trướng đỏ bên cạnh những khung ảnh lớn, nhỏ nhiều cỡ khác nhau, hầu hết là ảnh chụp đồng người đứng trước những tấm bảng có chữ lớn, người nào cũng quần áo tề chỉnh, mặt tươi cười, hàng lối ngay ngắn... Từ những tấm ảnh đen trắng đã vàng ố tới những tấm ảnh màu tươi rói, nhìn vào đó có thể thấy hành trình của một đời người, và cũng là lịch sử của những biến đổi. Lần đầu tiên tôi được nhìn thấy chân dung của ông già tôi do nhiều họa sĩ, điêu khắc gia ghi lại bằng nhiều cách khác nhau... đặc biệt là những tấm tranh đó đều có chữ ký ngày vẽ và có cả những dòng chữ đề tặng... Anh Tín đi hết một vòng từ nhà bếp tới nhà tắm, phòng ngủ, nhìn đồ đạc anh có vẻ ngán ngẩm: nhiều thứ quá, chỉ nhìn thôi đủ thấy mệt. Tôi phủi bụi trên một chiếc ghế có trạm khắc, đó là một trong bốn chiếc ghế kê ở giữa phòng quanh một chiếc bàn tròn, giữa bàn có một chiếc bình pha lê... Những ai đã từng ngồi trên chiếc ghế này? Hẳn phải là những người có tên tuổi, trong số họ những ai còn sống? Tôi ngồi xuống, gian phòng nhiều ngày không có người ở như đã bắt đầu ảm mốc... Anh Tín đi chung quanh phòng chốc chốc ngừng lại nhắc lên một vật ngắm nghía... Tôi nói: nhiều thứ lật vật quá, anh tính sao? Anh Tín nói: mệt thật, khuôn cả về thì không biết chất vào đâu. Có những thứ không biết giữ để làm gì. Anh Tín chỉ vào tủ sách: nào Bách khoa, nào Toàn tập Lenin, Tuyển tập... Mấy bộ này khiếp quá nhỉ, có ai đọc hết không. Tôi nói: hỏi bố thì biết. Có người lập tủ sách chỉ để dọa người ta. Dân mình vốn sợ chữ in, nông dân không được đi học làm sao

không sợ chữ in được. Anh Tín đưa tay nhắc pho tượng bà mẹ một tay cầm súng, một tay đỡ con trên vai: Không biết bằng đồng hay bằng xi măng đây. Tôi nói: bằng đồng thì có tiền đó. Khi tới bên pho tượng bán thân ông già bằng thạch cao, anh Tín ngắm nghía rồi nói: chú thấy có giống bố không? Tôi nói: hình như giống anh. Anh Tín phá lên cười: chú lúc nào cũng đùa, anh em mình chả đứa nào giống bố. Tôi định nói: chẳng nên giống làm gì, nhưng tôi im lặng.

Trước khi về, anh Tín tìm được một cái thùng giấy, anh nhặt những đồ kỷ niệm nhỏ trên những kệ, trong ngăn tủ sách bỏ vào trong thùng... Anh Tín nói: đây là quà tặng, kỷ vật của những chuyến đi xa, của bè bạn... Tôi thấy ở góc phòng có một cây gậy trúc, tôi cầm lên: cái này ông già có bao giờ dùng tới, em lấy, ở quê đi đêm có cái này chớ nhà nào xô ra là chết ngay.

Về nhà, chị Tín hỏi: thế nào? Anh Tín vừa uống nước vừa nói: nhiều thứ linh kính lắm, bố lại nói không rõ ràng, vứt hết là những thứ gì, ngay cái tủ áo quần của bố còn toàn đồ tốt. Anh Tín nhìn chị: chắc em phải thò tay vào thôi, đồ đạc của dì... Chị Tín rầy lên: thôi của người khác ghê lắm, gom lại kêu người mua đồ cũ, ai mà dùng đồ của người chết.

Để dọn nhà, anh Tín chuẩn bị từ giây buộc tới những chiếc thùng các tông đủ cỡ, khi thu dọn anh dặn tôi để thứ nào ra thứ ấy, mỗi thùng đều lấy bút ghi những gì ở trong. Tôi thấy anh Tín lục lọi rất kỹ từng ngăn tủ, ngăn bàn, những chiếc thùng chứa đồ đạc và những chiếc va ly... Tôi hỏi: anh nghĩ bố và dì có cất tiền bạc, vàng, của quý ở đâu đó phải không? Anh Tín nghiêm nét mặt: chú nghĩ vậy à? Tôi ngạc nhiên: em hỏi thế vì không lẽ ông già và dì lại không có của cải để dành. Mới đây có một ông họa sĩ chết bất đắc kỳ tử, tình cờ đứa con thấy một đồng tiền dẫu ở dưới nền gạch... Thế là mấy mẹ con đóng cửa nhà, không cho ai vào, đào bới hết mọi chỗ mất mấy ngày mới xong. Còn một người khác mãi tới khi hấp hối mới gõ vào chiếc gối mây ở trên đầu nói với vợ: lấy vàng ở trong ra mà làm đám ma... Người già lo xa lắm. Anh Tín giọng chắc nịch: bố không phải như người ta. Dì có một số tiền trong quỹ tiết kiệm, còn bố thì anh không rõ... Phải mất tới hai ngày anh Tín mới thu dọn được những gì mà anh thấy cần phải thu dọn. Ngày thứ ba anh đảo qua một lần nữa. Anh coi những gì còn lại, anh gọi tôi vào trong nhà bếp: những thứ này chú mang về cho thím ấy dùng. Tôi đứng giữa nhà bếp sạch sẽ gọn gàng, những đồ dùng không thiếu thứ gì: rổ rá, thau chậu, ấm đất để đun thuốc bắc, song chảo máy xay thịt, nồi áp suất của Liên Xô sản xuất, những đồ dùng này có nhiều cái như chưa bao giờ được dùng tới. Không khí ẩm mốc cho thấy đã rất lâu không có ngọn lửa nào được nhóm lên ở đây. Tôi nói: Thôi hôm nay nghỉ một bữa để mai dọn tiếp. Anh Tín ngần ngừ một lúc: phần anh xong rồi, những gì còn lại chú lo dọn dẹp cho anh. Tôi hỏi anh Tín: thế là thế nào? Bố nói với anh: vứt hết.

Tôi và anh Tín khóa cửa rời khỏi ngôi nhà. Tôi đi tìm Chánh nói cho nó nghe rồi hẹn gặp nhau sáng hôm sau. Gần trưa tôi mới rời thành phố. Vừa về tới nhà vợ tôi đã hỏi ngay: Anh thấy bố thế nào? Tôi cười: có gặp đâu mà biết, ông già đi nghỉ trên núi rồi. Vợ tôi nói: chắc bố buồn nên lánh đi.

Sáng hôm sau tôi trở ra thành phố, ghé nhà anh Tín lấy chùm chìa khóa. Anh Tín dặn: nội hôm nay làm cho xong. Tôi tới nơi, Chánh đã chờ ở đó cùng với mấy người bạn. Vào trong nhà tôi dẫn Chánh đi một vòng: dọn cho sạch... Chánh nhìn tôi: mấy thứ này bỏ đi hết à? Tôi nói: cậu là tay thầu đa năng mà sao hôm nay ngớ ngẩn thế? Cái gì dùng được thì lấy, cái nào bán được thì bán, còn lại cho vào lửa. Chánh nhìn tôi cười cười: đây là phần của cậu được chia phải không? Tôi muốn văng tục. Tôi không trả lời Chánh. Tôi bước ra ngoài: nội sáng nay

xong không? Chánh gặt đầu. Đứng ở khoảng sân tôi nói: 12 giờ trưa tao trở lại. Tôi bước ra khỏi cổng khép hai cánh cửa sắt lại.

Đứng ở lề đường, tôi phân vân không biết đi về hướng nào với một đầu óc trống rỗng... Tôi nhắm trong đầu: mình sẽ đi theo hướng một người đàn bà nào đó ngang qua. Một cụ già chống gậy, một toán trẻ con chạy ngang, một người đàn ông ở trần... một người đàn bà đội nón lá gánh rau ngang qua đi về phía tay mặt, tôi bước theo. Tới một ngã tư, người bán rau rẽ sang bên phải, tôi ngần ngừ một lúc rồi rẽ tay trái. Tôi đi tiếp. Chợt tôi nhận ra con phố tôi đã đi lại nhiều lần.

Ở con phố này, căn nhà số 9 là nơi tôi đã sống những ngày đầu đời ngắn ngủi... Chắc hẳn khi còn nằm nường trong vòng tay mẹ tôi đã nhìn thấy những gì chung quanh, tôi đã được bế từ trên gác xuống nhà, qua cửa... Không biết có đứa trẻ nào khi rời khỏi căn nhà mình ở như tôi mà trí nhớ còn ghi khắc được hình ảnh ngôi nhà mình đã ở?

Theo lời kể của bà ngoại, theo mô tả của cậu và với tấm ảnh ố vàng, tôi đã tìm ra căn nhà này. Tấm ảnh nhỏ chụp từ bên kia đường: trước căn nhà, một người đàn bà bế một em bé, ảnh lấy hết mặt trước của căn nhà. Bà ngoại nói với tôi: mẹ cháu bế anh Tín đó, lúc ấy chưa có cháu, cháu còn ở ngoài nghĩa địa... Bà vừa nói vừa cười. Trong tấm ảnh tôi nhìn rõ lan can sắt và trên cao, một vầng bán nguyệt nằm giữa hai trụ vuông... Đứng từ bên kia đường nhìn sang, ngôi nhà vẫn còn nguyên vẹn cùng với dãy phố xưa. Khác chẳng là phía trên ban công, nơi vách tường có một lùm cây dại um tùm... Trên cao giữa vầng bán nguyệt ngay chính diện ngôi nhà có đắp hai chữ LỢI QUYỀN, phía dưới hàng chữ có đắp nổi hàng chữ số 1930. Đây hẳn là năm ghi dấu ngôi nhà được xây dựng. Năm 1930 Nguyễn Thái Học và 13 đồng chí Việt Nam Quốc Dân Đảng lên đoạn đầu đài ở Yên Bái. Năm 1930 Đảng Cộng Sản ra đời... Đây không phải ngôi nhà ông bà tôi xây. Đây là ngôi nhà bố mẹ tôi thuê ngay khi hai người kết hôn và ra ở riêng để làm cửa hàng buôn bán. Anh Tín và tôi được sinh ra ở đây. Chúng tôi được sống mấy năm thơ dại ở đây với trí nhớ ngu ngơ. Chiến tranh đã đến. Cơn sóng động loạn đã dồn đuổi chúng tôi khỏi ngôi nhà, khỏi con phố, khỏi chốn thị thành. Cơn sóng lửa đỏ lùa chúng tôi cùng bao nhiêu con người khác từ những con đường lớn vào những con đường nhỏ, từ những làng mạc nơi đồng bằng lên rừng núi thâm u hoang vắng, nơi nào cũng là nhà, cũng là nơi ngả lưng. Khi là cửa chùa, khi đình miếu, khi khu chợ, lúc là những lều tranh tạm bợ. Và đến nay chẳng còn hình ảnh một ngôi nhà nào ở lại trong tâm trí của tôi ngoài ngôi nhà của ông bà ngoại.

LỢI QUYỀN, hai chữ đắp nổi trên cao chính giữa ngôi nhà vẫn còn nguyên vẹn. Vậy trước khi bố mẹ tôi thuê ngôi nhà chủ nhân của nó buôn bán gì? Lợi, buôn bán thì cầu lợi, đó là điều tôi hiểu được. Nhưng còn quyền? Buôn bán liên quan gì tới quyền? Hay đó là tên của vợ chồng chủ nhân, hoặc tên của con cái chủ nhân. Tên tôi và anh Tín ghép lại cũng là một thương hiệu được chứ? Tôi chợt nhớ tới lời của bài hát: bao lợi quyền ắt về tay mình... chiến thắng này là trận cuối cùng... quyết phen này sống chết mà thôi...

Từ trên vòng bán nguyệt có hai chữ LỢI QUYỀN cho tới những mảnh tường phía dưới, tất cả đã có một màu đặc biệt của thời gian, hình như nó chưa một lần được sơn quét lại, có một vài khoảng còn sót lại cho thấy trước đó những bức tường đã được quét vôi màu vàng sẫm, một thứ vàng đất quen thuộc tôi từng thấy ở nhiều ngôi nhà còn lại sau chiến tranh. Dưới hàng chữ Lợi Quyền ở trên cao, nay dưới tầng trệt là một quán cà phê bình dân. Tôi đã một ít lần vào ngồi trong quán cà phê này.

Từ bên kia đường tôi bước nhanh qua, trong quán có mấy người khách ngồi mãi phía trong, tôi bước vào, gọi một ly cà phê đá, chọn cái bàn nhỏ trống ở sát cửa. Ngồi ở chiếc ghế gỗ thấp, dựa lưng vào tường tôi có thể nhìn ra tận ngã tư đầu con phố. Cửa hàng không có treo bảng hiệu, nhưng ở hai bên vách đối diện nhau có hai chữ số 9 viết nguệch ngoạc bằng sơn đỏ, đó là số của ngôi nhà mà hình như chủ nhân của nó coi như tên cửa hàng: cà phê số 9. Tường quét vôi vàng nghệ đầy những vết bẩn nhem nhuốc, có những mảnh tường thấp đen lại vì vết dựa của khách hàng. Chung quanh những chiếc bàn thấp là những chiếc ghế đầu. Nền nhà những viên gạch trắng và đen xen kẽ nhau cùng những mảng vá bằng xi măng loang lổ trên đó, vẻ cũ kỹ và tồi tàn đó giúp cho khách dễ chịu khi vút ngay tàn thuốc lá xuống nền nhà...

Khi chiến tranh đến gia đình tôi đã chạy khỏi ngôi nhà, chắc có một thời gian ngôi nhà bỏ hoang. Những người hiện sống ở đây đã đến với ngôi nhà như thế nào? Trước họ có ai không? Tôi chẳng thể biết được. Một lần tôi đã đóng giả một người đi thăm người quen, tôi đã bước vào phía sau ngõ vào từng căn hộ, lên gác... những người đang sống ở đây chẳng hề quan tâm tới tôi, dù là một người lạ. Lúc đi xuống cầu thang, gặp một bà cụ thấy tôi ngơ ngác thì hỏi: cháu tìm ai? Tôi nói: cháu tìm cô Lan. Cụ già im một lúc như đang cố nhớ rồi nhắc lại: cô Lan, ở đây không có ai tên Lan...

Cửa hàng được ngăn với phía trong bởi một bức tường. Từ bức tường tới hết khoảng sân hẹp có ba gian phòng nhỏ, mỗi gian là một hộ sinh sống. Bên trái lối đi chung sát chân tường để nhiều vật dụng từ lò than, chậu, bếp dầu, bếp điện... Trên tường treo móc những soong chảo, chổi, rổ giá, giẻ lau. Phía trong cùng là một căn hộ khác, phía trước có cầu thang gỗ lên gác. Cầu thang rộng có tay vịn nhẵn bóng đưa lên tầng một với một hộ ở trong và một hộ ở ngoài nối với nhau bởi một ban công rộng một bên sát tường, phía ngoài là lan can sắt nhìn xuống khoảng sân nhỏ phía dưới. Như vậy ngôi nhà nay có tới bảy hộ. Riêng phần trệt có tới năm tôi quan sát và tự hỏi: họ làm vệ sinh và tắm ở đâu? Trong thành phố này đâu phải chỉ có một ngôi nhà số 9? Trong thành phố này có bao nhiêu hộ được sống riêng trong một ngôi nhà? Tôi nhớ tới bàn tin nói về đời sống loài chuột của những nhà sinh vật học. Chuột đã sống với nhau như thế nào trong một không gian nhất định? Các nhà khoa học đã thử nhốt chuột vào những chiếc lồng kính cỡ nhất định. Trước hết là những lồng chỉ có hai con, lồng ba con rồi cứ tăng lên mãi. Kết quả, những lồng nhốt số lượng lớn với số đông trong một không gian chật hẹp bọn chuột bỗng hung dữ, chúng giẫm đạp lên nhau, cắn nhau kêu chí chóc liên tục. Còn những lồng ít chuột, lũ chuột hiền lành, chúng đùa giỡn với nhau, ăn uống nhẹ nhàng thân ái. Trong thành phố này, tôi đã từng chính kiến cảnh xung đột trong cùng một gia đình, xung đột giữa gia đình này với gia đình khác trong cùng một ngôi nhà, trong cùng một khu tập thể, họ to tiếng, họ chửi bới, họ thượng cẳng chân hạ cẳng tay chỉ vì những lý do rất không đâu như không có ý tứ để cái xe đạp cản lối đi, một chậu cảnh rớt xuống sân, có khi chỉ là một cái nhìn... Tôi đã thấy người ta xông vào nhà nhau tìm cách xé sổ gạo, đập bỏ mấy cái nồi đất, chén bát ăn cơm... Sống mỗi người một nhà, chết mỗi người một mồ. Đúng như thế nhưng làm sao để thực hiện được trong khi chỉ lo mỗi cái ăn còn khó khăn?

Một ngôi nhà được xây dựng, trước tiên là một gia đình đã hình thành và sống ở đó. Có những ngôi nhà được truyền từ đời này sang đời khác. Ngôi nhà có thể rồi có người khác sống, nhưng lúc đó nó đổi chủ. Một ngôi nhà ở bất cứ đâu luôn luôn có chủ. Nhưng thành phố này nó đã trải qua những động loạn liên tục, nhiều ngôi nhà đã không còn chủ. Mấy chục năm với chiến tranh tiêu thổ, tản cư, hồi cư, đình chiến, sơ tán, đi kinh tế mới khiến

đám cư dân luôn biến động, người đi, người đến, đám cư dân cốt lõi của thành phố bị pha loãng mãi, thành thị vốn đã là một hội tụ không nền tảng, nó là đất của dân tứ xứ. Vì thế nó phải có thời gian để hình thành diện mạo. Với thời gian những kẻ dừng chân phải bắt đầu tìm kiếm... Khởi đầu là những nghi ngại rồi quen dần, họ nhìn nhau, nghe tiếng nói lạ, họ bắt chước nhau, họ đổi thay sinh hoạt, họ thay cái nón trên đầu, đôi dép dưới chân, những chiếc áo có chữ trên lưng, có hoa trên ngực... Đứng trên một lề đường cao nhìn xuống con dốc thấp dòng chảy của sinh hoạt cuồn cuộn không ngừng, những đầu người nhấp nhô còn loáng thoáng đôi cái mũ cối bạc màu, những chiếc nón lá cố chen vào giữa vô số những chiếc mũ đủ kiểu, đủ màu. Thịnh thoảng vẫn còn đôi ba đôi dép râu bó lấy đôi chân đen đúa khô gầy bên cạnh những đôi dép nhựa, dép da. Những gặp gỡ lần đầu, rụt rè hỏi nhau: quê anh ở đâu? Nghe tiếng chị nói như người khu bốn? Đám đông chen chúc ngược xuôi vội vã đang cải trang mình, đang muốn vượt bỏ thân phận mình trong quá khứ, đang hối hả lao vào cuộc sống mới mẻ, cuộc sống ở nơi kẻ chợ đã trở thành đô thị.

Chợt nhớ lại việc dọn nhà, tôi đứng lên rời quán. Trở lại con đường cũ. Tôi nghĩ sao mình không là một kẻ mờ côi? Tôi đến ngôi nhà của ông già để làm gì nhỉ? Tôi đứng lại trước cổng nhà. Tôi bước vào. Trước mắt tôi một cảnh lạ mắt đầy ngạc nhiên: Chánh mặc chiếc áo màu rượu chát, Côn với áo sơ mi kẻ ca-rô, Thịnh thùng thình trước chiếc sơ mi trắng. Tất cả những chiếc áo còn hằn nếp gấp, cả những chiếc quần. Cả đám đang mặc những quần áo của ông già tôi bỏ lại. Chánh cười cười nhìn tôi: bánh chưa? Mà kiểm một bộ đi... Đám bạn tôi cũng đang cải trang đó sao? Nếu lúc này ông già tôi xuất hiện?

4.

Người đàn bà nét mặt bất động nhìn ra sân, trời u ám báo hiệu một cơn mưa lớn, bầu khí lặng im khô đặc. Người đàn bà bưng chén nước uống một ngụm, nhẹ nhàng để chén xuống khay:

- Khi tới nơi, không có anh ở nhà, trời thì đang vần vũ tôi đã tính về, nhưng ra tới ngõ tôi vội quay trở lại, tôi biết: tôi không có can đảm trở lại đây một lần nữa...

Người đàn bà sửa lại thế ngồi, lùi ghế ra xa một chút, cúi người, một tay mở rộng chiếc túi da, một tay thò vào trong tìm kiếm rồi lấy ra một ví da nhỏ có dây kéo hình chữ nhật để lên bàn. Người đàn bà mở ra, cầm trên tay hai tấm ảnh đưa về phía tôi:

- Anh coi hai tấm ảnh này.

Tôi cầm hai tấm ảnh lên: ảnh ông già tôi chụp chung với người đàn bà đang ngồi trước mặt cùng một cô bé mặt xinh xắn tươi cười. Hai tấm ảnh cho thấy nó cách nhau khoảng một hai năm do sự thay đổi nhận ra nơi cô bé trong ảnh. Hai tấm ảnh đều chụp ngoài trời không có dấu vết về một nơi chốn. Hai tấm ảnh cũng như bao nhiêu tấm ảnh chụp kỷ niệm của những gia đình, nét mặt ai cũng tươi cười. Người đàn bà giọng bình thản đều đều:

- Tôi được biết trước khi cha anh mất có viết di chúc để lại?

- Điều ấy có.

Tôi nhớ lại hôm ra nhà anh Tín. Anh Tín nói ông già đi khám sức khỏe vì mấy ngày nay nghe khó ở. Anh Tín nói: có cái này cho chú đây. Tôi nghe nói vội hỏi ngay: lại sách? Anh Tín cười vô tư: sách đâu mà lắm thế, vả lại hôm trước bố còn bảo: không trao những thứ ấy cho chú thì biết trao cho ai mà có khi nó cũng đốt đi chứ chẳng nói tới, bố có vẻ buồn về điều này.



Hôm rồi bố bảo anh mời luật sư tới nhà, tự tay bố viết di chúc... Bố bảo đưa cho chú một bản, đây chú giữ lấy. Tôi cầm lấy tờ di chúc lên đọc. Điều duy nhất của di chúc làm tôi chú ý: ông già tôi xác nhận: ông chỉ có hai người con trai là anh Tín và tôi. Tôi băn khoăn nhìn anh Tín hỏi: thế là thế nào nhỉ? Sao lại phải xác nhận con của mình? Sợ có người nào đó nhận là con ông? Nhận làm con một người đã chết để làm gì? Anh Tín nói: có lẽ tại dư luận bảo bố có con với người này, người khác, con rơi con vãi... sợ sau này có tranh chấp không hay... Tôi nói: không có nhà cửa, đất đai, vàng bạc, tiền của gửi ngân hàng. Có gì để mà tranh chấp? Cái danh hào hay là diện ưu tiên dành cho con cháu người có công với cách mạng? Anh Tín mắt mở lớn nhìn tôi vẻ ngạc nhiên: bố làm di chúc chứ đâu phải anh mà chú to tiếng? Anh Tín cúi mặt vẻ không bằng lòng. Tôi đứng lên, thấy tôi để yên tấm di chúc trên mặt bàn, anh Tín nói: chú không cầm cái này à? Ngần ngừ một lúc, tôi gấp tờ giấy bỏ vào túi, tôi không muốn anh Tín phải nhắc lại. Tôi mang bản di chúc về nhà đưa tận tay cho vợ. Vợ tôi đọc hết rồi đưa lại cho tôi, tôi cầm tờ giấy xuống bếp châm vào ngọn lửa đang cháy. Vợ tôi có vẻ ngạc nhiên: sao lại đốt đi? Cái duy nhất ông già để lại cho mình là một thân xác cân lúc này được khoảng hơn sáu chục cân thịt hơi. Vợ tôi hỏi: thế không chia của cải gì sao? Vợ tôi vừa nói vừa nhìn vào mặt tôi. Tôi nói băng quơ: đã là vô sản thì còn gì mà chia, có xiềng xích thì đã vứt đi rồi. Ông già là người vác cuốc đi đào mồ chôn chủ nghĩa tư bản... Nhớ lại chuyện cũ tôi bật cười thành tiếng. Người đàn bà ngạc nhiên:

- Sao anh lại cười...

- Tôi nhớ lại chuyện bản di chúc mà cười.

- Tôi nghe nói, trong di chúc cha anh khẳng định: ông chỉ có hai người con?

- Đúng thế.

Người đàn bà cầm hai tấm ảnh trên mặt bàn lên, tráo qua tráo lại như tráo hai lá bài:

- Tôi muốn nói với anh điều này: bé gái trong ảnh là con tôi, nó là em gái cùng cha khác mẹ với anh.

Tôi ngược nhìn lên. Người đàn bà cúi xuống để hai tấm ảnh nằm im trên mặt bàn, hai bàn tay trắng nhỏ đan vào nhau. Tôi để hai tấm ảnh song song với nhau trên mặt bàn. Tôi nhìn vào mặt ông già ở cả hai tấm ảnh: một nét tươi tắn như nhau. Cô bé với nụ cười không thay đổi. Hai khuôn mặt người đàn bà không cho thấy một dấu vết nào về tâm trạng. Tôi lúng túng hết nhìn mặt người này lại nhìn mặt người khác. Giọng người đàn bà nhẹ nhàng nhưng chắc chắn:

- Đó là sự thật. Anh tin hay không là việc của anh.

Tôi úp hai tấm ảnh với nhau rồi để xuống mặt bàn.

- Có phải ông già tôi đã định kết hôn với cô?

Một khoảng trống lạnh.

- Cha anh có nói với anh điều này?

- Không. Cha tôi không nói với tôi bất cứ điều gì. Tôi được nghe người khác nói tới việc cha tôi thuyết phục bà mẹ kế của tôi chịu ly hôn để ông có thể kết hôn với một người đàn bà nào đó đã có con với ông. Đó là thời gian ông già tôi gặp nhiều khó khăn, có người đã đề nghị

trục xuất ông ra khỏi tổ chức. Nhưng ông già tôi đã không thuyết phục được bà vợ thuận ký vào giấy ly hôn.

- Cuối cùng bà vợ đã đồng ý. Trước khi cha anh đi nước ngoài, cha anh có nói với tôi.

- Nhưng cuối cùng...

- Tôi chẳng hiểu gì cả...

Trời đổ mưa lớn, tiếng mưa ào ào thổi thúc, gió thổi từng cơn làm những ngọn cây cúi rạp, sấm chớp đầy về hăm dọa. Trong ánh sáng mờ đục, người đàn bà ngồi trước mặt tôi như một pho tượng đá. Từ trong im lặng, giọng người đàn bà bồi hồi:

- Lúc gặp tôi, cha anh nói: bà vợ không thể sinh nở được trong khi ông muốn có con. Mãi tới khi tôi sinh được cháu gái tôi mới biết bà vợ hiện tại với ông không phải là người vợ đầu. Tôi hỏi ông, ông nói bà vợ đầu sinh cho ông hai người con trai nhưng đã chết và đó là một cuộc hôn nhân do gia đình định đặt từ lúc ông còn đang đi học, một cuộc hôn nhân không được lựa chọn, không có tình yêu... Tôi biết rõ những cố gắng của ông trong việc xin ly hôn. Tôi cảm nhận được tình cảm của ông và mong muốn sống với mẹ con tôi. Những khi ở bên, lúc nào ông cũng dịu dàng chăm sóc. Từ cái nhìn, câu nói, khi cầm tay tôi lúc bế con, khi chơi đùa với nó... Cha anh bảo tôi: anh chỉ mong được sống với mẹ con em, mọi điều anh không bận tâm đến.

Người đàn bà ngừng nói. Tiếng mưa như mỗi lúc một nặng hạt hơn, giọng người đàn bà như hơi run:

- Cha anh nói: bà ấy đã ký vào giấy xin ly hôn, tòa đã lên lịch xử, mấy anh ở tòa nói: coi như xong. Tôi chờ đợi. Thời gian như dài vô tận. Tin bà vợ của cha anh chết... Tôi chờ tin nhưng bật vô âm tín... Tin ông đột quy. Tôi quay cuồng không biết phải làm sao. Cuối cùng tin ông chết... Tôi chết lặng người... Bao nhiêu hy vọng chờ đợi...

Mưa vẫn đổ lớn, tiếng mưa càn cào theo những cơn gió mạnh làm cho màn mưa như tấm lưới đang được quăng ra. Người đàn bà nhìn ra ngoài trời. Tôi tìm kiếm một điều gì để nói nhưng đầu tôi trống không.

- Tôi có thể nói điều này. Suốt mấy chục năm kể từ khi chạy loạn cho tới khi mẹ tôi mất tới nay tôi chỉ gặp cha mấy lần, những lần gặp thường ngắn và tôi thì chỉ biết nghe, nay tôi cũng không còn nhớ cha tôi đã từng nói những gì. Để nói về mối liên lạc cha con, anh tôi bảo: con cái đâu có quyền chọn bố mẹ...

Người đàn bà nhìn lên, đôi mày nhíu lại, đôi mắt với cái nhìn khác thường có vẻ gì hung dữ, đôi môi hơi mấp máy như định nói một điều gì đó nhưng lại thôi.

Mưa dần dần rớt hạt, trời bắt đầu hứng lên một thứ ánh sáng nhờ nhờ đục. Nhìn ra, trên sân, mưa lấm tẩm trên những vũng nước nhỏ. Người đàn bà cầm cái túi da đứng lên:

- Tôi phải về...

Tôi đứng lên theo:

- Tôi có thể giúp gì cho cô?

Người đàn bà đứng im nhìn thẳng vào mặt tôi:

- Anh có thể làm cho cha anh sống lại được không?

Tôi cúi mặt không biết nói thế nào.

Người đàn bà nói tiếp rất nhanh:

- Chắc làm được anh cũng không làm.

Ngừng lại không giây lát, người đàn bà giọng trở lại ôn tồn, nhẹ nhàng:

- Đây là chuyện tình cảm, có lúc với một người nào đó tôi nghĩ: sao họ không chết ngay đi. Nhưng sống chết của một người đâu phải mình muốn mà được.

Nói hết câu, người đàn bà quay người bước ra hiên vừa đi vừa nói:

- Cám ơn anh về câu chuyện hôm nay. Đã lâu tôi mới được nói. Có thể sau này tôi sẽ đưa em nó lại thăm anh.

Xuống sân, ra ngõ trong một thoáng người đàn bà đã mất hút trong bầu trời sáng đục sau cơn mưa. Tôi trở vào ngồi xuống chỗ cũ, trên mặt bàn hai tấm ảnh úp mặt vào nhau còn nằm đó.

5.

Chánh cởi áo mưa mắc vào cánh cửa, hai lòng bàn tay sát vào nhau làm cho cái rét như đã đặc lại, trong khi Chánh như co rút người trong chiếc áo len dài tay. Gió lạnh thổi hun hút từ ngoài sân rộng vào nhà. Chánh với tay khép hai cánh cửa rồi đi về phía bàn nước. Tôi rót nước sôi vào bình trà:

- Năm nay rét muộn lại mưa sớm, đi được nửa đường mình đã tính quay lại. Tai ù, tay tê cóng chỉ lo ngã...

- Không bước chân ra khỏi nhà, ai cũng cuốn người lại như con sâu. Cậu đi đâu mà mất tấm vậy?

- Ba mình mất.

Tôi sửng người nhìn Chánh:

- Bao giờ?

- Hơn một tháng rồi. Được tin bà chị gọi ra mình về ngày không kịp nói với ai... Vừa ra được hai ngày.

Tôi thấy Chánh bỗng mất đi vẻ tếu táo lúc nào cũng có. Tôi nhớ tới cái chết của ông già tôi:

- Thế có di ngôn di chúc gì không?

- Không – Chánh nói như muốn cướp lời - Về tới nhà ông cụ đã hôn mê mấy ngày nằm in như người đang ngủ. Một ngày sau ba mình mất. Ông anh ở Mỹ về kịp ngày cất đám. Ông anh hỏi: ba có dặn gì không? Bà chị nói: có một buổi sáng trước đó độ tuần lễ, sau khi đi coi vườn về ba bảo: người sao thấy khác khác mong cho sớm đến mùa hè các cháu nó về chơi. Một ngày sau đám tang bà chị mở tủ lấy ra một gói giấy báo đưa cho mình: ba để cái gói này lại dặn đưa cho chú. Mình mở gói giấy ra: chiếc khăn quàng – Chánh chỉ lên chiếc khăn quàng trên cổ – và một tập vở học trò mỏng. Tưởng ông có thổ lộ hay dặn dò gì, nhưng không có. Ba

mình ghi lại tên các cụ, ngày giỗ. Ở dưới ghi thêm: Nhớ ngày giỗ, thấp ba nén nhang là đủ. Ba mình là một phó thường dân Nam bộ mà.

Chánh rót nước ra chén, hơi nước nóng bốc lên nghi ngút. Tôi tìm một điếu thuốc mời lửa. Không khí như lặng đi, Chánh sửa lại cái khăn cổ cho chặt. Giọng Chánh thấp hẳn xuống:

- Chắc những ngày cuối ba mình nhớ ra sắp mùa đông và cái rét ở nơi ông đã sống những năm xa nhà... Cái khăn quàng này mẹ mình mua cho ba mình khi về hưu.

Ba mình là người chân chất, tính thẳng ruột ngựa, thấy gì sai quấy nói ngay, có lẽ vì thế ông chẳng làm chỗ nào được lâu. Ông làm cán bộ nông nghiệp sau chuyển sang lâm nghiệp lo trồng rừng. Ông từng cười cười bảo: rừng xưa căn bản đã được xóa sạch, trồng rừng không biết mấy đời mình cho xong. Ba mình gặp mẹ mình, con cái một địa chủ bị đấu tố trôi dạt khỏi quê đi kiếm sống làm công nhân ương cây. Khi đặt vấn đề với mẹ mình ông bảo: tôi đã có vợ và hai con trước khi ra bưng. Sự thẳng thắn làm mẹ mình cảm kích. Ông còn bảo: với ruộng vườn tôi có ở trong đó chắc thuộc thành phần địa chủ bóc lột, bà có sợ không? Đời sống của ông rất bình dị, hết lòng với công việc. Khi đã lớn mình nhận ra ở nơi ông như lúc nào cũng toát ra một vẻ gì u uẩn, nhiều khi mình thấy ông bần thần nghĩ ngợi như có một điều gì bí ẩn vẫn dấy ở trong lòng... Khi xe lửa đã chạy suốt bắc nam mẹ mình nói: ông vào trong ấy xem gia đình thế nào. Ông nói: để thông thả cho yên ổn rồi tính... Ngày cuộc chiến đã kết thúc, mình thấy ông vui mừng: không còn bom đạn chết chóc nữa. Chắc lúc ấy ông nghĩ tới vợ con ở trong Nam và ngày sum họp... Sau những ngày đầu thì ông lặng đi. Mình nhớ lúc trước ông bảo: Hồi đi tưởng hai năm bầu cử, thống nhất, ai ngờ... Phải mất nhiều năm ra ngoài này, hình như thấy ngày về còn xa ông mới lập gia đình. Những ngày đầu thống nhất nhiều người bạn của ông vội vã trở về. Nhiều cảnh đau lòng, nhiều cảnh tan nát. Kẻ chết, người sống, kẻ thất lạc, bên niềm vui bao nhiêu chuyện buồn thảm. Có những bà vợ vẫn trông chòng từng ngày nhưng khi chòng về thì con đi ở tù cái tạo. Có bà vợ đã có chòng với đàn con. Có người về thấy nhà có người lạ chiếm, người thân đã di tản ra nước ngoài. Có người vừa bước chân qua cửa, những lời nói cay đắng... ba mình bảo: mất mát nhiều quá.

... Bao nhiêu năm trời, hoàn cảnh... Có thời nào mà anh em cầm súng đứng ở hai bên trận tuyến nổ đạn vào nhau?

Hết chiến tranh nhưng sao đời sống lại khó khăn, hạt gạo trở thành quý hiếm. Ba mình không nói tới chuyện về Nam, mẹ mình cũng không nhắc đến, vào thời gian này mẹ mình ngã bệnh... Một hôm có một người trung niên đứng trước cửa nhà, thấy ba mình thì chạy tới ôm chầm: ba ơi, con đây mà. Anh lớn của mình sau thời gian tù cái tạo về đã tìm kiếm và gặp được người bố đi tập kết năm xưa... Anh lớn báo mẹ già đã mất từ trước năm 75, nghe anh kể chuyện quê nhà ba mình chỉ thở dài. Anh lớn muốn đón ba mẹ mình về chơi nhưng ba mình bảo: lúc này mẹ trẻ con không được khỏe thế nào ba cũng về... Rồi mẹ mình mất, anh lớn báo tin sắp xuất cảnh, lúc ấy ba mình mới đưa mình về thăm quê nội. Gặp lại họ hàng, người thân, hàng xóm ai cũng trách sao bây giờ mới về. Ba mình chỉ cười. Có nhiều người kể những chuyện đau lòng, những thảm cảnh trong bao nhiêu năm. Ba mình thường nói: qua rồi, thôi nhắc làm gì. Có người muốn ông kể lại những ngày tháng cũ, có người gọi đó là những ngày tháng hào hùng. Ông lắc đầu xoa tay bảo: có gì đâu mà kể...

Hai đứa chúng tôi ngồi lặng im. Chánh khoanh hai tay ngồi bất động. Tôi thấy Chánh như già hẳn đi. Chợt Chánh kêu lên:

- Cái ông cậu tìm chết rồi.

- Ông nào?

Tôi ngỡ ngàng. Chánh mở to mắt nhìn tôi đầy ngạc nhiên:

- Ông đạo diễn chứ ông nào.

Tôi à một tiếng khi nhớ ra. Chánh vẫn trở mắt nhìn tôi không chớp:

- Thế cậu tìm được rồi à?

- Vỡ kịch à? Không. Không kiếm ra người thì biết nó ở đâu mà tìm. Nhưng nghĩ lại thấy ngớ ngẩn... Mình không quan tâm đến điều đó nữa.

Chánh ngả người ra lưng ghế:

- Vậy mà mình tưởng cậu thiết tha lắm...

Lúc trước tôi muốn tìm hiểu xem ông già tôi đã nghĩ, đã sống như thế nào? Tại sao giữa cha và con lại có một khoảng cách mù tịt như thế? Nay tôi thấy điều ấy thật vô ích. Sự tìm hiểu ấy có lẽ cũng vô vọng. Những di ngôn, di cáo tự nó không là sự thật. Ông già tôi đã chết. Người ta sống từ hiện tại bước tới. Không ai sống bằng quá khứ trừ những xác chết chưa được chôn cất. Tôi lặng đi với những ý nghĩ trong đầu. Chánh vẫn ngồi im. Tôi nói:

- Cậu đã biết được những gì cho mình nghe đi.

Chánh úp hai bàn tay lên mặt vuốt mạnh như tự đánh thức mình:

- Chả là thế này, mình thấy cậu nhiều lần kể lại việc đi tìm bản thảo vở kịch, có hôm ngồi uống với mấy tay cũng hoạt động trong lãnh vực sân khấu mình mới hỏi, họ có người biết ông ta nhưng nói ông ấy nay vào trong nam giúp một người bạn nuôi cá sấu, thỉnh thoảng ông ấy có ra ngoài này, đặc biệt có một địa chỉ bao giờ trở về ông ấy cũng ghé lại, đó là quán chè chén của bà Châu Long. Người quen bảo: bà này là đào chèo từ ngày xưa, sau này bà ấy còn đóng kịch, đóng phim, chuyên trị vai bà mẹ. Có người bảo bà đã có lúc là người tình của ông Hùng Tiến.

Mình đã tìm được quán nước và gặp bà Châu Long. Vừa nghe nói tới tên Hùng Tiến bà ấy hỏi ngay mình là người thế nào? Mình ngờ ra không biết nói sao, cuối cùng mình bảo là đàn em. Bà ấy nói: Mới tháng trước ông ấy ghé đây vậy mà đầu tuần rồi được tin ông ấy mất. Người ở trong ấy ra nói ông ấy ngã xuống ao bị cá sấu cắn mất mấy ngón chân. Như người ta thì không sao, nhưng ông ấy già rồi, sức đề kháng không còn. Nghe kể mà tội nghiệp quá. Những người ngồi uống nước mỗi người nói một câu. Có người hỏi: bà là bạn thân của ông ta mà, bà có vào đưa đám không? Bà Châu Long bảo: đi sao được, xa quá, lại được tin muộn... Rồi bà ấy kể: Tôi quen ông ấy từ hồi kháng chiến. Ông ấy bên kịch còn tôi ở bên chèo. Lúc ấy nhiệm vụ chúng tôi nặng nề lắm, như cổ vũ lòng yêu nước, chống ngoại xâm, thực hiện nếp sống mới, tăng gia sản xuất... Để phục vụ nhân dân chúng tôi diễn cả những vở cũ như Nghêu Sò Ốc Hến, Lưu Bình Dương Lễ... Tôi thì đã kết với vai Châu Long. Có một lúc vở Lưu Bình Dương Lễ được lệnh ngưng diễn, tôi mất vai Châu Long. Tôi không hiểu vì sao mới hỏi ông Hùng Tiến. Ông ấy cười cười bảo tôi: làm vợ ba quan huyện suốt đời à, bên tôi đang thiếu người vào vai nữ du kích đây. Ông ấy dụ tôi sang đoàn kịch của ông. Tôi còn đang phân vân thì đùng một cái có lệnh Lưu Bình Dương Lễ được tiếp tục diễn với một thay đổi: Dương Lễ chỉ có một vợ là Châu Long thôi. Quan huyện Dương Lễ cũng một vợ một chồng theo nếp sống mới. Có người bảo: như thế thì phải giết bà hai, bà ba mới phải lẽ. Có

người giọng bông lơn: vì thấy tội cho quan huyện Dương Lễ đang ba vợ nay chỉ còn một vợ nên chọn cho quan vợ trẻ. Tôi còn vai Châu Long, vì thế không sang đoàn kịch của ông Hùng Tiến... Bà già kể câu chuyện cũ một cách hào hứng. Mấy người ngồi quanh bàn nước ai cũng cười. Một người nói: tôi mới xem Lưu Bình Dương Lễ còn đủ ba vợ mà. Một thanh niên chen vào: hôm qua cho chết hôm nay cho sống lại khó gì. Nhưng chắc bây giờ ba vợ quan huyện đã đăng ký kế hoạch hóa gia đình rồi, quan huyện cũng đáng được biểu dương mới phải: Ba vợ mà đâu có đứa con nào... Mọi người lại cười ồ lên. Một người chột hỏi: sao hồi này không thấy bà đóng phim nữa. Bà già nói giọng phân bua: lúc trước nhiều người bảo tôi: sao bà chịu khó cày bừa thế, thu hoạch chắc khá lắm, tội cho tôi, nhận vai cho vui là chính chứ tiền bạc đâu có bao nhiêu, có khi còn chẳng được đồng nào, họ lờ đi. Trước thì chuyên vai Châu Long, bây giờ già thì phim nào có bà già họ lại gọi tôi. Nào mẹ già tiễn con đi, đón con về, khóc thương con đi xa, mẹ giúp con dâu nuôi con chờ chồng. Những phim loại ấy bây giờ thừa rồi. Sau này là những vai bà mẹ đi nuôi con trong tù vì tham ô, buôn lậu, bà đi thăm cháu trong trại cai ma túy, bà mẹ đau buồn phải về quê sống vì con nó vào ở nhà cao tầng... Giọng bà cụ bỗng chua chát: sân khấu màn ảnh cũng là đời cả đấy. Xưa kia bà mẹ được tôn quý, nay bà mẹ sao khổ khổ, nhếch nhác. Hôm rồi có ông đạo diễn đưa cho tôi một kịch bản nhờ đóng vai bà mẹ. Đọc qua tôi không nhận một phần vì lúc này tôi yếu đi, một phần thấy bà mẹ mang con đi bán... Khiếp quá, tôi chịu không được.

Chánh ngừng kể... Tôi hình dung về người đàn bà từng vào vai Châu Long. Bà cùng thời với ông già tôi, với ba của Chánh. Ông già tôi đã chết. Ba Chánh đã chết. Ông đạo diễn đã chết. Bà Châu Long nay đã già yếu...

Một buổi tối thứ bảy, anh Tín gọi điện: anh chị mới ra, trưa mai cho anh chị ăn cơm nghe. Tôi giật mình nhớ ra: anh chị vào nam đã lâu và như tôi đã quên anh. Tôi nghĩ tới Lành, người em ấy có còn sống? Hình như cuộc sống luôn là những chia cách, phân ly. Khi kẻ tình người quê. Khi kẻ nam người bắc người ta quá ít thời gian sống bên nhau, khiến cho tình cảm mỗi người như mỏng đi.

Gần trưa anh chị Tín đẩy cửa bước vào sân nhà. Hai đứa con tôi từ phía nhà bếp chạy ra. Anh Tín đưa cho chúng một gói giấy nhỏ và một túi lớn mỏng. Mấy bác cháu đi vào nhà, vợ tôi từ bếp chạy lên. Tôi thấy nét mặt anh chị đầy vẻ hân hoan, ba gian nhà ngang vốn lặng lẽ bỗng đầy ắp tiếng nói, tiếng cười. Chuyện dọc đường, chuyện thời tiết... Khi ngồi vào bàn uống nước tôi nói:

- Kỳ này anh chị đi lâu quá, trở ra chắc là để thu xếp cái nhà?

- Hai vợ chồng già mà sống ở ngoài này là không được rồi. Con nó bảo chúng không về nữa, ở trong ấy quen rồi... Bây giờ là thời con gái đặt đâu cha mẹ ngồi đấy. Trong khi ấy chị thỉnh thoảng lại thở dài: ở đã lâu mà sao cứ thấy nhớ nhà... Anh cứ phân vân chưa biết phải làm sao...

- Vậy thì ở hai nơi, ở trong ấy chán thì về ngoài này, mùa lạnh thì vào trong đó cho ấm...

- Mấy cháu nó muốn anh chị ở luôn trong đó, bán nhà ngoài này đi, nhà được phân không ở người ta lấy lại đó. Ở trong Sài Gòn nhiều người được phân nhà, sau khi hóa giá là họ bán luôn, toàn là những nhà tốt giá rất cao. Họ bảo nhau: cắt đuôi cho chắc ăn biết sau này thế nào? Nhiều người giàu to có tiền tỷ gửi ngân hàng. Đang vô sản thành tỷ phú. Có những người không con cái, ôm đồng vàng không biết làm gì tự nhiên trở thành người giàu lòng từ

thiện nào giúp người nghèo, xây chùa, trao học bổng... Trách gì người ta nói ăn theo thuở ở theo thời...

Anh Tín nói chuyện một cách bình thản, tất cả mọi điều không gợi ra một ý gì riêng. Thằng con trai tôi mở được quà của bác ra, tôi thấy nó ngấm nghĩa, nhìn ngang nhìn dọc rồi đưa đến giở ra cho tôi coi: đó là chữ tâm viết bằng chữ quốc ngữ được cách điệu như chữ Hán viết theo như pháp của Tàu. Chữ Tâm được đắp nổi sơn nhũ vàng óng trên nền đen bóng của tấm ván hình tròn. Anh Tín nói:

- Cháu thấy đẹp không? Cái này là của ông nội được người ta tặng.

Thằng con tôi đưa ngón tay chạy theo với nét chữ rồi nhìn tôi hỏi:

- Chữ này bằng vàng phải không bố?

Anh Tín nghe cháu hỏi thì cười ngất. Thằng nhỏ lấy móng tay cạo nhẹ vào thân chữ lớp sơn vàng bong ra. Tôi cười với tay xoa đầu nó:

- Vàng đâu mà vàng, cái chữ này người ta làm khuôn rồi đổ nhựa, sơn nhũ vàng trước khi gắn lên gỗ. Sao con lại nghĩ nó bằng vàng?

Con tôi ngần ngừ một lúc mới nói:

- Ở nhà bạn con có treo một khung kính quà tặng sinh nhật ông nội, trên hàng chữ mừng còn có ba ông phúc lộc thọ, bạn bảo con: tất cả đều là vàng thật. Mẹ mình bảo: ông nội sẽ để cái tranh bằng vàng ấy lại cho mình để cưới vợ. Vậy người ta tặng ông nội chữ này để làm gì?

Tôi ngần ngừ một lúc mới nói:

- Để trang trí nhà cho đẹp. Đây là một chữ có ý nghĩa mà.

Thằng con tôi vẫn đứng yên, móng tay vẫn tiếp tục cạo lớp nhũ vàng trên thân chữ tâm. Tôi vội cầm lấy tấm ván tròn:

- Đừng làm nó hư mất. Đâu phải nhà nào cũng biết treo chữ. Sống mà có tâm khó lắm.

Anh Tín nói:

- Chữ tâm, tức là lương tâm, cháu biết rồi chứ, sống phải có lương tâm. Bây giờ nhiều nhà treo chữ lắm, trông rất sang.

Anh Tín vừa nói vừa nhìn chung quanh nhà như tìm kiếm gì. Anh nhìn tôi nói:

- Nhà chú chưa có bàn thờ thần tài à?

Tôi cười nói:

- Bọn em có làm ăn buôn bán gì đâu mà thờ thần tài.

- Có thờ có thiêng, có kiêng có lành. Nhà anh có ông thần tài đẹp lắm để anh đưa qua cho chú.

Vợ tôi đang đứng ở xa chạy đến:

- Thôi thôi anh đừng mang qua không em lại mất công đi quét sân. Hôm trước có chị bạn mang tặng em một ông để thờ khách vừa ra khỏi cửa nhà em đã liệng ngay ra sân vỡ tan tành...

- Sao vậy?

Anh Tín mở lớn đôi mắt ngạc nhiên. Tôi không biết nói thế nào.

Sau nhiều thập niên sống trong khắc khổ, khô cứng và những khó khăn trong chiến tranh. Bỗng một cái mọi điều thay đổi. Sự thay đổi đó có thể nhìn thấy ngay trên những mảng tường của mọi gia đình: những bộ tranh mỹ nữ cầm kỳ thi họa, mai lan cúc trúc, chữ phúc, chữ lộc, chữ tâm, chữ nhẫn, ảnh vợ chồng ngày đám cưới phóng lớn... đã thay thế những bằng khen, ảnh tượng các lãnh tụ. Nhiều nhà xuất hiện những bàn thờ thần tài gắn đèn xanh đỏ chớp nháy suốt đêm và hương khói nghi ngút. Người ta đổ xô nhau đi lễ đền bà chúa kho, bà chúa liểu. Nhiều người đi gọi hồn, xem tử vi tướng số và hầu đồng. Người nói tới đời sống tâm linh, luật phong thủy cho chỗ ở, có nhà còn treo bùa, đặt chó đá nơi cửa nhà. Nghề làm vàng mã từng bị cấm ngặt nay hưng thịnh hơn bao giờ. Cỗ âm phủ không chỉ nhận được quần áo gấm vóc, mỹ nhân làm nàng hầu mà có cả xe hơi, nhà lầu, ti vi tủ lạnh với những nhãn hiệu quốc tế với kiểu dáng mới nhất và tất cả những gì có trên dương gian, hơn thế, còn nhận được đô-la để tiêu dùng.

Truyện ông thần tài hình như làm cho anh Tín mất vui. Tôi đứng lên nói vợ dọn cơm và lấy chai rượu vang của Chánh cho để trên bàn thờ xuống. Tôi đưa chai rượu về phía anh Tín:

- Anh có rành về mấy thứ này không?

Anh Tín cầm lấy coi:

- Anh đâu có biết gì về rượu. Bây giờ người ta uống rượu tây cho sang. Ở đâu ra vậy?

- Bạn em mới ở trong Nam ra cho, nó bảo uống nhiều bia to bụng trông khiếp lắm.

Khi buông dũa. Anh Tín nhìn tôi nói:

- Hôm trước chị có đi gọi hồn bố.

Vợ tôi nghe xong quay ngay sang chị Tín:

- Sao? Hay không? Chị kể cho em nghe đi, bố có nói gì về con cái không?

Tôi cười nhìn anh Tín:

- Thế anh không đi với chị à?

- Ồ, chuyện của mấy bà. Nghe người ta đồn sao đó về một cô đồng mới xuất hiện, mấy bà rủ nhau kéo đi xem. Chị dấu anh đến khi về mới kể. Chị bảo: Kinh thật, hồn nhận ra em là con dâu nhưng sau đó hỏi gì cũng không nói chỉ khóc.

Tôi nói:

- Lạ nhỉ, hồn khóc. Như vậy thì không phải ông già rồi. Anh có khi nào thấy ông già khóc không?

Vợ tôi nói:

- Để nguyên chị kể cho nghe nào, mấy ông này thì lúc nào cũng khích bác.



Ngần ngừ một lúc, chị Tín kể:

- Khi tới nơi thấy đông người quá đã tính về, chị bạn muốn đợi vì không phải lúc nào cũng có thể đi được. Trên vách có treo nhiều thư cảm ơn vì kiếm được hài cốt, người thì tìm được con lạc... Cô đồng này đặc biệt vì ai muốn đặt lễ bao nhiêu cũng được không có vẻ kinh tài. Khi đến lượt chị đặt lễ rồi nói tên tuổi người muốn gọi hồn... Cô đồng lấy một tấm khăn đỏ phủ lên mặt, châm một nén hương kẹp giữa bàn tay chấp lại vái về phía bàn thờ, miệng khẩn nghe không rõ... Lúc sau nghe có tiếng nói như từ đâu vọng lại: đây không phải là con của hồn. Chị sợ quá vội nói: con là con dâu thì cũng là con của bố... Không có tiếng đáp lại. Chị nói tiếp: bố có gì dạy con không? Im lặng kéo dài rồi có tiếng khóc. Cô đồng bỏ tấm vải đỏ xuống nói: đồng thẳng rồi, hình như hồn có nhiều oan khuất nên không nói thành lời được...

Chị Tín vừa ngưng kể vợ tôi đã nói ngay:

- Hay tại chị không phải con ruột nên bố không nói.

Vợ tôi quay sang phía anh Tín:

- Hôm nào anh dẫn nhà em cùng đi gọi hồn bố xem sao? Bố là người khó tính mà.

Anh Tín nói thủng thẳng:

- Chú ấy đi gọi hồn bố à? Hồn có về cũng không dám nhập.

Anh Tín không trả lời đứng lên đi về phía bàn học của các cháu. Anh Tín ngừng lại nhìn vào gáy những cuốn sách để trên kệ, lật một vài cuốn vở để trên bàn. Sau chót anh cầm một cuốn lên tay. Anh nhìn về phía tôi nói:

- Bố hay con đang đồng hành cùng Pavel đây?

Tôi chưa kịp nói thì từ cuốn sách Thép đã tôi thế đấy hai tấm ảnh của người đàn bà hôm trước để lại rơi xuống đất. Anh Tín cúi xuống nhặt lên và ngắm nghía, anh đi về phía tôi:

- Thế này là thế nào?

Tôi kể lại chuyện hôm trước, anh Tín lắng nghe vẻ tư lự lúc sau anh nói:

- Liệu còn thêm ai tới gặp anh em mình nữa không nhỉ?

- Ai mà biết được/

- Chuyện bố để lại di chúc cô ta có biết? Thế chú có đưa tờ di chúc cho cô ta xem không?

- Còn đâu mà xem, em đốt lâu rồi.

Anh Tín ngạc nhiên:

- Sao lại đốt?

- Giữ nó để làm gì.

Anh Tín không nói thêm lặng lẽ ngắm đi ngắm lại hai tấm hình trên tay. Lúc sau anh nói nhỏ như nói với chính anh hơn là nói với tôi:

- Sau này bọn cháu chắc nó có loạn luân thì lỗi đâu phải ở chúng...

6.

Mười giờ đêm điện thoại reo. Ở bên kia đầu máy anh Tín nói giọng gấp gáp: đã đưa bố đi cấp cứu. Tôi ngạc nhiên, hôm trước gặp thấy ông bình thường. Anh Tín bảo: có vẻ nguy.

Sáng sớm tôi leo xe ra thành phố, vào bệnh viện, đang tìm phòng thì gặp ngay anh Tín ở cửa. Tôi bước vào: ông già nằm thêm thiếp trên giường và đang được truyền dịch. Anh Tín nói: bố mới chợp mắt được một lúc, anh Tín kể: đêm qua ngồi trên xe thấy bố thờ đốc, anh tưởng hồng rồi, nhưng sau khi vào viện bố hồi tỉnh dần dần, bác sĩ bảo: đã ổn định, không có gì phải lo. Anh Tín nói hết chuyện này sang chuyện khác về những sinh hoạt của ông già. Giọng anh nhỏ có lúc tôi nghe không ra. Gian phòng yên tĩnh. Ông già nằm bất động, nước da bệch bạc dưới ánh đèn xanh, khuôn mặt những nếp nhăn chùng chất, đôi lông mày như thêm nhiều sợi bạc, mái tóc đen dài ngày nào nay đã ngả màu tro, ở cuối vạt tóc mai bên trái lộ ra một vết sẹo kéo dài như trước đó đã bị một vật nhọn phạt qua... Tôi giật mình: đây là lần đầu tiên tôi có dịp nhìn rõ cả những chi tiết nhỏ trên mặt ông già. Trong suốt chừng ấy năm đã có bao nhiêu lần hai cha con giáp mặt nhau? Những lần giáp mặt nhau đâu có phải để tay bắt mặt mừng, để nhìn nhau rưng rưng nước mắt mà chẳng thể nói thành lời, để mà cười hờn hờ... nào đâu có những điều tôi đã từng thấy trên những trang sách thắm đẫm tình ruột thịt. Không, những điều đó không đến với tôi. Một lần giáp mặt ông già, nghe ông nói, tôi chỉ biết cúi mặt nghe. Có lẽ ông già đã nhìn kỹ tôi, nhìn kỹ đứa con của ông. Tôi cũng không chắc điều này. Từ lúc theo mẹ và bà ngoại tản cư, rồi hồi cư tôi cố nhớ lại lần gặp mặt đầu tiên và khuôn mặt ông già. Hồi đó ông già có vóc dáng cao lớn, bước đi chững chạc, da trắng, mắt nâu dưới đôi lông mày đậm, giọng nói ấm áp. Bọn bạn bảo: bố mày là một tên đẹp trai có hạng, bọn đàn bà mơ tưởng. Tôi cố gắng nhớ lại những lần gặp mặt và những gương mặt mỗi lần tôi được nhìn thấy. Tất cả như lẫn lộn vào nhau, hình như mỗi lần gặp tôi lại thấy ông có một khuôn mặt khác. Có điều chắc chắn là chưa bao giờ tôi thấy trên mặt ông một nét vui của một nụ cười, hay vẻ thoải mái thanh thản. Cứ mỗi lần nghĩ tới ông, tôi lại lúng túng không biết ông là khuôn mặt nào trong vô số những khuôn mặt xuất hiện với vẻ hao hao giống nhau.

Tôi chợt nhớ tới hai tấm tranh thờ nơi nhà một người bạn mà tôi có dịp lui tới. Người bạn nói: chắc cả nước không có một tấm tranh nào như thế, bố tao vẽ ông và bà sau khi mất. Tôi hỏi: cậu thấy có giống không? Bạn bảo: giống khiếp, nhất là hai con mắt, bố tao là họa sỹ mà, ông vẽ theo trí nhớ, không cần ảnh mẫu, thánh chưa nói ra chắc người ngoài không tin. Chắc bố cậu yêu ông bà ghê lắm mới vẽ được như thế. Bạn bảo: khó để nói về điều này, tao chỉ biết khi ông nội mất bố tao cạo trọc đầu như thầy tu. Nhớ tới cái đầu trọc đầy những sẹo khiến tôi bật cười. Anh Tín nói: lại nghĩ chuyện vợ vẫn gì vậy? Tôi nói: Sao chưa có khi nào ông già mình cạo trọc đầu nhỉ?

Ngày hôm sau anh Tín gọi điện thoại cho tôi: ông già đã khá rồi, không có gì phải lo. Tôi vẫn nghĩ: đời sống của ông già đang cạn dần.

Về sống với gia đình anh Tín, sinh hoạt của ông già tôi như hoàn toàn đổi khác. Anh Tín bảo: đêm ông cứ lục đục suốt. Ông lặng lẽ, không một phản ứng nào với những sự việc xảy ra. Mỗi lần tôi bước vào phòng ông già tôi thấy như ở một thế giới khác. Khi thấy ông già ngồi xếp bằng nhìn ra cửa sổ, khi ông đứng bên cửa nhìn ra khoảng sân hẹp, khi ông nằm thẳng, hai tay để lên ngực mắt mở lớn nhìn trần nhà. Những lúc đó trong đầu ông đang nghĩ gì? Mỗi lần tôi tới ông đều hỏi: Trung hả. Chỉ có hai tiếng không có gì thêm. Tôi cũng không biết mình nên nói gì ngoài mấy câu thông thường: bố ăn được không, ăn có ngon miệng không... Đôi khi thêm vài câu khác như: hôm nay trời nóng quá, tối hôm qua mưa lớn tới sáng mà mấy

con đường còn đầy nước xe không chạy được... Ông già chẳng nói chẳng bàn, ông chỉ nghe và gúc gúc cái đầu...

Anh Tín nói: hình như bố biết mình không sống được bao nhiêu nữa nên đã thu xếp mọi điều có thể thu xếp được. Bố đã đi thăm một vài người mà nhiều năm trời không nhìn mặt nhau. Có ai tới thăm bố đều lấy một thứ gì đó tặng làm kỷ niệm: có thể là cái tẩu thuốc, một cuốn sách, một bông hồng khô ép phẳng lấy từ vườn của một danh nhân thế giới, một cái vỏ ốc trong một chuyến đi biển, một cục đá chặn giấy của một chuyến leo núi... Đó là những quà tặng có được, bố đã không muốn giữ. Với những giấy tờ, những trang viết hoặc ghi chép bố bắc ghế ngồi bên cái thùng sắt tây đốt từng tờ một, dùng một cái que cời cời cho không còn một mụn giấy nào sót lại. Tôi nói: sao ông già không biết hồi ký nhỉ, cuộc đời của ông hấp dẫn lắm chứ? Anh Tín cười: đã có người đề nghị với bố từ lúc bố còn khỏe kia. Anh có mặt trong cuộc gặp gỡ đó. Khi nghe đề nghị, bố bỗng cười lớn rồi nói: hồi ký hư cấu được không? Người đề nghị ngạc nhiên: hồi ký là người thực, việc thực, hư cấu thì thành chuyện bịa rồi... Bố không trả lời rồi nói: để thông thả rồi tính, đã chết ngay đâu mà sợ... Tôi nói: em nghĩ, ông già có sống tới trăm tuổi cũng không viết hồi ký, bởi ít ra ông còn biết sợ...

Ông già nhập viện đã hơn tuần lễ, qua điện thoại anh Tín có vẻ lo nói với tôi: sức khỏe của bố thấy không có cải thiện. Tôi nghĩ chắc ông già không còn có dịp trở về nhà nữa. Tôi bảo vợ thu xếp đưa hai đứa con lên thăm ông già vào ngày chủ nhật ngay đó.

Buổi sáng vợ tôi cùng hai đứa con ra thành phố. Tôi dặn vợ: nhớ đưa con đi ăn quà gì cho đặc biệt, đi chơi một chút, lâu quá bọn nhỏ mới có dịp ra khỏi nhà. Hai đứa con tôi vui ra mặt. Ra khỏi cổng hai đứa con quay lại vẫy tay với tôi. Trời dịu mát, hình như là mùa thu. Tôi ngồi ngay hiên nhà nhìn lên ngọn cau cao ở gần hàng rào. Trời im ắng dịu dàng.

Ngoài ngõ một người đội mũ thấp xuất hiện, một tay chống gậy, một tay cầm chiếc túi vải lửng thững bước qua cổng. Tôi ngạc nhiên thấy ông già vội vàng đứng dậy, bước ra, ông già đã vào tới sân, một bên mép như hơi nhếch lên:

- Bố yếu lắm mà...

- Còn đi được...

Giọng ông già như kéo dài ra. Ông già đứng yên nhìn tôi một lúc rồi bước tới. Lên tới hiên nhà ngang ông già hỏi: mấy đứa đi đâu cả? Vợ con dẫn hai cháu lên thăm bố... Ông già bước vào nhà, dựa cái gậy vào ghế, để cái túi vải lên bàn rồi ngồi xuống. Ông già đưa mắt nhìn khắp gian nhà. Ngồi im một lúc ông lấy cái mũ vải trên đầu ra để lên trên cái túi xách rồi dùng cả hai tay vuốt cho tóc nằm xuống. Chợt ông đứng dậy đến trước bàn thờ mẹ tôi, ông cầm thẻ nhang lấy ra ba nén châm vào ngọn đèn nhỏ, cắm lên bát nhang. Ông già tôi đứng im như một pho tượng. Đây là lần đầu ông già tôi thấp cho mẹ tôi ba nén hương sau mấy chục năm mẹ tôi mất.

Có một lần đã lâu, lúc đó ông già tôi mới xin được một căn hộ cho vợ chồng anh Tín, đúng vào dịp giỗ mẹ tôi, gia đình sum họp cùng với mấy người thân, anh Tín có nói với ông già ngày cúng giỗ. Anh Tín nói: bố hẹn sẽ đến. Đã tàn hai tuần hương vẫn không thấy bóng ông già. Sau khi cỗ đã hạ xuống, mọi người ngồi vào bàn ông già tôi mới tới. Ông già đi một vòng coi căn hộ mới của anh Tín, ông ngó vào tận nhà tắm, nhà bếp, mở rộng cánh cửa nhìn ra ngoài. Ông già tôi nói với anh Tín: nhà này chắc là của một chủ Tây nó làm từ hồi mới sang... Đó là lần duy nhất mà ông già ngồi ăn giỗ với con cháu. Suốt bữa ăn không ai nhắc đến mẹ

tôi. Có một lúc cậu tôi hỏi: đây là giỗ thứ bao nhiêu rồi nhỉ? Không có ai trả lời. Tôi nhìn sang anh Tín, anh Tín đưa mắt nhìn về phía ông già đang và cơm...

Rồi bàn thờ ông già lững thững đi khắp nhà, ông nhìn ngắm mọi thứ rồi dừng lại rất lâu nơi kê bàn học của thằng con trai tôi. Khi ông bước ra hiên, tôi nói: bố còn nhớ đường về ngoại? Ông già nhìn lên ngọn cau ở hàng rào: hồi xưa không có cây cau này. Ông già bước xuống sân rồi ngồi xuống hiên gạch: sáng nay có người quen tới thăm, sẵn xe, bố nói đưa bố đi chơi một chút và bố về thẳng đây, không khí ở nông thôn còn trong lành, bố thấy sao ở quê này mấy chục năm rồi mà chẳng có gì thay đổi. Từ cổng làng, quán nước, cả đến hai cây gạo ở đầu làng hình như vẫn thế, cái kim đồng hồ như không chạy, thời gian đứng một chỗ, lạ thật, ngựa đá đầu có qua sông... Một đàn gà con chạy theo mẹ băng qua khoảng sân ra hàng đậu, ông già chăm chú đưa mắt nhìn theo. Ông già quay lại nói với tôi: Bố biết anh không bằng lòng bố, cái thời nó thế chẳng thể tránh được. Khi già anh sẽ hiểu. Tôi ngạc nhiên. Ông già đứng lên không nói gì thêm, mắt nhìn về phía nhà thờ cửa đóng kín. Tôi nói: Cậu bảo con đưa mẹ lên thờ ở nhà trên. Ông già im lặng.

Tôi không sinh ra ở ngôi nhà này. Bà ngoại bảo: cái nhà ngang này ông bà xây sau khi sinh mẹ con. Còn ngôi nhà trên lúc nhỏ bà đã thấy nó cũ rồi, nó có từ thời các cụ... Mẹ tôi cũng không sinh ra ở đây. Ông ngoại tôi sinh ra ở đây tuy không sống ở đây nhưng được thờ ở đây. Sau chiến tranh bà tôi từ mạn ngược hồi cư về thẳng ngôi nhà này và lập cho mẹ tôi một bàn thờ ở nhà ngang. Con cái chết trước bố mẹ là không phải đạo. Bà bảo thế.

Ông già tôi đứng sững trên sân một hồi lâu mới lững thững bước về phía ngôi nhà trên. Những bước đi của ông yếu ớt và nặng, bàn chân như không nhấc lên cao được. Ông già chậm rãi bước lên hiên nhà thờ, ông đẩy cánh cửa bức bàn và thò đầu vào. Ông đứng im một lúc có vẻ lưỡng lự, sau chót ông mở rộng hai cánh cửa liên tiếp và bước vào trong. Nhà trên của bà ngoại tôi có ba gian hai trái... Ở gian giữa có kê một cái sập trước hương án, trong là bàn thờ có một cái y sơn son thiếp vàng. Trước y thờ có ảnh ông bà ngoại tôi và ảnh ông cố mặc triều phục. Bốn cột giữa nhà có treo câu đối phía trên hương án có treo tấm hoành phi nền son với ba chữ đại tự thếp vàng... Ông già tôi vào trong đó làm gì? Tôi nghĩ tới cảnh ông già đi tới đi lui nhìn bàn thờ, ngắm những đôi câu đối. Có phải ông đang nhớ lại những ngày đã quá xa trong quá khứ mà ông đã từng có mặt ở trong ngôi nhà này? Có phải ông đang nhớ tới những người đã khuất? Ngôi nhà vẫn như xưa nhưng nay ảm mốc, cũ kỹ và vắng bóng bao con người. Từ sau khi bà ngoại tôi mất chỉ khi giỗ tết tôi mới mở hết cửa ngôi nhà. Có lúc tôi bảo đưa con trai lên ở trên đó cho yên để học nhưng nó ậm ừ không lên.

Ông già từ trong nhà bước ra, đóng cửa lại, xuống nhà ngang ngồi ở trường kỷ. Tôi vào nhà rót nước vào chiếc cốc lớn để trước mặt ông già. Tôi nói: Chắc mấy cháu còn đợi ông. Khi đi bố có nói về đây không? Không, hôm nay không gặp thì hôm khác gặp. Không khí im ắng, có tiếng gà cục tác ở xa vọng lại. Tôi nói: bố nằm nghỉ chút không? Ông già nhìn cốc nước trà xanh rồi mỉm cười: Không cần. Chợt nét mặt ông già như nghiêm lại ngừng lên nhìn tôi, một tay để lên cái túi vải: cái này bố giao cho con, những bản thảo, thư từ, ghi chép của bố... Bố cố tìm lại một kịch bản mà vẫn chưa lấy lại được. Nếu con được đọc kịch bản này thì hay quá...

Tôi nhớ tới thùng sách còn để lại trong gầm giường nơi nhà anh Tín, nay lại thêm cái túi vải, toàn là những quà tặng của quá khứ. Tôi không nói. Nhận hay không nhận hình như đối với ông già tôi cũng không quan trọng. Đối với ông già, tôi nghĩ, cách mà ông dùng để giải thích về ông. Một kịch bản thất lạc? Tôi nói và nhìn ông già. Mái tóc được vuốt xuống đã che khuất

vết sẹo kéo ngang vàng trán. Ông già nói: Vợ kịch có chủ đề về sự dối trá, nó chỉ mới được diễn phúc khảo rồi ngưng lại. Tại sao? Bố cũng không biết. Ông già cầm cốc nước trà xanh lên uống một ngụm lớn, ông ngả người ra lưng ghế nói: Vợ kịch diễn phúc khảo đêm trước thì sáng hôm sau một ông ở trên tới gặp bố mời đi ăn sáng và bảo: mấy anh ở trên bảo muốn được đọc kịch bản vở sắp trình diễn và nói bố cho mượn. Bố đưa ngay, ông ta còn hỏi: chỉ có một bản thôi sao? Bố bảo tôi chỉ giữ một bản còn thì ở dưới đoàn kịch cả. Ngay buổi tối, ông đạo diễn đoàn kịch tới gặp bố bảo: vở kịch có vấn đề rồi. Ông ta cho hay: họ tới thu lại tất cả các bản kịch, bảo gỡ hết các bảng quảng cáo, ngưng tập vở kịch chờ lệnh. Đạo diễn Tiến nói với bố: có chuyện gì vậy, sao anh không cho tôi hay? Bố ngó người ra và thuật lại việc một anh ở trên tới vào buổi sớm. Không có giấy tờ gì, chẳng có lệnh nào rõ ràng nhưng như thế có nghĩa vở kịch bị cấm. Với kinh nghiệm, bố lặng thinh như không có chuyện gì xảy ra. Bố chờ. Trước đó bố đã được lệnh chuẩn bị một chuyến công tác ra nước ngoài. Bản tin nói về chuyến đi đó có tên bố. Gần ngày đi bố liên lạc để biết về ngày tập trung, ngày giờ lên đường và công tác của mỗi thành viên... Nhưng khi bố liên lạc thì chỗ nào cũng chỉ nói: đang chờ chỉ thị. Sát ngày lên đường cũng không có ai liên lạc với bố. Qua ngày lên đường, báo đài đưa tin nói về phái đoàn đã lên đường, trong đó vẫn có tên bố, mấy người biết là bố không có mặt trong đoàn công tác. Bố hiểu rằng đã có một điều gì đó ở cấp trên. Bố chờ đợi những điều xấu nhất. Im lặng là một thứ hình phạt. Chờ đợi một điều gì đó sẽ đến, chưa trải qua thì không thể hiểu được nỗi sợ hãi như thế nào. Công việc hàng ngày vẫn bình thường, nhưng những cái nhìn từ người khác, những giao tiếp thực sự đã có cái gì khác. hình như có người đã tìm cách xa bố, có người dè dặt xem chừng... Thời gian ấy đối với bố thật khủng khiếp. Sự im là một nhà tù. Phải một thời gian dài sau đó ở trên mới gọi bố giao cho công tác tổ chức một cuộc họp chuyên ngành. Bố hiểu rằng chuyện vở kịch đã được xếp lại. Nhưng vẫn tự hỏi: vở kịch đã phạm vào lỗi gì? Ai đã ra lệnh cho sự im lặng đó? Chẳng có ai nói gì với bố về vấn đề này và hẳn nhiên bố chẳng bao giờ dám nghĩ tới việc hỏi cho ra nhẽ. Sau này có lần gặp đạo diễn Tiến, ông ấy bảo: anh Sáu bảo đó là một vở kịch độc ác, ám chỉ... Ông Tiến nói với bố: tôi đọc lại vở kịch của anh đâu thấy có vấn đề gì, trai gái yêu nhau, lừa gạt, dối trá, tham tiền, lừa thầy phản bạn, ham chức quyền... thời nào chẳng có? Đời mà... Hôm người ta tới thu kịch bản, may sao tôi bỏ quên một bản trong ngăn kéo. Sau này mang ra đọc lại tôi ngạc nhiên, hay bây giờ mình dựng lại? Bố gạt ngay đi. Nhìn lên bố vẫn còn thấy sợ... Mấy lần bố tìm cách lấy lại kịch bản, nhưng khi hỏi người này thì nó lại ở người kia. Anh hãy tìm đạo diễn Tiến, kịch bản còn ở trong tay một người nào đó.

Giọng ông già đều đều, đôi lúc ông ngừng lại để uống nước. Trong giọng nói của ông già có một vẻ gì mệt mỏi, và hình như ông muốn giải bày một điều gì. Tôi im lặng lắng nghe. Có tiếng động ngoài sân, hình như có chiếc mo cau vừa rụng xuống. Sao ông già không nói về bà ngoại, về mẹ tôi... Ông già ngừng lại trong im lặng, mặt thản nhiên đôi mắt mệt nhọc nhìn xuống mặt bàn. Tôi nghĩ đến những điều dị nghị về ông. Tại sao mình không hỏi thẳng ông những điều đó? Tại sao ông không ngó ngang gì tới vợ con trong suốt một thời gian dài? Ông đi tìm cái gì không đời? Có tiếng chim sẻ trên mái ngói của buổi sáng im ắng.

Ông già đứng lên, đội cái mũ vải lên đầu, tay phải cầm lấy cái gậy gỗ. Ông già nói: bố đi đây... Ông già chậm rãi bước ra hiên, xuống sân, ra cổng. Tôi im lặng bước theo. Ông già bước những bước ngắn, lưng không còn thẳng, cái gậy trên tay chống nhẹ trên mặt đường. Vừa đi ông già vừa ngắm nhìn cảnh trí chung quanh. Khi ngang qua khu vườn trồng chuối, ông già ngừng lại, ông quay nhìn tôi: ở đây trước kia là gì nhỉ? Ông già nhìn ra sự thay đổi. Tôi nói trước kia là nhà Văn Chỉ. Ở phải rồi, bố cứ ngỡ ngờ... Tôi nói tiếp: hồi đó nhà văn chỉ được

phá đi để lấy gạch xây chuồng lợn của hợp tác xã, nền nhà và sân được cuốc lên để làm vườn thuốc nam trồng gừng, nghệ, ngải cứu, tía tô... Thế mấy tấm bia vứt đi đâu? Có một tấm nay ở chỗ cầu ao cửa đình, người ta dùng để giặt quần áo... Ông già đứng lặng im một lúc rồi bước đi. Tới đầu làng ông già bước chậm lên những bậc đá để lên mặt đê. Đứng trên mặt đê cao, ông già đưa mắt nhìn về phía bãi sông rồi quay nhìn cánh đồng, những vạt màu xanh và nâu... Ông dơ cao tay như một cách chào nói với tôi: Thôi bố đi đây... Ông già tôi bước lên xe, cửa xe đóng lại, chuyển xe chuyển bánh. Tôi đứng nhìn theo cho tới khi chiếc xe khuất khỏi những lùm cây trên con đê uốn khúc.

Tôi trở về nhà, cái túi vải của ông già còn để trên mặt bàn, tôi cầm lên bỏ vào ngăn tủ. Cách một ngày sau anh Tín nói qua điện thoại: bố đã khỏe và trở về nhà rồi. Anh Tín nói thêm: chú đưa lại cái túi vải mà hôm trước bố đưa cho chú, bố muốn đọc lại cái gì đó. Sáng hôm sau tôi mở tủ lấy cái túi vải leo xe ra thành phố. Thấy mặt tôi anh Tín reo lên: sáng nay khi ra khỏi nhà với một ông bạn bố còn hỏi anh: đã gọi điện cho chú chưa... Hai anh em ngồi nói chuyện về sức khỏe của ông già. Anh Tín bảo: có lẽ bố thoát hiểm rồi, bỗng nhiên tinh táo khác thường, may thật. Tôi kể lại buổi sáng hôm ông già về quê chơi cuối câu chuyện anh Tín bảo: ai rồi cũng có lúc phải nghỉ lại.

Cả nhà đợi cơm tới quá trưa ông già vẫn chưa về, cuối cùng anh cả bưng mâm ra bàn: mình ăn thôi, đói rồi, vả lại bố có thức ăn riêng, đến bữa thế này có khi ai đó mời ăn cơm cũng không chừng.

Ăn cơm xong tôi nằm ở đi vắng và ngủ được hơn một tiếng. Ông già vẫn chưa về. Tôi lấy mũ đội lên đầu, anh Tín nói: thế không đợi bố về à. Tôi nói: em phải về không hết xe. Ba ngày sau anh Tín gọi điện giọng hốt hoảng: bố hôn mê và đã đưa vào viện cấp cứu.

Tôi báo tin ông già nhập viện lại với vợ rồi leo xe ra thành phố. Anh Tín dẫn tôi tới phòng cấp cứu đặc biệt, chúng tôi đứng ở ngoài cửa kính nhìn vào. Anh Tín nói: bác sĩ nói vẫn còn hôn mê sâu nhưng được cái ổn định, hy vọng thời gian có thể cứu được. Đứng một lúc anh Tín kéo tay tôi đi ra ngoài hành lang và ngồi trên một băng ghế nhìn ra sân bệnh viện với những tàn cây xanh. Anh Tín kể:

- Như vậy là bố về nhà chưa được một tuần, có lẽ như ngọn đèn cạn dầu trước khi tắt thì bùng lên thôi. Chú ra hôm trước hôm sau bố kêu người đi mua giấy báo cũ tới bán hết tủ sách cả thùng sách mà lúc trước bố đã nói cho chú giữ. Khi đó anh đi vắng, lúc về tới thấy bố đang ngồi đốt những tập vở và những giấy má lòi từ trong cái túi vải mà bố mới kêu chú đưa lại... Bố ngồi trước đồng hồ, mặt im phăng. Anh tới gần hỏi: sao bố lại đốt đi vậy. Rất lâu bố mới nói: đốt đi chứ để lại làm gì... Anh không hiểu được. Tôi nói: thế ông già có nói gì tới tờ di chúc không? Anh Tín nhìn tôi: sao tự nhiên chú lại nhắc đến tờ di chúc? Em tưởng ông già hỏi để đốt đi luôn. Bố đốt những cái ấy đi là phải rồi. Ba cái di chúc, di ngôn là cái quái gì không biết. Anh vẫn thường nói: bố tính cả rồi. Ba ngày sau ông già tôi chết...

Khi tôi đưa vợ con lên tới nơi thì ông già đang hấp hối. Anh Tín và hai người bạn của ông già đang đứng ở hai bên giường. Tôi bước tới đứng sát bên giường. Anh Tín nói: bố bắt đầu hôn mê từ lúc nửa đêm. Anh Tín cầm lấy tay ông già cúi xuống nói: bố, bố... có vợ chồng em và hai cháu... Tôi nghe giọng anh Tín run run xúc động. Chợt đầu ông già lắc mạnh từ bên này sang bên kia, anh Tín sửa cho mặt nhìn thẳng lên, tôi thấy mi mắt động đậy rồi từ từ hé mở. Anh Tín cầm lấy tay ông già nói: cháu đích tôn của bố đang đứng bên đây... Mắt ông già vẫn hé mở, chợt cái đầu quay nghiêng sang một bên và không nhúc nhích... Anh Tín buông tay

ông già, sửa lại đầu cho ngay lại, anh vuốt cho đôi mí mắt khép lại. Anh Tín nói giọng như hụt hơi: hình như bố chờ có chú thím và hai cháu rồi mới đi. Tôi đứng im. Không có ai nói điều gì. Chợt tôi thấy hai chân ông già động đậy. Anh Tín đưa tay sờ đầu rồi sờ chân: đầu lạnh rồi nhưng chân vẫn còn nóng. Tôi nhớ có người nói: những vị bồ tát bắt đầu chết từ gót chân. Nguyễn Du khi lâm chung người nhà sờ chân nói với ông: chân lạnh rồi. Nguyễn Du còn tỉnh nói: được rồi... Anh Tín kéo hai tay, hai chân của ông già cho thẳng ra rồi kéo tấm vải trắng phủ lên người ông già. Tôi kéo hai đứa con lại gần: nhìn mặt ông nội lần cuối đi.

Sau khi xác ông già được đưa vào phòng lạnh, lúc đi trên hành lang tôi hỏi anh Tín: Khi còn tỉnh bố có dặn gì không? Có nhắc đến ai không? Anh Tín nói: mấy ngày nay bố không nói gì, bố biết là bố không thể bình phục, tội là bố đã chết một cách đau đớn, cứ trông bố vật vã thì đủ biết, có đôi lúc cơn đau dịu đi bố mở mắt nhìn chung quanh rồi lại nhắm mắt nằm im... Tôi hỏi: việc đám tang thế nào? Anh Tín nói: anh cũng chưa biết tính thế nào. Tôi nhìn vào mặt anh Tín nói: bố không dặn gì em thấy nên hỏa táng cho bố. Xuống tới sân bệnh viện chúng tôi gặp rất đông người đang chờ gặp: đó là mấy người bạn cũ của bố, người của cơ quan này, của hội kia. Khi nói tới hỏa táng, mọi người đều lên tiếng phản đối. Một người bạn của ông già nói: không nên hỏa táng, bố anh có tiêu chuẩn cao lắm.

Với một ban lễ tang, có lễ truy điệu, có diếu văn, có những vòng hoa lớn có gắn tên những cơ quan, đoàn thể, cá nhân có tiếng, những lời chia buồn được làm cho mềm đi. Tôi lùi xa, khuất lấp vào một góc ngó nhìn những gương mặt xa lạ. Tôi nghĩ trong đám người này thế nào cũng có những kẻ đang hân hoan vì có thể họ sẽ lên thay những chức vụ mà ông già tôi vẫn giữ. Sao ông già tôi lại sống giai đến vậy? Trong một đội hình có trên có dưới, tất nhiên kẻ sắp hàng phải chờ, và những kẻ ở sau mong cho những kẻ đứng phía trước biến đi, dù là cách nào cũng tốt cả. Nhiều kẻ đứng ở phía sau hẳn phải đau khổ khi thấy mình đã già, đã yếu đi mà các cụ ở mâm trên vẫn tráng kiện tươi cười. Quan tài đã hạ xuống. Tiếng kèn vĩnh biệt vang lên. Xác chết nằm tại chỗ. Những người sống túa ra khỏi nghĩa trang vội lên những chiếc xe đủ loại nổ máy. Ông già tôi đã chết. Nếu nay còn phải làm lý lịch thêm một lần nữa chỗ khai người cha, tôi chỉ còn phải viết rất ngắn: đã chết vì già. Tôi sẽ chết, và sau đó là vợ, là con tôi. Ai cũng phải chết. Nhiều người quên nghĩ tới điều này... Chỉ mấy ngày nữa trên thân xác ông già rồi bọ sẽ bắt đầu sinh sôi, đục khoét xương thịt, tất cả sẽ mục rã theo thời gian...

Những người phu đắp cao đất trên ngôi mộ, trong khi chờ đợi tôi đi chậm trên con đường nhỏ của nghĩa trang, tiếng lạo xạo của những viên sỏi trắng dưới chân, những hàng cỏ tóc tiên dọc theo những con đường nhỏ ngay ngắn, những vạt cỏ xanh được cắt tỉa, nhiều chậu hoa trên những bệ cao, những tấm bia đá với tên tuổi người chết được khắc sâu. Không có nắm mồ nào vô danh. Những anh hùng vô danh nằm ở nơi khác... Lúc ra tới cổng nghĩa trang tôi thấy mấy thằng bạn còn đứng ở đó. Tôi tới gần nói: còn đứng đây làm gì? Bây giờ tôi mới nhìn rõ đám bạn: thằng Chánh, thằng Côn, thằng Thịnh đứa nào cũng ăn mặc chỉnh tề. Tôi gúc gúc đầu nói: bọn mày đi đám ma có văn hóa đấy. Anh Tín bắt tay cảm ơn những người còn lại sau chót. Thằng Chánh ghé lại nói vào vai tôi: Đi làm một chiều không? Tôi trợn mắt nhìn nó. Chánh nháy mắt: Làm gì mà nghiêm trọng thế, bọn tao ngồi ở quán Thủy Hử. Ngần ngừng một lúc, tôi bảo Chánh: chờ tao đi luôn. Tôi dặn vợ đưa hai con về nhà anh Tín chờ tôi ở đó. Tôi theo đám bạn vào thành phố.

Trời nắng nóng, quán bia đông như một cái chợ. Tiếng gọi nhau, tiếng cười nói ồn ào. Tiếng nói vang động từ bốn phía: hai đê, một chó hấp, tính tiền bàn số ba, cho thêm bia bàn số 3,

khăn lạnh bàn số 8, có bàn trong này bố già hai chân dê bàn số... Chúng tôi ngồi quanh một cái bàn tròn những ly bia rót tràn, hơi nóng hầm hập, những cái mặt dần dần đỏ lên bóng nhẫy mồ hôi, những ngực áo phanh ra, những lọn tóc ướt bết trên cổ. Thăng Chánh cầm vai bia đưa cao về phía trước mặt: nào cùng cạn chén rượu ly biệt. Nói chưa hết câu nó bật cười thành tiếng. Thăng Thịnh lấy giọng điềm đạm: bia đâu phải rượu, vai đâu phải chén. Tôi tự nhủ: bậy quá, bậy quá, ông già vừa nằm chưa ấm chỗ dưới đất thằng con đã đi uống bia cười đùa, bất hiếu thấy rõ. Bố chết người ta khóc xưng cả mắt, cạo trọc đầu ăn chay. Thật chẳng ra thế nào. Một bàn tay vỗ mạnh vào vai, tôi ngừng lên. Chánh nói: uống đi, uống đi, chiều nay có trận bóng đá, thằng Đường Sắt đấu với Than. Thăng Côn hỏi: tranh giải gì vậy? Giải vua Hùng do hãng Dầu Cọp bảo trợ. Sao không gọi giải Dầu Cọp cho xong còn vua Hùng vua hiệc làm gì cho rách việc – Mà ý đéo biết cái gì hết, phải đưa vua Hùng ra mới ăn, mới hoành tráng, nó vừa oai nghiêm truyền thống, vừa rõ cái nền bóng đá yêu nước – Đẹp mẹ nó mấy cái ý nghĩa lằng nhằng đó đi, độ trận đấu chiều nay đi, thằng nào thua hai thùng bia – Tao cá Than thắng – Tao cá Đường sắt – Sao vậy? Vì thằng Đường Sắt chưa có điểm, mà thằng Than thì dư, cho mà chẳng mất gì còn được lại quả. Thế mới là bóng đá vua Hùng chứ, anh em phải đùm bọc nhau, phải có chút cháo chứ, hai bên đều có lợi... Thăng Côn chỉ vào mặt tôi: mà cá đội nào? Tao số lẻ không cá đội nào. Thăng Chánh kêu lên: thằng này có máu ông già nó, khôn bỏ mẹ. Tôi trợn mắt nhìn Chánh. Tôi giống ông già tôi sao?

Những vai bia được rót đầy liên tiếp, bọt trắng tràn đầy trên mặt bàn, nước chảy xuống đất giòng giòng. Trên bàn ngổn ngang những chén bát, xương xẩu, vỏ lạc, khăn giấy...

Tôi đứng lên: Thôi về đây, say rồi – Không về được, quỹ chung bán đồ dọn nhà hôm trước còn nhiều lắm, uống đi, về cái xó bếp làm gì... Hình như đứa nào cũng đã bốc men, thằng Côn cất tiếng hát rè rè ống bơ rì, thằng Chánh gõ nhịp bằng hai chiếc đũa lên mặt bàn. Thăng Thịnh tay cầm cái thìa múa ngang múa dọc. Gia tài của bố để lại cho con một túi bạc đầy... Bố chết để lại cho mỗi chiếc xe đạp Phượng Hoàng cũ rích mà còn ca hát om sòm... Gia tài của con một khúc ruột thừa... Gia tài của ai... Bao nhiêu năm đánh bạc dài dài, gia tài của bố để lại... Tôi nhìn vào mặt từng đứa bạn, những khuôn mặt xa lạ ngồi gần, tất cả như đã biến dạng, méo mó, vỡ nát, quần áo xốc xếch, đầu tóc bù rối... Những tiếng la, tiếng lầu bầu, tiếng cười tạo nên một không khí như ở cõi âm nào, một cõi âm giữa trưa nắng chói. Tôi dợm người đứng dậy. Thăng Chánh ấn vai tôi ngồi xuống: uống đi, uống cho đã rồi vào sân vận động la hét cho hả hơi. Tôi đứng lên la lớn: không, tao đi về... Mà cũng đang la đó, nhưng la hét như thế chưa đủ, phải vào trong sân với hàng ngàn những thằng điên đang la hét mới sướng... Hãy đứng đây mà la không đủ sao? Cái con bò, ở đây mà la hét đi xem có được yên thân không? Thăng Chánh túm lấy tôi, mặt đỏ gay hung dữ. Tôi cúi xuống cầm lấy vai bia trên bàn uống một hơi cạn rồi vùng bước ra khỏi bàn không nhìn lại. Tôi cố thoát khỏi cái không khí địa ngục đang vây lấy tôi và tôi thấy mình rỗng không... Rời khỏi quán bia, băng qua đường, tôi bước nhanh như chạy, tôi cố gắng lách, vượt dòng người chen chúc trên hè phố. Những xe đạp, xe máy, những gồng gánh, những tủ hàng, những ghế, những bàn, những lò nướng khói bốc mù mịt. Tôi cố gắng để thoát ra, nhưng hết phố này sang phố khác vẫn là đám đông chen lấn, hối hả, những đờ đạc ngổn ngang, những xe máy, xe đạp len lên hè. Tiếng máy nổ, tiếng gọi, tiếng la, những âm thanh hỗn độn, tiếng loa, tiếng hát cắt quãng từng khúc... cuộc đời vẫn đẹp sao... tình yêu vẫn đẹp sao... nếu là chim... nếu là hoa... nếu là người... Chạy đi đâu cho thoát, chạy đi đâu... Trời nắng nóng hầm hập, mồ hôi đầm đìa, trước mắt tôi những vòng ánh sáng xanh đỏ chòng chát quay cuồng. Tôi ngừng lại ở một góc phố, mệt quá tôi ngồi bệt xuống lề đường, dưới bóng mát của một tàn cây thấp. Tôi



ngẩng nhìn: tán một cây bàng lá xanh biếc với nhiều tầng che đi ánh nắng thiêu đốt. Tôi chợt nhớ tới những cây bàng trong sân trường học ngày nào... Tôi đang ở đâu? Tại sao tôi ở đây? Cổ quan tài đã được hạ xuống. Ông già tôi đã chết. Bố tôi đã chết. Bà tôi được táng trên cánh đồng làng. Mẹ tôi nằm lại trên một sườn đồi cỏ cao xanh chỉ còn ghi lại trong trí nhớ. Nơi đó ở đâu?

Cuối cùng thân xác ông già tôi đã nằm yên dưới đất. Người khác nhìn vào: ông là người công thành danh toại, mồ yên mả đẹp. Bằng mọi cách ông đã đi hết con đường của mình. Ông có hài lòng? Ông có hạnh phúc không? Chỉ có mình ông mới biết được. Tôi cũng có một ông bố, ông bố ấy đã chết. Nếu ai thấy tôi trưa nay ngất ngưỡng trong quán bia hẳn sẽ nói: thằng con mất dạy đi uống bia mừng bố chết. Quả là một tên bất hiếu chính hiệu. Tôi nhủ thầm và thấy cay cay trên đôi mắt.

## 1 Thơ Trần Lê.

### VỀ NHÀ

Về nhà, về nhà, về nhà

Nhà đâu? Chỉ có đường xa mịt mù...

1.

Tới ngã ba đường ông cụ ngừng lại nhìn chú bé chần trâu từ đầu tới chân: những sợi tóc vàng thưa, đầu nhỏ, trán hẹp, thân gầy bụng hơi ỏng, nước da sạm bầm, chân đất, người mặc chiếc áo cánh nâu nhàu nhượi. Chú bé tay cầm một ngọn dong tre phe phẩy liên tiếp quất lên những ngọn cỏ may dưới chân:

- Thưa ông... chần trâu...

Chú bé giật mình nhìn lên người đứng trước mặt: một cụ già, tóc bạc thưa, đôi mắt sâu, da mặt nhăn nheo, chiếc áo nâu cũ quá rộng với thân hình. Sao lại là ông chần trâu? Chú bé miệng há hốc, đôi mắt như trợn lên không chớp:

- Dạ... dạ... cháu chào cụ.

Cụ già miệng cười như mếu với đôi môi khô thâm đen:

- Chào cháu, cháu làm ơn chỉ giúp đường ra bến sông.

Chú bé cầm ngọn dong tre chỉ về hướng trước mặt:

- Cụ đi thẳng đây, tới ngã tư quẹo tay phải, đi một đôi gập ngã ba, đi thẳng. Tới chỗ gặp một con mương, lần theo bờ mương tinh ý tìm một cột xi măng, tới đó thì lội qua. Chỗ đó xưa kia có một cái cầu nay chỉ còn một chân. Khi người ta lội qua chỗ ấy vì là nơi nông nhất, không biết lội lung tung có khi gặp hố sâu thì chết chìm. Qua mương, lên bờ tiếp tục đi về phía tay phải, đi một quãng gặp một ngôi mả lớn, cụ ngừng lại rẽ theo tay trái, khi ở ngã ba này...

Chú bé ngừng nói nhìn lên gương mặt cụ già: miệng hơi hé mở, mắt ngơ ngác nhìn khoảng không, cả thân hình như bất động. Chú bé nhìn cụ già. Thời gian im lặng kéo dài...

Chú bé nói với về vệt vàng:

- Thôi... cụ cứ đi là tới... Cháu chào cụ.

- Không... không... cháu hãy giúp ta...

Vừa nói ông cụ vừa bước tới nắm lấy tay chú bé như sợ chú bé bỏ chạy. Chú bé có vẻ mặt thất vọng với chính mình vì bất lực trong việc chỉ đường:

- Thôi cụ ạ... cứ đi là tới, nghe cháu nói rồi quá phải không? Ông nội cháu bảo: đường ở miệng ấy... đường dài mà...

- Nhưng không gặp ai để hỏi?

- Thì cứ đi.

- Nhưng đi mãi không tới nơi... lạc đường.

- Tìm đường, nhìn lên trời định hướng.

Cụ già nhìn chung quanh: một vùng hiu quạnh. Nhìn lên trời: một bầu trời đen vần vũ.

- Trời này làm sao định hướng?

Chú bé ngừng nói, đưa tay chỉ về phía có ngọn núi cao:

- Cụ có thấy ngọn núi cao nhọn hoắt kia không? Ngọn núi nhô lên giữa hai ngọn núi thấp không đều nhau đó. Chính trên đỉnh nhọn đó là nơi mặt trời mọc buổi sớm. Cháu đã nhìn thấy mặt trời ở đó từ khi còn bé tí...

Cụ già đứng nhìn thẳng vào hướng núi:

- Trước mặt là đông, sau là tây, phải là nam, trái là bắc... Vậy bến sông ở hướng nào?

- Sông ở hướng đông. Muốn tìm bến thì trước hết phải thấy sông đã.

- Cứ nhìn hướng núi mà đi... cuối cùng thấy núi.

- Không, tới một ngã ba. Hóa ra cụ định lên núi à? Núi ấy kinh lắm, không ai dám lên đâu...

- Không, lên núi làm gì. Đã nói rồi: tìm bến đò...

- Tìm một nơi để rồi tới một nơi khác. Thôi cháu chào cụ.

- Ấy khoan, khoan đã... Cháu nói: núi ấy kinh lắm là thế nào?

Chú bé ngừng lại, về mặt hoài nghi nhìn thẳng vào mắt cụ già.

- Cháu chỉ nghe nói vậy thôi, cụ hỏi làm gì?

- Vậy tại sao mình không tới đó xem kinh thế nào? Người ta nói gì cũng tin à?

- Người lớn đã nói thì phải tin. Thế cụ không tìm bến đò nữa?

Cụ già cười hắc hắc trong cổ họng ra vẻ ngạo chú bé:

- Thế bây giờ ta nói trong núi có một bà tiên cháu có tin không?

- Cụ đang đi tìm đường, chưa từng lên núi, cụ nói ai mà tin.

- Vậy chúng ta cùng tới đó. Phải chính mình thấy chứ sao lại tin vào người khác, cho dù đó là người lớn. Mà người lớn thì tin được sao. Ta lại tin trẻ con.

Chú bé gúc gúc cái đầu nhìn xuống đất.

- Cháu chẳng hơi sức đâu mà đi với cụ. Còn con trâu phải lo cho nó đầy bụng đã. Thôi chào cụ.

Chú bé bước đi về dứt khoát. Cụ già nhìn theo lăm lăm trong miệng:

- Đi thẳng... ngã ba... ngã tư...

Cụ già quay nhìn chú bé dắt con trâu đen đi về phía có gốc cây cổ thụ. Chú bé đi xéo theo với hướng tới núi. Đi một quãng xa tới một ngã tư, ông cụ tần ngần lưỡng lự: một ngã ba, ngã tư, quẹo trái, quẹo phải...

2.

(Thưa ông chăn trâu. Thưa cán bộ. Thưa... Sao vậy nhỉ. Đập cái nhà này đi ư? Tại sao? Có phải vì nó thờ những người họ Trần? Những người được thờ ở đây có cả những người từng có công với nước được các vua xưa kia phong tặng từ thời diệt Nguyên Mông. Có cụ từng là nghĩa quân Yên Thế, có cụ từng theo phong trào Đông Du... Phá, phá, bọn nó đều là phong kiến không bao giờ nghĩ tới những người lao động bị bóc lột... Thắp đuốc cho sáng khắp đường. Thắp đuốc cho sáng đình làng đêm nay. Lôi cổ bọn chúng ra đây. Bắt quỳ gục xuống, đọa đày chết thôi... Không khí ma quái của những đêm nào trong xa thẳm còn hằn ghi trong trí nhớ. Đả đảo. Đả đảo. Những con người trở thành những con rối, những thằng bù nhìn... Những tội danh khủng khiếp: hiếp dâm, bóc lột, hành hạ, cướp của, giết người... Những con người như đã mất hồn để cho ma nhập mà gào lên, hét lên mà căm thù như đầy trong tiếng la, trong con mắt đỏ lên với tức tưởi, như họ sắp biến thành một con hùm, một con lang sắp nhảy lên cắn xé, nhai nuốt những con người đang quỳ trước mặt họ... Mình đã thoát ra được địa ngục đó như thế nào? Những kẻ thoát ra, sống sót họ có còn một đời sống như một con người? Họ có thoát được thân phận một kẻ tội nguyên sau khi bị tổn thương? Từng cái bát, cái chén được chia ra, kẻ vác chum người vác chĩnh, những viên gạch được cạy lên khỏi sân khuôn đi... Những con mắt nhìn nhau gườm gườm. Những tiếng nói được giữ lại trong họng. Cha con, anh em, họ hàng, láng giềng, làng nước như chẳng còn ai đáng tin, những ngờ vực như thuốc độc lan tỏa. Rồi sửa sai. Những kẻ hôm qua hùng hù hỏ hỏ bỗng sợ sệt như tội phạm... Mấy hạt gạo, những củ khoai trở thành vô giá. Rau dại không kịp mọc, vườn chuối bị đào cả gốc... Tiếng loa, tiếng kèn thay cho tiếng mõ cầm canh, tiếng chuông thu không khi chiều xuống. Rồi bom đạn, những hầm trú ẩn. Ai nói: mười phần chết bảy còn ba đến lúc vua ra chết hai còn một. Lại vua? Vua nào? Cái thời buổi... Tôi chẳng thể hiểu được. Những ác mộng giữa ban ngày và trong giấc ngủ chập chờn... Tại sao không chết?)

3.

Những ngã ba, ngã tư, quẹo phải... cuối cùng ông cụ đã tới được bờ mương. Nhìn thấy cây cột xi măng nơi giữa dòng nước ông cụ thở ra nhẹ nhõm. Ông cụ đứng nhìn chung quanh: cảnh đồng quê sao mà thanh bình. Bầu trời thấp trên đầu, gió nhẹ. Chợt nghe như có tiếng người gọi phía sau. Ông cụ quay đầu nhìn lại: một thanh niên đang vội vã đi tới. Người thanh niên thở hổn hển khi tới gần. Phải mất mấy phút người thanh niên mới nói thành tiếng trong hơi thở gấp:

- Cụ chỉ giúp cháu đường ra bến sông.

- Bến sông? Tôi cũng đang đi tìm đây.

Ông cụ và người thanh niên sau quãng đường dài đã tới được con đê cao, một bên là nước mênh mông mà ở chỗ nào đó là dòng sông nay nước đã tràn ngập cả những cánh bãi rộng lớn. Đứng trên mặt đê nhìn thấy nước đỏ ngầu với những lớp sóng nhẹ, ở xa thỉnh thoảng nhô lên những ngọn cây.

- Nước thế này còn đi đâu nữa?

Giọng ông già buồn nản, người thanh niên nhìn mặt nước tới tận chân trời:

- Mặt nước cũng êm, nhưng có thuyền không?

- Anh ở xuôi lên?

- Vâng, cháu lên nhà ông chú, lên tới nơi mới biết ông đã bỏ về dưới. Thời buổi những ly tán. Lạ lùng thật. Ai ngờ...

Người thanh niên bỏ cái túi vải có vẻ nặng và cái túi vải nhựa nhỏ đeo trên vai xuống đất rồi ngồi lên trên lớp cỏ dày ven đê đầy những cỏ may cao tua tủa. Ông già ngồi nơi mép đê thả chân xuống dốc đê thoải mái:

- Cho hai thằng chân này nó nghỉ một chút, tội quá, chỉ như hai ống sậy mà phải mang trên người cả một khối thịt nặng...

Ông già tụt người xuống sườn đê một chút, nằm xuống mặt cỏ, duỗi thẳng hai chân khi vươn hai tay lên quá đầu thì đụng vào cái bao vải của người thanh niên:

- Mang cái gì trong này mà cứng vậy?

- Đá.

- Đá quý?

- Của gia bảo.

- Ồ, thế thì tiền không, đá quý còn hơn vàng nữa.

- Chẳng phải hồng ngọc, mã não gì đâu, nó là hòn đá mài để cháu mài dao mài kéo kiếm ăn thôi.

- Đá mài, vậy cha truyền con nối à?

Người thanh niên cười lớn giọng sáng khoái, tiếng cười như vang động cả một vùng sông nước bao la. Chợt người thanh niên im bật:

- Thế cụ có nghề gì cha truyền con nối không?

- Đánh giặc.

- Bây giờ cụ sống bằng nghề ấy? Vậy không có giặc thì chết đói à?

- Nói như thế là nói quấy, vì nếu cha truyền con nối thì tôi chỉ có nghề cuốc đất. Cha đi đánh giặc, con đi đánh giặc... cuối cùng là...

- Thì bố cháu cũng đánh giặc, cháu cũng ở trong quân đội ra, lúc về đâu có nghề gì, có hòn đá bạn thấy rủ đi mài dao kiếm sống qua ngày, thật cũng chẳng biết làm gì...

Người thanh niên thở ra. Ông cụ tìm một điếu thuốc châm hút:

- Sao cậu bảo của gia bảo?

- Đúng thế... nó dài dòng lắm. Đến lúc cháu cũng phải bỏ nghề thôi, cháu không muốn mình là kẻ giết người.

- Cậu mài dao cho sắc để đi giết người?

Người thanh niên đứng phắt dậy vẻ tức giận:

- Cụ nhìn kỹ xem: mặt này có phải mặt giết người không?

Cụ già ngồi dậy nhìn người thanh niên từ đầu tới chân:

- Người mình có câu: trông mặt mà bắt hình dong. Con lợn có béo thì lòng mới ngon. Trông cậu: mặt mày sáng sủa, ăn nói lễ độ, dáng vẻ hiền lành. Nhưng đó là bề ngoài. Người mình lại có câu: sông sâu còn có kẻ dò. Lòng người ai dễ mà đo cho cùng. Cậu giết người hay không chỉ có cậu biết. Nhưng người ta thấy cậu giết người mà người ta để cho cậu yên à? Mài dao mà can gì tới sát nhân?

4.

Một hôm đang vắt ngựa tới gần một ngã tư, cháu nghe tiếng gọi. Cháu quay lại, một bà cụ tay cầm ba con dao nhè mài: một con dao phay, một con dao bồ cau và một con dao mũi nhọn. Con dao phay chắc lâu không dùng nên rỉ sét, thân dao hơi vênh còn hai con kia chắc đang dùng nên lưỡi sáng nhưng cùn. Với con dao phay cháu đập cho thẳng ra, dùng bào lướt đi một lớp, trước hết mài trên đá nhám cho mỏng lưỡi, thân dao đều đặn rồi cháu mới đưa sang hòn đá mịn. Chỉ mới mài được vài lượt cháu đã thấy thân dao nóng rẫy khác thường khiến cháu phải té nước liên tục. Cháu nghĩ: hẳn nó đã được thừa từ một lò rèn nào có nhiều kinh nghiệm với cách rèn luyện cẩn trọng, nhất là khi cháu soi lưỡi dao lên ánh sáng: màu thép có ánh xanh cùng những vết tía, trông qua người ta đã thấy nó khôn. Cháu mài cho tới lúc thấy lưỡi dao đã đều. Cháu thử lên lưỡi và tự nhủ: dù là một con dao phay nhưng nó có thể cạo râu được. Mài tiếp, chỉ mới đưa mạnh mấy cái con dao bỗng nóng lên một cách khác thường, ở ngay tay cầm mà nóng cháu đã chịu không được, phần lưỡi như đỏ lên. Cháu vội bỏ dao vào trong thùng nước, nước như sôi lên, hơi bốc nghi ngút. Lấy dao ra, lau cho khô, cháu thử một lần nữa xem đã bén đều chưa. Bà cụ mang tiền ra đứng bên coi cháu thử dao, cháu bảo: con dao này tuyệt tốt, cháu mài xong để một sợi tóc lên thử nhẹ đủ để sợi tóc bị cắt đôi. Vừa nói cháu vừa đưa ba con dao cho bà cụ. Vừa lúc đó một người đàn ông cởi trần đứng lên cạnh bà cụ giằng lấy con dao phay trong tay bà cụ rồi chạy tọt ngay vào một ngôi nhà gần đó. Cháu chưa hết kinh ngạc thì đã nghe tiếng kêu thất thanh: nó giết tôi, trời ơi, nó giết tôi. Tiếng kêu im bật. Mọi người ủa về phía tiếng kêu. Cháu vội chạy tới: trước cửa ngôi nhà, người đàn ông cởi trần tay cầm con dao máu còn nhỏ giọt, đôi mắt vô hồn nhìn tròng không chớp: đưa nào nữa? Đám người lùi ra xa. Dưới đất, phía trong xác một người đàn bà còn động đậy, máu đang tuôn ra từ cổ... Từ ngoài, bà cụ già lúc nãy đưa con dao cho cháu mài chạy ập vào: ối giời ơi, ối giời ơi, cứu tôi với... Người đàn ông vẫn đứng im không động đậy. Những người chung quanh nhìn sửng, im lặng, vẻ kinh hoàng hiện lên nét mặt. Chen giữa đám đông một bé gái tay cầm que kem vừa mút kem vừa nhìn mọi

người... Cháu vội vàng trở lại lấy đồ nghề vác lên vai chạy qua bên kia đường. Cháu nghĩ: có ai biết cháu đã mài con dao phay giết người kia không?

5.

Người thanh niên nằm trở lại xuống sườn đồi, ông già nhổ rễ những bông cỏ may bám vào chân quần. Bầu trời đục. Không gian yên ả:

- Sau đó cậu bị bắt à?

- Cháu có làm gì đâu mà bị bắt?

- Mài dao.

- Mài dao chứ đâu phải giết người mà bị bắt?

- Nếu dao cùn sao người ta giết người được?

- Cụ đưa dao cùn đây cháu đâm xem cụ có chết không?

- Ở hay cái cậu này, bỗng nhiên lại đòi đâm người là thế nào? Thế sao cậu nói cái gì giết người, rồi bỏ nghề?

Người thanh niên im lặng nhìn lên bầu trời, ông già thả những cánh cỏ may bay theo chiều gió:

- Bây giờ cháu còn nhớ như in con dao phay đó với lưỡi dao bén đến rợn người. Sau đó, xe có còi hú chạy tới. Bấy giờ mọi người mới dám lại gần, cháu cũng tới. Người ta khiêng xác chết lên, cái đầu gần như lia khỏi cổ. Cháu cũng không biết người đàn ông lúc đó ở đâu. Kinh hoàng với hình ảnh đã nhìn thấy cháu vác đồ nghề đi luôn, từ đó đến nay vẫn chưa dám trở lại chỗ đã xảy ra sự việc. Sao có thể cầm dao cắt cổ người ta? Khiếp quá.

- Sau đó cậu bỏ nghề?

- Chưa, lúc đó chưa. Nhưng những việc về sau khiến cháu nghĩ phải bỏ nghề. Lại nữa còn về hòn đá. Có phải hòn đá đã báo trước những con dao nào trở thành con dao giết người? Bởi vì cháu đã mài bao nhiêu là dao kéo mà đâu phải mỗi lần như thế đều có người chết đâu. Nếu vì cháu mài dao thì số người chết làm sao đếm cho xuể? Cái hòn đá và nửa kia của nó?

- Nửa kia của nó?

- Cháu đang đi tìm.

Người thanh niên đứng lên. Ông già cũng ngồi dậy nhìn mông về phía chân trời:

- Phải đi thôi...

- Đi đâu?

- Thế cậu không đi tìm bến sông đó sao?

Người thanh niên mặt ngơ ngác nhìn quanh rồi nói với ông già vẻ nghiêm trọng:

- Cụ tin có ma quỷ không?

- Tức cậu có tin ma quỷ?

- Cháu hỏi cụ mà?

- Trong đầu tôi chẳng bao giờ có chữ ma quỷ. Tại sao cậu hỏi thế?

- Vì hòn đá cháu mang theo đây. Không lẽ nó là hòn đá ma? Nó báo trước một con dao sẽ giết người.

Ông già cười thành tiếng:

- Thế bao nhiêu chuyện người ta giết nhau bằng súng, bằng bom đều được báo trước sao. Những con dao cậu không mài cũng vẫn giết được người. Xưa kia người ta đã đâm chém nhau, sau này người ta sẽ còn đâm chém nhau...

- Không thể làm cho người ta đừng giết nhau được sao?

- Tôi hỏi cậu: những con dao, cái kéo cậu thấy đó người ta làm ra để giết người sao? Không. Nó có công dụng của nó. Chẳng có dao kéo người ta cũng giết được người. người ta giết người là từ trong bụng người ta: những thù hận, oán ghét... Cậu nói thực đi: bao nhiêu người đã chết có liên can đến cậu?

- Ờ, cụ nói gì lạ? Sao lại liên can đến cháu?

- Thì chính cậu nói cái việc mài sao của cậu có liên can tới chết người, và cả hòn đá nữa?

6.

... Một lần cháu tưởng đã chết bởi con dao mình vừa mài xong. Hôm đó cháu tới một khi nhà tập thể, mới cất tiếng rao được vài lần đã nghe tiếng người gọi, cháu ngừng lại, để đồ nghề xuống hiên nhà và chờ đợi. Không phải một người mà mấy người cầm dao đi tới. Cháu cầm lấy từng con, nói giá, khi chủ nhân đồng ý cháu bắt đầu mài. Hầu hết những con dao ở khu nhà này đều bị lụt lưỡi nên mài mau sắc không cần phải bào, phải đập. Lần đầu cháu gặp một con dao ngoại kiểu dáng rất lạ. Con dao to bản hơi ngắn, sống dày, chuôi ngắn và nặng. Con dao vừa dùng để thái cũng như để chặt và cái sống thì dùng để dần. Không biết nó do nước nào sản xuất. Khi cháu liếc những lần cuối xuống hòn đá gia bảo thì cháu thấy con dao nóng lên.

Cháu nghĩ tới con dao phay hôm trước. Cháu không liếc nữa mà soi lên ánh nắng: cả thân dao như một tấm gương soi, thử lên lưỡi vào ngón tay chỏ cháu có cảm tưởng nếu lấy một lá cỏ dài chạm nhẹ lên lá cỏ đủ đứt ra làm hai. Lúc ấy có mấy người đứng coi mài dao ai cũng trầm trồ về con dao lạ. Một người đàn ông trung niên da trắng, mặt mày tỏ ra là người có học vừa đưa tay ra vừa nói với cháu: làm ơn cho coi thử con dao này chút. Cháu vừa đưa vừa nói: con dao lạ thật chẳng thể lộn với ai được. Người đàn ông nhìn hết bên này lại nhìn bên kia, rồi cầm ngược con dao ngắm nghía cái chuôi một cách kỹ lưỡng rồi hỏi cháu: ai đưa anh mài con dao này vậy. Cháu nhìn quanh tìm người đàn bà lúc nãy, chợt thấy bà ta đang bước xuống những tam cấp, cháu chỉ về phía người đàn bà mặc chiếc áo cánh màu xanh: của bà mặc áo xanh. Người đàn bà bước tới gần vừa đi vừa nói cho cháu nghe: xong chưa? Cháu chỉ con dao đang ở trong tay người đàn ông: xong rồi bà, con dao tốt quá ông đây thấy lạ đang coi. Người đàn bà nhìn người đàn ông vẻ mặt nghiêm lại. Người đàn ông nói: hàng xóm sát vách mà lại đi ăn cắp dao của người ta, mấy ngày kêu mắt mà im đi, hôm nay thì lòi ra. Vừa nói người đàn ông vừa bước đi về phía nhà tập thể. Cháu vội chạy theo túm lấy ông ta: cháu mài dao cho người ta đâu phải mài cho ông? Người này quay lại tay phải cầm dao, tay trái túm lấy ngực áo cháu rồi dơ con dao lên cao. Cháu hoảng sợ vội vứt áo... chạy ngược lại. Lúc đó người đàn bà mặc áo xanh xông tới. Người đàn ông dứ dứ con

dao vào mặt người đàn bà: đồ ăn cắp, con dao này tao mang từ bên Tiệp về không thể lẫn vào đâu được, cả khu này ai cũng biết con dao này của ai... Người đàn ông nói xong quay người bỏ đi. Người đàn bà đứng im một chút rồi đuổi theo túm lấy người đàn ông và tìm cách giằng lấy con dao, hai người giằng co nhau, người đàn ông vẫn cầm con dao giơ lên cao, hai người giằng co nhau cho tới khi người đàn ông vấp vào đường gờ của mương thoát nước áp sát tường nhà thì ngã nhào. Con dao trên tay rớt ngay xuống mặt người đàn ông. Mọi người súm lại cố gắng kéo người đàn bà mặc áo xanh ra. Người đàn bà hung hãn vẫn xông tới và nhặt được con dao đầy máu. Có tiếng người kêu: vớt đi, vớt đi không ở tù, vớt đi... Người đàn bà cầm con dao đầy máu khươ lên, tiến tới những người đứng chung quanh với vẻ hung tợn, mọi người vội vàng tháo chạy, người đàn bà đuổi theo ra ngoài con đường lớn, tiếng kêu cứu vang lên...

7.

Người thanh niên nói như bị ma đuổi, có lúc hụt hơi không còn nghe được tiếng nói. Người thanh niên ngừng kể, ông già vẫn há hốc miệng như chờ nghe tiếp. Lúc sau ông già mới nói:

- Chạy tới đâu rồi, anh bị chém à?

- Ai chém?

- Người đàn bà mặc áo xanh.

Người thanh niên vẻ ngao ngán:

- Khiếp quá, cứ thấy ai ở gần là bà ta khươ dao lên dọa, cuối cùng bà ta chạy tuốt ra ngoài đường lớn và xe hơi đâm phải, cháu đã nhìn thấy bà ta nằm trên đường, tay còn nắm con dao...

- Sao nữa?

- Hôm sau cháu trở lại: cả hai đều chết ở nhà thương...

Mây đen kéo kín bầu trời, gió đầy hơi nước phả lên mặt. Phía chân mây như có một bức tường xám dựng lên. Người thanh niên nhìn ông già:

- Cháu hỏi cụ: có phải hòn đá có ma không?

Ông già không nói tiếp tục bước đi bên người thanh niên. Tới ngã ba có cây gạo lớn, những cành không lá như xương khô vươn cao lên bầu trời, dưới gốc có một người ngồi dựa lưng vào thân cây. Hai người đi tới, người đàn ông đang ngồi đứng vội lên:

- Cụ với anh ra bến sông?

- Phải, sao anh biết?

Người đàn ông khoảng trên dưới bốn mươi tuổi hơi mỉm cười. Khuôn mặt khô khan, đôi mày thưa trên đôi mắt sâu trắc ẩn, chiếc bộ áo lính cũ, chiếc ba lô cũ rách khoác trên vai, đầu tóc vàng khô:

- Vì thấy cụ với anh có xách đồ nên đoán thế... Còn xa không cụ?

- Tôi cũng không biết, người ta chỉ đường thì cứ thế mà đi thôi, chưa biết là tới đâu.

- Đi thì phải tới. Cụ không phải người trên này?



- Tôi với anh bạn trẻ đây đều là người dưới xuôi gặp nhau khi đi tìm bến sông, anh cũng tìm bến sông?

- Dạ vâng.

- Thế thì cùng hội cùng thuyền rồi. Anh lên trên này chắc có việc?

- Vâng, cháu đi tìm mẹ một người đồng đội cũ.

- Chà quý hóa...

Vừa trò chuyện ba người cùng bước về phía trước với bầu trời đầy hăm dọa. Người thanh niên như chợt nhớ ra điều gì:

- Vậy cụ ở dưới xuôi sao lên trên này làm gì.

Ông già tép miệng:

- Thật chẳng ra thế nào, tự nhiên lại bò lên đây loanh quanh đi tìm đường cho cục cái thân già, biết thế cứ nằm dưới bến xe chờ nước rút rồi về có chết ai...

- Bây giờ cụ trở lên bến xe cũng đâu có sao.

- Đã tốn công còn quay lại làm gì. Tới luôn bác tài...

- Sao cụ lên đây làm gì cho khổ vậy?

- Tìm thằng con.

- Vậy cụ được mấy anh chị?

- Nhiều, nhưng chỉ còn mình thằng út.

- Anh út ở trên này, như vậy là cụ lên chơi với con chứ sao lại bảo đi tìm?

- Đi tìm mà, có khi nó chết rồi cũng có.

- Chết rồi sao còn tìm. Như vậy muốn tìm phải xuống âm phủ kia. Sao cụ không giữ anh ấy ở nhà?

- Giữ, chờ cho cậu có con mà giữ. Đến tuổi nhập ngũ: giữ được à? Đi lao động hợp tác kiếm ăn: giữ được à? Đi kiếm cuộc sống mới: giữ được không? Đi làm ăn: giữ được chắc? Đây là chưa kể tới những đứa con đi vì lý tưởng của nó hay vì tình yêu nó chọn... Giời ơi, nước chảy xuôi mà... Lại là cái thời mình phải sống này, có chọn được gì đâu. Có lúc tôi nghĩ về con nát cả ruột, có lúc nghĩ: biết thế này thì cắt bỏ cái con cặc vứt cho chó nó ăn.

- Chết, chết, cụ nói cái gì nghe ghê quá.

Người thanh niên dơ hai tay lên như đầu hàng. Người mặc áo lính thì cười hắc hắc, ông cụ cũng cười.

Những bước chân tiến về phía trước như nhanh hơn, vui hơn.

8.

Hai cậu hãy nghe tôi nói đây: tôi có năm thằng con trai, thằng cả đi đánh giặc gãy một chân, mất khả năng sinh con, thằng thứ hai đi lao động hợp tác không chịu về, thằng thứ ba vượt biên, thằng thứ tư sang K. mất tích, ... chỉ còn thằng út ở lại với tôi, tôi đã nói với nó nhiều

lần: bé cậy cha, già cậy con, hãy thương bố mà sống cuộc sống bình thường có cha có con. Mới đầu nó nghe tôi chọn nghề đi dạy. Khi ra trường nó rất hăm hở... Năm rồi, khi mùa tựu trường đến tôi thấy thằng út vẫn ở nhà. Tôi hỏi: sao vậy? Nó bảo: thời này còn làm thầy bà gì cho nhọc thân túi phận... Nghèo nhục lắm. Tôi chẳng biết nói sao. Ít lâu sau nó đi, trước khi nó rời nhà nó ôm lấy vai tôi mà khóc, không nói một lời. Tôi biết nó là thằng có đọc sách, có nghĩ. Vì thế tôi không gì làm cho nó phải nghĩ ngợi, tôi chỉ khuyên nó là phải sống lương thiện và giữ mình. Trong những đứa con, thằng út vốn là đứa tình cảm hơn những thằng anh, khi mẹ nó còn sống nó cũng thương tôi nhiều hơn. Vợ tôi thường bảo: nó là con ông chứ không phải con tôi. Như vậy các cậu đủ biết. Nó thấy tôi vất vả, lo toan thì than: sao số bố khổ thế, con đâu có làm được gì. Nó đi được đâu ba tháng thì về nhà, tôi trông thấy nó mà hoảng: gầy, da vàng ệch, tóc như đã qua hơi lửa. Nó về mang cho tôi mấy gói thuốc, ít mật ong và một gói tiền, nó cười với nét mặt rạng rỡ. Tôi muốn vút hết những thứ đó đi và bảo nó: bố chỉ cần con ở nhà với bố thôi. Nhưng trông gương mặt rạng rỡ với nụ cười hài lòng của nó tôi chẳng thể tỏ thái độ như tôi muốn. Nó có vẻ mãn nguyện về điều nó làm, hẳn nhiên thằng út của tôi không trọng tiền bạc, nhưng trước một thực tế nó phản ứng lại. Nó nói với vẻ buồn: bây giờ người ta chỉ lấy tiền làm trọng: bố để cho con kiếm thêm ít nữa rồi về sống với bố. Phá cái nhà lá này đi đào một cái ao thả cá, con sẽ dạy cho những trẻ thất học, bố rủ bạn chơi cờ... Nhưng tiền ở đâu ra? Tôi thấy lo, tôi vốn tin con nên không thể hỏi, nhưng sau chót tôi căn vặn nó, cuối cùng nó nói: nó cùng với đám bạn vào một tỉnh ở trong Nam đi nhặt, thu gom phế liệu, phá mìn, cưa bom... Nó cười cười bảo: quà tặng của chiến tranh, của để dành của những người đã chết để lại. Tôi bảo làm việc khác không được sao? Nó bảo: đi ăn cướp, tham ô ư? Sao lại bỏ việc đi dạy? Nghề ấy tự nó cao quý, nhưng bố có biết rằng người ta hỏi con như thế nào không? Học chữ có kiếm ra gạo không? Chưa đầy bao tử thì học chữ để làm gì? Họ hiểu sai, nhưng thực tế con không thể trả lời được. Ở vùng đói cha mẹ cũng như học sinh có ai ham học đâu. Vậy đi dạy nào có ích gì, nay học mai quên... Tôi không đủ sức thuyết phục con mình. Đâu phải nó vô lý... Tôi tưởng tượng tới cảnh một hôm nào đó nó tan xác bởi một trái bom, một quả mìn... Tôi bảo nó: không bỏ thì cho bố đi theo con. Nếu có điều gì thì bố con cùng chết. Nghe giọng tôi khô cứng, nó hiểu tôi muốn nói gì với nó. Nó lắng nghe và im lặng. Mấy ngày sau nó rời nhà, nó nói với tôi: con nghe lời bố, con chọn việc khác. Mấy hôm sau tôi vào nơi nó từng ở: nó không có đó, đúng như nó đã nói với tôi. Nhưng bạn nó nói: anh ấy đi đào vàng rồi... Thế là tôi lên thẳng trên này. Lên tới bãi vàng tôi chỉ thấy một khung cảnh hoang tàn, thiên nhiên bị tàn phá. Có người ở gần đó cho tôi hay: bãi vàng đã bị đóng cửa, không biết những người đào vàng đi đâu... Vừa định về nhà thì bão lụt...

9.

Ông già không nói nữa, ông bước đi đầu hơi cúi. Hai người đồng hành với những bước đi đều. Phía trước không xa như có một ngôi nhà nằm sát với mặt đê. Người thanh niên ê a thành tiếng:

- Anh Trương Chi chờ đò ngoài sông.

Gác chèo trên mạn anh mới hát giải lòng một câu

Kiếp này đã dở dang nhau thì xin kiếp khác duyên sau lại lành.

Ông cụ quay đầu lại, chân vẫn bước:

- Cậu nói cái gì vậy?

- Cháu đâu có nói gì. Cháu nhớ tới một câu hát từng được nghe mỗi tình của anh Trương Chi, người thì thật xấu hát thì thực hay... Bố cháu bảo: tại kiếp trước không tu...

- Người mình chịu cực khổ mấy chục năm, không lẽ kiếp trước đều làm việc ác? Không tu? Bố cậu, chú cậu, tôi những đứa con tôi, có khi cả ông bà cậu, bố mẹ cậu, và chính cậu có ai được sống một cách đường hoàng sung sướng không? Thế là thế nào? Trời có nói gì đâu? Đất có nói gì không? Vậy hỏi ai?

Ngừng một chút, ông già nói tiếp giọng thân mật:

- Ông thân cậu thế nào?

- Ông chết rồi.

- Vậy là bố cậu sướng...

- Chết mà sướng?

- Vì sống khổ quá thì sống làm gì? Đa thọ đa nhục. Mãi sau này tôi mới vỡ lẽ ra về điều này của Khổng Khâu.

- Chết sướng, cụ nói nghe ngược đời. Khi biết mình sắp chết, bố cháu cầm tay cháu, nước mắt lưng tròng: bố đã chẳng làm được gì nhiều cho con. Con hiểu giúp bố... cái thời buổi bố sống... Cháu nói: không phải thế... không phải thế... Lúc đó hình như bố cháu đã không nghe thấy nữa. Có ông bố nào lại không lo cho con, thương yêu con? Lại không muốn nhìn thấy đời sống con mình tốt đẹp. Nhưng nhìn đời sống của cháu hẳn ông không vui. Cháu nhìn cháu cũng thấy mù tịt.

Trời vần vũ, mưa đổ xuống, nhìn về phía trước thấy ngôi nhà nhỏ trên mép đê đã gần ngay trước mặt, không ai bảo ai cùng chạy nhanh về phía trước. Vừa bước vào nền nhà cao, người mặc áo lính vấp phải mô đất ngã chúi xuống, cái ba lô trên vai văng mạnh ra xa làm những đồ đạc ở trong bắn ra tung tóe, một gói bọc tấm vải đỏ cũng bung ra. Ông cụ kêu lên:

- Cái thì thế này?

Dưới mặt đất là những đốt xương người, miếng xương lớn là một nửa hộp sọ.

- Đồng đội của cháu.

Người mặc áo lính ngời dậy tới lấy cái gói vải đỏ mở rộng ra rồi nhặt những mảnh xương lại. Anh ta làm một cách cẩn thận nhẹ nhàng, đôi mắt dọi khắp chung quanh để không bỏ sót một mảnh xương nào dù nhỏ. Ông cụ và người thanh niên cũng giúp một tay. Ông cụ nói:

- Vậy là thế nào?

Người mặc áo lính sắp xếp những mảnh xương ngay ngắn gọn gàng rồi túm từng góc tấm vải đỏ buộc lại:

- Cháu đưa bạn bè về với mẹ. Nếu ra sớm được bà cụ đã có thể ra đi yên lành. Nhưng bà cụ đã mất...

Người mặc đồ lính sửa lại quần áo, xếp đồ đạc vào trong ba lô. Ngoài trời mưa như đánh trống. Trời mù mịt. Nhìn người trước mặt không xa chỉ thấy lờ mờ. Người thanh niên thở ra. Ông cụ mệt mỏi ngồi ngay xuống đất dựa lưng vào vách. Người mặc đồ lính nói giọng đều đều:

- Lúc anh bạn chết chúng tôi đâu có thể làm gì khác là đào vôi cho anh một cái huyệt và tìm cách ghi dấu vì chung quanh tiếng súng vẫn đang nổ và những người bị thương đang cần phải được giúp đỡ ngay...Cuộc chiến rồi cũng kết thúc. Kẻ chết đã xong, người sống mỗi người một ngã. Cháu trở về nhà. Trong đời sống, có những lúc cháu khựng lại, hình ảnh những đồng đội cũ hiện ra, ngày tháng cũ và tiếng bom đạn như còn âm vang... Một hôm có người bạn cũ đứng trước cửa với một bà cụ già. Người bạn giới thiệu với cháu mẹ người bạn đã nằm xuống trong một trận giao tranh. Bà cụ đã đi tìm hài cốt người con duy nhất của mình từ nghĩa trang này tới nghĩa trang khác. Tìm đơn vị cũ, vùng đất đơn vị đã đóng quân, những nơi liên hệ tới những người đã chết, tất cả chẳng tìm ra một chút tin tức gì. Sau cùng bà cụ lần tìm những người bạn từng chiến đấu với con mình, nhưng cụ biết đó: kẻ chết, kẻ mất tích, kẻ đi, người đến, đơn vị thay đổi, có những đơn vị đã hoàn toàn bị xóa. Vậy mà sao bà cụ lại tìm ra được cháu... Cháu chợt nhớ rất rõ về những đồng đội này. Một viên đạn đã găm vào bả vai anh. Bà mẹ lắng nghe tôi kể mọi điều tôi được biết về anh. Khi nhắc tới cái bớt xanh nơi mang tai anh, bà cụ đôi mắt như dại đi. Cháu tự hỏi: có phải lúc đó bà cụ đang nhìn thấy con mình ở trước mặt? Tôi kể cho tới lúc không còn gì để kể, nhưng với bà cụ, thì hình như bà muốn tôi tiếp tục kể, nói về con mình... Tôi hiểu dần ra về lòng một bà mẹ dành cho con mình như thế nào. Tôi bỏ hết công việc cùng bà cụ lên đường tìm kiếm, nhưng tìm mãi tôi vẫn không tìm ra nơi chúng tôi để anh ấy nằm lại. Mặt đất bỗng mênh mông vô tận đối với tôi. Sau bao nhiêu ngày không tìm được bà cụ thấy yếu hẳn đi và đành trở về quê với lời căn dặn tôi. Suốt thời gian ở bên bà cụ tôi không thấy bà cụ khóc, nhưng có những giây phút bà lặng đi với nét mặt vô hồn. Có một câu tôi nghe bà cụ nói nhiều lần: tội nó phải nằm ở nơi xa lạ lạnh lẽo. Tôi tiếp tục công việc tìm kiếm. Tôi vẫn nghĩ: chết là hết, nằm ở đâu cũng được. Tôi đi tìm anh ấy thực ra là vì người sống chứ không phải vì người chết. Tôi đi tìm hài cốt người đồng đội là để cho người mẹ già kia được thanh thản sống những ngày cuối đời sau bao nhiêu hy sinh đau khổ... Thế rồi tôi đã tìm được nơi anh nằm trong vùng đất hoang vu không có bóng người mà nơi đó đã từng có lúc là chiến trận. Có được hài cốt tôi vội vàng lên đường về quê bà cụ. Tới quê thì bà cụ đã lên trên này sống với người con gái. Tôi đi ngay, tới nơi thì bà cụ đã mất mấy năm rồi, ngay từ sau chuyến đi hồi đó. Người con gái kể cho tôi nghe về những ngày tháng cuối đời của mẹ mình: lòng thương xót đứa con trai. Tôi lặng đi. Có điều tôi cảm thấy chỉ có bà cụ là nghĩ tới người đã khuất, nghĩ tới hài cốt đứa con thân yêu của mình. Tôi không nói gì về bộ hài cốt tôi mang theo người. Tôi nghĩ nên đưa hài cốt của anh về một ngôi chùa nào đó vì tôi cũng không muốn gợi lại nơi người em gái đồng đội của mình một nỗi xót thương. Thời gian của cuộc chiến cũng đã xa, chẳng nên khơi gợi bất cứ điều gì, bởi vì quá khứ đâu có làm thành cuộc sống của những người đang sống, hãy để cho những tro tàn bay đi...

Người mặc đồ lính ngừng nói. Ông cụ lấy ra một điều thuốc chân hút. Đốm lửa như đầu một ngọn nhang đang cháy. Giọng ông cụ như lạc hẳn đi:

- Chỉ có những bà mẹ...

Người thanh niên nói:

- Mẹ cháu mất sớm, cháu chẳng nhớ được gì nhiều... Cháu nhớ bố cháu. Cháu nhớ như in ngày trở về nhà...

10.

Trở về. Từ xa nhìn về làng cũ, mường tượng tới mái nhà thân quen, lối đi, hàng cây, người thân... sao nó rộn rã... Lúc đi đã không dám nghĩ tới ngày về, đâu phải một mình cháu như thế? Bước qua cổng nhà, vượt qua khoảng sân đất hẹp. Từ trong nhà bố chạy ào ra ôm lấy cháu, ông ghì chặt lấy người con trai của mình rồi soa đầu, nắn vai, cầm tay để thấy nó là con mình: có da, có thịt, có hơi ấm... Bao nhiêu người con đi không trở về? Bao nhiêu đứa con trở về không như xưa: đứa tàn phế, đứa bệnh tật, có đứa là một người khác. Bố cháu bảo: khỏe rồi, bố chỉ trông vào một lúc như thế này để bố kể cho con nghe những gì con chưa biết... đã đến lúc con phải trở về quê nội một chuyến... Bố cháu đã xung phong đi đánh Tây vào lúc còn rất trẻ, Tây thua phải ký hiệp định. Hòa bình bố cháu nghĩ tới gia đình nên sửa soạn để trở về. Bạn thân cũng là đồng đội cản lại: ở quê không bình thường, phải chờ một thời gian nữa. Ở quê bố cháu lúc đó đang phát động một phong trào gì đó như là kêu nghèo, kể khổ, nhớ thù xưa... Sau đó bố cháu cưới em gái người bạn thân và chọn quê vợ làm quê mình. Bố cháu dấu kín mọi điều cho tới mấy chục năm sau mới nói. Trước khi về quê nội, bố cháu mở ra trước mặt cháu một tờ giấy trắng lớn, tay cầm hai cây bút đen và đỏ. Bố cháu vừa nói vừa vẽ: con đường về làng, ngôi làng nằm ven con đê với những ngõ làng ngang dọc ông đã từng đi, ngôi chùa ông đã từng tới lễ Phật, ngôi đình với những ngày hội ông đã được dự ở trước sân có một cây muỗm lớn mà ông từng cùng đám trẻ dành nhau những trái muỗm rụng mỗi khi có gió lớn, cái ao sen trước cửa đình. Sau chót ông vẽ ngôi nhà ông đã được sinh ra và lớn lên trước khi bị cuốn vào cuộc sống. Đây là con ngõ nhỏ để vào ngôi nhà ba gian hai trái, nơi gian giữa thờ tổ tiên, gian bên trái thờ thổ công, gian bên phải thờ thầy học ở phía trước có kê bộ tràng kỷ để tiếp khách. Ngôi nhà chính nhìn ra khoảng sân rộng lát gạch, nơi ngày mùa dùng để phơi lúa. Bên phải sân là dãy nhà ngang hẹp lòng nhưng dài gồm chỗ để cối xay lúa, cối giã gạo bên cạnh kê khung cửi... phía ngoài sân là vườn, là chuồng trâu, nhà bếp... bên khoảng vườn rộng là ao thả cá, trên bờ là những cây ổi, cây chanh, cây khế, cây mít. Mọi hình ảnh xa xưa như đang hiện rõ trong trí nhớ bố cháu, những hình ảnh mà trong bao nhiêu năm ông giữ lấy trong đầu... Bố cháu ghi vào giấy tên ông nội, bà nội, ông chú, ông trưởng họ... Những người gần nhất với bố cháu có thể giúp nhau tìm ra những gì cháu cần biết. Cháu hỏi: sao bố không về? Bố cháu bảo: sợ phải thấy những đổi thay đau lòng mà tuổi già không đủ sức chịu đựng... Cháu đã trở về. Quá là chốn quê đã ghi khắc không sai trong trí nhớ bố cháu. Con đê còn đó nhưng hai bên đã dày kịt những ngôi nhà mái tôn. Đình làng còn đó nhưng không còn là nơi thờ tự, cây muỗm đã bị đốn hạ, lũy tre là nơi chẳng có dấu tích gì rằng nó đã tồn tại. Ngôi nhà mà bố cháu được sinh ra và lớn lên không còn, nền nhà và sân đã được chia ra cho nhiều gia đình sinh sống với những ngôi nhà nhỏ. Hỏi tới ông chú mới hay ông đã bỏ làng đi từ lâu... Tìm tới nhà ông trưởng họ. Cháu gặp một ông già chắc hơn tuổi bố cháu nhiều. Sau khi xưng tên và nói về bố cháu, ông già há hốc miệng ngạc nhiên, hỏi đi hỏi lại mấy lần cháu là con ông giáo? Bố cháu còn sống? Sao người ta bảo bố cháu chết ở Điện Biên rồi? Cháu phải trả lời không biết bao nhiêu câu hỏi. Sau đó ông trưởng họ dẫn đi thăm những người trong họ, những bà con bên nội... Bao nhiêu người xúm lại để coi mặt mũi một người có máu mủ lưu lạc nay trở về tìm lại họ hàng... Cháu biết gì nói thế. Có một điều bố cháu không biết: ông bà nội cháu đã chết sau cái cách ít lâu, sống ở làng không được vì đã bị quy kết thành phần nên ông chú để lại nhà cửa cho gia đình bên vợ rồi lên tuốt trên này sống. Suốt từ đó cũng không về làng... Ông trưởng họ dẫn cháu về nơi trước kia là nhà cháu. Những người có tuổi ở đây rất ngạc nhiên. Có người nói hồi xưa từng đi thả diều, chăn trâu với bố cháu. Có người nhận đã học vỡ lòng nơi bố cháu... Một người nhận là đồng niên thì bảo: nói bố cháu về quê chơi, ai cũng nhớ và quý ông giáo, đảng nào thì làng này cũng là nơi chôn nhau cắt rốn, còn họ hàng, làng nước

từ bao nhiêu đời mà mờ mả tổ tiên... Bao nhiêu điều được thấy, được nghe như chẳng liên hệ gì tới mình. Tất cả như ở một thế giới khác. Nếu người trở về là bố cháu thì hẳn khác vì đời ông đã từng gắn bó với những con người này, cảnh vật này. Còn cháu, cháu đã sinh ra và lớn lên với những con người khác, trong một khung cảnh khác... Ngủ lại nhà ông trưởng họ một đêm, thực ra cháu đâu được ngủ, cháu phải nói chuyện với rất nhiều người, trong những câu chuyện đó cháu biết về ông nội cháu: một nông dân nghèo với hai bàn tay trắng và sự bền lòng đã có thể thoát khỏi đời sống tá điền, có của nuôi con đi học. Bà nội cháu là con một gia đình có học nhưng quý đời sống cần cù lương thiện của chồng mà một lòng chung sức lập nghiệp nuôi con... và bố cháu ngày xưa, một người còn học nhưng chẳng bao giờ khinh thường cuộc sống vất vả của người nông dân, biết chữ đấy nhưng vẫn sẵn quần lợi xuống ruộng, đêm khuya cùng cả nhà chờ tát nước, hay xay lúa giã gạo... Sáng hôm sau cháu rời quê, ông trưởng họ đưa cháu ra tận đầu làng ân cần dặn cháu nhớ ngày giỗ tổ, nói bố cháu phải về. Vừa bước đi được ít bước thì có tiếng người gọi sau lưng. Một người đàn ông chạy tới đưa cho cháu một hòn đá. Chính là hòn đá cháu mang theo đây. Đây là người đàn ông từng nói là đi thả diều, chần trêu với bố cháu. Ông ta bảo: tôi giữ nó từ hồi đó đến nay và vẫn tin là sẽ được đưa lại tận tay ông nhà, bây giờ đưa cho cậu thì cũng thế. Lúc cải cách, những thứ trong nhà cháu đều bị chia, ngay hòn đá cũng được chia. Nhưng đá thì chỉ có một hòn, người ta đập ra, một nửa đây và một nửa chú cháu giữ. Anh mang về, ông già thấy thì nhớ ngay. Qua cách biểu lộ tình cảm của mọi người cháu thấy ai cũng chân tình, chẳng ai muốn nhắc lại chuyện đau lòng của những năm tháng trước... Suốt đường trở về cháu nghĩ: vậy người ta đã làm thế nào để cho những người dân quê chân chất kia trở thành những kẻ hung hăng, thù hận với nhau?

11.

Ngoài trời mưa nhẹ hạt, những mảng mây đen đã nhường chỗ cho những đám mây trắng vờn vờ. Ông già nói:

- Bố cậu sau đó có về quê không?

- Không. Cháu kể lại tất cả những gì đã thấy, đã nghe. Cháu nói: bố về một chuyện đi. Bố cháu bảo: để thông thả... Nhưng bố cháu đâu còn thời gian và cơ hội. Tất cả đã khép lại. Khi thấy nửa hòn đá bố cháu gật gù nhìn chăm chú: thân đá mà cũng không thoát sao? Cháu kể lại lời người giữ nửa cục đá rồi nói: hòn đá chứ có gì giá trị? Bố cháu lặng đi không nói. Nếu cục là bố cháu?

Ông cụ giọng buồn nản:

- Có lẽ tôi cũng không về. Chính tôi, tôi cũng không muốn nhắc lại chuyện ngày xưa nữa: những chuyện căm thù không nhớ tên... Nhưng còn cậu?

- Cháu chẳng chọn để sống như cục hay bố cháu đã sống. Biết thêm những sự thật về gia đình, về tổ tiên mình. Cháu nghĩ: bố cháu đừng nói, cháu không biết gì cả có khi còn tốt hơn cho cháu. Cuộc sống đâu phải là quá khứ. Đâu đã hết, còn chuyện hòn đá nữa, nó đâu chỉ là hòn đá, nó còn cả một lịch sử...

- Cậu nói gì tôi chẳng hiểu...

12.

Để cháu lôi hòn đá ra cho cụ và anh đây coi. Nó đấy. Cụ sờ tay vào cái cạnh thẳng này đi. Cụ thấy nó mấp mô phải không? Đây là dấu vết của lần hòn đá được đập vỡ ra. Nó đã như thế này từ lúc cháu chưa ra đời. Cho nên những gì cháu kể cho cụ và anh đây nghe là những gì cháu được nghe từ bố cháu, có những điều bố cháu được ông nội cháu kể. Cũng tới ba đời kể lại. Nghĩa là câu chuyện được truyền miệng, như thế không có những thêm thắt hay bỏ bớt... Câu chuyện cũng chẳng hề được ghi trong một cuốn sách nào, hay là trong gia phả của họ tộc. Bố cháu nói từ lúc còn rất nhỏ đã thấy hòn đá, nó tròn như cái thớt, một mặt lồi, một mặt phẳng. Trên mặt lồi có một cái rãnh sâu có thể đút đầu ngón tay trở xuống đó. Hòn đá được để trong một cái khay gỗ hình vuông để dưới gầm bàn thờ. Vào những ngày giỗ ông lấy ra lau chùi bụi bặm, đặc biệt mang ra rửa bằng nước mưa kinh niên được dùng làm nước cúng. Ông bảo: hòn đá do các cụ để lại. Nó là hòn đá thiêng, nhờ nó mấy lần dịch bệnh trong nhà không có ai chết, nhờ đó mà mình nhiều đời được sống bình yên, thoát được những tai ương. Theo như lời các cụ truyền lại: đây là hòn đá Đức Thánh Trần đã mài thanh bảo kiếm để chém đầu tên giặc Phạm Nhan. Sử có chép: sau khi đánh bại đại quân của Tàu, có một tên tướng giặc bị bắt, quân ta đem ra chém đầu, nhưng chém đầu này nó mọc đầu khác vì giặc có yêu thuật. Quân lính thấy thế thì hoảng sợ. Đức Thành Trần mới mài thanh bảo kiếm rồi chém Phạm Nhan. Chỉ một lần, Phạm Nhan không thể mọc đầu. Cụ tổ nhà ta vốn theo hầu đức Thánh Trần đánh giặc có nhiều công trạng nên được giao cho giữ hòn đá mài. Chính hòn đá trong nhà mình là hòn đá đó. Về hòn đá chỉ có một ít người của dòng chính được biết đến, không ai được nói ra ngoài. Những năm chạy loạn ông mang hòn đá đi theo không rời. Đời trước nói sao đời sau nghe vậy coi như vật gia bảo linh thiêng. Khi thấy mình đã yếu, bố cháu bảo dù gì thì con cũng phải tìm cho được ông chú... Cháu muốn đi tìm ngay người chú vào lúc đó, nhưng bố cháu bệnh nặng chẳng thể đi, ít lâu sau bố cháu mất. Cháu loay hoay với việc kiếm sống. Chẳng có nghề gì, với ít ruộng và một lao động thật khó để giải quyết, lúc ấy có một người trong làng làm nghề mài dao kéo, mỗi ngày từ quê ra thị xã, tối về cũng kiếm đủ ăn, có sẵn hòn đá mài, cháu nghĩ sao mình lại không có thể làm việc này, thế là cháu theo chân người bạn... Mãi tới tận bây giờ cháu mới đi tìm ông chú, mà cũng tại hòn đá. Chắc cụ sẽ nghĩ: sao lại không nghĩ đến lời dặn của bố và ông chú? Cháu cũng không biết nữa. Nhưng lên tới đây, tìm ra nơi ông chú ở thì ông đã đi rồi... rồi cũng không biết có tìm ra không.

- Gặp được ông chú, tìm thấy phần kia của hòn đá mà gắn lại, biết đâu đời cậu sẽ thay đổi?

- Cụ tin thế sao?

- Những câu chuyện như: mẹ Âu Cơ đẻ một trăm trứng, Rồng vàng xuất hiện, rùa thiêng trả kiếm... những cái đó có tin được không. Tôi nghĩ: người kể ra những chuyện đó, lúc kể hẳn là có một mong ước: mình là anh em cùng mẹ đừng giết nhau, kiếm đã trả rồi không còn chiến tranh giết chóc, mọi người được sống trong hòa bình. Cũng như hòn đá thiêng của nhà cậu... có khi những điều nói về nó không thật, nhưng nó được truyền từ đời này sang đời khác là có thật, chính sự truyền lại đó mang một ý nghĩa. Riêng tôi, tôi cũng có những điều để tin... Nhưng, tạnh mưa rồi, mình đi thôi.

Ba người trở ra, mặt đê đầy những nước, trời mù đục, ba người cùng bước không nói một lời.

Bỗng người thanh niên reo lên:

- Chắc bến đò kia rồi.

Cụ già đưa tay lên che tầm mắt:

- Có cái quán phải không? Hy vọng bến đò.

Khi ba người tới gần quán, nơi con đường đất từ ngôi làng mé bên này đê có một toán người đang đi tới, họ lên đê đi về phía ngôi quán lá. Toán người mặc đồng phục nhưng không được chỉnh tề, người đội mũ, người không, người đeo súng trên vai, kẻ cầm súng nơi tay, họ đi cách nhau không đều về nhân hạ. Tới trước quán nước toán người dừng lại, ba người đi vòng vào phía sau. Một người cao, trắng tiến tới cửa quán lấy tay đập lên tấm phên che trước cửa. Lúc sau một người đàn bà lớn tuổi đẩy tấm phên cho rộng ra rồi bước ra ngoài. Người cao trắng nói vu vơ:

- Máy người ở đây đâu rồi?

Người đàn bà tay vừa vấn tóc vừa nói:

- Tôi không rõ.

Tiếng cười khô nhạt, người đàn ông tay vỗ đều đều lên tấm phên nói:

- Bà không rõ thì ai rõ? Họ đi đâu?

- Đi đâu, khách qua đường thấy quán thì dừng chân, làm sao tôi biết họ đi đâu.

- Họ ở đây, uống rượu, nói cười rộn ràng...

Người đàn bà đẩy hết tấm phên ra khỏi khung cửa, cầm cái chổi cúi người xuống quét mấy vũng nước đọng. Người đàn ông im lặng đi vào trong quán một lúc rồi trở ra. Người đàn bà vừa quét nước vừa nói:

- Anh coi kỹ cái gậm giường chưa...

Người đàn ông bước trở lại đường cũ đưa tay ra dấu cho cả toán cùng rời đi. Người đàn bà đứng thẳng người nói:

- Có rượu đó mấy anh uống đã rồi hãy đi.

Lên tới giữa đê, một người trong toán dơ cao cây súng bắn một loạt đạn lên trời. Tiếng nổ khô xé rách không gian yên tĩnh. Người thanh niên ngơ ngác. Ông già đứng im như trời trồng. Người mặc áo lính nhìn theo ngơ ngác. Cho đến khi toán người đi khuất ba người vẫn còn đứng trên mặt đê. Tiếng cười của người đàn bà nơi cửa quán như kéo ba người trở lại với thực tại. Cụ già chỉ tay lên trời:

- Họ bắn trời.

Người thanh niên bước về phía cửa quán:

- Bắn trời. Cụ nói gì nghe ghê quá. Bắn được trời thì bao nhiêu người đã bắn rồi. Có khi cháu cũng bắn một phát. Người ta nói bắn như vậy là bắn chỉ thiên, bắn thị uy...

- Mời mấy ông vào sơ nước.

Giọng người đàn bà ngọt ngào dễ nghe. Người mặc đồ lính:

- Nghe bà nói có rượu mà sao lại mời uống nước?

Ông cụ và người thanh niên cùng cười thành tiếng. Người đàn bà nói:

- Dạ, có nước có rượu, uống gì cũng có...



Ba người cùng bước vào quán và ngồi xuống cái ghế dài để trước một cái bàn nhỏ trên có mấy lọ kẹo, thuốc lào, lạc rang... Ông cụ nói:

- Bà cho chúng tôi mấy bát nước thôi, rượu với chè gì... Chúng tôi tưởng đây là bến đò.

- Có thuyền tấp có bến thôi. Đưa mắt nhìn xuống sông, nước vẫn lặng lẽ và hình như đã dâng cao hơn ngày hôm qua. Cụ già nói:

- Thế ở đây có đò dọc không bà?

- Ở đây không có, phải xuống dưới ngã ba, nhưng trời mưa lớn nước đang cao e cũng khó. Bè chắc có nhiều, họ đưa tre lũa với gỗ theo nước xuống mạn dưới, nước càng cao càng dễ đi. Hôm qua cũng có mấy người ghé đây trên đường tìm bến đò. Buổi chiều họ mua rượu uống trò chuyện tới khuya, rồi chẳng hiểu sao đêm tối như thế mà kéo nhau đi, không biết có người nào lặn xuống sông không? Trời thật ác...

Ông già cúi người lấy một chiếc dép lên:

- Bà có con dao nào sắc cho tôi mượn một chút.

- Cụ cắt gì?

- Một cái quai dép nó đứt.

- Quai dép đứt thì phải khâu lại mới đi được chứ sao lại cắt?

- Dạ không sao, vì nó có tới hai quai, một quai đủ về tới nhà rồi, để có vương bọc mình...

Người đàn bà cúi húi mái dưới gậm bàn mới lấy lên được một cái lưỡi lê. Người thanh niên kêu lên thành tiếng:

- Sao bà có cái của này?

- Có ông khách qua đường tặng cho. Cái lưỡi lê này sắc lắm cụ cầm kéo không đứt tay như chơi. Mấy tay cừu vạ từng năn nỉ mua tôi không bán, để nó trên bàn người ta thấy cũng trợn... Nó không bao giờ rỉ, mài sơ là sắc, dùng được cả hai lưỡi, lưỡi dao trông vậy mà rất cứng, chưa bao giờ bị mẻ...

- Thế bà giữ nó làm gì?

- Tôi để nơi đầu giường, đêm hôm khuya khoắt ở nơi vắng vẻ thế này anh tính...

Người thanh niên cầm lấy lưỡi lê giúp ông cụ cắt bỏ cái quai dép đứt. Ông cụ đưa tay thử độ sắc của lưỡi lê rồi nói:

- Bén thật, nặng thế này chắc là bằng thép ròng chứ không phải chơi.

Người thanh niên lật lên lật xuống rồi để lưỡi lê lên mặt bàn, kéo tay ông cụ đứng lên:

- Uống nước rồi mình đi thôi...

Ba người ra khỏi quán đi tiếp về phía bến đò ở dưới ngã ba sông, người thanh niên nói:

- Cụ tưởng tượng xem: với cái lưỡi lê đó mà đâm vào bụng? Cháu đã từng bán một lưỡi lê như thế cho người ta.

- Cái lưỡi lê vừa rồi?

- Không, một lưỡi lê chắc cũng được đúc cùng một khuôn như thế. Người mua của cháu lưỡi lê đó đã chết...

- Sao mua lưỡi lê của cậu mà chết?

- Ông ta dùng lưỡi lê mua được để tự mổ bụng mình, ông ấy tự tử trời ạ...

13.

Cháu đi mài dao, mài kéo nhưng cũng có bán mấy thứ dao thông dụng. Một phần là những dao cắt từ một lò rèn cháu quen, còn là những dao cũ cháu mua của những người bán đồng nát. Mua dao cũ con thì mất chuôi, con thì mẻ lưỡi, con thì trơ cùn. Qua tay cháu tra chuốt: làm chuôi, bào mài cho ngon lành rồi bán, như vậy được tiền hơn. Một hôm cháu mua được một cái lưỡi lê. Nhìn nó đã thấy ghê. Hãy tưởng tượng gắn nó vào đầu súng, xông lên và đâm... người ta gọi là đánh cận chiến, giáp lá cà... Cháu treo nó đầu bộ ngựa của cháu cùng bao nhiêu thứ linh kính khác mà chẳng thấy ai hỏi đến. Có người bảo: thứ này của quân đội ai dám dùng. Nhưng mua rồi biết làm sao. Một hôm cháu đang mài dao có một người đàn ông đã lớn tuổi, người cao lớn khỏe mạnh rút cái lưỡi lê ra ngắm nghía. Ông ta hỏi cháu: kiến cái này ở đâu ra vậy? Câu hỏi làm cho cháu hơi lo. Lưỡi lê là một thứ quân dụng mà. Cháu bảo mua của mấy bà ve chai. Ông ta bảo: Trước kia tôi cũng có một cái, nhưng thứ đó tròn không có lưỡi, chú có bán không? Nghe tới đó cháu thấy nhẹ cả mình, bao lâu rồi không ai hỏi tới nay có người hỏi mua ai mà không mừng, lại nữa giữ nó cháu cũng sợ. Sau khi nói giá, người đàn ông bảo cháu: được rồi, chú mài lại cả hai lưỡi và o cho cái mũi nó thật sắc cho tôi. Cháu làm theo lời ông ta. Vừa liếc vào đá lửa đã tóe ra, lưỡi lê thì nóng rẫy, điều mà những lần mài trước cháu không thấy. Người đàn ông nói: thép của họ tốt thật, nó mà đâm tới thì ngọt phải biết, cứ là chết không kịp ngáp. Bụng cháu thấy xoắn xang tự hỏi: ông ta mua cái này làm gì không biết. Ông ta đếm tiền trả, tay cầm lưỡi lê có vẻ hài lòng, lúc sau nghĩ sao ông ta bảo cháu: để đồ nghề vào gần cửa rồi theo tôi lên đây tôi cho coi cái này. Cháu bước theo. Trong căn gác nhỏ ông treo trên tường rất nhiều thứ cháu chưa từng bao giờ thấy: cái rìu, cái quắm, cái phàng... dao thì đủ loại, đủ kiểu dáng. Từ những con dao bổ cau của những bà cụ tới con dao cạo râu xưa có hình cái chìa khóa, có cả những con dao sau này nhập từ Thái, Liên Xô, Nhật... Nghĩa là một bộ sưu tập. Nhưng bên cạnh những vật sắc để dùng trong đời sống còn có những hung khí chỉ để dùng trong chiến tranh, hay dùng để giết người. Ông ta nói với cháu: tôi tìm một thanh kiếm Nhật mà mãi không ra. Hồi Nhật nó sang đây đưa nào cũng có đeo kiếm, chẳng lẽ nó không bỏ lại một thanh kiếm nào? Nhìn lên tường, qua những gì treo trên đó người ta thấy rõ ông là một người theo nghiệp võ, chắc là đã có cấp bậc cao... Ít lâu sau cháu mua được một thanh kiếm Nhật của một người bới rác. Người bới rác nói với cháu: cái vỏ kiếm hư mất rồi, thanh kiếm này chắc là của một võ sĩ Nhật. Cháu vội vàng trở lại nhà người đàn ông mua lưỡi lê hôm trước. Khi cầm thanh kiếm đứng trước cửa nhà, một người đàn bà từ trong đi ra, cháu chưa kịp lên tiếng thì người đàn bà đã nói trước: anh mang cái này tới bán phải không? Cháu ngạc nhiên: dạ, có ông gì ở trên gác hôm trước dặn cháu... Người đàn bà nhìn cháu từ đầu đến chân, nhìn vào thanh kiếm với đôi mắt hung dữ: dao... kiếm... lão ấy chết rồi, mang xuống âm phủ mà bán cho lão ấy. Cháu sợ đến phát run lên lùi dần rồi đi mau. Nên lúc này thấy cái lưỡi lê cháu lạnh toát cả người. Nghe người đàn bà nói cháu cũng bán tén bán nghi, biết đâu ông ta còn sống nhưng người đàn bà này không muốn ông mua những thứ ông đã mua, hoặc là vợ chồng mỗi người một ý... chuyện tiền bạc chẳng hạn. Cháu quanh quẩn nơi nhà người đàn ông, rồi cháu hỏi một người bán hàng gần đó, người đó bảo: ông ấy mổ bụng bằng lưỡi lê chết rồi.

Sao lại là cái lưỡi lê, tại sao ông ta lại tự tử? Chính cái hôm mài lưỡi lê lần chót, hòn đá như đã báo hiệu cho cháu thấy chuyện chẳng lành, cũng như con dao phay hôm trước. Cho nên cháu đã hỏi cụ: có ma không? Người đàn ông đã dùng lưỡi lê tự tử... Người bán hàng kể cho cháu nghe: lên cái gác riêng của ông ấy sợ lắm, toàn những dao, dũa, giáo, mác, cung kiếm. Không biết ông ấy nhặt ở đâu mà lắm thứ thế... Ở dưới những ngăn tủ còn lắm thứ khiếp hơn: những vỏ đạn, đầu đạn, mìn, bẫy... Ai không biết ông ấy kể cho nghe: bắn thế nào, nổ thế nào, nếu trúng thì chết thế nào... mấy cái của ấy giữ làm gì không biết. Đã có lần bà vợ vợ những thứ đó định vứt đi, ông ấy về kịp, vợ chòng một phen chiến tranh. Ông ấy cả đời phục vụ trong quân ngũ, hết mặt trận này tới mặt trận khác đi miết cho tới lúc hưu. Ông bà ấy có hai người con trai nhưng dạy không được, cha con gặp nhau là to tiếng nên chúng đi cả rồi. Hai vợ chồng sống với nhau nhưng mỗi người một cõi, bà ấy lo buôn bán làm ăn, ông ấy thì suốt ngày ở trên cái gác nhỏ, chỉ thỉnh thoảng mới nghe tiếng nói tiếng cười khi gặp những đồng đội cũ. Mỗi ngày về sau người ta thấy ông ấy lảm lì hơn, ít nói hơn, cuối cùng ông ấy mổ bụng tự tử. Ông ấy chết một đêm, một ngày bà vợ mới biết. Khiếp quá...

Câu chuyện về cái lưỡi lê hết đã lâu nhưng không thấy ai lên tiếng. Ba người vẫn cùng bước đi. Bỗng ông cụ lên tiếng:

- Thế thanh kiếm Nhật đâu?

- Bị giật mất. Chắc có thêm người chết.

- Cậu nói gì lạ, ai giật?

- Sau hôm đến nhà ông mua lưỡi lê về cháu bần thần cả người và nhớ lại: khi mài lưỡi lê vào hòn đá, lưỡi lê đã nóng lên. Với thanh kiếm cháu không dám mài, cháu lấy vải quấn hết cái lưỡi kiếm lại. Có người hỏi nhưng cháu không cho coi. Cháu nói để chơi. Một hôm có người mới thoáng nhìn đã thấy chân què với vẻ khờ khạo đứng ngấm nhìn và mân mê chuôi kiếm. Người đó hỏi cháu: nó là dao gì mà lại dài và cong vậy? Cháu nói: đó là kiếm của binh sỹ Nhật. Người đó lại hỏi: thế nó dùng để làm gì? Cháu bảo: để đâm chém người, chứ ai lại dùng kiếm để thái thịt? Người nhà què ấy nhăn mặt rồi trợn mắt nhìn cháu: anh bán cả những thứ như thế này à? Cháu hoảng quá vội giải thích: không phải thế, bây giờ giết nhau đâu người ta còn dùng cung với kiếm nữa, người dùng súng, dùng bom. Cái này người ta dùng để trang trí nhà cửa cho vui, cho lạ thôi, nghĩa là nó là thứ đồ chơi. Ai lại đi buôn bán thứ hung khí giết người. Lúc sau, có lẽ vì tò mò người đó năn nỉ cháu cởi lớp vải quấn ra cho anh ta coi cái lưỡi nó ra làm sao. Thấy anh ta có vẻ thật thà nên cháu mở lớp vải quấn quanh ra cho anh ta coi. Ngấm nghĩa một lúc anh ta bảo: thứ này dùng chặt cây chuối, thái cây chuối cho lợn ăn thì tốt lắm. Chợt một người ở đâu chạy tới giật ngay lấy thanh kiếm trong tay người nhà què rồi chạy... Quá bất ngờ, cháu vội lao người chạy theo miệng kêu lớn: cướp, cướp, cứu tôi với... Người giật thanh kiếm là một người trẻ, khỏe, chạy rất nhanh, anh ta vừa chạy vừa khua thanh kiếm trên đầu, miệng la lớn: giết giết, tao giết hết bọn bay, giết... tao giết... Anh ta chạy và cháu đuổi theo vẫn kêu: cướp cướp... những người chung quanh nghe tiếng kêu thì giạt ra đứng nhìn người thanh niên chạy qua. Cháu chẳng thấy có ai định cản anh ta hay bắt anh ta... Chạy qua bao nhiêu con đường, vượt qua bao nhiêu đám đông mà cháu tưởng như chạy qua giữa đồng vắng ở nơi âm phủ không chừng. Cháu chỉ nghe thấy tiếng mình kêu mà chẳng thể nào bắt kịp người thanh niên chạy phía trước với thanh kiếm vẫn khua lên. Chạy như thế khá lâu, mỗi lúc cháu một chạy chậm lại vì mệt, không còn sức nữa, người thanh niên thì như chạy mỗi lúc một nhanh hơn và cho tới lúc cháu mất hút anh ta trong đám đông. Cháu cố gắng lùng kiếm mãi nhưng vô vọng. Thanh kiếm Nhật

đã mất đi như thế. Cháu không tiếc vì mất mà cháu lo. Khi trở lại chỗ để đồ nghề, người nhà quê vẫn còn ngồi đó. Anh ta bảo: coi giúp đồ nghề sợ có người nào lấy mất. Kể lại chuyện rượt đuổi cho người nhà quê nghe, anh ta cứ há hốc miệng ra rồi bảo: phải tìm cho ra chứ, rồi nó đi giết người thì làm sao? Cháu giải thích thế nào người nhà quê cũng không chịu mà đòi cháu và anh ta cùng đi kiếm cho ra thanh kiếm, anh ta to tiếng và suýt đánh cháu. Cháu tức quá bảo: thì chính anh cầm thanh kiếm mà để cho nó giết mất chứ đâu phải tôi, chính tại anh mà tôi mất thanh kiếm. Anh ta cũng gào lên: thế không đi tìm để cho nó đi giết người sao? Cháu cũng điên: giết bao nhiêu người là chuyện của nó không liên can gì tới tôi... Người nhà quê tức giận tột độ với đôi mắt trợn lên, anh ta đứng im một lúc như lấy lại bình tĩnh, anh ta chỉ tay vào mặt cháu bảo: thật không phải giống người. Anh ta bỏ đi. Câu nói của người nhà quê vang mãi trong đầu cháu: thật không phải giống người.

14.

Đứng giữa ngã tư, người đàn ông trung niên tóc bạc nhìn mông về chân trời. Từ phía chân núi có một người đi tới. Những bước đi đều và chắc. Tới ngã tư người đàn ông ngừng lại. Người tóc bạc nhìn người vừa tới nói:

- Tôi đang chờ có ai để hỏi đường.

- Anh hai đi đâu?

- Tôi tìm bến sông...

- Sao lại bến sông, tôi ra bến xe, người ta chỉ tôi cứ đi thẳng đây thôi.

Vừa nói người đàn ông còn trẻ vắt chiếc khăn quàng lên cổ rồi bước tới. Người tóc bạc ngăn lại:

- Đi thẳng, đúng rồi, nhưng con đường ra quốc lộ đã bị ngập sâu không thể tới bến xe được. Cả thung lũng nước đang dâng cao bởi thế tôi mới hỏi anh đường ra bến sông.

Người quấn chiếc khăn quàng ngừng lại phân vân:

- Bến sông ở đâu nhỉ, tôi chưa nghe nói...

- Hay là đi ngược lên...

- Ngược lên? Ngược lên để vào trại Z?

- Không, tôi nghĩ tới con đường ra bến sông... phải tìm được người mà hỏi đường mới xong.

Cả hai cùng im lặng. Người trẻ để chiếc giỏ cói xuống và ngồi lên một ụ đất mướt cỏ. Người lớn tuổi tóc bạc cũng ngồi xuống bên quay sang nói với người trẻ:

- Anh ở trong trại Z ra?

Người trẻ nhìn lên khuôn mặt đầy những nếp nhăn của người đối diện và bóng tối trong đôi mắt. Người trẻ hơi gạt đầu trong khi lấy chiếc khăn quàng cổ ra lau mặt:

- Anh cũng từng ở trong đó ra?

Cái miệng hơi móm của người tóc bạc phác một nụ cười nhẹ nhàng:

- Không. Tôi cũng từng ở trong một trại như thế nhưng không phải ở đây. Tôi lên đây tìm ông già.

- Ông già anh?

- Không. Không phải ông ở trong đó. Ông ra ngoài này từ những thập niên trước. Ông thoát ly đi tập kết. Khu trại ngày nay khi đó là một nông trường mà ông là những người khai hoang. Sau đó ít năm ông mất. Sau này, khi tôi về nhà. Bà già tôi nói tôi phải ra tìm ông vì lúc còn sống ông đã nói với người đồng chí mong ước này. Đúng như lời kể lại, theo những ghi nhận tôi đã tìm ra nơi này. Xưa kia đây là nông trường Ngày Mai. Nông trường nay đã giải thể và trở thành trại Z. Ông già tôi chết và chắc được chôn trong vùng này. Thung lũng thì rộng, đồi núi kế tiếp nhau, những người ngày xưa ở đây đều đã đi khỏi cả. Người cũ không còn ai để hỏi. Những người giữ trại họ có chỉ ra ngoài sườn đồi, phía sau trại, nhưng đó là những năm mộ sau này, khi lập trại Z.

Những lời kể ngắn gọn. Hai người nhìn nhau im lặng. Chợt người tóc bạc đứng bật dậy:

- Đi thôi, phải tìm đường chứ ngồi đây cho tới bao giờ?

Người trẻ đứng lên theo khoác cái bị cói lên vai. Hai người đi ngược lên phía núi. Đi được một quãng, như không thể dẫn được, người trẻ nói:

- Anh ở mất bao lâu?

- Những năm ấy thực không có gì đáng nói. Với tôi những ngày sau đó mới hãi hùng. Có lẽ một ngày là trăm năm... Bây giờ khi trở về chắc anh không còn phải sống như tôi đã sống, thời gian có làm cho những khó khăn biến dạng đi... Trong trại hay ngoài trại thực ra vẫn ở trong một trại duy nhất.

15.

(Những chuyến đi không biết nơi tới. Những thùng xe tải kín bưng. Những toa xe lửa bít bùng, không ghế chạt cứng người. Mùi nồng chua của những bộ quần áo cũ dẫm mồ hôi. Những di chuyển trong đêm tối. Những khuôn mặt không tên. Những miệng không phải để nói. Chân không dùng để đi. Mắt để nhìn những khoảng vắng tù túng không hình ảnh. Một ngọn cây, một bóng lá, một dòng nước chỉ có trong tưởng tượng. Ở nơi nào con người không có thời gian không có không gian sống? Sinh vật là tôi đó đã tồn tại không phải là sống hay chết. Những gì đã diễn ra trong suốt cái bao lâu ấy là gì? Tôi không nhớ và tôi cũng không muốn nhớ... Trở về. Cái tôi riêng biệt, cái tôi phải sống thì tôi không thể quên. Khuôn mặt của mẹ. Khuôn mặt người hàng xóm. Khuôn mặt những người bạn. Những khuôn mặt tượng vô hồn nhưng biết nói tiếng nói của im lặng, tiếng nói bằng những hình ảnh. Có lẽ là một địa ngục khác hay là một vực thẳm khác của tàn bạo và dày dạn? Mà chắc đâu địa ngục như thế? Nhưng ai dựng lên địa ngục? Có kẻ nào lại dựng lên một địa ngục cho chính mình? Kẻ canh giữ địa ngục có khác những kẻ ở trong địa ngục. Kẻ mắc tội, kẻ phải tù. Những địa ngục đã được nói đến, được biết tới không phải là địa ngục của tôi. Đó là địa ngục của kẻ khác. Còn với tôi, tôi phải sống với địa ngục của tôi. Vì tôi muốn tồn tại. Tồn tại trước đã... Những đoạn phim ngắn quay chậm. Ta đó ư? Vợ ta bế con đó ư? Cái giếng nào đó? Trong khu phố có bao nhiêu cái giếng. Với đồ đạc trong cái túi nhỏ đeo trên vai bước ra cửa: viên gạch đỏ bung lên chưa kịp gắn xuống. Vợ ta đó. Nhà ta đó. Bao nhiêu những khúc phim ngắn ta không thể xóa đi khỏi trí nhớ. Ngày về, viên gạch đã vỡ ra, kiếm đâu một viên gạch để gắn vào đó? Tiếng rít của những chiếc bánh sắt chạy hết tốc độ trên những đường ray đã rỉ sét. Tiếng loa không ngừng những tiếng la... Ở một tầng địa ngục này chuyển sang một tầng địa ngục khác. Một địa ngục thực tại của một địa ngục quá khứ...)

16.

... Bà cụ đến bên thềm giếng nói: Chị đã ôm đứa bé rồi nhảy xuống cái giếng này... Bà cụ run rẩy với đôi tay giữ lấy thành giếng, nhiều miếng vôi đã vỡ, mấy viên gạch nâu rêu mốc. Người đàn ông lắng nghe trong lơ đãng. Anh ta ngửa mặt lên nhìn bầu trời xanh trong phẳng lặng thật cao. Ngọn dừa với mấy tàu lá như mũi mác nhọn hoắt đâm thẳng lên nền trời. Mái tóc dài xõa sau gáy những sợi bạc pha màu tro. Gió thổi nhẹ làm những sợi tóc lay động, như cỏ khô trên một tấm mồ hoang trong mùa hạn cháy. Người đàn ông quay nhìn bà cụ, bước tới gần miệng giếng, tay bỏ rơi chiếc bị cói và chỉ tay xuống giếng: Ở đây? Tiếng nói ngắn, khô. Bà cụ nhìn lên đôi mắt hoảng hốt. Đôi mắt người đàn ông như lồi ra. Bà cụ gật đầu. Cơ thể người đàn ông run lên, hai chân khuyu xuống rồi cố gắng lết tới, hai tay cố bám vào thành giếng, nhô người lên, vươn cổ nhìn xuống đáy giếng sâu phía dưới, có một vệt sáng hắt lên loang loáng trên khuôn mặt nhăn nhúm: Em ơi... em ơi... con ơi... con ơi... trời ơi... Tiếng kêu vang động, xoáy buốt như cơn lốc ulla vào không gian yên tĩnh. Bà cụ ngã bệt xuống đất. Tiếng kêu khô lại, thống thiết rồi tắt ngay. Sự im lặng lạnh giá đau buốt... Hai bàn tay xanh gầy không còn sức bám vào thành giếng, thân người tiều tụy dần dần tụt xuống như một đồng bùn nhão. Người đàn ông dang tay cố lấy thành giếng, mặt ngửa lên trời, mắt nhìn láo liên, miệng mấp máy liên hồi như giếng sâu đã nuốt đi tất cả tiếng kêu gào và miệng giếng như đã ngậm lại tất cả tiếng nói của người trở về... Miệng người đàn ông vẫn mấp máy, đôi tay vun lên loạn xạ. Không còn một âm thanh nào, một tiếng nói nào... Đôi mắt người đàn ông dại đi vô hồn. Nhót rãi tứa ra nơi hai khóe miệng... Bà cụ nhìn lên: bầu trời xanh cao trong vắt...

17.

Con đường đưa lên cổng trại đã hiện ra trước mắt. Người trẻ nhìn người tóc bạc. Người tóc bạc mỉm cười vẻ cam chịu. Một toán người đang từ con đường nhỏ đi lên. Một bà già, một cô gái, hai thanh niên thấp nhỏ, rớt lại phía sau một bé trai gầy ốm, bụng ỏng, da vàng, khuôn mặt già khô, kẻ mang người vác, hẳn đây là những cư dân trong vùng. Người đàn ông tóc bạc lên tiếng hỏi:

- Cụ ơi, chỉ giúp cho cháu đường ra bến sông...

Bà cụ dừng lại lặng im một lúc rồi mới trả lời như cố gắng để hiểu những âm thanh nghe được:

- Đi theo tôi...

Toán người đi trước, hai người đàn ông lặng lẽ theo sau. Không một lời trao đổi. Tới chỗ ngã ba, bà cụ già ngừng lại, chỉ tay về phía trước:

- Đi thẳng đây tới bến sông.

- Cám ơn cụ.

Chưa kịp nghe hết lời cám ơn bà cụ và toán người đã rẽ vào con đường nhỏ phía tay trái, đằng xa, thấp thoáng sau những ngọn cây mấy mái nhà nhỏ. Người trẻ tuổi thốt thành lời:

- Về nhà.

Người tóc bạc nhìn sang người bạn đồng hành:

- Về nhà?

- Tôi nói về toán người chúng ta vừa gặp. Họ trở về nhà với con đường quen thuộc. Tôi với anh cùng tìm đường trở về, nhưng sự trở về của anh khác với chuyến trở về của tôi: những gì đang đợi?

Tiếng thở dài nghe lạnh buốt. Hai người cất bước mà trước mặt là một con đường thẳng. Người tóc bạc quay lại nhìn quãng đường phía sau:

- Từ đây đi ngược lên là trở lại trại Z. Nếu biết trước mình đi ngay từ đầu có khi đã tới bến sông. Cái cổng trại xa hút thế kia...

Người trẻ như nghe thấy tiếng ai nói trong đầu: đã ra khỏi cổng thì đừng nhìn lại nếu không muốn trở lại đó. Đi và không nhìn lại. Người thanh niên với những bước đi dài hơn, nhanh hơn...

18.

Từ đâu? Câu chuyện bắt đầu từ đâu? Tại sao lại như thế? Tại sao hàng triệu người nối nhau bước chân vào những nơi giam hãm? Tội gì? Mình có tội ư? Tiếng kèng kua. Những củ sắn. Những đêm tối. Những ngày nắng lửa. Những đêm lạnh cóng run rẩy. Phảng phất những mảng nhỏ sáng tối nhòe nhoẹt. Những vạt màu chàm. Màu trắng nhòa nhuộm. Tiếng giọt nước rơi chậm đều trên tấm tôn han rỉ. Những chuyển đổi không ngừng. Đây là đâu? Vẫn là đất quê hương mình đó chứ? Không lẽ? Không nhìn để khỏi trở lại nơi ấy. Những người nơi khác cũng giống như thế? Những nơi khác. những tên gọi khác. Trở về. Chuyến đi ngày nào còn ghi khắc...

Tiếng bước chân, tiếng mở khóa, tiếng cửa sắt kêu nghiến, tiếng xích sắt va đập vào nhau. Không khí khô đặc lạnh căm. Từng bóng người rời khỏi những khuôn cửa sắt. Từng bước chân thoát nhanh khỏi những hành lang mờ tối. Nền xi măng cứng nham nhở. Những nét mặt như tượng đá. Hình như không có một cử động nào. Hình như hơi thở cũng được giữ lại...

Khoảng sân rộng, ánh sáng ngọn đèn vàng nhòe nhoẹt làm cho những khuôn mặt như giống nhau với chiều ánh sáng, chẳng thể phân biệt ai già, ai trẻ, ai trắng ai đen. Tất cả chỉ có một màu và những độ đậm nhạt khác nhau của ánh sáng...

Một giọng nói khô lạnh cất lên:

- Nguyễn Văn K... Nguyễn Văn X... ra ngoài, mang theo đồ...

Câu nói như ngán lại. Đám đông lặng câm như bắt đầu cựa quậy. Vài bóng người di chuyển, ít tiếng nói không rõ, rì rào những âm thanh côn trùng. Không nghe thấy một lời trao đổi. Mấy bóng người di chuyển chậm chạp với bị cói trên tay... Tiếng cửa sắt rú buốt, tiếng xích sắt va đập, tiếng khóa... Những bước chân xa dần rồi mất hút. Những con mắt nào nhìn ra cửa theo những gót chân khuất ngoài hành lang. Ở xa, nơi cuối dãy nhà là khoảng sân xi măng. Bao nhiêu mắt đã nhìn và cố gắng ghi nhớ: mấy bóng người đã đi qua, ngoài những K. những X. là những ai đó đã từng gặp chưa hay chưa bao giờ gặp? Một giọng nói rõ, tỉnh táo: Chuyển trại, sắp thêm đợt mới.

Những tiếng động vang lên trên những hành lang trong khoảng thời gian ngắn rồi lặng im trở lại. Nghe như có tiếng một cành khô rơi gãy trên một mái tôn nào. Tất cả như khóa chặt, như vùi sâu, như hàn kín...

Trong khoảng sân xi măng từng người một lặng lẽ tập trung, người trước người sau lần lượt xếp thành hàng. Đem và những ngọn đèn vàng từ trên cao chiếu xuống. Trên mái nhà, trên những ban công những bóng đen với súng chia xuống. Tiếng ho vang lên từ một người tượng nào?

- Nguyễn Văn K.

- Có mặt.

- Tên cha tên mẹ?

- Nguyễn Văn Q. Trần Thị L.

- Lê Văn Đ.

- Có mặt. Cha vô danh. Mẹ Nguyễn Thị B.

- Đặng Đình H.

- Có mặt. Cha vô danh, mẹ vô danh...

Tiếng gọi tên khô lạnh. Những giọng nói khác nhau. Có nhiều Nguyễn Văn Ba, Nguyễn Văn Tư... Thêm tên cha mẹ như một xác minh. Người ta phát hiện ra trong đám có cả trường hợp hai anh em ruột cùng đang ở đây. Có những người cha vô danh và những bà mẹ vô danh...

Khoảng sân đặc kín người. Có mấy tiếng ho. Có tiếng động như một cái lon sắt rơi xuống mặt sân cứng. Những người mặc đồng phục vây quanh không nghe một tiếng người.

Người đứng trên cao gọi tên với cuốn sổ cầm tay sau cùng đi xuống chỉ tay đếm từng hàng người, rồi những chiếc còng được mang tới, hai người chung một còng. Tiếng sắt, tiếng khóa liên tiếp vang lên. Người cầm cuốn sổ trở lại chỗ cũ, trong yên lặng tiếng nói vang lên rõ từng tiếng:

- Có ai hỏi gì không?

- Thưa cán bộ...

Một giọng nói yếu và hiền vang lên từ phía góc sân. Có một vài cái đầu động đậy như muốn nhìn về phía tiếng nói:

- Cái gì?

Im lặng một lúc, một cơn ho từ đâu đó.

- Tôi chưa có còng.

Người cầm cuốn sổ đi xuống, mấy người mặc đồng phục chụm đầu vào nhau. trong đám người nghe như có tiếng cười ở chỗ nào đó.

- Yên lặng. Trật tự.

Tôi chưa có còng. Tôi không có còng. Tôi mất còng. Mọi người đều có còng sao mình lại không có còng. Lẻ loi quá, không có tình bầy đàn. Tôi không có còng, tôi không ở trong đám đông này, tôi bị gạt ra, loại ra khỏi đám đông này. Tôi phải có còng. Tôi ở trong đám đông này. Tiềm thức hoang dã bầy đàn? Tôi chưa có còng? Sao thế. Bao nhiêu nhà máy sản xuất súng đạn, bom mìn, xích còng đã được xây dựng? Phải xây thêm bao nhiêu nữa, sản xuất thêm



bao nhiêu nữa cho ai cũng có còng? Chưa hay là không nhận ra một cái còng hay nhiều còng đã được đeo lên người, từ chân tới tay, từ đầu tới cổ. Bao nhiêu cái ách đã khoác lên vai như những con trâu con bò đang phải bước đi trên ruộng bùn lầy lội với cái cày nặng kéo theo. Tôi chưa có còng. Và khi nào: Chúng tôi chưa có còng? Cho tới lúc ai cũng có một cái còng, khi đó còng để làm gì? Một vật trang sức?

Lần lượt từng hai người chung nhau một cái còng kê tay trái, người tay phải bước lên xe. Thế là hai con người bỗng trở thành cai tù của nhau. Một thằng muốn bỏ chạy ư? Làm sao chạy, cả hai cùng lòng chạy, nhưng kẻ cao người thấp, kẻ chân ngắn, người chân dài? Đâu phải chỉ những cái còng không bao giờ bị rỉ sét? Còn bao nhiêu sợi dây thừng, bao nhiêu sợi dây điện không hư được dùng để trói kẻ này với kẻ khác, thành một dây, thành một chùm.

Từng hai người một chung một còng bước lên rồi cùng ngồi xuống, sát bên nhau. Tất cả lặng lẽ, trận tự. Những cánh cửa sắt trên xe đóng lại. Sát cửa, hai người đồng phục súng cầm tay ngồi ngoài cùng với đôi mắt như không động đậy và da mặt khô cứng. Tấm bạt nhựa kéo lên phủ kín. Kẻ không có còng lặng lẽ và chậm một mình bước lên xe sau chót. Tiếng còi ré lên, đoàn xe nổ máy rời khu trại lao vào đêm tối...

19.

Nền trời phẳng một màu xám nặng, bưng bít, ở cuối chân nước trời như một bức tường. Người tóc bạc giọng buồn nản:

- Không biết có thuyền không?

Người ít tuổi quấn lại chiếc khăn lên cổ nhìn mông về chân trời không một vệt sáng:

- Mong sao sớm về tới nhà...

Hai người bước đi im lặng. Trời âm. Người trẻ tuổi chốc lại ngửa cổ nhìn lên trời. Người tóc bạc bước đều đầu hơi cúi. Người trẻ nói:

- Từ hồi đó tới nay anh sống ra sao?

Người lớn tuổi vẫn bước đều, đầu cúi:

- Người ta sao mình vậy. Nhưng đâu phải là sống nữa... Thật chẳng ra thế nào.

Những bước chân... vô hồn. Những tiếng nói rời rạc. Tới ngã ba họ rẽ về hướng nam, sau một đoạn đường ngắn người trẻ nhìn thấy có mấy người đi phía trước.

- Anh có thấy mấy người đi phía trước kia không?

Người lớn tuổi ngừng lại nhìn chăm chú:

- Ba người.

Sau một quãng dài hai người bắt kịp toán ba người đi phía trước ông già thấy hai người đi chậm lại một chút rồi lên tiếng:

- Hai anh đi tìm bến sông phải không?

Người trung niên tóc bạc giọng mau mắn:

- Vâng, thế còn cụ và hai anh?

- Chúng tôi cũng đang tìm bến sông đây, bão lụt gì lạ quá. Trời thật ác. Anh ở trong Nam ra?

- Dạ vâng.

- Anh đi du lịch à?

Người trung niên cười thành tiếng:

- Dạ không. Có chút việc trên này chứ đâu có du diếc gì...

Năm người cùng bước đi, những trao đổi về chuyến tìm đường ở nơi đất lạ, về thời tiết, về sông nước. Người trẻ có chiếc khăn quấn trên cổ quay sang phía ông cụ:

- Bến sông cụ đã tới bao giờ chưa?

- Tôi ở dưới xuôi lên, đâu phải người trong vùng, nào có biết gì đâu. Đi tìm, người ta chỉ đường cứ thế đi thôi... Lạ nước lạ cái, gặp bão lụt... Cũng chẳng biết có phải con đường này đưa tới bến sông không nữa, chẳng sao, mình tìm rồi cũng ra.

Người thanh niên gúc gúc cái đầu:

- Có khi nào mình tìm mãi mà không ra?

Ông già cười sáng khoái:

- Có chứ, thế mới thú chứ. Tìm cái gì ra cái ấy có khi cũng chán,

- Vậy có cái gì mà cụ tìm mãi vẫn chưa ra...

Ông cụ à lên một tiếng rồi im.

Toán người tiếp tục bước, ông già nói:

- Đê này chạy dọc theo dòng sông, như vậy tất phải có bến. Nhưng nó nằm chỗ nào thì phải đi tới. Có sông phải có bến, không có bến... phải có cầu...

Người trung niên vắt cái khăn lên vai, đôi mắt mệt nhọc nhìn về phía trước. người thanh niên bỗng reo lên:

- Có một cái quán, chắc lần này thì tới bến rồi.

Mọi người nhìn chăm chú và những bước chân như dài và đều hơn. Ông già nói:

- Có bến còn phải chờ thuyền.

Người trung niên tóc bạc nói:

- Người ta cho cháu biết: mưa và lũ lớn thế này, xuôi dòng đa phần là bè, nước lớn bè dễ đi. Trên thượng nguồn dân buôn tre nứa, gỗ họ đã chuẩn bị từ trước chỉ chờ nước lớn là xuôi... Một chuyến gỗ quý có khi ăn cả năm không hết...

20.

Quán lá ở bến sông chật những người chờ thuyền xuôi. Họ từ nhiều con đường tìm tới. Có những người biết rõ bến sông, họ đi và tới, có những lạ phải lần mò tìm đường mới tới được. Có những người sống tại đây, nhưng có việc không thể chờ nước rút, có những người không sống ở đây muốn sớm trở về nhà. Tất cả họ thành những người đồng hành. Những cơn mưa từ ngày này sang ngày khác giữ đám người lại trong chờ đợi. Những ngôi quán dọc đường cái

quan, những cái quán ở bến xe, bến sông thường có dạng giống nhau, một bà già hay một cô gái nào đó, hoặc một người đàn ông lớn tuổi. Quán thường bán trà là chính thêm vào đó vài thứ vặt vặt như kẹo, bánh và những thứ quà rẻ tiền...

Quán nơi nển sông này cũng do một bà cụ bán, bà ngồi sau một cái bàn thấp, phía trước có một băng ghế dài cùng ít cái ghế đầu nhỏ. Bà cụ chủ quán nhìn ra ngoài trời, ngoài đó mưa đều hạt vẫn không ngừng:

- Điều này mưa chưa biết tới bao giờ mới dứt hạt, nước còn lên, đường tắc còn lâu, dân sông nước được nhờ...

Giọng nói đều đều như chỉ để nói vậy thôi. Ông già ngồi nơi đầu chiếc ghế dài quay sang nói với người trẻ có quấn chiếc khăn trên cổ, giọng nhỏ đủ cho hai người nghe:

- Anh ở trong trại Z ra?

Người trẻ hơi gật đầu trong khi nhìn ra trời mưa ngoài cửa.

Giọng ông già như nhỏ hơn:

- Có mấy người đợt này?

Người trẻ giơ lên một ngón tay chỏ. Ông cụ có vẻ hơi ngạc nhiên:

- Một mình anh?... phải lâu mới hết. Người trẻ kéo chiếc khăn ra khỏi cổ gấp lại rồi dùng lau mặt trước khi vắt cái khăn lên vai. Ông cụ lấy một liều thuốc châm hút thở khói ra mù mịt.

Ông già nhìn bà cụ bán quán nói:

- Gần đây có ngôi chùa nào không cụ?

- Có nhưng hơi xa. Cụ muốn cầu tạnh mưa à?

- Nếu cầu được thì cũng nên cầu. Hình như ở trên này cũng ít chùa...

- Tại cụ không để ý thôi, lại nữa cái thì bị bom, cái thì bị đốt, cái bị phá, cái đem dùng làm nhà kho, trụ sở cơ quan... Tượng thì chẻ làm củi, nơi nào tử tế thì bỏ xuống giếng xuống ao... Làng nào mà không có chùa. Thế cụ đi tìm chùa à?

- Dạ không...

- Hay cụ định đi ở chùa?

- Tôi làm gì có căn tu mà ở chùa, chẳng là có người quen bảo tôi nếu lên trên này thì ghé nhà chơi, nhà họ ở gần chỗ Vô Phật Tự.

- À vậy thì tôi biết, nhưng người ở đây thì quen gọi đó là chùa Chuông.

- Chùa nào mà không có chuông. Nhưng sao lại gọi là Vô Phật Tự, chùa không có Phật thực sao?

Bà chủ quán giọng dứt khoát:

- Có đấy.

Người thanh niên chen vào:

- Có đấy là sao? Chùa không có Phật? Chùa không có Phật thì thờ gì?

- Thờ Phật. Vậy cậu bảo chùa thờ gì, thờ cậu à?

Ông già cười một cách khoái trá, tiếng cười như vang động cả một vùng yên ắng. Sau khi cười ông già gúc gúc cái đầu:

- Thờ Phật mà không có Phật.

Người thanh niên đứng lên:

- Chùa không có Phật có còn là chùa không?

Mọi người trong quán đều ồ lên cười. Cụ già nói thủng thẳng:

- Thế Phật không có chùa thì có là Phật không?

- Tôi có thấy một ông Phật không có chùa.

Người trung niên nói một cách từ tốn. Người thanh niên nhìn người trung niên nói:

- Chùa không có Phật, bây giờ tới Phật không có chùa. Tôi chẳng hiểu gì cả.

Người tóc bạc giọng chậm rãi:

- Sự tích như thế này: một người giàu có lại thêm có miếng ruộng lớn muốn làm một ngôi chùa trên đó, không rõ nguyên do việc này. Chùa phải xây lớn, vì thế Phật cũng phải lớn, không lẽ chùa lớn mà Phật nhỏ. Người lo xây chùa cho nhà giàu kia mới nói với người bỏ tiền là muốn vậy phải đúc tượng trước khi xây chùa. Công việc được khởi đầu, kẻ thì lo đào ao đắp nền, người thì lo đắp tượng. Làm xong tượng, tường khuôn viên mới xây nửa chừng thì chiến sự lan đến mỗi lúc một ác liệt. Việc xây chùa phải ngưng lại. Nhưng những quãng thời gian im tiếng súng thường không được lâu. Vì thế việc xây chùa coi như phải ngưng. Rồi chiến tranh ác liệt, cả một vùng rộng lớn trở thành chiến địa. Dân chúng trong vùng lần lượt kéo nhau bỏ đi để lại ruộng đất hoang hóa. Ngôi chùa nằm ngay trong vùng tranh chấp. Giữa cánh đồng bỏ hoang: tượng Phật, mấy bức tường khuôn viên xây dở dang, mấy đồng cát, mấy đồng đá, những chõng gạch cao trở thành những công sự, nơi ẩn nấp mà bên nào cũng muốn chiếm giữ trong khi giao chiến. Họ lần lượt thay nhau, người trong bắn ra, người ngoài bắn vào, dần dần những bức tường sụp đổ, những đồng gạch đá mỗi lúc một thấp dần, và ở đó hẳn nhiên có những người đã đổ máu, chẳng bên nào không có. Khi cuộc chiến tàn, dân chúng trong vùng trở về, họ thấy pho tượng trắng vẫn đứng trên cánh đồng không có một vết đạn. Không lẽ đạn có mắt mà tránh? Không lẽ hai bên đã thỏa thuận không bắn vào pho tượng? Hay pho tượng đã có phép thiêng tránh được đạn? Người dân bảo nhau: Phật này thiêng. Người xây chùa không thấy trở lại. Dân chúng trong vùng thì nghèo, họ sống trong những mái nhà tranh, lo ăn còn vất vả đâu có thể nghĩ tới việc xây tiếp ngôi chùa. Nhưng cũng từ đó mỗi khi người dân đi ngang qua, hay đi làm đồng gần đó bao giờ cũng kính cẩn ngả nón hoặc ngưng lại ít phút chấp tay khẩn vái... Sau đó người ta kể với nhau về người này được Phật giúp, người khác được Phật cứu. Câu chuyện cứ thế lan truyền. Người tới lễ Phật mỗi lúc một đông, nhiều người ở những vùng xa cũng tới cầu phước. Thế là dưới chân tượng Phật, giữa cánh đồng xuất hiện một bàn thờ với lư hương lúc nào nhang đèn cũng nghi ngút. Chùa chưa được xây nên không có tên gọi. Cũng không biết từ đâu người ta gọi đó là Phật Cô Đơn. Khi nói người ta bảo: đi lễ Phật Cô Đơn, cũng như đi lễ chùa... Nói tới Phật Cô Đơn ở miền nam thì ai cũng biết... Sau này vào những ngày rằm mùng một số người đi lễ rất đông.

Những người ngồi trong quán im lặng lắng nghe. Nhưng nét mặt mỗi người một khác. Những mường tượng riêng về hình ảnh một pho tượng Phật đứng giữa cánh đồng mênh mông từ những ngày chiến tranh cho tới nay. Giọng cụ già vang lên:

- Phật không cần chùa...

Bà cụ bán quán nói:

- Bao nhiêu năm rồi tôi chẳng được nhìn mặt một ông Phật nào. Mới đây nghe nói ở mạn dưới người ta mới đào được bao nhiêu là Phật lớn nhỏ...

Người thanh niên nói:

- Sao cụ không xuống khênh về một ông mà nhìn mặt.

- Cái cậu này...

- ... Ý cháu muốn nói, mang về thờ nơi chùa không Phật.

- Đã là chùa không Phật, nay lại mang Phật về, thật chẳng ra làm sao...

Mọi phá lên cười. Bà bán quán cũng cười một cách thoải mái. Bà bán quán nói:

- Chùa không Phật như vậy đâu đã hết chuyện, còn cái chuông đá ở chùa đó. Cho nên tôi đã bảo, cái chùa này dân ở đây gọi là chùa Chuông đâu có chữ nghĩa để gọi một cách khó khăn nào là tự, nào là vô...

Bà bán quán ngừng lại lấy thuốc cho một người khách bà nói tiếp:

- Chùa nào mà không có chuông, người ta gọi chùa Chuông có lẽ vì cái chuông đặc biệt của chùa này: nó là chuông đá mà người mình ngày xưa đã khiêng ở tận bên Tàu về. Tôi, chính tay tôi hồi nhỏ đã được sờ lên cái chuông đá đó. Muốn đánh chuông phải có mấy người cùng nhau đu một cái chày bằng cả một thân cây lớn. Chày va vào rốn chuông nhưng phải ít giây sau mình mới nghe thấy tiếng ngân vang của nó. Người ta bảo tiếng chuông ấy vang tận bên Tàu, nơi đã làm ra cái chuông người dân vẫn nghe được tiếng chuông đá. Nguyên chuông này ở một cái chùa bên Tàu, cái hồi vua Nam đánh đuổi Tàu, giặc thua bỏ chạy thoát thân, khiến dân Tàu sống ở vùng biên giới Lưỡng Quảng với ta kinh hồn khiếp đảm. Già trẻ lớn bé kéo nhau chạy sâu vào nội địa nhiều dặm. Cả vùng biên giới không một bóng người. Quân Nam tràn sang thấy gì lấy đó, từ con chó, con mèo bắt được cũng không tha. Có toán quân tới sau chẳng có gì để lấy làm chiến lợi phẩm, họ tìm kiếm lục lọi nhưng vô ích, sau họ thấy trong ngôi chùa còn một cái chuông lớn, họ tưởng chuông đồng nên hè nhau khiêng về... Khi đứng bên chiếc chuông đá to lớn, tôi lấy làm lạ là: làm cách nào những người lính ấy có thể mang được quả chuông ấy về đây... Hay đó chỉ là tưởng tượng chứ thực sự quả chuông là của người mình làm từ lâu mà không ai biết? Tôi nghe người ta nói: Lúc ấy quân ta khiêng về đưa mãi vào tận phía nam, mà nơi đến là Phú Xuân, nhưng đám lính ở Thanh Nghệ không chịu, toán lính đang trong không đủ sức khiêng cái chuông đi tiếp nên phải bỏ lại ở bên này đèo Tam Điệp. Thế là quả chuông nằm lại đó. Vua Tàu thua trận lòng vẫn căm giận và mưu ngày xâm lăng nên sau đó đòi vua ta trả chuông như một cái cớ. Để tránh binh đao, lại biết nước mình nhỏ, sức yếu, để tỏ lòng hòa hiếu vua ta đã khôn ngoan nhún người bằng tìm người giả đóng vai vua sang triều cống, hơn thế còn xin làm con rể và xin cái chuông làm của hồi môn. Vì thế vua tàu không đòi chuông và bỏ cuộc xâm lăng. Nhưng đến vua triều sau khi cử quan sang xin phong vương, vua Tàu lại làm khó: phải mang trả chuông đã lấy

năm xưa. Vua ta phải đôn đốc binh lính đưa chuông sang Tàu, nhưng chỉ tới vùng đất này thì bỏ lại... Thế rồi sau này lại có vua Tàu khác đòi chuông. Vua ta bực tức vì biết đó chỉ là cái cơ gây khó khăn. Trong lúc mất bình tĩnh vua ta bảo: sang mà lấy. Thế là vua Tàu ra lệnh cho binh lính tràn qua nói là: để dạy cho một bài học... Tôi kể không biết có đúng không. Nghe sao kể vậy, lại nữa tôi là đàn bà quê mùa, không được đi học nên có khi nghe chuyện cũng không thủng, và nhớ cũng không rõ nhưng đại để là như thế... Sau này tôi thấy có một toán người Tàu tới chùa để coi cái chuông đá. Họ mang theo nhiều dụng cụ lạ lắm. Cán bộ bảo những chuyên gia tới khảo sát cái chuông trước khi đưa chuông về Tàu. Họ chụp ảnh, họ đo trên đo dưới, họ còn tính cân nữa nhưng không làm sao nâng lên được. Họ đánh chuông từ nhiều chỗ có ghi âm và quay phim. Nghe nói Tàu sẽ mang chuông đi, có nhiều người phản đối, họ nói chuông ở đây từ lâu rồi, lấy đâu bằng cơ mà nhận. Nhưng cũng có người bảo: quý báu gì quả chuông đá đó, muốn có người mình dư sức làm cả trăm quả như chơi. Nhưng cho tới nay quả chuông vẫn ở đó. Sau tôi có theo nhiều người lên lễ và coi chuông thì thấy chuông bị sút mất một miếng ở dưới mép, còn hai lỗ khoan thì bị khoan mất, hai lỗ khoan đối diện nhau nắm tay bỏ vào được. Bây giờ đánh chuông, chuông không còn kêu nữa. Có người bảo: chú ý là bọn Tàu nó không muốn cho chuông kêu, nó chỉ yếm chuông thôi chứ hơi đâu mà nó khiêng cái cục đá ấy về Tàu làm gì cho mệt. Có người thì bảo Tàu nó thâm lắm, để cái chuông đó để sau này còn lấy cơ làm khó, hoặc xâm chiếm nước ta. Nó cứ vu cho mình là sang bên lấy chuông, lấn đất, nó to mạnh thì nó cần gì lẽ phải. Những chuyện tôi nói các ông đã nghe bao giờ chưa?

Bà bán quán ngừng lại uống một ngụm nước. Người thanh niên đứng lên nói:

- Chuông mà đánh không kêu thì có còn là chuông không? Đập phứt nó đi cho rồi, như thế là hết rắc rối.

Ông già giơ tay lên như một cử chỉ can ngăn:

- Thế không được, biết đâu có người... làm cho nó kêu được...

Về cái chuông đá người nói thế này, người nói thế khác, có điều chỉ có mình bà bán quán nói là mình đã thấy, đã sờ lên chuông. Người đàn ông trẻ có chiếc khăn quấn nơi cổ nói:

- Tôi hỏi: Có Vô Phật Tự và quả chuông đá hay không?

Những người trong quán mỗi người nói một tiếng làm cho không khí ồn ào hẳn lên. Có một người đàn ông nói lớn át cả những tiếng bàn tán:

- Tôi có nghe chuyện một cái chuông câm...

- Cái chuông đá không kêu nữa thì thành chuông câm cứ gì?

- Không phải...

Ông già nói chen vào:

- Tôi định lên chùa Chuông đây, trăm nghe không bằng mắt thấy. Có ai đi không? Tôi tính kiếm một cục đất sét lên nhét vào hai lỗ khoan của bọn Tàu. Chưa chừng khi ấy đánh chuông, chuông kêu làm văng óc cả thiên hạ cũng không chừng... Biết đâu được.

Bà bán quán nhìn ra trời mưa:

- Mưa gió thế này có phải tội mà đi. Chuông kêu hay không có chết ai đâu?

- Tôi có nghe chuyện một quả chuông câm.

- Nhưng chuông có điếc không? Bởi vì câm với điếc thường đi đôi với nhau. Câm mà không điếc thì khổ lắm.

- Người ta kể rằng: có một ngôi chùa kia đúc một quả chuông lớn, quả chuông đúc xong đánh không có tiếng. Những người thợ đúc tính nấu nó ra đúc lại, nhà sư trụ trì ngăn lại và bảo họ đúc một quả chuông khác. Quả chuông này đúc xong tiếng chuông rất tốt. Ngôi chùa treo hai cái chuông lên gác tam quan. Những người đến chùa được hướng dẫn: ai câm và điếc thì đánh quả chuông không tiếng. Còn người bình thường thì đánh quả chuông tiếng tốt. Những người tới chùa ai cũng hài lòng, những người câm và điếc rất thích tới chùa để đánh chuông... Một lần có người không câm điếc nhất định đòi đánh chuông không có tiếng. Vị sư chiều lòng, người này đánh chuông xong đi xuống. Vị sư mới hỏi: Phật tử nghe thấy tiếng chuông thế nào? Người đó bình thản nói: tiếng chuông ngân vang thật là tuyệt diệu, nhưng tiếng chuông đó chỉ có mình tôi nghe thấy. Vị sư trụ trì liền lên gác chuông lấy chày đánh quả chuông không có tiếng. Đánh mãi vị sư cũng không nghe thấy tiếng chuông. Vị sư trở xuống, cởi bỏ áo tu hành và rời khỏi chùa. Ít lâu sau những người tới lễ chùa, đánh vào quả chuông nào cũng nghe có tiếng chuông ngân vang không khác gì nhau... Mọi người cho đấy là điều lạ...

21.

Cơn mưa ngớt hạt dần dần rồi tạnh hẳn, bầu trời sáng hơn, gió thổi nhẹ. Mấy người ngồi trong quán quá lâu đã thấy tù cẳng nên kéo nhau ra ngoài trời. Người thanh niên mặc đồ lính bước ra phía xa làm mấy động tác thư giãn. Một bên là mặt nước mênh mông, một bên những làng xóm xa xa ướt át... Người thanh niên hét lên một tiếng lớn kinh động rồi nhảy người vào thế đi một bài quyền...

- Hay, hay, thủ kín, công nhuyễn...

Nghe nói người thanh niên ngừng lại nhìn về phía người trung niên tóc bạc:

- Thủ với công gì, bài quyền tôi học của cha tôi hồi nhỏ...

Mấy người ở trong quán đã ra ngoài hết. Một thanh niên nói:

- Nơi này dùng luyện tập võ nghệ thì thật tuyệt, chẳng ai nhòm ngó...

- Ý cậu nói: luyện tập để làm giặc à?

Người đàn ông trung niên tóc bạc cười khà:

- Thời nào thì được chứ bây giờ nho nhoe là chết tươi. Làm giặc mà trông vào mấy đường quyền cước à? Xưa rồi ông cố nội ạ?

- Ủa thế luyện võ nghệ để rèn luyện cơ thể, để phòng thân không được sao?

Người thanh niên nói với vẻ phấn khởi làm những người chung quanh im lặng, người trung niên tóc bạc nhìn người thanh niên với vẻ thân ái:

- Thế cậu đã có khi nào học võ chưa?

- Có, lúc ở trong quân ngũ.

Mọi người ò lên cười. Người thanh niên cũng cười. Người trung niên vỗ vai người trẻ:

- Đúng rồi, nhưng nhiều loại võ lắm... Để ca tụng một người nào đó hồi xưa người ta thường nói: ông ấy văn võ song toàn. Có văn nhưng phải có võ nữa. Văn không chưa đủ...

- Đúng rồi, vì thế tôi có nghe kể là ông Chu Văn An có được một môn sinh khuyên đi học võ.

- Anh nói Chu Văn An nào?

- Cả nước Nam này người ta nói tới ông Chu Văn An được thờ ở Văn Miếu nơi đất Thăng Long, có một Chu Văn An ấy thôi chứ làm gì có một Chu Văn An nào khác? Chu Văn An, một đại nho gia đã từng dâng Thất – trăm – sớ, từng bỏ quan về dạy học, học trò thì có người làm tới tể tướng.

Người thanh niên rụt rè hỏi:

- Nhưng Thất – trăm – sớ là gì vậy?

- Sớ đòi vua chém bảy tên quan hại nước hại dân.

- Trời ơi, bảy tên bị chết chém, khiếp quá.

Những người chung quanh cười ồ, một người nói:

- Vua có chém đâu mà chết, vì thế Chu Văn An mới cởi áo từ quan. Ông là tiến sĩ, có đức độ, học trò có nhiều người làm quan to trong triều, lúc chết vua cho thờ trong Văn Miếu cùng với Khổng Tử và các bậc tiên hiền.

- Những tiên hiền nào vậy? Có ông nào ở làng tôi không?

Một giọng hào hứng:

- Nhưng ở làng nào mới được chứ?

- Làng tôi nổi tiếng lắm, đó là làng Giã La. Cái tên làng đã vào trong ca dao: Bơi Đầm, rước Giá hội Thày. Vui thì vui thật chẳng tày Giã La.

Cả đám cười vang như chưa bao giờ được cười như thế. Một giọng hào hứng khác vang lên:

- Có đấy, Giã La tiếng tăm lừng lẫy như vậy tất phải có tiên hiền thôi. Anh mau về kêu cả làng ra Văn Miếu ở Thăng Long mà khiêng tiên hiền về không bọn khác nó khiêng mất thì chết...

Khi những tràng cười đã dứt, một người nói:

- Tôi được nghe kể như thế này: Sau khi từ quan về nhà dạy học. Một hôm Chu Văn An đang ngồi trong lớp thì có một thanh niên bước vào thi lễ. Chu Văn An hỏi: có việc gì? Anh ta lễ phép thưa: xin thầy cho nhập môn theo học. Chu Văn An chỉ sang bên có sẵn thư án và bút mực và nói: Anh hãy làm cho ta một bài văn xem sức học tới đâu. Người thanh niên vòng tay thi lễ và nói: xin cho phép tiểu sinh đi một bài quyền thầy coi. Chu Văn An sững người ngạc nhiên thì người thanh niên đã nhảy ra sân ngay trước lớp học và bắt đầu đi một bài quyền: dáng điệu nhanh nhẹn, thanh thoát, chân tay thuần thục nhuần nhuyễn, khi tiến tới khi lui về nhịp nhàng, khi sang phải lúc sang trái liên tục biến hóa... Đám học trò trong lớp đứng cả dậy, rời chỗ tạo thành một vòng tròn quanh người thanh niên. Khi bài quyền vừa dứt, mọi người vỗ tay tán thưởng. Nơi cửa Khổng sân Trình bỗng mất ngay đi vẻ trang nghiêm thường ngày. Người thanh niên bước tới trước mặt Chu Văn An cúi đầu thi lễ: Liệu tiểu sinh có xứng để làm học trò của thầy? Chu Văn An nói: Ai đã chỉ anh tới đây xin học? Không lẽ người ta lại làm từ một lớp học văn sang một lớp học võ? Người thanh niên khoanh tay trước ngực lễ



phép thưa: thưa Thầy, con lớn lên ở nơi thôn ỏ, xa kinh thành. Nơi quê chỉ họa hoằn mới có người biết đôi ba chữ. Nhưng để khỏi chết oan ức vì thú dữ và bọn côn đồ thì người nào cũng học lấy vài miếng võ phòng thân. Lại nữa: ông cha bảo: không có sức khỏe làm sao chống được giặc Nguyên Mông. Ở xa con nghe nói Thầy đã dâng sớ đòi chém bảy tên nịnh thần lừa vua, hại nước. Con thấy đó là thầy mình mà tới xin thụ giáo. Trong ngụ ý con lại nghĩ: khi dâng sớ hỏi tội bọn quyền gian sao thầy không dâng thêm một thanh gươm?

Sau đó, theo như kể lại Chu Văn An đã đóng cửa lớp học. Có người lại nói: đám môn sinh bỗng nhiên bỏ học, kẻ về quê đi cày người theo học võ trong rừng khiến Chu Văn An chẳng còn ai để dạy nên lui về Chí Linh rồi chết ở đó...

Người thanh niên nói:

- Ngày xưa sao nhiều người không làm quan mà đi dạy học thế không biết, mà chẳng nghe nói gì về học nghề?

Người trung niên tóc bạc:

- Có học nghề đấy chứ, chính Chu Văn An cũng học nghề làm quan đó thôi. Mình không làm quan nữa thì dạy người khác làm quan. Cả một đời đi học cốt ở làm quan mà sống. Không đi làm quan lấy gì ăn? Đi học, chỉ có ba chữ giắt lưng, không hạnh thông trên đường hoa hoạn sinh ra bất mãn, thế là họ làm thợ, làm phú... Nho sĩ của ta, những người theo đảng của Khổng Khâu luôn luôn tuân thủ tam cương, ngũ thường, và những điều răn dạy khác như tiên học lễ hậu học văn, tôi trung không thờ hai vua... Can gián, dâng sớ, làm bản điều trần, viết kiến nghị đi ở ẩn... là những hành động cao nhất nho sĩ của ta còn để lại. Mấy ngàn năm không thấy một nho sĩ nào cầm gươm bước lên chín bậc mà lòi cổ những tên hôn quân, bạo chúa khỏi ngai vàng. Ngược lại, rất nhiều kẻ có học để lại tên tuổi ở cương vị là những bầy tôi trung thành, nhiều chữ, lắm thơ phú. Kẻ có học những bầy tôi trung thành, nhiều chữ, lắm thơ phú. Kẻ có học trước sao sau vậy cứ cầm lấy bút, hoặc mở miệng ra là: Khổng tử viết, Mạnh tử viết, Mao tử viết, Mã khắc tử viết...

Một người nói:

- Sự nghiệp... Chu Văn An để lại trong lịch sử là gì? Là bản Thất trảm sớ nhưng vua không dùng. Dạy được nhiều học giỏi để làm quan. Ông có xây dựng được một trường học nào không? Không, ông có tác phẩm học thuật nào xuất sắc không? Không, chỉ còn ít bài thơ chữ Hán. Có đào được một con kinh nào không? Không. Còn con cháu ông? Không nghe nhắc đến. Một người được nói tới nhiều thế mà sao con cháu nhiều đời lại không có tiếng tăm gì? Không lẽ ông dạy thiên hạ học mà lại không dạy con cháu mình?

Một người nói:

- Tôi có biết một người họ Chu, người họ Chu này làm nghề đóng cối xay lúa. Tôi hỏi về tổ tiên của anh ta. Anh ta bảo: dòng họ anh không có gia phả. Anh biết rõ từ đời ông nội, một ít điều về tổ tiên trước đó do ông nội kể. Nghề của anh do cha truyền con nối không rõ tổ là ai. Tôi hỏi thế trong dòng họ anh có ai học hành, đỗ đạt làm quan hay dạy học không? Anh ta nói không nghe nói. Nhưng về chữ nghĩa thì anh ta gật gù nói với tôi: chữ nghĩa ư, có đấy, ông tôi thường mở lịch Tàu ra coi ngày cho người ta làm nhà, cưới hỏi. Cha tôi biết chữ để ký tên vào văn tự. Tôi cũng biết viết tên mình. Người ta gọi tôi là Chu Phó Cối, đó là tên người ta đặt cho tôi chứ không phải tên thật của tôi. Tôi được ông nội đặt cho là Chu Đức Bành. Chả là thế này: đêm tôi lọt lòng mẹ, ông tôi ngủ nằm mơ thấy gặp ông Bành Tổ, thế là ông tôi đặt

tên tôi là Bành. Sau có người bảo tôi: sao không đặt là Chu Bành Tổ nghe có phải oai phong lắm liệt không? Nhưng lúc nhỏ ở trong nhà có ai gọi tôi là Bành là Biếc gì đâu, mọi người gọi tôi là thằng Bồi. Khi lớn, theo nghề đóng cối từ làng này sang làng khác người ta gọi tôi là phó cối, chắc cũng như phó cạo, phó đục, phó thường dân... Có người biết tôi họ Chu liền gọi là Chu Phó Cối rồi cười. Trong đời đi đóng cối xay tôi có nhớ một người. Ông ta làm nghề bán niêu đất, nồi đất. Ông ta bảo: nghề của anh có ích cho đời, quý lắm. Chỉ với mấy cái dăm tre, ít đất sét với bàn tay khéo léo mà làm thành cái cối, biến hạt thóc thành hạt gạo. Đâu phải ai cũng làm được... Nghe nói vậy tôi thích lắm. Người có ích cho đời mà, thật nỡ gan nỡ ruột. Ông ta hỏi: vậy tổ nghề cối xay là ai anh biết không? Tôi lắc đầu nói không biết. Người bán nồi niêu có vẻ không bằng lòng nói: nghề phải có tổ, người phải có tông, vậy anh họ gì. Tôi nói tôi họ Chu. Người bán nồi niêu hơi sững lại có vẻ ngạc nhiên hỏi: Vậy anh cùng họ với Chu Văn An à? Tôi nói: tôi không rõ, vậy ông Chu Văn An là tổ nghề đóng cối xay lúa sao? Ông bán nồi niêu đầy vẻ thất vọng: Không phải, chắc anh họ Chu khác không phải cùng họ với Chu Văn An. Bởi không lẽ hậu duệ của một đại nho gia mà con cháu lại làm nghề đóng cối xay...

Mấy người đứng nghe câu chuyện kể nói thế này, kể nói thế khác. Người thanh niên nói với ông già:

- Học tới tiến sĩ đâu phải chơi. Nhưng nếu có người dạy cho cháu nghề đóng cối xay nữa?

Ông già và người thanh niên trở vào quán. Cơn mưa đổ xuống như trút, những người còn ở ngoài chạy ùa ra cả vào trong quán. Bà bán quán nói:

- Mưa kiểu này nước còn lên, chưa biết tới bao giờ đường mới hết tắc. Chết cả thôi, trời ác thật.

Người thanh niên nhìn bà bán quán:

- Vậy liệu có thuyền không?

- Chẳng biết được, mưa lớn họ cũng sợ, phải dứt mưa mới hy vọng.

Ông già mỉm cười nhìn người thanh niên. Người thanh niên đưa mắt nhìn những người chung quanh: Người trung niên tóc bạc đang cầm một đầu chiếc khăn quàng của người trẻ. Một người ngồi dựa lưng vào vách, đầu gối để cao, chiếc mũ dẩy lên mặt. Mỗi người một góc... Những khuôn mặt vừa quen vừa lạ. Người thanh niên nói:

- Kỳ thật, sao lại hẹn với nhau ở đây?

- Hẹn? Ai hẹn ai? Mỗi người đi một đường, mỗi người tới một nơi...

- Vậy mà chưa chừng sau này có lúc gặp nhau cũng có...

Ở một góc quán, giọng ai kể thơ Nam bộ vang lên:

- Dầu dui mà giữ đạo nhà

Còn hơn có mắt ông cha không thờ

Dầu dui mà khỏi danh nơ

Còn hơn có mắt ăn dơ tanh rình

.....

Sáng chi sàm nịnh theo đời

Nay vinh mai nhục...

Người thanh niên quay sang ông già:

- Thơ ai cụ biết không?

- Thơ cụ Đồ Chiểu chứ ai nữa.

- Ông già khóc mẹ tới mù mắt phải không? Đã mù rồi sao còn ham làm thơ chi không biết... Sau này không nghe nói có ai khóc mẹ tới mù nữa nhỉ, chỉ thấy nói những bà mẹ khóc con.

- Bây giờ không phải là thời con khóc mẹ nữa mà là thời mẹ khóc con, vợ khóc chồng... Bây giờ ít ai mù mắt nhưng nhiều kẻ mù đầu. Thiếu gì kẻ mù vì khóc, nhưng khóc người đứng nên chỉ mù đầu thôi...

- Cụ nói gì cháu chẳng hiểu...

Cụ già lặng im. Bỗng có tiếng người nói lớn ở ngoài:

- Có bè lớn...

Ông già và người thanh niên đứng ngay dậy, mấy người khác túa ra khỏi quán, những con mắt hướng cả về bến sông. Rất xa, phía thượng lưu một bè gỗ lớn đang lao theo dòng chảy. Mưa mù mịt, chiếc bè như nhòe đi...

Màn mưa dày từ trong nhìn ra chỉ thấy một màu trắng đục. Người thanh niên đứng tựa nơi cửa quán nước nói băng quơ:

- Chẳng hy vọng.

Bầu trời tối dần đi.

Từ màn mưa hai bóng người xuất hiện nơi cửa quán. Những con mắt ngạc nhiên nhìn cả ra cửa: một người đàn bà và một bé gái đứng run rẩy, nước dầm trên người đang chảy xuống thành vũng dưới chân. Bà bán quán chạy ra:

- Trời ơi, sao thế này...

Người đàn bà một tay vuốt mặt, một tay giữ lấy tay đứa bé giọng run rẩy:

- Dạ trời mưa...

- Ai chẳng biết trời mưa... vào đây... vào đây cho khuất gió...

Người đàn bà ngập ngừng dùng cả hai tay vuốt từ đầu tới người đứa bé cho nước chảy xuống chân rồi tự tay vuốt nước trên người mình. Sau khi vắt khô chiếc khăn mặt nhỏ, người đàn bà dắt đứa nhỏ vào một góc quán. Bà bán quán nói:

- Giờ này mà mẹ con chị còn làm gì ở ngoài mưa?

- Dạ đi về quê nhưng bị đắm đò...

- Đắm đò sao tới đây được?

- Dạ nhờ mấy anh đi bè vớt... Mưa to, gió lớn, nước chảy xiết... mấy anh ấy sợ nguy hiểm không cho theo bè bắt phải lên bờ...

Bà bán quán rót một bát nước nóng đưa cho người phụ nữ. Chị ta ngập ngừng:

- Dạ, cháu không còn tiền... đồ đạc nước cuốn mất cả...

- Trời ơi, bát nước đáng mấy vạn... còn người là phúc rồi, tôi đãi mẹ con chị có được không. Tội quá đi mất.

Người phụ nữ khóc nức run cả người trong khi đưa tay đỡ lấy bát nước. Đứa nhỏ vẫn còn run rẩy vì lạnh đứng nép vào người mẹ. Những mắt nhìn ái ngại.

Bà bán quán hỏi:

- Thế quê chị ở tận đâu?

- Dạ dưới xuôi...

Người phụ nữ bưng bát nước uống một ngụm rồi đưa cho đứa con, giọng chị nghẹn ngào đầy nước mắt:

- Chẳng là vợ chồng cháu nghèo quá có người tới nhận đứa con gái lớn đây đưa lên trên này giúp việc nhà, người ta trả trước cho một ít tiền, ai ngờ họ đem bán cháu sang bên kia...

Bà bán quán lớn tiếng:

- Hóa ra chị mang con đi bán, trời đất...

Chẳng có một tiếng động, người phụ nữ òa khóc hai tay bưng lấy mặt.

- Tội cho con bà ơi, con mình đẻ ra sao mà ăn thịt nó được... Nhờ trời may sao khi bọn buôn người đẻ ra sao mà ăn thịt nó được... Nhờ trời may sao khi bọn buôn người đưa cháu vượt biên thì chuyện vỡ, biên phòng giữ được cháu và nhả lên đưa con về...

Bà bán quán miệng vẫn còn mở như định nói tiếp nhưng bỗng khựng lại nhìn người phụ nữ với vẻ dè dặt hơn. Có một giọng nói đều khàn khàn:

- Chị là đại phúc đó, tôi nghe nhiều rồi, cả ngàn người bị bán đi chứ ít đâu, coi như chết... cái thời chi lạ...

Tiếng mưa đổ sối sả trên mái quán, tiếng gió rít, thỉnh thoảng tiếng sấm và chớp giật sáng lên trong giây phút. Những người trong quán như thu nhỏ mình lại. Không một tiếng nói. Đêm sâu dần...

22.

Bầu trời đục nhờ nhờ như liền với mặt nước mênh mông. Ánh sáng mặt trời không đủ sức thoát ra khỏi những lớp mây nặng và thấp. Nước đã mấp mé mặt đê...

Đám người trong quán nước theo nhau bước ra ngoài, đứng trên đê nhìn mặt nước trải rộng trước mặt. Những bước chân di động chậm, rời rã. Không bóng dáng một con thuyền, một bè gỗ lớn xuất hiện, hình như sức nước đẩy bè gỗ trôi nhanh một cách khác thường, thoát cái đã mất dấu khiến cho người ta tưởng nó đã bị con nước nuốt mất không xa ở phía trước.

Bà chủ quán từ phía trong đi ra, hai tay vắn cao mớ tóc bạc. Bỗng bà kêu lên hốt hoảng:

- Nhìn kìa, có phải một chiếc thuyền đang trôi không?,,, Giời ơi... người đâu cả rồi mà chỉ thấy chiếc thuyền không?

Tiếng bà vang lên trong không khí im lặng. Không một lời đáp. Những con mắt đang chú mục vào chiếc thuyền đang vật vã trên mặt sóng với con nước hung hãn. Bà bán quán nhìn trời, nhìn mặt nước sông, nhìn từng nét mặt bơ phờ... Có tiếng ai đó rời rạc, ngắt quãng:

- Lênh đênh qua cửa Thần Phù

... thì nổi ... thì chìm...

## GIA ĐỊNH 1994

### KẸ KHẮC MẶT QUỶ

I.

Ở Lý Ô có dòng họ Đồng làm nghề chạm khắc nổi tiếng một vùng, nhưng có ai hỏi Đồng Cát Sỹ, người trưởng họ về nguồn gốc của nghề, ông cũng không tường tận. Ông bảo: thoát kỳ thủy đầu như các cụ tổ nhà chúng tôi làm nghề đẽo cày, cuốc, đóng bàn ghế. Ở nhà thờ họ hiện còn một cái hương án, một cái ngai thờ của một cụ tổ làm ra coi như gia bảo lâu đời nhất... Nghề này đâu có bí truyền hay sách vở gì, chỉ là cầm tay chỉ việc, cha truyền con nối. Trong các cụ tổ cũng có nhiều người đi học, nhưng chẳng thấy nói đỗ đạt gì, lại nữa trong số còn có cụ đã từng đi ăn cướp vậy mà sau theo nghề cũng trở thành một tay thợ cả tiếng tăm... Cứ như thế hết đời này sang đời khác. Nhưng không phải ai trong dòng họ cũng theo nghề.

Đồng Cát Sỹ sinh được bốn người con trai. Ngay từ nhỏ ông đã cho các con đi học chữ. Ông bảo: làm nghề gì đi nữa thì ít ra cũng phải biết viết tên mình, đọc được cái văn tự. Người con cả là Đồng Hạo Thiên được cha gửi qua học chữ bên nhà họ Danh, một dòng họ có năm đời tiến sĩ, nổi tiếng khoa bảng một vùng. Hạo Thiên thông minh, học đâu nhớ đó, được thầy yêu. Có lần thầy đồ nói với Đồng Cát Sỹ chắc đến đời con ông thì họ Đồng có người làm quan. Năm 18 tuổi Hạo Thiên thi đỗ đầu xứ, hay chữ nức tiếng trong vùng. Nhưng đột nhiên Hạo Thiên khăn gói trở về nhà, bỏ đường khoa hoạn. Ông bố sửng sốt, thầy đồ ngạc nhiên, gắng hỏi lý do, Hạo Thiên thưa: Con chịu ơn thầy đã khai trí cho. Học chữ, hiểu được nghĩa sách để sống cho phải đạo làm người, cái học cốt là ở đó. Đi học đâu phải là để đậu Tú tài, Cử nhân, Tiến sĩ... mà ra làm quan có được nhiều bổng lộc. Bon chen chốn quan trường có lẽ không hợp với người vốn sinh sống ở nơi thôn ỏ...Thầy đồ mỉm cười nhìn người môn sinh hiếm có trong đời dạy học của mình. Đi học mà chỉ nghĩ đến đỗ đạt, làm quan để sống sung sướng, thực tui cho đèn sách, chữ nghĩa. Thầy đồ nói: Thầy mong con sống được như con muốn.

Hạo Thiên trở về sống bên cha già, cởi bỏ áo dài làm bạn với cái cưa cái đục. Thịnh thoảng có bạn đồng môn tới chơi, Hạo Thiên pha trà ngồi nói chuyện kinh sách một cách hào hứng, có khi cùng nhau xướng họa thơ phú. Có ai nhắc đến chuyện thi cử, con đường khoa hoạn chàng chỉ lặng lẽ mỉm cười. Đồng Cát Sỹ thấy tay nghề của con cả tiến bộ từng ngày, cái vốn chữ nghĩa hình như cũng là cái vốn tay nghề của Hạo Thiên. Sau một thời gian Hạo Thiên được giao tạc những pho tượng nhỏ, như tượng la hán... Với những tượng này người thợ được tự do nhiều hơn, ít phải tuân thủ những qui định nghiêm ngặt. Qua tay Đồng Hạo Thiên, Di Lạc như mập mập hơn đôi mắt to hơn, hai tai dài hơn nhưng tươi cười và thanh thoát hiền hòa. Tượng Tuyết Sơn gầy gò xương sạt da mà thần thái mạnh mẽ, trầm mặc mà

thoát tục. Đồng Cát Sỹ nói với con trai mình: con đã nổi được nghiệp cha, chắc chắn con sẽ hơn cha, con làm cho thân gỗ có thần sắc.

Người con thứ hai của Đồng Cát Sỹ ra đời khi gia đình đã đủ ăn, ông đặt tên con là Bái Nhật, người con thứ này chỉ nhìn gương mặt không thôi đã thấy vẻ chân chất, thực thà. Khi được đi học chữ anh ta rất khổ sở, học mãi mà không được bao nhiêu, chỉ mới viết được tên mình đã lấy làm hài lòng. Bái Nhật nói với cha: nhìn vào trang sách là con thấy chóng mặt, học chữ thực cực hơn đi cày. Người cha nhìn con với vẻ khoan dung độ lượng và cho anh thôi học ở nhà lấy nghề nông làm căn bản. Bao nhiêu việc nặng nhọc trong nhà một mình Bái Nhật vui vẻ đảm đương, chẳng ai phải mót tay vào. Mỗi lần thấy Bái Nhật cầm tới cái cửa cái đục thì Cát Sỹ vội lên tiếng bảo anh ta bỏ xuống vì đã có lần anh ta ngứa ngáy tay chân làm hỏng một pho tượng đã gần hoàn chỉnh: con đừng đụng vào cái gì thì chỉ thành củi đun thôi.

Đồng Tuệ Nhân, người con thứ ba của Đồng Cát Sỹ, rất ham học nhưng tối dạ. Ngay từ những ngày đầu anh ta đã nhận ra thế, nhưng anh ta nói với cha một cách cương quyết: người thông minh chỉ học một lần là nhớ, con tối dạ thì học ba bốn lần phải thuộc. Những nỗ lực không ngừng của những ngày đầu kết quả phần nào, nhưng càng học lên anh ta càng nhận ra rằng: giỏi chữ không phải ai cũng có được. Thấy con cố gắng thức khuya dậy sớm đèn sách miệt mài cha nhiệt tình khuyến khích những mong con đạt được ước nguyện. Sau bao cố gắng hao công tốn sức anh ta nhận thấy mình không thể lập thân bằng con đường khoa cử. Tuệ Nhân từ biệt thầy học trở về nói với cha: sức người có hạn phải không cha? Chữ nghĩa không có duyên nợ với con thì đành chịu chứ biết làm sao? Nhiều ngày buồn chán anh ta lấy rượu giải khuây. Một buổi sáng, trong tuần trà sớm mai Tuệ Nhân nói với cha: con nghĩ kỹ rồi, người ta phần lớn đi học là để thi đỗ làm quan, để được vinh hoa phú quý, sống sung sướng, vợ đẹp con khôn. Nhưng bổng lộc triều đình thực ra đâu được bao nhiêu, cứ nhìn đời sống những vị quan thanh liêm thì rõ. Muốn giàu có, nhà cao cửa rộng, quần là áo lụa, châu báu đầy người thì phải đục khoét dân đen. Như thế thì tệ quá. Thánh hiền có chỗ nào dạy vậy đâu. Phú quý sinh lễ nghĩa, phi thương bất phú, những câu ấy người ta nói nhiều rồi, chắc không sai? Con tính: đi buôn có lẽ hợp với con hơn. Đi buôn kiếm tiền, những đồng tiền của mình kiếm được là do công khó mua tận gốc bán tận ngọn, sòng phẳng, thuận mua vừa bán, không lừa gạt, dối trá, giữ tín nhiệm, như thế đi buôn làm giàu là hơn. Người cha nghe con nói thì yên lòng. Bàn tay còn có ngón dài ngón ngắn, sinh con ra mỗi đứa có con đường của nó biết làm sao được. Cát Sỹ dồn được ít vốn cho con khởi nghiệp. Thức khuya dậy sớm, vén khéo, tiết kiệm, giữ lời hứa, chẳng bao lâu Tuệ Nhân đã dần dần gây được sản nghiệp, việc buôn bán mỗi ngày một thịnh vượng. Thịnh thoả Tuệ Nhân cũng có lúc thông thả nhưng tuyệt nhiên không bao giờ đụng vào cái cửa cái đục, có chăng là đứng trước những khúc gỗ, những pho tượng anh thường có lời phẩm bình: Làm sao mà trên thực tế có một vị Di Lạc mập như thế này được. Với những khúc gỗ lớn do các chùa đưa đến để làm tượng, anh ta liên tưởng tới những cánh rừng và từ đó nảy sinh ý định đi buôn gỗ, tre nửa... những thứ bán cho người ta làm nhà cửa. Anh ta nói với cha: chưa chừng con mua được nhiều gỗ quý thì nhiều nơi sẽ làm tượng, nhà ta sẽ có nhiều việc làm, dân gian có nhiều tượng. Sao con không nghe nói có một vị la hán nào xuất thân từ đám thương lái nhỉ? Người cha nhẹ nhàng nói với con: bố có nghe sự tích một tay đồ tể bỏ đao xuống làm việc thiện sau thành Phật. Chắc những người đi buôn kiếm tiền không chịu ngừng kiếm tiền để đi tu nên chưa ai thành Phật cả. Thế khi nào thì con định ngừng đi buôn kiếm tiền? Người con có vẻ ngượng thẹn một cách chân thật. Ông bố cười: ham lợi, có lẽ vì thế

không có vị la hán nào xuất thân từ đám con buôn. Người ta còn buôn thần bán thánh kia mà.

Mạnh Tông là con út của nhà họ Đồng, Đồng Cát Sỹ đã lấy tên một giống tre đặt tên cho con mình với một mong ước như thánh hiền đã từng nói về tre: tiết trực, tâm hư. Từ nhỏ Mạnh Tông đã có phong cách một tay tài tử: mắt sáng, môi đỏ, da trắng, những ngón tay búp măng thuôn thả. Bà mẹ bảo: nó mà là con gái thì bố tha hồ uống rượu... Khi người anh cả không đi học nữa trở về nhà thì Mạnh Tông quanh quẩn bên anh, theo anh đọc sách, theo anh học nghề, nghe anh nói chuyện, nghe lỏm những buổi đàm đạo của anh với bạn học. Điều gì không rõ thì hỏi, chỉ nghe, nhìn. Bố bảo Mạnh Tông đi học, chàng lần khần và thưa: xin cho con học anh con trước đã. Đồng Cát Sỹ cũng không ép con. Có thì giờ Mạnh Tông học thổi sáo trúc với một cụ già trong làng, chàng còn mê hát chèo, hát xẩm. Nghe ở đâu trong vùng có phường hát về là chàng rủ đám bạn cùng đi, mỗi lần như thế chàng lại thuộc một vài bài hát mới để ngâm nga khi làm việc.

Với đôi tay khéo léo, con mắt quan sát tinh tường, chẳng bao lâu Mạnh Tông đã là một tay chạm khắc có nghề vững. Chàng đã có thể thực hiện những họa tiết sắc sảo tinh vi trên những nếp áo, chóp mũ... Nhưng khốn nỗi chính tài hoa sắc sảo của mình khiến cho nó lạc lõng khi đi với những chi tiết do người khác thực hiện, Không là một tổng thể, có những pho tượng chân tay mặt mũi đi một đường, trang phục đi một nẻo. Cái chân chất mộc mạc khó đi với cái tinh xảo tài hoa. Đồng Hạo Thiên và cha nhận ra điều đó.

Năm Mạnh Tông 17 tuổi, sư thầy chùa Mai Tụng tới mời Đồng Cát Sỹ lên chùa về việc tạc mấy pho tượng Phật. Vị sư già nói:

- Từ nhiều năm nay thiện nam tín nữ ở vùng tôi đã cùng nhau quyên góp để đúc một pho tượng đồng, phường đúc đã khởi công, nhưng cả ba lần rót đồng vào khuôn mà không thành. Lần đầu: một nửa mặt và một bên vai bị khuyết, lần thứ hai: thiếu hẳn một tay, lần thứ ba: mũi và tai không ra hình dạng... Chúng tôi đã thiết đàn cầu kinh nhưng không linh ứng. Có người bảo: trong cúng dường có của bất chính, có người bảo tại mấy cân vàng quan tri huyện bỏ vào là mờ hôi nước mắt dân lành. Đám phường đúc sợ không làm tiếp, những phường đúc khác nghe nói lại cũng không dám nhận làm... Không lẽ chùa không có Phật. Tôi nhờ ông mang công đức giúp cho. Cái khối đồng mình hãy để đó sau này sẽ đúc chuông. Dân làng nay đã lên rừng đốn được gỗ quý, cho xuôi theo sông cái về. Xin ông tính cho.

Đồng Cát Sỹ nhận lời đưa thợ lên chùa Mai Tụng. Cây gỗ quý lớn ngoài sức tưởng tượng của ông. Sư thầy nói:

- Mang được cây gỗ về tới đây bốn người đã chết vì ngã nước độc. Công đức ấy chùa sẽ ghi ơn. Pho tượng Thích Ca là chính, còn là những tượng la hán và còn lại sẽ ra khắc bộ Thập Điện Diêm Cung. Ông thấy thế nào?

Đồng Cát Sỹ thấy công trình lớn quá có vẻ lo. Sư thầy nói tiếp:

- Cả vùng này chỉ có gia đình cụ là theo nghề của tổ tiên đạt đến cái tinh xảo, cụ hãy hết sức giúp cho nhà chùa. Một tháng không xong thì một năm...

Với cái thước trên tay, Đồng Cát Sỹ tính toán, phân ra từng phần gỗ rồi cho thợ bắt tay vào việc. Mái chùa Mai Tụng từ đó vang lên những âm thanh đều đều của cưa của đục, suốt từ sớm mai tới khi chuông thu không hòa vào không trung bao la.

Đồng Cát Sỹ và người con cả dành hết tâm trí cho pho tượng Thích Ca, Mạnh Tông phụ giúp những việc lật vật. Thấy còn những tượng nhỏ khác, Mạnh Tông xin cha cho mình làm một pho tượng La hán. Mạnh Tông nói:

- Có sẵn mẫu, cha cho con thử tay nghề...

Thấy cha ngần ngại, Đồng Hạo Thiên nói vào:

- Con thấy chú út tay nghề đã khá, lại thêm có cha con mình ở đây để mắt thường xuyên cha còn lo gì...

Đồng Cát Sỹ giọng điềm đạm:

- Tay nghề của thằng út thì có chỗ còn hơn cả cha và anh, nhưng nó còn trẻ, lòng chưa tĩnh. Chỉ cần một đường nét nhỏ đủ làm cho thần sắc pho tượng thay đổi. Như con đã thấy: chỉ cần lượn mỏng hơn, hay để dày đã làm thay đổi cái nhìn của một đôi mắt... Được, cha để út làm, nhưng trước hết con hãy tĩnh tâm, con hãy nhớ năm lòng điều cha đã nói với các con: người ta thờ cái đẹp, cái thiện.

Mạnh Tông hớn hờ với công việc mới. Trước hết chàng quan sát pho tượng la hán đã bị hư hỏng nay làm lại, pho tượng là một vị già cõi trần, tay chống một cái gậy, thắt lưng đeo một cái giỏ tre, rõ ràng là một ông già đi bắt cá, người gầy nhưng khỏe mạnh. Mạnh Tông hỏi cha:

- Hành trạng của vị La hán này là như thế nào?

- Ở các chùa luôn luôn có những pho tượng La hán, thường là 18 vị, mỗi người mỗi nghề, và mỗi người một con đường tu tập, hành đạo để cuối cùng thành Phật. Nên chúng ta thấy trong Thập Bát La Hán có vị gầy, quần áo rách rưới như kẻ ăn xin, có người vác cần câu, có người đánh dậm, có người chăn nai... Hành trạng của vị La hán này như thế nào cha không rõ, có lẽ phần lớn người dân quê mình đều thế, các vị sư chắc am tường. Nhưng có một điều chắc chắn là: các vị ấy trước hết là những con người thường sau đó dốc tâm làm điều thiện mà thành Phật. Ai dốc lòng tu đều đi tới đó... Nhưng người hiền dốc lòng tu đâu có nhiều... Bố nhắc lại với con: mặt các pho tượng thờ bao giờ cũng phải tuân thủ một điều căn bản: thượng bi hạ hỷ.

Từ một thân gỗ, Mạnh Tông đã phác xong những nét lớn cho toàn thể pho tượng, tỷ lệ cân xứng từng phần đã hình thành nhưng chỉ tới đó chàng ngừng lại. Pho tượng cũ đã hư hỏng nhiều chỗ, cái giải lưng đã gãy không biết dài ngắn thế nào, một bên tai đã sứt, một bên mặt mới ăn nham nhờ không còn mũi và mắt. Chưa dám trực tiếp hình thành đường nét ngay trên thân gỗ, Mạnh Tông cẩn thận dùng bút giấy phác thảo trước. Tôn trọng giữ nguyên những nét có sẵn, nhưng với óc sáng tạo, Mạnh Tông cũng có chút thêm bớt. Nhìn ngắm phác thảo, Mạnh Tông rất hài lòng. Chẳng đưa cho Đồng Hạo Thiên coi. Người anh cả hết sức ngạc nhiên thấy em mình còn có tài vẽ, đặc biệt là vẽ linh hoạt của nét bút. Hai anh em mang tấm phác thảo trình cha. Đồng Cát Sỹ mới nhìn thoáng thì vui mừng, nhưng sau khi ngắm kỹ ông hơi chau mày:

- Nét mặt, tất cả là nét mặt, sắc sảo quá, tinh ranh quá, người quá... Những điều này không nên có nơi tượng thờ. Thượng bi hạ hỷ, con nhớ lời cha không? Con nhìn những tượng thờ trong chùa xem, ngay cả tượng Ác Lai, rồi tượng ông Thiện. Ác mà không phải ác. Có cái dũng mãnh, nghiêm trang mà vẫn khoan hòa, có cái tươi tắn mà không ham hố, có cái gì không phải vui mà không phải buồn... Thiện nhưng đầy uy dũng.



Nhìn vào những nét phác thảo của mình, Mạnh Tông nhận ra những điều cha nói. Không biết phải mô tả thế nào nhưng chắc chắn không có được cái dáng vẻ của một vị La Hán ngồi nơi bệ thờ chốn thiền môn.

Mấy ngày liên tiếp ngồi trước pho tượng cũ với bút và giấy trên tay chàng vẫn không sao phác họa được một vị La Hán phải có. Sự găng sức không thành khiến chàng bực dọc bụng nóng như lửa đốt, và có những gương mặt được phác thảo bỗng trở thành hung dữ, ác độc khác thường... Mạnh Tông mạnh tay vò hết, xé nhỏ không để cho cha và anh thấy. Nhiều ngày liên tiếp Mạnh Tông không thiết nhìn đến công việc còn dở dang của mình. Chàng rong chơi trong vùng cho khuây khỏa, hy vọng lòng mình được thanh thản, chiều lại ngồi trên bờ đê cao, gió lộng chàng lấy cây sáo trúc ra thổi, âm thanh du dương và vẻ vắng lặng của đồng quê làm cho chàng thấy dễ chịu hơn. Một hôm Đồng Cát Sĩ nói với Mạnh Tông:

- Pho tượng La Hán con hãy để đó đã. Mình bắt tay vào bộ tranh khắc Thập Điện Diêm Cung. Cái này có thể thích hợp với con. Ở đây chỉ có quỷ, kẻ ác, nhân vật nhỏ và cảnh rộng khiến con dễ làm hơn.

Hai bên tả hữu của chùa Mai Tụng cũng giống như nhiều ngôi chùa khác là cảnh Thập Điện Diêm Cung, mỗi bên vách chùa có năm cảnh, mỗi cảnh như một câu chuyện kể về sinh hoạt nơi Diêm Cung. Mô tả cảnh địa ngục không biết do ai và từ đời nào nhưng nói chung những tranh khắc, hoặc tranh vẽ, có nơi là tượng được bài trí thường gần giống nhau, dù cách diễn tả thì mỗi nơi một khác, tùy theo óc tưởng tượng và tài năng thực hiện của người thợ. Thập Điện Diêm Cung là một bộ tranh khắc nổi, đã được tô sơn nhưng lâu ngày mỗi một đã làm hư hỏng gần hết.

Bắt tay vào việc mới nhưng đầu óc Mạnh Tông vẫn không quên đi pho tượng La Hán còn dở dang. Chỉ qua vài ngày cảnh đầu tiên của địa ngục đã hiện ra: những tội nhân đang được lừa qua một cây cầu cao, dưới sông là rắn rết, ba ba thường luồng. Hai đầu cầu quý đầu trâu mặt ngựa, có người đang bị dí dao vào lưng, có người đang rớt xuống sông, có người đang bị rắn quấn, có người bị quỷ thọc giáo vào bụng đổ ruột máu me tuôn chảy... Đồng Hạo Thiên nói với em:

- Nét khắc họa của chú linh hoạt khác thường...

Người cha nói:

- Chắc quý thật mặt mày cũng không thể hung ác dữ tợn hơn. Trông mà khiếp quá.

Sư thầy bảo:

- Mắt cháu đã nhìn thấy địa ngục chưa?

Một cụ già chân chất gật gù cái đầu:

- Trông thấy cảnh địa ngục như thế này người ta sợ mà không làm ác... Nhìn xong có khi quên ngay.

Rồi tới cảnh leo cột lửa, người bị xé xác, moi ruột, người bị chó ngao cắn ngang cổ, đám đông chen lấn ăn cháo lú. Mạnh Tông nói với cha:

- Làm sao người ta biết được cảnh địa ngục? Đã có ai từ địa ngục trở về?

Đồng Cát Sĩ cười ngất:

- Địa ngục ư? Nó ở ngay trần gian này. Người ta đã chẳng nói: địa ngục trần gian. Những cảnh mô tả địa ngục kia đã xảy ra trên đời, hoặc do những kẻ ác tâm nghĩ ra, hoặc có người tưởng tượng ra, kể ra, viết ra...

Đồng Cát Sỹ giữ lấy vai người con út:

- Cha thấy con khắc mặt quỷ mỗi lúc một ác hơn, hung dữ hơn...

Đồng Mạnh Tông thờ người ra không biết trả lời sao. Đồng Hạo Thiên sau khi hoàn tất tượng Thích Ca, rồi tượng La hán đã phụ với Mạnh Tông làm bộ tranh khắc. Mạnh Tông nói:

- Chắc Diêm Vương phải khác quỷ, khác những kẻ có tội, anh làm hộ em đi, em không muốn tượng được con người ấy như thế nào.

- Mình dựa vào mẫu tranh cũ đó. Mặt phương phi, vẻ nghiêm trang đường bệ, trán rộng, râu dài, quần áo chỉnh tề. Phải thế không. Diêm chúa thì phải khác chứ.

- Anh muốn nói, vua thì phải khác? Nhưng vua của quỷ thì cũng là quỷ chứ khác sao được. Vua của quỷ phải tàn ác hơn chúng quỷ, có thế mới sai khiến được chúng quỷ. Không lẽ lại còn có quỷ hiền, quỷ ác. Người ta thường nói tới những minh quân, Em thấy hiếm lắm. Đã là tay không mà lập nghiệp thì không thể can vào việc giết người, không một ai tự nhiên mà lên làm vua, ngay cả những tên vui ai cũng biết là ác nhưng lúc nào nói thì tên này cũng chỉ nói nhân nghĩa, nhưng làm nhân nghĩa mới là chính chứ, nói nhân nghĩa dễ quá mà. Phải mưu mô quỷ quyệt, phải giết người mới có thể làm vua được. Để giữ ngôi vua người ta phải giết kẻ chống mình, kẻ muốn làm vua thay mình, giết bầy tôi giỏi hơn mình, có khi giết cả cha mẹ anh em để được làm vua, để giữ ngôi vua. Anh đọc sách nhiều không thấy điều đó sao? Cảnh địa ngục chẳng qua cũng chỉ là cảnh trần thế, có điều người ta làm với mục đích khuyến thiện, răn con người không nên làm ác. Đó là cảnh thực chẳng ai tưởng tượng ra được... Răn không nên làm điều ác, nhưng còn khuyến thiện. Cực lạc sao không được nói đến? Không được mô tả? Phải chăng ở trần thế người ta không có kinh nghiệm cực lạc mà chỉ có kinh nghiệm địa ngục?

Mạnh tông hoàn thành mười cảnh địa ngục thì Hạo Thiên cũng đã xong những phần việc khác: mười vị Diêm Chúa. Mạnh Tông nhìn kỹ, so sánh từng ông thì thấy những đường nét khắc của anh khác hẳn mình, nhưng có điều, Diêm Chúa chắc chỉ có một nhưng sao những khác biệt hiện ra nơi mỗi nét mặt, không ông nào giống hẳn ông nào. Mặt nào cũng vuông vức, lông mày thanh nhã, mắt nhìn nghiêm khắc, dáng vẻ oai vệ. Mạnh Tông nói với anh:

- Sao Diêm Vương không giống nhau, không lẽ có tập đoàn Diêm Vương?

- Có một Diêm Vương thôi, nhưng lúc thế này lúc thế khác. Chứ Diêm Vương mà kiêu anh hùng cát cứ người ta chịu gì thấu.

Hạo Thiên cười phá lên khi đứng nhìn cảnh cuối cùng ở địa ngục: người ta đứng chờ ăn cháo lú, ở bên này sông xô đẩy chen lấn nhau, mặt mày đau khổ. Qua bên kia sao mặt mày vui sướng, khoa chân múa tay...

Mạnh Tông nói:

- Sao anh lại cười? Có kẻ thiếu chân thiếu tay?

- Cái cảnh ăn cháo lú này thú quá. Chỉ ăn có một bát cháo mà đã thay đổi thế kia, nếu giúp hết cả nồi thì chắc là tuyệt diệu lắm...

- Thì xuống địa ngục lại.
- Sao chú nói thế?
- Vì mắc tội tham lam, không đúng sao?

Hai anh em ôm nhau cười ngất. Bộ tranh làm xong đã được đưa qua cho đám thợ sơn làm tiếp. Những người tới lễ chùa thấy bộ tranh dù đang làm ai cũng lắc đầu lè lưỡi. Cảnh địa ngục đầu rơi máu chảy, mổ bụng phanh thây, voi dày ngựa xé, cửa người rút lưỡi... Nhiều đứa bé ôm chặt lấy người lớn khóc thét vì sợ. Hạo Thiên nói:

- Chú sinh ra là để khắc mặt quỷ.

II.

Công trình làm tượng của cha con họ Đồng coi như đã đi tới chỗ hoàn tất. Đồng Cát Sỹ chau chuốt lại toàn bộ các pho tượng rồi giao cho đám thợ lo sơn son, thếp vàng. Hạo Thiên được cha giao hoàn tất pho tượng la hán mà Mạnh Tông đã làm được một phần. Mạnh Tông không vui nói với anh:

- Thế này thì không biết tới bao giờ em mới có dịp làm một pho tượng thờ.

Hạo Thiên ái ngại nhìn em:

- Thì em cũng đã làm gần như hầu hết bộ Thập Điện Diêm Cung rồi đó thôi.
- Có ai thờ quỷ đâu...

Hạo Thiên an ủi em:

- Rồi cũng tới lúc em làm những tượng khác.

Sư thầy chùa Mai Tụng hết sức vui mừng thấy công việc tạc tượng đã viên mãn. Nhưng trong chùa còn một khúc gỗ nữa chưa dùng đến, sư thầy nói với Đồng Cát Sỹ:

- Còn một khúc gỗ, tôi muốn ông làm cho một pho nữa.

Đồng Cát nhìn sư thầy:

- Còn thiếu tượng gì ạ?

Sư thầy ngần ngại một lúc mới nói:

- Các tượng trên chùa đã đủ, còn dư lại khúc gỗ, tôi muốn làm thêm tượng vị để hậu tại chùa, ông thấy có được không?

- Tức người đã dựng lên chùa này?

- Không phải vậy, nhưng công cũng lớn lắm. Không có vị này có khi chùa đã bị phá đi rồi... Vào cái thời đói kém, khói lửa can qua và dịch bệnh cách đây mấy chục năm, nay những người lớn tuổi còn sống chắc không thể quên được. Cướp của giết người diễn ra giữa ban ngày ban mặt. Một đêm nghe tiếng người kêu rên ngoài cửa tam quan, sư thầy của chúng tôi thức dậy ra ngoài thì thấy một thanh niên máu me đầm đìa đang nằm bất tỉnh. Sư thầy sai chúng tôi mang vào chùa cứu chữa. Giữa đêm có toán người mang hung khí xông vào chùa hỏi: có người nào bị thương chạy vào chùa không? Sư thầy ra bảo: không có ai. Toán người tin lời sư thầy mà không lục soát, họ bỏ đi. Sau chúng tôi thắc mắc, sư thầy bảo: kẻ tu hành

không nói dối nhưng vì tính mạng một kẻ bị thương nặng mà ta phải nói thế, để rồi sẽ hỏi cho rõ ngọn ngành, kẻ có tội ta không che chở. Mấy ngày sau người thanh niên bình phục dần, thầy của chúng tôi chưa kịp hỏi căn nguyên thì kẻ kia đã thừa đêm tối trốn đi. Chúng tôi nói với thầy: chắc đó là kẻ xấu... Thầy chúng tôi bảo: cứu người là luật của đạo, trừng phạt kẻ có tội là luật của đời. Câu chuyện trôi qua cùng thời gian... Loạn lạc tiếp diễn, triều đình suy tàn thêm... Vùng này xuất hiện một đám giặc lớn, đầu đảng đóng quân trên núi. Mới đầu chúng cướp của người giàu chia cho kẻ nghèo, dân lành nức lòng qui phục... Khi hết kẻ giàu thì ai có gì chúng cướp cái đó, bắt dân phục dịch, bắt dân nộp lương thực cho chúng. Chúng cho quân ngó vào từng củ khoai, buồng chuối, từng con gà con chó. Chúng phá đình, phá miếu và làm nhiều việc tàn ác... Riêng chùa Mai Tụng chúng không đụng đến. Một hôm tên đầu đảng xuất hiện: đó chính là kẻ chùa chúng tôi đã cứu sống năm xưa. Chùa chúng tôi không hề hấn gì đã đành, chúng tôi còn nhận được đủ thứ, mà thực ra là của chúng đi ăn cướp được, trong đó có đồ thờ quý giá, và cả Phật ở những chùa khác, chuông mõ cũng rất nhiều...

Nhưng sự việc cũng không được bao lâu, hình như cái xấu thì không bền. Thời gian sau tên đầu đảng chết, đám bộ hạ tranh nhau quyền, xâu xé nhau làm cho đảng cướp tan dần. Có người nói: tên đầu đảng chết rồi mà còn bị mổ bụng moi ruột. Có một tên tâm phúc, chắc là kẻ có lòng vốn chịu ơn của hắn mang một ít vàng bạc tới cúng cho chùa và xin cho chủ cũ được thờ nơi nhà hậu. Người này còn để lại một bức chân dung vẽ tuyệt khéo, một sấp những thơ văn mà hắn nói là của những danh sỹ đã ca tụng ân nhân của hắn lúc thịnh thời. Sau sấp thơ văn này đâu mất chỉ còn tấm chân dung, có điều sau đó cũng không thấy người này trở lại và cũng không có ai tới thờ cúng gì...

Sư thầy ngừng kể rồi dẫn cha con Đồng Cát Sỹ xuống nhà hậu ở phía sau chùa. Nhà hậu xây đâu lưng lại với chính điện ngó ra một khoảng sân rộng có trồng mấy khóm ngô đồng. Trong nhà ngoài tượng Địa Tạng còn có tượng những vị sư từng trụ trì tại đây đã viên tịch, cạnh đó có bàn thờ riêng trên có tấm chân dung vẽ một mặt người với đôi mắt sâu hoắm. Sư thầy nói:

- Đó là người để hậu mà tôi vừa nói tới.

Nhìn tấm chân dung ai cũng nhận ra nét vẽ sinh động, nhất là cái thần toát ra từ đôi mắt, lại thêm một gương mặt mà người ta ít thấy ở người thường. Đồng Cát Sỹ nhìn bức chân dung rồi lơ đãng nhìn chung quanh, dáng vẻ như không mảy mà với đề nghị của sư thầy:

- Cũng khó vì đây là tượng một người thường, lại chỉ có chân dung nhìn từ một mặt duy nhất...

Ý Đồng Cát Sỹ không muốn nhận làm. Nhưng sư thầy như không hiểu ý đó.

- Mình chỉ cần lấy cái tiền diện thôi, còn những mặt khác mình chế như tượng La hán chẳng hạn. Bức vẽ chân dung là đủ rồi.

Đồng Cát Sỹ nói với hai con:

- Sư thầy đã nhờ thì cha con mình nhận. Cha giao cho hai con đó. Có lẽ mình chỉ làm bán thân thôi.

- Sao lại không làm như những tượng khác?

Đồng Cát Sỹ ngập ngừng không nói. Sư thầy tiếp lời:

- Mình làm như tượng La hán, hoặc như mấy vị sư tổ...

- Thầy muốn thế... nhưng có lẽ nên theo quy cách của tượng thần, hay thành hoàng thì hợp lẽ hơn...

Trong thâm tâm Đồng Cát Sỹ không muốn nhận làm pho tượng vì những điều đã được nghe, một kẻ cướp dù có công với chùa thì vẫn là một kẻ cướp. Nhưng vị bề sư thầy mà Đồng Cát Sỹ không nói ra. Giao công việc cho con xong Đồng Cát Sỹ lên đường trở về quê.

Khúc gỗ còn lại trong chùa được mang ra, Hạo Thiên tính toán rồi khởi đầu công việc. Mạnh Tông nói với anh:

- Sao cha lại nói: làm tượng này như tượng thần hoặc như Thành Hoàng là thế nào? Em thấy làm như mấy vị La hán này hoặc như tượng mấy cao tăng đã viên tịch cũng được chứ sao? Mình không cho ông ta ngồi trên tòa sen, hoặc cưỡi rồng là phải phép rồi...

Hạo Thiên mỉm cười:

- Em còn trẻ, anh cũng còn trẻ chắc bọn mình chưa hiểu hết điều cha muốn nói. Tốt nhất là cha dặn sao thì mình làm vậy. Theo như chỗ anh biết thì mỗi loại tượng có những quy định riêng. Cứ đâu xa như chúng ta thường làm cửa võng thì rõ: đèn chùa, đình miếu thì rồng đủ cả râu, vảy, móng, nhưng làm cho tư gia thì chúng ta đâu có làm như thế. Có những quy định bất thành văn mà trong mỗi nghề đều có. La hán không thể như Phật Thích Ca. Tượng vua không thể giống tượng quan. Những quy định không phải chỉ ở áo mũ, hia, hốt mà ngay cả trong tạo hình. Một vị La hán có thể dơ tay cao, cười miệng rộng. Nhưng Phật Tam Thế thì không như vậy được. Không phải chỉ ở nét mặt mà còn cả trong dáng ngồi, cách để tay...

Ở nước ta chỉ có Phật là được làm tượng nhiều. Các đình miếu thờ thần hoàng cũng hiếm khi có tượng mà thường chỉ có bài vị và ngai thờ như một hình thức vọng tượng, cũng có khi người ta thờ một vật. Ở Kinh Bắc có đền thờ Chử Đồng Tử và Tiên Dung ở bên hồ Dạ Trạch do ông Chu Mạnh Trinh dựng lên. Sau khi ông Chu Mạnh Trinh qua đời dân ở đó lập bàn thờ ông ngay nơi đền thờ Chử Đồng Tử với Tiên Dung, trên bàn thờ có một cây bàn đậy, vật mà lúc sinh thời ông Chu thường mang bên mình khi vui chơi với đám ả đào. Trong trường hợp này người ta gọi việc thờ ông Chu là thờ thần hộ.

Thần hộ được hưởng theo sự cúng tế của dân cho thần chính. Còn các chùa đều có nhà hậu để thờ những vị sư trụ trì đã viên tịch, và thờ theo những người có công với chùa, hoặc góp công đức cho chùa về sau. Những người lập tự thường không có con cái nối dõi, phải nhờ nhà chùa hương khói sau khi qua đời.

- Kê ác, có nhiều tiền của cũng được thờ trong chùa sao?

Hạo Thiên nhìn em:

- Cũng khó để định thế nào là ác, thế nào là thiện. Cửa chùa rộng mở cho mọi người, anh nghĩ thế...

Công việc đang dở dang thì Đồng Cát Sỹ lâm bệnh gọi Hạo Thiên về, việc làm tượng một mình Mạnh Tông đảm đương. Trước khi về Hạo Thiên căn dặn em:

- Nhớ lời cha dặn, sau nữa theo sát tấm chân dung là được.

Mạnh Tông lấy làm thích thú với công việc, hoàn toàn độc lập không bị lệ thuộc vào cha và anh nữa. Mạnh Tông mài miết với những đường chạm bay bướm, những nét khắc tinh xảo. Dần dần pho tượng thành hình. Nhìn đi nhìn lại giữa tấm chân dung và khuôn mặt tượng, Mạnh Tông tự bằng lòng. Lại nữa, nét khắc họa rõ ràng dứt khoát càng làm cho tượng giống và sinh động hơn. Chàng nhủ thầm: một tên đầu đảng chữ đầu phải tay thường. Chàng có lúc quên đi những phép tắc bất thành văn cũng như lời căn dặn của cha.

Giao pho tượng cho đám thợ sơn rồi Mạnh Tông xếp đồ nghề để trở về nhà. Sự thầy vui mừng thấy pho tượng đã xong. Sư thầy nói với Mạnh Tông:

- Anh về thưa với thân sinh giúp nhà chùa: khi nào làm lễ an vị tượng sẽ cho người sang mời.

Các tượng mới do cha con Đồng Cát Sỹ làm đều đã được sơn son thếp vàng và để tại nhà đại bái, chính từ đây sẽ tiến hành lễ an vị nơi thượng điện. Trước khi đám thợ sơn rời chùa, sư thầy xuống coi thợ đánh bóng tượng. Tượng Thích Ca là tượng lớn nhất, tượng tạc Thích Ca ngồi trên tòa sen uy nghi, nhưng từ bi với mắt nhìn đầy trắc ẩn. Tượng La hán mỗi tượng một kiểu nhưng đều toát ra vẻ nhân từ thoát tục ở nụ cười ánh mắt. Riêng bộ tranh chạm khắc Thập Điện Diêm Cung thì quả tình thấy cảnh địa ngục thực kinh hãi... Nhìn sang pho tượng người để hậu do Mạnh Tông hoàn tất sư thầy phải khâm phục sự tinh xảo hiện rõ từ trên những nếp áo tới những hoa văn trang trí. So sánh mặt tượng chân dung vẽ không khác nhau, có thể nói giống như tạc, hơn thế, còn có vẻ sống động hơn.

Ngắm kỹ, sư thầy thấy như mặt tượng thay đổi, môi như cử động, đôi mắt như trợn lên hung dữ, trên vàng trán rộng đôi sừng mọc lên từ từ... Sư thầy vội nhắm mắt lại rồi lại mở ra: không có gì khác. Lúc sau nhìn lại mặt tượng sư thầy lại thấy như mặt tượng có gì rung động, môi hé ra với đôi răng nanh, mắt long lanh như đốm lửa, tưởng như tượng sắp thét lên và lao tới ôm lấy sư thầy... Sư thầy nói với một đệ tử đi bên:

- Nhìn xem giữa tấm chân dung và tượng có giống nhau không?

- Dạ quá giống, nét chạm khắc còn sinh động bội phần nữa.

Mấy người chung quanh đều tấm tắc khen pho tượng và ca ngợi người thợ khắc có đôi tay tuyệt giỏi và mắt nhìn chính xác. Nhìn lại pho tượng, sư thầy không thấy có gì khác thường, nhưng cứ mỗi lần nhìn lâu, chăm chú thì sư thầy lại thấy khác, nét mặt bỗng nhiên chuyển đổi. Mỗi lần như thế sư thầy lại thấy một khuôn mặt khác lạ hiện ra. Khi thì mặt đen, khi mặt đỏ, khi nhắm mắt, khi mọc sừng hai bên, khi mọc một sừng ở ngay giữa đôi mày, lúc há miệng, có lúc hé môi, có lúc như thấy tiếng cười độc ác, có khi là tiếng gầm rú của ác thú. Mặt tượng đã không còn là mặt một người nhất định. Không lẽ người thợ đã yểm bùa thiêng vào pho tượng? Từ đó Sư thầy không còn dám nhìn mặt pho tượng lâu, sư thầy sai lấy một vuông vải đỏ phủ lên mặt tượng rồi vội vã lên chính điện bắt đầu một khóa lễ ngoài thông lệ. Tiếng chuông, tiếng mõ vang lên nhưng nghe sao náo động bất an. ... Các đệ tử ngơ ngác nhìn nhau không hiểu nguyên do. Mọi người sợ hãi khi thấy chim đậu trên những ngọn cây bay lên như vỡ tổ, con bay đi, con bay lại đâm vào nhau rơi xuống như mưa với những tiếng kêu thảm não...

Vừa lành Cát Sỹ được sư thầy chùa Mai Tụng cho người tới rước lên nhân lễ an vị các tượng thì vui vẻ đi ngay. Trong khung cảnh yên tĩnh của nơi cổ tự không bợn chút bụi trần Cát Sỹ thấy lòng êm ả. Nâng chén trà thanh khiết với hương sen thơm nhẹ nhàn Đồng Cát Sỹ nghe sư thầy nói về ngôi cổ tự và những lời ca tụng tay nghề đối với cha con nhà họ Đồng. Sư thầy

dẫn Đồng Cát Sỹ lên chùa coi các bộ tượng đã sẵn sàng cho lễ an vị. Sau đó hai người xuống nhà đại bái, nơi để các tượng đã hoàn thành mà từ đó được cung nghinh lên chính điện. Các pho tượng rực rỡ vàng son, mỗi tượng đầu đều phủ một tấm vải đỏ. Theo nghi lễ, sau khi tượng an vị nơi cố định tấm vải đỏ mới được lấy đi.

Đồng Cát Sỹ nhẹ nhàng vén từng tấm vải che từng pho tượng lên coi lại. Khi nhìn vào mặt pho tượng do Mạnh Tông làm thì Cát Sỹ sửng người và bỏ ngay tấm vải che lại. Sư thầy nhìn Cát Sỹ:

- Tay nghề con út ông thực không ai bằng, ông thấy pho tượng thế nào, giống như in với tấm chân dung.

Vừa nói vị sư thầy vừa lấy hẳn tấm vải đỏ ra tay, vừa ngắm nghía vừa gật gù:

- Giống, thật giống, ai so sánh cũng thấy vậy, có cái lạ là nhìn lâu vào mặt thì...

Đồng Cát Sỹ nhìn thẳng vào mắt sư thầy:

- Sư thầy thấy sao?

Ngập ngừng một lúc sư thầy mới nói:

- Tôi thấy như tượng biến đổi sắc diện, thay hình đổi dạng... Có lúc như mọc răng nanh, có lúc mọc sừng, có lúc mắt láo liên, có lúc mặt xanh, có lúc mặt vàng...

Đồng Cát Sỹ nhắm mắt lắng nghe tiếng sư thầy đều đều. Lúc sau ông mở mắt nhìn thẳng vào mặt pho tượng. Ông nhắm mắt mở mắt nhiều lần cho tới lúc ông không bình tĩnh được nữa nên chạy ra sân chùa, ông chấp tay vái tứ phương rồi đi về phía nhà bếp. Sư thầy chăm chú nhìn theo. Chợt Đồng Cát Sỹ trở lên vẻ vội vã, tay cầm chiếc rìu, ông ta chẳng nói chẳng rằng tiến tới bên pho tượng, tay cầm rìu, đứng nghiêng một bên đưa tay lên vạt một nhát mạnh vào mặt tượng. Mặt tượng gần như phẳng và hơi lõm vào. Đồng Cát Sỹ với tiếng nói rõ ràng từng tiếng:

- Ai thờ cái ác, cái hung dữ, cái xấu?

Sư thầy kinh hãi không thốt thành lời. Đồng Cát Sỹ vứt bỏ rìu, bước đi mạnh mẽ dứt khoát ra khỏi cửa tam quan của chùa Mai Tịnh. Sư thầy nhìn chung quanh không thấy ai vội vàng phủ tấm vải đỏ lên đầu pho tượng rồi tất tả đi về trai phòng.

Chiều hôm ấy khi chuông thu không thả từng tiếng vào không trung, sư thầy không lên chánh điện với khóa lễ thường lệ, đệ tử xuống trai phòng tìm thì hoảng hốt thấy sư thầy nằm sấp vất người nơi bậc cửa ra vào, chân ở ngoài hiên, đầu dẫu trong bóng tối, thân xác đã cứng lạnh.

Trong lễ cung nghinh an vị tượng Phật được tiến hành bình thường nhưng giản dị theo như ngày giờ đã định trước. Riêng khi đặt pho tượng người để hậu ở nhà thờ phía sau chùa, vị sư chủ lễ khi cầm tấm vải đỏ phủ trên mặt mới nhắc lên nửa chừng thì ngừng lại: sao tượng mất mặt? Vị sư phân vân giây phút rồi thả tay phủ lại tấm vải đỏ lên đầu tượng như lúc trước...

III.

Từ khi ở chùa Mai Tịnh trở về, Đồng Cát Sỹ lòng không vui mỗi khi nhớ tới pho tượng người để hậu nơi chùa. Không lẽ bàn tay của Mạnh Tông có thể làm cho một pho tượng biến ảo?

Không lẽ vì việc mình không phải: Sao lại làm tượng kẻ không xứng đáng? Một kẻ xấu thì không thể được làm tượng cho người ta thờ?

Mấy cây gỗ của chùa Trúc Lâm mang lại từ lâu để làm mấy pho tượng Phật vẫn chưa đung đến. Hạo Thiên, Mạnh Tông đã mấy lần nhắc đến nhưng Đồng Cát Sỹ vẫn chưa muốn bắt tay vào. Mạnh Tông nói với cha:

- Làm mãi hoành phi với câu đối... chán quá. Kỳ này cha để cho con được tạc một pho tượng Phật.

Đồng Cát Sỹ không nói gì. Quả thực là ông phân vân, có nên nói về pho tượng người để hậu ở chùa Mai Tụng không? Có phải chính vì ám ảnh bởi pho tượng do Mạnh Tông tạc tượng Phật không?

Vừa lúc đó sư thầy chùa Trúc Lâm tới nói phải ngưng việc tạc tượng. Đồng Cát Sỹ liền tưởng tới ngay pho tượng người để hậu:

- Thưa sư thầy sao vậy? Thầy không tin nơi nhà chúng con nữa?

Sư thầy xoa tay, nụ cười dịu dàng:

- Không phải, không phải vậy. Triều đình mới có lệnh cấm đúc chuông, tạc tượng, xây chùa... Vua quan không thờ Phật thì hẳn là không muốn dân thờ...

Mấy cây gỗ được mang đi, khi từ biệt sư thầy nói với Đồng Cát Sỹ:

- Tôi lo mang mấy cây gỗ quý này về chùa bảo quản, đến một lúc nào đó, ông hãy tin tôi... tôi sẽ mời ông lên hẳn trên đó lo việc này. Tôi mong ông bảo trọng sức khỏe. Mấy ngàn năm rồi người ta vẫn thờ Phật. Phật đâu phải chỉ là tượng gỗ. Phật đâu chỉ ở chùa?

Thấy không còn cơ hội tạc tượng Phật với đôi bàn tay của mình, Mạnh Tông đi ra đi vào thơ thẩn. Phần Đồng Hạo Thiên mỗi lúc một ham đọc sách, làm thơ, đi ngao du cùng đồng bạn ít để mắt tới công việc chạm khắc. Riêng với Mạnh Tông vẫn hy vọng tới một ngày nào đó, theo như lời cha nói: người tài bao giờ cũng có lúc được dùng. Vì thế Mạnh Tông vẫn kiên trì rèn luyện tay nghề. Khúc gỗ, tấm ván sau khi qua tay Mạnh Tông đã trở thành những tác phẩm tuyệt mỹ. Với những mẫu mã có sẵn: long, ly, quy, phụng, mai, lan, cúc, trúc... Cá vượt vũ môn. Tất cả những ước lệ đó dần dà làm cho Mạnh Tông cảm thấy chán. Chàng dành nhiều thì giờ dạy cho đám con cháu trong nhà là chính, chàng muốn chúng vào nghề một cách căn bản. Bao nhiêu thì giờ còn lại Mạnh Tông dành cho cây sáo trúc, tiếng sáo của chàng mỗi lúc một mượt mà, mỗi lúc một thanh thoát ngọt ngào hơn. Và thỉnh thoảng chàng cất tiếng hát. ... Các chàng trai, các cô gái và đám mục đồng mỗi lần thấy chàng ngồi đâu là xúm lại... Có đêm thanh vắng chợt vắng vắng tiếng trống chèo từ xa, Mạnh Tông thao thức. Có phải tiếng trống đang réo gọi chàng? Có phải tiếng trống đánh thức một phần con người Mạnh Tông vẫn dấu kín trong mình, một con người bí ẩn vẫn lẫn khuất trong một thân xác hiện hữu?

Thấy Mạnh Tông như mỗi lúc một hướng ngoại hơn, tiếng sáo, tiếng đàn, tiếng hát như cuốn lấy Mạnh Tông. Hạo Thiên nói với em:

- Người xưa bảo: ở trong sách có mỹ nhân. Không đọc sách đời người mất đi một nửa.

Những câu hỏi vẫn đến với Mạnh Tông: tại sao anh Hạo Thiên không nghĩ tới việc ra làm quan? Tại sao anh lại không có vẻ gì bận mà với lời giới thiệu của thầy học mà làm rể nhà



quan phủ ở Thượng Ngàn? Sao không thấy anh bén mảng tới những nơi vui chơi giải trí. Mạnh Tông nghe lời anh mà chăm đọc sách hơn, gặp chỗ nào không hiểu thì hỏi, nhờ sáng dạ nên Mạnh Tông học rất mau giỏi. Chẳng bao lâu Hạo Thiên thấy em mình đã lâu thông kinh sử. Mạnh Tông chỉ đọc mà không học viết. Hạo Thiên bảo em:

- Chả cần học viết, đọc người xưa là đủ.

Đọc nhiều, nhớ nhiều, thơ văn xướng họa trong sách chỉ lướt qua đã thuộc, mấy ngàn câu trong Kinh Thi chàng đọc như nước chảy. Đôi khi Mạnh Tông cũng ứng khẩu làm một vài bài, nhưng sau đó thường quên ngay, hoặc chỉ nhớ một đôi câu khi có ai hỏi đến. Bạn của Hạo Thiên ai cũng lấy làm lạ, có người để sẵn bút giấy khi Mạnh Tông đọc thơ thì ghi ngay lại. Nhưng chỉ sau đó ít ngày nếu có ai đọc cho nghe, có khi Mạnh Tông hỏi: thơ của ai thế? Trong vô số những thơ mà bạn Hạo Thiên ghi lại của Mạnh Tông, nhiều người nói tới bài Xuân Tửu:

Nhấp chửa nguôi chén càn khôn tửu

Nhan sắc trần gian nhắm sạch rồi

Đưa mắt trông trời nhìn địa ngục

Thần tiên, yêu quái bỗng xông <sup>1</sup>

Nhiều người khuyên Mạnh Tông học viết chữ nhưng một mực chàng không nghe. Mạnh Tông nói:

- Anh tôi bảo: tay chú sinh ra để chạm khắc, không phải để cầm bút. Không vượt lên được cái tầm thường mà cầm tới bút có khi phạm tội ác còn hơn cả quân giết người.

Ngày tháng trôi qua, có một mùa đông khắc nghiệt để sau đó là một mùa xuân dài, tươi vui, mùa lễ hội bắt đầu. Mạnh Tông lại nôn nao vì những tiếng trống chèo từ xa vọng về. Phường chèo Nam Hạ về diễn ở một làng bên kia sông. Xưa, ngay từ đêm đầu tiên đã có mặt Mạnh Tông. Vẫn là những Lưu Bình Dương Lễ với tình bằng hữu có một không hai. Vẫn là Thị Kính nhẩn nhện với lòng hiếu sinh. Vẫn là Xúy Vân giả dại giữa đời đen bạc. Vẫn là tiếng hát xẩm của Thị Phương trên đường lưu lạc... Ban đêm hòa mình với những vui buồn nơi chiều chèo, ngày lại Mạnh Tông ghê ngao hết làn chèo này sang làn chèo khác. Một hôm Mạnh Tông đánh bạo nói với bố:

- Con đi hát chèo được không bố?

Một khoảnh khắc im lặng khác thường, Đồng Cát Sỹ nhìn người con út có hai bàn tay khéo léo. Hát chèo? Sao lại thế?

- Người ta ghét những người theo nghề hát chèo lắm phải không bố? Người ta nói: xướng ca vô loài, con những người hát chèo còn không được đi thi chứ nói gì tới làm quan. Còn cha?

Đồng Cát Sỹ phân vân chưa biết trả lời con làm sao. Ông nhớ tới pho tượng ở chùa Mai Tụng, cái mặt tượng mà ông đã dùng diu vạt đi. Giọng Đồng Cát Sỹ từ tốn:

- Con thực thích hát chèo sao? Nếu con thích cha cho phép chọn... Nghề chạm khắc nhà mình...

Đồng Mạnh Tông cắt ngang lời cha:

- Bố ơi, hát chèo đâu có cần đến tay. Anh con bảo: tay con sinh ra là để chạm khắc.

Đồng Cát Sỹ cười ngất:

- Nghĩa là con vừa dùng tay chạm khắc, miệng thì hát chèo, thế còn đôi chân thì dùng làm gì?

Mạnh Tông cũng cười theo:

- Ý con muốn nói, tới một lúc nào đó, chẳng hạn như khi hơi không còn để hát nữa.

Đồng Cát Sỹ để cho con chọn nghề theo ý muốn, lại nữa, ông cũng đợi ngày tháng sẽ tới, những trải nghiệm trong cuộc sống sẽ ảnh hưởng tới đôi tay tài hoa của con mình. Một con người sinh ra đâu phải bỗng nhiên đã có thể hoàn hảo, mỗi kẻ đều phải qua những nhọc nhằn mới trở thành người.

Thế rồi Mạnh Tông bạo dạn tới tìm ông trùm của phường chèo Nam Hạ. Sau khi nghe Mạnh Tông nói, ông trùm nhìn chàng từ đầu tới chân rồi gật gù:

- Anh thích nghề hát chèo à?

- Dạ mê hát chèo...

- Mê chưa đủ, dòng họ nhà anh từ xưa tới nay đã có ai là kép chèo, hoặc đào chèo không?

- Sao lại thế?

- Mấy thứ này là phải có dòng, có máu, có gia phả... Nhưng thế này: anh có biết hát không?

- Dạ có biết hát...

- Ai dạy anh hát?

- Chỉ nghe hát nhiều mà biết.

Ông trùm vẫn nhìn Mạnh Tông không rời mắt. Có một cô gái người nhỏ nhắn trong phường chèo tới ngồi bên. Ông trùm quay sang nói với cô gái:

- Tay này muốn bái tổ theo nghề, trông tướng tá cũng được đấy chứ, có chịu nhận làm đệ tử không?

Cô gái không nói đưa mắt nhìn chàng trai lạ, ông trùm quay sang nói với Mạnh Tông:

- Anh nói biết hát, vậy hát thử nghe.

- Nhưng hát bài nào?

- Anh hát bất cứ bài nào anh biết.

Mạnh Tông nhớ ngay tới giáo đầu của vở Quan Âm Thị Kính mà chàng đã thuộc như cháo, chàng hăng giọng rồi cất tiếng.

- Ai ơi giữ lấy đạo hiền

Giồng cây lấy đức, xây nền lấy nhân

Đôi chữ Di Đà

Gái trai khỏe mạnh, trẻ già bình an

Lòng thành thấp một nén nhang

Mô Phật, từ đường siêu khổ hải

Ngũ phúc chiếu thuyền lâm

Mở Phật kinh thấy tích Quan Âm

Nhà họ Mãng...

Ông trùm vỗ tay rồi ra dấu cho Mạnh Tông ngưng lại:

- Giáo đầu mà như vậy thì chiến lắm, từ hát vĩa, sang hát cách, tới nói chúc, nghe quá đi chứ, giọng lại ngọt nữa... Bài khác xem nào:

Mạnh Tông háng giọng:

- Nam Mô A Di Đà Phật, Phật, Phật, Phật, Phật...

Nam mô bát bộ kim cương

Gãy bốn chân giường chết ổ chó con

Nam Mô Bồ Tát Bồ Hòn

Bao nhiêu vãi trẻ có con kỳ này...

Mạnh Tông vừa xuống giọng ông trùm đã cười lớn, cô gái ngồi bên cũng cười ngặt nghẽo, mấy người đứng chung quanh vừa cười vừa vỗ tay tán thưởng khiến Mạnh Tông phấn khởi hẳn lên.

- Anh còn định làm hề nữa à, anh vào vai Thị Kính thử xem, giọng anh giả gái có khi trong và thanh hơn cả các cô không chừng.

Mạnh Tông bước đi mấy bước nhớ tới cảnh Mãng ông gọi con gái ra và Thị Kính cất lời:

- Vẳng nghe thấy tiếng cha đòi

Nào gương soi, lược giắt, trâm cài bước ra...

Công cha mẹ càn khôn cao hậu

Chữ lan thù phú tái chi ân

Sinh con ta dưỡng dục sinh thành

Phải lo giả cù lao chi đức...

Con có hiếu đẹp lòng cha mẹ

Trình lạy cho con được ra hầu...

Mạnh Tông ngưng lại, mọi người vỗ tay không ngớt. Ông trùm nói với cô gái ngồi bên:

- Tiểu Kính Tâm này tuyệt đấy chứ, sao Thị Mầu không hát cho chàng nghe đi... chàng như kẻ rụng sên đình, em như gái chữa đi rình của chua...

Cô gái dấm thùm thụp vào lưng ông trùm. Mạnh Tông đoán chừng đó là đào Soan thường đóng vai Thị Mầu trong tích Quan Âm, nhưng ở ngoài thấy cô khác hẳn với vai trên chiếu

chèo. Mạnh Tông hát hết bài này sang bài khác, từ vĩa nôi niêu tới sa lệch chênh, từ điệu xuân sang điệu nam, từ ngâm thơ tới nói sử... làn điệu nào chàng cũng tưởng. Khi nhập vai nữ giọng ngọt ngào cao thanh, khi riều cột khê nòng trần tục, qua giọng nam thì mạnh mẽ, khúc triết khỏe mạnh, giọng ca lúc nào cũng đầy.

Mạnh Tông nhập phường chèo chẳng mấy ngày đã quen thuộc thân thiết với mọi người nhờ tính vui vẻ và dễ chan hòa, lời ăn tiếng nói lại dễ nghe, khi nào cũng tao nhã duyên dáng ý nhị. Trong phường chèo trên hết là ông trùm Phúc, sau đến kép Trụ, đào Hòe, đào Soan... tất cả không được mười người. Mỗi người mỗi việc, mỗi người mỗi vai. Đào Soan là người chàng gặp ngay từ buổi đầu, người nhỏ nhắn, không đẹp một cách khoa trương, mà ngược lại có duyên thầm với vẻ kín đáo khác hẳn với đào Hòe. Tiếng hát của Soan trong ngọt mà Mạnh Tông đã được nghe nhiều lần mỗi khi coi phường Nam Hạ diễn trong vùng trước đây. Đào Soan không được coi là đào chính của phường, nhưng mỗi lần cô sắm vai Thị Mầu thì ai cũng phải công nhận là đào lẳng có một không hai. Đặc biệt nhất phải kể vai Thị Phương trong tích Trương Viên, đào Soan như nhập hẳn vào vai người vợ hiền dâu thảo dắt mẹ chồng vượt qua cảnh loạn ly, quý dữ, làm người hát sấm, tiếng hát đưa nàng đến gặp chồng vẫn thủy chung một dạ để đôi ngọc lưu ly nhập vào mắt nàng mang lại ánh sáng và hạnh phúc... Vai diễn chân thật, tiếng hát có lúc uất nghẹn hờn oán, rồi chan hòa âu ca đã làm bao nhiêu người đàn bà chất phác nơi thôn dã phải nhỏ lệ thương thầm. Hôm đầu trùm Phúc bảo đào Soan nhận dạy Mạnh Tông, nàng lắc đầu quây quây, dù vậy nàng vẫn cùng kép Trụ, đào Hòe và những người khác giúp Mạnh Tông quen dần với từng vai diễn. Trong một buổi diễn thử, cũng là tập cho Mạnh Tông. Khi cầm tay chỉ cho chàng cách diễn múa, đào Hòe giữ chặt lấy, đưa tay lên nhìn rồi nói với mọi người: tay đẹp hơn tay con gái trời ạ... Đào Hòe cứ giữ chặt lấy tay Mạnh Tông khiến chàng luống cuống, ngược ngạnh mãi mới dứt được tay về trong khi mặt thì đỏ lên. Đào Hòe còn trêu thêm: kìa coi có lạ không, má đỏ như cô gái mười tám...

Trong phường chèo kép Trụ ăn ở với đào Hòe như vợ chồng, nhưng hỏi ra thì chưa phải vợ chồng. Có người nói với chàng: vợ chồng phường chèo mà, tuồng làm sao thì đời làm vậy. Có ai chỉ sắm một vai thôi đâu: khi Quan Âm, lúc Thị Hến, khi Thị Mầu... Hành trang của phường chèo chỉ vồn vẹn có mấy đôi bồ đan bằng tre trong đó những áo mũ cân đai, chuông mõ, tràng hạt... Mỗi lần từ làng này sang làng khác kẻ gánh người gồng chẳng mấy khó khăn. Phường chèo sống với nhau như một gia đình, có tôn ty trật tự riêng của nó, nhưng cũng đầy những xô bồ bát nháo bẽ bộn như một đám người thất cơ lỡ vận sống nơi đầu đình góc chợ.

Một tối không diễn, ngồi chơi nơi thềm ngôi đình làng, trùm Phúc nói cho Mạnh Tông nghe về nghề chèo của mình: Xưa kia phường chèo chỉ đi hát vào mùa nông thôn vào hội khi ấy là mùa xuân, nông dân không còn việc đồng áng, những người có nghề hát chèo tụ tập lại với nhau đi lưu diễn, vì thế mới gọi là phường, đến khi vụ lúa mới bắt đầu thì họ lại trở về làng ra ruộng với cái cuốc con trâu chờ tới mùa xuân năm sau. Nghề này thường là cha truyền con nối, chẳng có trường nào, lò nào dạy, mỗi phường thường là một gia đình, một giòng họ, nếu không thì cũng là người trong làng, trong tổng. Người nào giỏi, có khả năng đứng đầu điều khiển thì làm trùm, sống lâu lên lão làng, người nào giỏi vào vai chính, người nào kém giữ chân chạy cờ, lính lệ, nô tì... Một phường chèo nổi tiếng nhờ vào những đào kép chính có nhan sắc, có giọng hát hay, đặc thù mà những phường khác không có, nhất là những vai hề. Không tích nào diễn mà không có vai hề, có hề nam và hề nữ. Mụ Đốp vợ anh mõ trong tích Quan Âm không phải đào nào diễn cũng được. Những tiểu đồng thầy bói, thầy lang, lão say thì ở tích nào cũng có thể đưa vào để có những tràng cười. Thân trò thì đào kép chính hay

phụ đều như thuộc lòng, vì số tích không nhiều, gần như chẳng có tích nào mới, lại năm nào cũng diễn, có thể hôm nay diễn mai lại diễn, có tích diễn liên tục nhiều đêm do dân làng yêu cầu. Nhưng không hẳn chèo chỉ có một mùa hội hè đình đám, thỉnh thoảng cũng có những người giàu có, hoặc các nhà quan có khao vọng, thượng thọ cha mẹ cho gọi phường chèo về hát chầu, ông trùm tập hợp đào kép lại đi diễn đêm ba đêm. Mãi sau này có những khu dân chúng tập trung, dân không sống bằng nghề nông mới có những gánh chèo thường trực. Từ đó phường chèo thành gánh chèo và nảy sinh việc đào kép thay đổi gánh, truyện đào kép ghen tuông với nhau, thay vợ đổi chồng... Các ông trùm thì tìm cách o bế những đào kép chính ăn khách để thu lợi. Thế là hát chèo thành một cái nghề hẳn hoi, đào kép không còn nghề nông căn bản nữa. Mỗi gánh chèo thường có những đặc điểm để người ta nhớ như trước đây có phường chèo Bắc Nhị, gánh này không có đào, chỉ toàn kép đóng giả gái mà lại sắm vai rất tài tình, tích nào họ diễn cũng được. Trùm Phúc bảo Mạnh Tông:

- Tôi thấy chú giả gái chắc ăn, giọng cao thanh, người nhỏ, da trắng... để rồi coi.

Đang từ cuộc sống lặng lẽ êm đềm bước vào gánh chèo sô bồ chàng thấy một cuộc sống hoàn toàn khác nhưng cũng đầy hào hứng bất ngờ. Bây giờ chỉ có tiếng trống, tiếng đàn reo vui mỗi tối. Những y phục rực rỡ, ánh sáng bập bùng như thật như giả, những son phấn mận mà quyến rũ, và tiếng cười đùa, tiếng reo hò, tiếng hát vang vọng....

Mạnh Tông vốn thông minh, chỉ đến đâu nhớ tới đó nên chỉ một thời gian ngắn chàng đã có thể theo tiếng trống bước ra làm anh lính chạy cờ la hét dẹp đám, rồi làm hề đồng, làm lính gác, có hôm đào Hòe hóa trai giả gái cho làm tiên nữ. Mạnh Tông trở thành một cô gái đẹp như ở chốn kinh kỳ với má phấn môi son, mặt trái soan, người mảnh dẻ, chân tay thon thả... Xuất hiện ít lần mà đã làm nhiều người coi tấm tắc khen gánh chèo mới có đào đẹp. Họ đâu có biết là trai giả gái. Có lần sau khi đánh phấn xong, đào Hòe ghé lại gần hôn đánh chụt vào má Mạnh Tông và nói: người đẹp của tôi ơi... làm cho cả đám phường chèo cười rú lên.

Gánh chèo không bao giờ có thể ở một nơi nào lâu, Mạnh Tông sống như đã quen thuộc với những di chuyển thường trực. Với Mạnh Tông mỗi đêm diễn vẫn là một hấp dẫn, háo hức, chàng lẩm nhẩm hát theo những đào kép trên chiếu chèo, chàng quan sát từng cử chỉ, điệu múa, cách liếc mắt đưa tình, cách chuyển quạt từ tay này sang tay khác, cách vuốt râu sửa tóc. Đặc biệt chàng thấy đào Soan mỗi lần ra diễn là một lần khác lạ, mỗi lần như có một đào Soan mới tạo ra những cảnh huống mới. Càng nhìn, càng nghe, chàng càng thấy cái duyên thầm của đào Soan với sàn diễn. Ở cuộc sống thường nhật đào Soan lặng lẽ như tự ẩn khuất mình vào một thế giới riêng kín đáo, giản dị... Nàng vốn người đồng chiêm, cha mẹ mất sớm, ông trùm nhận nuôi như con cho đi theo gánh chèo. Còn nhỏ đã không được đùm bọc giữa những người máu mủ ruột thịt, Soan lúc nào cũng thu nhỏ người lại với những lo sợ không rõ ràng. Với Mạnh Tông chừng như nàng có phần tin cậy hơn. Một lần Mạnh Tông hỏi Soan:

- Em cất giấu kép ở đâu?

Soan cười rúc rúc trong cổ họng, lúc lâu nàng mới nói:

- Kép của em không biết hát chèo, chỉ biết cày ruộng thôi.

Nói xong nàng chạy đi.

Gánh chèo ở Cổ Sơn chỉ mới hai đêm đã thừa người xem, phần nào vì đào Hòe giện kép Trụ, mỗi người kiếm cỡ khác nhau để không diễn, hoặc diễn thì miễn cưỡng. Tất cả có một cái gì

uể oải khiến cho tích diễn không còn sinh động để lôi kéo người xem. Ông trùm quyết định đưa gánh sang Ô Lâu bên kia sông. Đêm cuối giữa những đờ đạc ngổn ngang không khí vắng lặng của chùa Cổ Sơn, Mạnh Tông thơ thẩn một mình và nhớ tới quê nhà. Chợt nghe tiếng gọi, Mạnh Tông nghe có tiếng gọi mình. Mạnh Tông đi tới góc chùa nơi có ngọn đèn nhỏ, kếp Trụ đang nằm bên bàn đèn thuốc phiện trên chiếc chiếu hoa rách bần. Mạnh Tông ngồi ghé xuống bên. Kếp Trụ đưa dọc tẩu về phía chàng:

- Làm một điếu.

Mạnh Tông lắc đầu:

- Bố em bảo: trâu cày béo mập, ruộng thẳng cánh còn bay dinh cơ nhà ngang cửa dọc kình càng nhưng có thể chui qua cái lỗ nhỏ xíu của cái tẩu đấy, đừng có đụng đến.

Kếp Trụ nhếch mép cười khinh bạc lạnh lẽ tiếp tục hút, sau mấy điếu liên tiếp mới bỏ tẩu xuống, rót nước cho mình và mời Mạnh Tông, đôi mí mắt sùm sụp, giọng nói rã rượi buồn thảm:

- Đời đào kếp nó oan nghiệt lắm chú em ạ. Hãy về nhà đi.

Kếp Trụ một tay chống xuống chiếu, một tay như sua chàng đi:

- Vậy sao anh không về nhà?

Kếp Trụ lắc đầu nhẹ, giọng nhỏ và thấp:

- Muộn rồi, muộn rồi... chú thì còn kịp. Cái ma lực của đời xướng ca. Chúng ta như con thiêu thân tìm tới ngọn lửa mà đốt cháy mình...

Kếp Trụ nằm co người lại, hình ảnh quen thuộc này chàng đã nhìn thấy nhiều lần: một xác chết. Nhưng khi đêm tới, và tiếng trống chèo gióng lên, lửa bắt đầu được đốt trên những ngọn đuốc... kếp Trụ đã lại tỉnh như con sáo, giống như kẻ lên đồng, cái xác chết kia bỗng nhanh nhẹn thay quần áo, làm mặt, đội mũ... và bước ra với vai diễn. Đam mê, trôi nổi, tạm bợ, không ngày mai, cuộc sống lấy đêm làm ngày, lấy đình chùa làm nhà ở, lấy quán chợ làm nơi sum họp. Những cô đào, những anh kếp chắc cũng có lúc nghĩ tới ngày mai tới một mái nhà. Có phải họ bị cuốn vào một đam mê không tên gọi? Hết người này tới người khác hết đời cha tới đời con, hết anh đến em, có ai thoát ra khỏi cơn xoáy... phường chèo, bao kẻ sống chết với nó như một nghiệp dĩ chứ không phải là một nghề để mưu sinh.

Sáng hôm sau trên đường qua sông, Mạnh Tông gánh hai bồ nhỏ, ông trùm đi bên vác mấy thanh kiếm, giáo mác, gậy gộc. Trùm Phúc vừa đi vừa nói:

- Tối nay qua bên toàn những người xem còn lạ, diễn tích Quan Âm Thị Kính tôi giao cho anh sắm vai Thị Kính, xem bộ đào Hòe không còn muốn diễn nữa rồi.

Mạnh Tông ngạc nhiên đứng lại, đặt đôi bồ xuống ven đường:

- Chết, không được đâu...

- Đừng sợ, thừa sức mà, đào Soan sắm vai Thị Mầu...

Tới đình Ô Lâu, sau khi thu xếp mọi việc xong thì cả gánh nhốn nháo lên vì kếp Trụ ôm bụng lăn lộn rồi sau cùng nằm thẳng đờ ra mà thở như chờ chết, nói không ra tiếng. Kếp Trụ không

thể diễn được, Mạnh Tông sắm vai Thiện Sĩ đóng cặp với đào Hòe sắm vai Thị Kính. Trùm Phúc căn dặn:

- Tối nay phải diễn cho ra trò, cứ như mấy ngày trước thì chết đói cả đám.

Mạnh Tông vào vai Thiện Sĩ chững chạc rõ ra một thư sinh, giọng hát ngọt ngào, đào Hòe vào vai Thị Kính thương cảm nhưng phong thái như một vị chân tu, đào Soan lẳng lơ như chưa bao giờ lẳng lơ. Tất cả đã làm cho vở chèo có một sinh khí mới. Ngay vai thằng Nô, đứa ở trong nhà phú ông đêm nay cũng diễn xuất thần. Tiếng trống, tiếng vỗ tay rộn rã, những nắm tiền ném lên sàn diễn.

Tiếng trống đã dứt, đám người tan ra nhiều ngã như đàn kiến vỡ tổ với những tiếng cười nói mỗi lúc một xa dần, đào kếp người lo dọn dẹp, kẻ thay trang phục, lau phấn chùi son... Mạnh Tông bồi hồi với vai Thiện Sĩ lần thứ nhất diễn giữa hai cô đào lâu năm của gánh nhưng không chút kém cỏi, chàng như đã nhập vào vai ấy từ lâu lắm rồi. Chàng thử người đứng khuất vào trong một góc tối. Bỗng chàng giật mình khi thấy đào Hòe đứng ở bên từ lúc nào chưa thay áo, chỉ mới bỏ cái khăn ra cho mái tóc chảy dài về phía lưng, nàng hơi mỉm cười với đôi mắt long lanh, Mạnh Tông vừa định nói thì bàn tay của đào Hòe đã đưa ngay lên trước miệng như ngăn lại rồi nàng đưa tay ôm lấy ngang người Mạnh Tông, đầu rúc vào ngực... Mạnh Tông luống cuống gỡ tay đào Hòe rồi quay người thoát ra ngoài chỗ sáng... Qua phút bàng hoàng Mạnh Tông rảo bước về phía những đào kếp đang quây quần ăn cháo khuya. Tiếng ông trùm Phúc gọi lớn:

- Thiện Sĩ lại đây, còn Tiểu Kính Tâm đâu rồi...

Mọi người nhìn quanh không thấy đào Hòe đâu, có người lên tiếng gọi, lúc sau mới thấy đào Hòe bước tới lặng lẽ không nói đưa tay nhận lấy bát cháo từ tay trùm Phúc, kếp Trụ đứng ở xa không thấy nhìn lên. Suốt đêm đó Mạnh Tông không sao chợp mắt được, sớm hôm sau từ tờ mờ chàng đi về phía sông lớn nhảy xuống dòng nước đang chảy xiết, chàng thả người cho nước đưa đi thật xa rồi mới bơi ngược trở lại. Ngâm mình cho tới lúc thấy người lạnh cóng chàng mới leo lên bờ đê lấy cây sáo trúc dặt trong người ra thổi, chàng nhớ tới bờ đê quê mình, những cánh ruộng phẳng, những ngọn tre cao lắc lư trong gió. Chàng nghĩ tới những pho tượng ở chùa Mai Tụng, mái nhà mà cha anh mình đang sống với nghề chạm khắc. Rồi chàng nhớ tới những ngày đầu tiên theo gánh chèo, tới đôi mắt long lanh của đào Hòe... tiếng sáo bỗng như trầm xuống, bâng khuâng không có... Chàng bỏ ống sáo xuống, nhìn sang bên thấy đào Soan đang nhìn mình. Nàng mỉm cười:

- Anh thổi sáo nữa đi, sao người nhiều tài thế...

Phân vân giây phút Mạnh Tông đưa sáo lên thổi tiếp, tiếng sáo dịu dặt nhẹ nhàng như vút cao vào không trung. Chàng nhìn dòng sông nước đang xuôi chảy, nắng sớm mai chiếu xuống mặt nước óng ánh như những miếng bạc vỡ, bên kia sông lau trắng ngút ngàn chạy mãi tới chân dãy núi lam mờ mờ cuối chân trời. Đâu đây một tiếng chim sâu đơn lẻ, lạc lõng. Đào Soan ngắt một bông cỏ may thả theo hướng gió. Cả hai người ngồi im không nói. Mạnh Tông nằm dài ra sườn đê, hai tay dang ra mở mắt nhìn nền trời cao xanh, những vạt mây trắng bay chầm chậm...

Sau khi ăn cơm trưa, ngồi dưới gốc cây đa ven bờ ao sen của đình Ô Lâu, ông trùm nói với Mạnh Tông:

- Đào Hòe sáng nay đã xin phép về quê vì có tin mẹ đau nặng – ông trùm về ngán ngẫm – kiểu này chắc không xong rồi phải tìm đường thôi.

Đào Soan ngồi gần bên nói:

- Thì bố để anh Mạnh Tông sắm vai Tiểu Kính Tâm như bố đã cho tập thử đó?

Giọng ông trùm có vẻ dứt khoát:

- Phải đấy, chiều nay mình dượt thêm lần nữa.

Buổi chiều tập lại tích Quan Âm Thị Kính, kếp Trụ nói không thành tiếng nên không thể vào vai, ông trùm vào vai Thiện Sỹ... Tối lại tích Quan Âm Thị Kính được diễn với một Thị Kính hoàn toàn mới nhưng lại được hoan hô không ngừng. Mạnh Tông nghiễm nhiên trở thành đào chèo thanh sắc làm ngán ngơ bao nhiêu người, trong gánh có người gọi chàng là cô Mạnh Tông.

Đào Hòe về quê không trở lại sau đó nhả lên lời chào mọi người, kếp Trụ sang diễn ở gánh khác dưới mạn xuôi. Ông trùm Phúc phải cho gánh ngừng ít ngày trong khi đi gọi thêm đào kếp. Một tối không diễn, trùm Phúc nói với Mạnh Tông:

- Liệu chú có quyết đi theo gánh không? Đây Soan nó có cảm tình với chú lắm đó. Có đào thì phải có kếp...

Mạnh Tông không nói chỉ mỉm cười nhìn ông. Khi nhắc đến Đào Hòe ông Phúc bảo:

- Tôi đã nói rồi, tay Trụ không xứng với nó, thêm nữa nghiện rồi thì đâu có tiền cho đủ hút, mà cái nàng tiên nâu ấy khi đàn ông đã mắc rồi thì không biết vợ con nữa, chỉ có con đường giữ vợ là làm cho vợ nghiện luôn mới xong... Đào chèo, cái nghiệp của nó nặng lắm...

Ông trùm ngửa cổ cạn hết một chén rượu lớn:

- Ngay chính bản thân tôi cũng như đã chứng kiến không biết bao nhiêu cuộc đời đào kếp rồi. Thuở còn thanh sắc kẻ đón người đưa, bao người chiều lụy. Nhưng khi hát không ra tiếng, nhan sắc đã tàn thì nó bi thảm lắm, có chẳng thỉnh thoảng người ta nói lời thương hại: xưa kia... Thanh sắc đã đưa người ta tới bao nhiêu bi kịch, mà bào chỉ với đào kếp thôi đâu? Lúc tôi còn trẻ có kết với đào Hồng, lúc đó tôi hát hay, đẹp trai, khỏe mạnh, nhưng đâu phải chỉ có một mình đào Hồng đâu? Lúc chúng tôi diễn ở phủ Lạc Châu, tên tri phủ mê đào Hồng, kêu trùm phường chèo phải đưa đào Hồng vào trong phủ hát gõ. Cái trò quan gọi đào vào phủ này diễn ra hoài. Tôi biết nếu đào Hồng vào thì chẳng thoát được tên quan ấy. Tôi ngăn lại. Tên quan cho lính giữ gánh chèo không cho đi. Tay trùm thuyết phục tôi và đào Hồng để cứu gánh chèo. Tôi đành buông xuôi. Vào phủ rồi không biết tên quan hãm dọa và dụ dỗ ra sao không rõ, đào Hồng không về với gánh chèo mà ở lại làm nàng hầu. Phần tôi đã đành, phần nàng sao tội nghiệp hết sức. Sắc đã tàn, hương đã rữa tên quan mang gả nàng cho một tên đề lại. Có nhan sắc đâu có sung sướng gì. Lúc tôi đã từng trải tôi mới lấy người vợ sau. Nàng theo gánh chèo từ nhỏ do tôi dìu dắt, nhưng đến lúc đã đủ lông cánh, lại có nhan sắc thì không cầm lòng được mà theo lời dụ dỗ của một kếp trẻ đang lên. Đời đào kếp là như thế đó.

Pường chèo không có đào trẻ hát hay thì không ai xem, nhưng một khi đào đã nổi tiếng thì lại khổ vì kếp tranh nhau đào, khổ vì gánh khác tìm cách mua chuộc rù quẩn đi, nhưng khổ nhất là với những kẻ có tiền, có quyền như mấy tên đầu tỉnh, đầu huyện, đầu làng, những



lãnh chúa... Khi gánh chèo nào có đào xinh đẹp là chúng nhòm ngó. Khi tới xem diễn là đôi mắt của chúng đã hau háu, rồi sau đó tìm đủ cách để ít nhất cũng vuốt được má, sờ được mông, để ngủ với đào. Đâu phải những tên đó không có vợ đẹp, không có hầu non, khi chúng làm quan thì bỗng nhiên chúng trở thành dâm đảng, tàn ác. Cũng có một vài tên quan chỉ mê đào, say tiếng hát rồi thôi. Nhưng cũng có tên mê đào mà bỏ cả làm quan, trường hợp này hiếm nhưng cũng đã có. Hình như đào chèo khi xuất hiện trên sân diễn có thêm một sức quyến rũ ma quái nào đó, Họ liếc mắt đưa tình, diễn cảnh âu yếm đã tập luyện, rồi... phấn son, trang phục, kèn trống... Làm cho người xem muốn được sống như trong cảnh diễn, điều mà ở cuộc sống họ không được sống. Họ muốn sống với một cảnh mà họ từng mơ ước.

Ông trùm Phúc ngừng lại một chút, rót thêm rượu:

- Anh còn trẻ mới theo gánh chưa thấy được hết thế nào là đời sống phường chèo. Tôi hỏi thực anh: tại sao anh lại mê chèo? Hay vì một cô đào chèo nào đó hợp hồn anh? Đào Soan hả, nó đâu phải một cô đào chim sa cá lặn gì... tôi chưa thấy ai đi theo nó cả.

Mạnh Tông cười thành tiếng. Trùm Phúc nói tiếp:

- Trong đời tôi nhớ một cô đào. Đó là đào Sen. Sen đẹp và hát hay. Trong gánh lúc đó có tới ba kép cúc cung tận tụy với cô ta. Lẳng lơ, sắc sảo ai gặp cũng tưởng cô ta có tình ý với mình. Tới làng nào bọn hương lý gọi tới hát là cô đi ngay không bao giờ để cho gánh gặp khó khăn. Có lần vào hát trong nhà tên lý trưởng, mụ vợ ghen đốt nhà luôn, đào Sen chạy được về. Có người hỏi: có sao không? Cô ta nói tình queo: mặc tới bốn cái quần lận... Rồi lên huyện, lên tỉnh các quan đầu tha, nhưng chỉ là mèo vờn chuột với cô ta thôi. Nhưng sau này nàng lại chịu đi lại với một tên đầu tỉnh. Tôi hỏi: định làm bà lớn thật à? Đào Sen bảo: hấn già và hôi hám, em muốn xây cho mẹ em cái nhà ngói và mua mấy sào ruộng. Nhớ lại tôi còn nhớ như in, thảm quá, tôi đâu có làm được gì. Cô ấy ăn ở với gánh chèo rất tốt, chẳng có nay gánh này mai gánh khác, lẳng lơ hình như chỉ ở ngoài da cô, người cao số, không chòng con, cho mãi tới khi lớn tuổi mới rời gánh trở về quê sống với mẹ. Sao những người như thế mà không được sống sung sướng? Trong tất cả những cô đào mà tôi được biết chỉ có một người mà cuối đời là có hậu. Trong các phường chèo chẳng ai không nghe danh đào Út Gái. Út Gái là một đào thương khi sắm những vai bi lụy thì không ai có thể cầm được nước mắt vì tiếng hát nào lòng người. Đào Út Gái không thiếu người đeo đuổi si mê. Trong số đó có một anh đồ, nhà có cửa và nền nếp. Anh ta xem đào đào Út Gái diễn lần đầu đã si mê bỏ cả đường học vấn, bỏ cả gia đình vác thân đi theo gánh chèo. Mới đầu Út Gái khó chịu, có khi nặng lời nữa, rồi tìm đủ mọi cách xua đuổi, anh ta nhất định không lùi một bước, gánh đi đâu anh theo đó, không được tới gần thì ở xa xa. Út Gái khi trở trời trái nắng thì anh ta lại tới hầu hạ, khi Út Gái thất vọng thì anh ta an ủi vỗ về. Anh ta vui buồn theo với vui buồn của Út Gái. Cuối cùng cảm vì mối tình si, Út Gái ngã vào lòng anh ta, Út Gái bỏ gánh chèo và lập gia đình với anh ta. Họ sống sung sướng.

- Nghe rồi cháu cũng muốn lay tổ mà đi, sao đời đào kép khổ thế mà tổ không động lòng...

- Tùy thôi, cũng có lúc tôi muốn cho gánh tan hàng, ai về nhà nấy. Nhưng cứ nghĩ ít lâu lại thấy nhớ, cổ ngứa ngáy muốn hát, chân tay buồn bực muốn múa may... Thế là thế nào nhỉ? Hay ông tổ của mình đã có một lời nguyện nào chẳng?

Vừa nói hết câu trùm Phúc cười khà. Mạnh Tông nói:

- Phường chèo mà cũng có tổ?

- Nghề nào mà không có tổ, ăn mày cũng có tổ nữa. Nghề chèo ở ta thì tổ cũng không rõ ai, có người nói là người Tàu tên Lý Nguyên Cát, người Tàu này sang dạy cho các cung nữ của triều đình. Nhưng ở bên Tàu cho tới ngày nay đâu có hát chèo, không lẽ ông ta nghĩ ra được. Khó tin, chắc tổ chèo phải là một người Việt chứ không thể là Tàu. Các cụ mình ngày xưa khôn lắm. Có chữ viết mà không dùng. Tàu nó đồ hộ thì dùng chữ Tàu nhưng không nói tiếng Tàu. Có nhiều điều không viết ra, chỉ truyền miệng, truyền từ đời này sang đời khác. Tích chèo của mình cũng vậy, có ai viết, chép ra đâu. Nên cũng chẳng thấy tên tuổi người viết, chẳng biết được viết từ thời nào. Cái thân trò thì ai theo nghề phải thuộc, cứ truyền miệng thế, rồi người diễn tùy tiện thêm bớt, nhưng hẳn nhiên những cái gì hay thì lưu truyền, cái nào dở thì tự nhiên đào thải, cũng như ca dao của mình, bao nhiêu bài hát của vùng quan họ cũng thế, những bà mẹ ru con từ lúc lọt lòng, thế là câu hát điệu ru thấm vào đứa trẻ và lớn lên làm người Việt Nam. Cho nên các truyện diễn ca của mình, anh thấy đó đều có thể trở thành hát ru cả, cái thể thơ sáu tám nó mới giản dị làm sao, ai cũng có thể làm rồi từ đó là biến ra những điệu hát... Tài tình thật.

Hát chèo là của sân tau

Bên Tây chẳng có, bên Tàu cũng không

Tây trắng chúng biết múa mông

Tàu vàng có dĩ đánh bông múa đao...

Trùm Phúc vào ngay một làn chèo rồi cười khà khà nhừa nhừa chất men. Ông hát rồi ông múa tay, dần dần tiếng nói không gõ trở thành lảm nhảm tiếng gõ tiếng mắt cho đến khi ngã người xuống chiếu ngủ vùi. Đêm đã khuya, Mạnh Tông nhìn lên bầu trời sâu thẳm không một vị sao, chợt chàng thấy ánh mắt long lanh của đào Hòe hiện ra. Chàng đứng lên trở về chỗ nằm của mình.

Gánh chèo Nam Hạ có thêm đào kép mới từ gánh khác qua, Mạnh Tông đóng cặp với đào Soan rất ăn ý, tiếng nổi khắp vùng đồng chiêm. Dân mê chèo bàn tán về đào Thị Phương sắm vai Tiểu Kính Tâm, một Mạnh Tông đóng vai Kim Nham, Dương Lễ, hoặc Lưu Bình. Nhưng có người bảo: tận mắt trông thấy Thị Phương chính là kép Mạnh Tông giả gái. Hơn thế nữa còn quả quyết Mạnh Tông là chồng đào Soan, người thường đóng vai Thị Mầu, Thị Hến và cả vai Châu Long, Xúy Vân. Người nói thế này, người nói thế khác khiến cho nền phường chèo Nam Hạ càng thêm có sức hấp dẫn đối với người mê chèo. Người ta rủ nhau đi xem chèo nhưng cũng là để đánh cược xem ai đúng, ai sai. Ban ngày còn có người rình xem mặt Mạnh Tông và đào Soan. Người ta lẫn lộn giữa đào Soan với kép Mạnh Tông một phần vì Mạnh Tông khi giả gái đóng vai nữ, rồi có khi đóng vai nam. Từ Ô Lâu gánh Nam Hạ di chuyển không ngừng, nơi nào cũng được chào đón nồng nhiệt, chẳng đêm nào vắng người xem, có người mới đêm trước coi ở đình làng, đêm sau lại theo gánh sang làng bên xem lại. Cuối cùng phường Nam Hạ lên phủ Lạc Quần với dự định sau đó sẽ nghỉ diễn một thời gian.

Ngay từ đêm đầu tiên phường Nam Hạ đã lôi cuốn một số người xem kỷ lục, nhiều thanh niên trèo cả lên tường, lên ngọn cây để coi cho bằng được. Người xem đông, đào kép nức lòng khiến cho tích diễn càng hay, người xem càng nồng nhiệt cổ vũ. Gánh thành công nhờ tài diễn và tiếng hát của Mạnh Tông kéo theo đào Soan lên hạng đào chèo có giá. Trùm Phúc nghĩ tới việc cho hai đào kép này thành đôi. Một hôm ông nói:

- Hai đứa bây cứ vợ chồng hờ mãi à? Thị Phương thì phải có Trương Viên, Dương Lễ thì phải có Châu Long, Kim Nham thì phải có Xúy Vân. Có đực thì phải có cái...

Cứ mỗi lần nghe trùm Phúc bắt đầu nói như thế thì Mạnh Tông chỉ cười trừ, còn Soan tìm cách đi chỗ khác. Có lần trùm Phúc lấy giọng nghiêm mà vẫn như đùa:

- Tôi hỏi thực anh, anh là trai hay gái?

Đám đào kếp bu quanh cười rộ. Mạnh Tông đỏ mặt, đào Soan ngượng ngùng. Có người nói: chắc ái nam ái nữ. Hề Đá giọng bông đùa: tôi thấy... Anh ta không nói tiếp mà diễn ngay một hồi hề câm làm mọi người cười bò lăn bò càng. Một tay chuyên vào vai chạy cờ, giọng táo tợn: khám đi, không thì tụt quần ra là biết... Mạnh Tông cáu lên, quát lớn:

- Không đùa nữa...

Thấy mặt Mạnh Tông đỏ gay, lông mày cau lại mọi người vội lảng đi. Trùm Phúc hơi tủm tỉm cười:

- Mới đùa một chút mà đã cáu lên là thế nào? Vậy sao không chịu lấy vợ?

Mạnh Tông bỏ đi, lúc ra gặp đào Soan, nàng hơi cười vè đùa cợt. Mạnh Tông chưa nguôi cơn bực bội:

- Cười, cười cái gì...

Đi hết một đoạn đường Mạnh Tông mới thấy người dễ chịu. Chợt chàng lại thấy những người qua đường như chú ý tới mình, chắc họ nhớ mình trong tích diễn. Mạnh Tông đổi hướng qua con đường vắng. Mạnh Tông nhận ra rằng: mình vẫn chưa hòa nhập được với đời sống phường chèo, một đời sống đầy buông thả và nhuốm chất phi luân. Sơn phấn hào nhoáng, tiếng đàn tiếng hát reo vui, những va chạm chót nhả, những cuộc đời thu ngắn trong một đêm diễn, đào kếp phải sống với bao nhiêu cuộc đời khác nhau, nhiều khi đối nghịch nhau về nhân cách, họ cười cợt, họ khóc than thảm thiết... Cuộc đời, tích diễn, giả và thực, mặt trái và mặt phải... Người ta sống không lẫn lộn?...

Vào đêm diễn chót ở phủ Lạc Quần, người xem đông không có chỗ chen chân. Tiếng trống rộn rã hòa lẫn tiếng đàn, tiếng hát, những tràng vỗ tay không ngừng suốt từ màn giáo đầu cho tới tích diễn kết thúc với tiếng trống vãn chèo. Giữa lúc người xem đang ủa ra về thì một toán lính phủ ủa vào, đào kếp chưa kịp thay quần áo nhốn nháo cả lên. Trùm Phúc chạy ra, tên Đề lại hỏi:

- Đào Thị Phương đâu, quan phủ gọi.

Trùm Phúc ngỡ ngàng không hiểu, sao lại đào Thị Phương, vai Thị Phương vợ Trương Viên thì đâu phải một đào sắm vai duy nhất?

- Dạ, chắc trên phủ nhầm, chỉ có Thị Phương vai vợ Trương Viên. Ở gánh chúng tôi chỉ có đào Soan, đào Lệ, đào Tý.

Nghe đến tên mình, đào Soan rúm người lại, Mạnh Tông thì nhìn nàng lo âu. Lúc bấy giờ đào kếp đang đứng chung quanh theo dõi câu truyện, một tên lính chỉ vào Mạnh Tông giả gái sắm vai Thị Phương vợ Trương Viên:

- Nó đây này.

Trùm Phúc vội nói:

- Đó không phải đào mà là kếp Mạnh Tông đóng giả gái vai Thị Phương.

- À bọn mày định lừa chúng tao phải không? Bắt nó đi.

Không nói thêm gì đám lính ủa tới kéo Mạnh Tông đi, chàng kinh sợ ngã xuống, bọn lính liền đưa giữ chân, đưa nâng đầu vác lên vai mà khiêng đi... Đào kếp chung quanh cũng như mọi người không hiểu việc gì vội vàng tản đi lo tai bay vạ gió tới với mình.

Mạnh Tông tỉnh dậy thấy mình đang nằm trong phủ đường của quan đầu tỉnh. Chàng không hiểu vì sao chàng lại bị bắt dẫn tới đây, có chăng một lầm lộn nào với kẻ tội phạm giết người nào đó. Chàng lắng nghe có tiếng người: cô đào này đẹp thiệt, sắm vai sắm mũ đi ăn xin mà vẫn ngon lành... Đẹp thế làm sao qua mắt quan được... Có nhiều tiếng lao xao lẫn lộn nghe không rõ, chợt có tiếng hỏi lớn: nó tỉnh chưa? ... hình như chưa... vào xem... Thấy có người bước tới, Mạnh Tông ngồi bật dậy. Tên lính nói vọng ra:

- Nó tỉnh rồi.

- Vậy dẫn nó lên, quan phủ đợi.

Tên lính giữ lấy cánh tay Mạnh Tông kéo đi. Chàng bước theo ra ngoài. Tới cửa tên đề lại kèm một bên:

- Muốn sống thì quan bảo gì nghe nấy. Nhớ không?

Đi qua mấy tòa nhà, qua mấy khoảng sân tối hạo huần mới thấy một ngọn đèn với ánh sáng yếu ớt, chỉ có tiếng bước dưới chân của ba người khua động sự im lặng trong khi phủ quan. Đến một dãy nhà ngang có treo một ngọn đèn lớn ánh sáng chiếu rõ một cửa vào đang mở, tên lính giữ tay Mạnh Tông lại, tên đề lại cất tiếng:

- Bấm quan... con đã...

- Cho nó vào...

Tên lính đẩy cho Mạnh Tông bước qua bậc cửa rồi lấy tay kéo hai cánh cửa đóng lại. Mạnh Tông nghe rõ tiếng chốt cửa.

Đứng giữa một gian phòng đầy ánh sáng, trước mặt là một người đàn ông đã đứng tuổi, có râu bên mép mặc quần áo lụa đang nửa nằm nửa ngồi trên tràng kỷ. Mạnh Tông nghĩ: chắc đây là quan phủ. Chàng cũng không biết phải làm sao vì lần đầu tiên bước tới một nơi như thế, lại không hề được hướng dẫn chút nào, thêm nữa là cảnh huống chàng đang gặp không biết lành dữ ra sao. Tại sao mình lại bị dẫn tới đây? Tên quan ngồi thẳng dậy, hai chân thả xuống đôi hài ở dưới nền gạch, đôi mắt hau háu nhìn Mạnh Tông từ đầu đến chân rồi tùm tùm cười:

- Đến mà không đàn trống gì hát cho nghe à?

Ông ta muốn nghe mình hát? Mạnh Tông hơi ngạc nhiên:

- Dạ, lính bắt con tới, không nói gì cả, con tưởng...

Mạnh Tông nói với sự yên tâm hơn. Như vậy là không có tội gì. Bỗng giọng tên quan rành rọt:

- Tại sao tới phủ này hát mà không biết quan là ai? Đến nhà người ta mà không biết chủ là thế nào? Có biết lỗi đó không?

Mạnh Tông lúng túng, thế là thế nào, phải chăng vì lỗi gánh chèo không trình quan mà bắt mình phải chịu tội. Mạnh Tông nói:

- Dạ, chúng con có lỗi.

- Biết lỗi vậy là được...

Giọng tên quan nhẹ hẳn đi. Mạnh Tông đứng im, tên quan rời trường kỷ đi một vòng chung quanh Mạnh Tông ngắm nghía.

- Đẹp, đẹp thật...

Trở lại ngồi nơi trường kỷ, tên quan nói tiếp:

- Vậy bây giờ hãy hát một bài cho ta nghe.

Mạnh Tông lấy lại bình tĩnh và cất tiếng hát:

- Tại sơn chi hổ báo

Chưa gặp thời còn ẩn náu rừng xanh

Tôi Lưu Bình quê ở Bắc Ninh...

Tên quan giơ tay ra dấu cho Mạnh Tông ngừng lại:

- Mà hát được cả giọng nam nữa à?

Mạnh Tông ngạc nhiên:

- Dạ con là kép.

- Mà là kép? Mà định lừa tao à?

- Dạ không, con là kép giả gái đóng vai Thị Phương và nhiều vai nữa như Thị Kính, Thị Hến và...

- Mà là kép giả gái?

- Dạ vâng,,,

Tên quan vùng đứng dậy khỏi trường kỷ:

- Cởi quần áo ra...

Mạnh Tông kinh hãi nhìn lên, chàng thấy mặt tên quan giống như mặt những tên quý chàng đã khắc trên ván ở chùa Mai Tụng. Mạnh Tông luống cuống nhìn quanh như tìm đường tháo chạy.

- Mà định chạy à, có mà chạy lên trời con ạ. Cởi quần áo ra.

Mạnh Tông càng luống cuống và không biết làm sao chỉ còn nghe theo như cái máy. Chàng bỏ bộ quần áo giả gái của vai Thị Phương ra chỉ còn lại cái quần lót. Chàng vừa đứng ngay thì tên quan lại quát lớn:

- Cởi hết ra...

Mạnh Tông như người mất hồn, cởi bỏ nốt chiếc quần rồi đứng ngay tòn tòn, hai tay bụm lại che hạ bộ như một phản ứng tự nhiên. Tên quan đôi mắt mở lớn nhìn khắp thân thể chàng. Chợt tên quan ra lệnh:

- Quay đằng sau lại...

Mạnh Tông như một kẻ vô hồn. Chợt chàng thấy những bước chân tiến lại gần từ phía sau lưng, một bàn tay ướt lạnh để lên vai rồi vuốt xuống tới lưng, thân thể chàng uốn theo và nổi gai khắp người. Một giọng nói lảm nhảm:

- Thị Phương, Thị Kính, Thị Mầu..

Mạnh Tông bị ôm chặt từ phía sau không sao cựa quậy được. Một nỗi kinh hoàng khác thường ập đến. Chàng cố gắng vùng vẫy nhưng cuối cùng bị đè xuống nền nhà. Tên quan như con thú điên trên lưng Mạnh Tông.

Tỉnh lại Mạnh Tông thấy mình nằm ven đường cái quan, thân thể trần truồng nhớp nhúa, quần áo vứt ở bên. Trời chưa sáng, không có một bóng người trên đường. Mạnh Tông vớ lấy quần áo mặc vào rồi phóng chạy.

Khi nhìn thấy ông trùm Phúc đứng nhìn chàng trân trân, Mạnh Tông hình như chưa hoàn hồn, chàng nói trong cơn mê loạn:

- Tôi bị... hiếp...

Mạnh Tông co rúm người lại và ngã xuống bất tỉnh một lần nữa. Trùm Phúc như hiểu ra cơ sự vội vàng bế chàng vào chỗ kín đáo, tắm rửa thay quần áo cho Mạnh Tông. Khi tỉnh dậy Mạnh Tông định nói nhưng trùm Phúc ra dấu cho chàng im lặng và nằm yên.

Ngày buổi trưa hôm đó gánh chèo Nam Hạ gồng gánh kéo nhau đi khỏi Lạc Quần. Mạnh Tông quyết định đưa đào Soan về quê mình. Trên đường Mạnh Tông nói về gia đình về nghề chạm khắc mà trước đó chàng đã theo đuổi. Giọng Mạnh Tông như vẫn ở trong cơn kinh hãi:

- Làm đào chèo không được đâu, đã bao nhiêu người khổ khổ vì nó rồi. Anh mê chèo, anh cũng muốn sống tới già với chèo nhưng không được, cái này nó oan nghiệt quá, mình không thể sống với nó... quý ở khắp trần gian...

Giữa đường đi ngang qua chùa Mai Tụng. Mạnh Tông nói với Soan:

- Hay quá, không ngờ mình lại đi ngang qua đây, anh muốn chỉ cho em thấy những tượng mà nhà họ Đồng đã làm.

Hai người bước qua cửa tam quan. Đi hết nửa sân Mạnh Tông gặp một chú tiểu, khi hỏi thăm mới rõ sư thầy trụ trì trước đây đã qua đời. Trước tam bảo Mạnh Tông và Soan cùng quỳ xuống, không khí tĩnh lặng, khung cảnh trang nghiêm, những tượng Phật son thếp vàng rực rỡ, hương trầm phảng phất, Mạnh Tông thấy mình như đang ở một thế giới khác, thế giới của tĩnh tại và thanh thoát.

Lễ Phật xong Mạnh Tông dẫn Soan đi coi bộ tranh khắc Thập Điện Diêm Cung chạy theo bức tường quanh chính điện. Mạnh Tông nói rất nhỏ vào tai Soan:

- Anh khắc đấy, đẹp không?

Đi hết một vòng, khi bước xuống sân Soan mới nói:

- Trông khiếp quá anh ơi.
- Là địa ngục mà, toàn quỷ với những kẻ có tội...
- Anh chỉ biết khắc quỷ thôi à?

Mạnh Tông không biết trả lời sao, mãi sau nhớ tới tượng người để hậu thờ ở sau chùa:

- Anh có khắc người nữa...

Hai người đi vòng ra sau chùa để tới nhà hậu. Sau khi quan sát khắp một lượt Mạnh Tông nhận ra pho tượng mình đã khắc nhưng có điều khác thường: một tấm vải đỏ phủ lên đầu pho tượng khiến không thể nhìn thấy mặt. Mạnh Tông chỉ cho Soan pho tượng rồi tiến tới gần để lật tấm vải lên cho Soan nhìn rõ pho tượng mình đã khắc. Nhưng vừa lật miếng vải Mạnh Tông đã vội buông xuống: tượng không có mặt, tượng đã bị vạt mất mặt. Mạnh Tông bàng hoàng cầm tay Soan đi vội ra ngoài. Soan hỏi:

- Sao vậy anh?
- Không biết nữa...

Bao nhiêu câu hỏi đến với Mạnh Tông. Ai đã đục bỏ mặt tượng người để hậu? Tại sao? Tượng không có mặt sao vẫn để trên bệ thờ. Suốt trên đường về nhà pho tượng mất mặt ám ảnh Mạnh Tông.

#### IV.

Thấy người con út trở lại nhà họ Đồng ai cũng mừng rỡ. Riêng Mạnh Tông khi thấy cha già nay đã không nói được sau một cơn bệnh ngặt nghèo. Anh Hạo Thiên thì lên núi đã lâu, có người nói hình như anh đi tu tiên. Đồng Bái Nhật mới lập gia đình ở chung với cha thay người con trưởng. Đồng Tuệ Nhân buôn bán giàu có nay đã có dinh cơ riêng. Về nhà Mạnh Tông không nói gì về những ngày theo phường chèo Mạnh Tông dẫn Soan vào lạy cha, chào các anh các chị trong nhà và xin phép làm lễ cưới. Trong nhà không ai hỏi, nhưng Tuệ Nhân thì nói với anh Bái Nhật: chắc chú út mê cô ấy từ trước nên mới theo gánh chèo. Trong nhà dù Hạo Thiên vắng mặt nhưng những người thợ chạm vẫn làm việc như hồi Mạnh Tông chưa đi. Bái Nhật nói:

- Lúc cha còn nói được, cha bảo: thế nào rồi út nó cũng về. Sau khi cha thoát chết, anh vẫn lo việc làm cho thợ để trong nhà được vui vẻ với một sinh hoạt không thay đổi, anh nghĩ điều đó có thể giúp cho cha sớm bình phục đợi ngày em về. Quả như lời cha nói.
- Anh Hạo Thiên bảo em: tay chú cha mẹ sinh ra là để chạm khắc...

Mạnh Tông soạn lại đồ nghề của mình, ngó mắt vào công việc thường ngày của thợ, mà thợ trong nhà nào ai khác là những con cháu không bên nội thì bên ngoại, còn thì người làng, người trong tổng cả. Khi thấy một khúc gỗ ngắn, lớn hơn cái đầu người thì Mạnh Tông nghĩ tới pho tượng bị mất mặt ở trên chùa Mai Tịnh: sao mình lại không thay bằng một cái đầu mới hay một cái mặt mới?

Ngày hôm đầu tiên cầm cái đục trên tay, sau vài nhát chạm chàng ngẩng mặt lên, nơi cửa Đồng Cát Sỹ đang nhìn con, chàng vội chạy đến, người cha run rẩy cầm lấy tay người con út, môi ông mấp má muốn nói mà không thành lời, nước mắt chảy ràn rụa xuống hai gò má nhăn nheo. Mạnh Tông cũng khóc theo...

Từ một đào chèo với cuộc sống gần như không nhà, trôi nổi hết nơi này tới nơi khác, Soan bắt đầu một cuộc sống mới không phải không ngõ ngàng. Mạnh Tông chỉ cho vợ từ cái nhỏ nhất trở đi, chẳng bao lâu với thiện chí nàng đã trở thành người nội trợ tháo vác, hầu cha khuya sớm tận tụy, sống với mọi người chân tình đậm thắm.

Cầm chiếc đục trên tay, trước khúc gỗ ngắn, Mạnh Tông cố nhớ tới mặt pho tượng của người để hậu ở chùa Mai Tụng nhưng chàng chẳng thể nào nhớ ra được. Những nét mặt hiện ra lúc thế này, lúc thế khác, lúc thì ác, lúc thì hiền... bao nhiêu nét mặt hiện ra nhưng chàng thấy đều như không phải...

Chàng lấy giấy bút ra phác thảo, vẽ rồi xóa, xóa rồi vẽ mà cuối cùng chẳng đi tới đâu. Tại sao mình đã quên đến như thế được. Vẽ mãi cũng chẳng ra đâu với đâu chàng quay sang vẽ phong cảnh, vẽ chó mèo trong nhà, vẽ chim và những hoa lá trong vườn... Chàng nhớ tới những ngày giả gái đóng vai Tiểu Kính Tâm, chàng cười thầm với mình chàng đưa bút vẽ một ni cô, sau mấy nét phác thảo chàng chợt nhận thấy có nét hao của Soan. Càng vẽ tiếp, chân dung Soan càng đậm nét, chàng hứng thú và tiếp tục hoàn chỉnh. Chàng quên hẳn pho tượng ở chùa Mai Tụng.

Vẽ hết bức này tới bức khác, mỗi lúc Mạnh Tông một thấy nét bút của mình thay đổi, từ rườm rà tới tinh giản, trong lúc đó chân dung Soan mỗi lúc một đẹp hơn, sinh động hơn. Sau cùng chàng ngừng lại và gọi vợ tới coi mình vẽ bức cuối cùng chàng còn giữ lại:

- Có giống em không?

Soan bối rối:

- Anh vẽ em để chờ em chết mà thờ à?

Mạnh Tông phải giải thích nhiều lần, nhìn nét vẽ của chồng Soan thấy mình như đẹp hơn, duyên dáng hơn. Chàng cất bức tranh đi và nói:

- Anh sẽ khắc tượng em.

Thấy khúc gỗ ngắn còn lẩn lóc dưới chân, chàng cầm lên ra sân và vứt nó xuống ao. Mạnh Tông nhủ thầm: một cái đầu thôi không ư? Không? Trong đầu Mạnh Tông như một pho tượng ngồi với dáng vẻ riêng của Soan hiện ra: một Soan gần gũi, dịu hiền.

Một buổi sáng vừa thức dậy Mạnh Tông đã thấy anh Hạo Thiên đang tươi cười từ ngoài ngõ bước qua cổng nhà. Chàng reo lên như một đứa trẻ:

- Anh đi đâu vậy?

- Anh đi tìm chú, nhưng...

Tìm em như thể tìm chim

Chim ăn bể bắc đi tìm bể đông

Tìm biển đông thấy lông chim nhận

Anh đi tìm biển cạn thấy đàn chim bay

Tìm em...



Vừa hát Hạo Thiên vừa ôm lấy người em út rồi tiếng cười sảng khoái. Anh em gặp nhau mừng rỡ khôn xiết, ngôi nhà họ Đổng như ấm hẳn lại với niềm vui sum họp.

Trong bữa cơm sum họp, mấy anh em nhà họ Đổng mãi vui mà đều uống quá chén cho tới khi ai cũng say khướt. Đổng Bái Nhật nằm ngay nơi chỗ ngồi mà ngũ không còn biết trời trăng gì. Đổng Tuệ Nhân thì được dịp để huyền thuyên về những chuyến buôn hàng của mình, nhưng lẫn lộn nơi này với nơi khác, chuyện mới mà thành chuyện xưa. Mạnh Tông chuẩn choáng hỏi anh:

- Anh đã vào tới cõi Thiên Thai chưa? Có thấy Tiên không?

- Tiên à, chưa thấy... Thế còn chú? Chú đã tới chốn đào tiên và khênh cả một cô tiên về nhà này rồi còn gì...

- Thế còn anh, cô tiên của anh đâu?

- Có đấy. Tôi lên núi đi mãi, đi mãi tới một nơi sao phong cảnh mới hữu tình làm sao, tôi có làm mấy bài thơ đấy, rồi tới một nơi tôi chắc là động tiên... Lúc ấy nghe có tiếng hát, chắc chắn là tiếng hát của một cô tiên... tiếng hát nó hay làm sao... Nhưng lắng nghe tôi thấy tiếng hát đến ở sau lưng mình, tôi nghĩ chắc các nàng tiên đang ở ngoài, tôi quay lại, đi mãi chẳng thấy ai, và lúc đó tôi mới nhận ra tiếng hát đó là của chú, thế có chết không. Tôi vội trở lại đường cũ, nhưng chẳng thấy có con đường nào, chẳng thấy cửa động đâu mà chỉ thấy rừng cây rậm rạp. Chưa vào thiên thai mà Từ Thức đã phải trở về trần. Chính là tại chú... Bây giờ chú phải đi tìm cho tôi một cô tiên để chuộc cái lỗi... Trần gian lạc lối sao mình ở đây...

- Em hát mà sao anh tưởng là tiên nữ được... Không phải thế.

- Đi tìm chú, người ta nói... Nhưng thôi, chú đã hát cho khắp cả bàn dân thiên hạ nghe rồi, bây giờ chú phải hát, hát cho cả nhà nghe...

- Được quá đi chứ, để em hát hầu cha và các anh...

Mạnh Tông đứng lên nhưng thấy chân mình không vững nữa, đôi chân của chàng như đã biến đâu mất, chàng lao đảo đứng mãi không được. Soan chạy đến bên cho chàng vịn, chàng giữ chặt lấy vai vợ cho khỏi ngã. Hình ảnh đôi mắt long lanh khác lạ của đào Hòe, hình ảnh tên quan với đôi mắt hau háu, hình ảnh những quý dử dưới Diêm cung ở chùa Mai Tụng chợt hiện đến. Chàng khoa chân múa tay điên loạn, miệng há hốc, đôi môi run rẩy mà chẳng ai nghe thấy tiếng nói, tiếng hát nào. Rồi chàng gào lên và những chuỗi âm thanh không rõ ràng, không tiếng nào ăn với tiếng nào. Cho đến lúc tiếng hát rõ dần thì nó khê đục và không ai nghe ra làn điệu gì cả... Chàng cố gắng mấy lần nhưng đều vô vọng, chàng như mất hẳn vẻ bình tĩnh, chàng cố gào lên những âm thanh hỗn độn, những âm thanh giống như của tên điên đang gào thét kêu la. Mạnh Tông cứ ú ớ như thế, lưng thì ướt đẫm mồ hôi, lúc sau chàng đứng im như trời trồng. Soan lay gọi chàng:

- Sao vậy anh?

Nước mắt chảy ròng ròng xuống má, giọng Mạnh Tông như lạc đi:

- Tiếng hát của anh đâu?

Nói vừa hết câu Mạnh Tông ngã vào tay vợ. Men rượu làm cho chàng ngủ vùi. Hạo Thiên cũng đã say khướt đang ngâm nga một bài thơ nhưng cũng chẳng ai nghe rõ tiếng nào.

Không ở lại nhà lâu, Hạo Thiên xin phép cha đi xa, nhờ cậy các em trông nom cha già. Mạnh Tông hỏi:

- Anh đi đâu?

- Anh có hẹn với các đồng bạn, anh lên mạn ngược.

Đồng Tuệ Nhân lo lắng:

- Em nghe nói trên đó hồi sau này nhiều giặc nổi lên, anh tới đó mà làm gì...

Bái Nhật chen vào:

- Như thế thì giặc nó bắt mất tiên rồi còn đâu, nếu không tiên cũng chạy rồi anh cả ạ.

Mấy người cùng phá lên cười. Mạnh Tông không nói gì. Hạo Thiên rời nhà khi chiều vừa tắt nắng. Mạnh Tông đưa anh cả ra sông chờ đò dọc, hai anh em đều im lặng nhìn nhau, Hạo Thiên cầm chặt lấy tay em trước khi bước xuống thuyền. Mạnh Tông đứng nhìn theo cho tới khi con thuyền khuất hẳn mới trở về nhà.

Cuối cùng Mạnh Tông đã tìm được một khúc gỗ như mong đợi. Chàng ngắm nghía và phác họa trong đầu. Thấy em như có ý tạc tượng thì Tuệ Nhân hỏi ngay:

- Chú định tạc tượng?

- Dạ, sao vậy anh?

- Chú quên là triều đình đã ra lệnh cấm không được tạc tượng à?

- Nhưng chỉ cấm tạc tượng Phật, Thần thôi...

- Thế chú định làm gì với khúc cây tốt như thế này?

- Em định... để làm xong rồi anh sẽ thấy, chắc đẹp lắm đó...

- Đẹp, nhưng liệu có bán được không?

Mạnh Tông giữ cho mình không cười lớn. Trong óc người anh kinh doanh hình như lúc nào trong đầu cũng là một phép toán, hết cộng trừ đến lời, lỗ, nhiều, ít... Mạnh Tông nói với anh:

- Trách nào chẳng bao giờ anh chịu làm thơ...

- Sao chú nói vậy?

- Thơ đâu có bán được...

Đồng Tuệ Nhân gúc gúc cái đầu không nói thêm nữa. Mạnh Tông trở lại với những phác thảo, chàng quanh quẩn bên vợ để ngắm nghía, nhìn từ nhiều góc cạnh khác nhau chàng thấy vợ mình đẹp hơn, xinh hơn khi nhìn kỹ. Khóe miệng tươi nhưng kín đáo, đôi mày thưa nhạt mà vẫn rõ nét, đôi mắt sâu nhiều tâm sự nhưng trầm ẩn và khoan dung, nước da trắng mịn, nét thanh tú của sống mũi khiến cho gương mặt lúc nào cũng đầy ánh sáng... Sau phần tạo dáng toàn thể, Mạnh Tông mang pho tượng vào gian phòng riêng của ngôi nhà vợ chồng chàng ở. Chàng không muốn ai chú ý tới việc của mình.

Trông nom ít người thợ trong nhà, khi mùa màng đến Mạnh Tông giúp một tay một việc đồng áng. Pho tượng được gợi hứng từ những bức chân dung phác thảo người vợ là một nguồn hạnh phúc vô ngần đối với một người vẫn say mê tin rằng: đôi tay mình được cha mẹ sinh ra

là để chạm khắc. Chàng tiến hành khắc tượng một cách chậm rãi, cẩn trọng với tất cả tâm hồn.

Có những ngày liên tiếp người trong nhà không thấy bóng Mạnh Tông, chỉ có Soan biết chồng mình ở đâu.

Soan sinh được đứa con trai đầu lòng. Cả nhà mừng rỡ, thỉnh thoảng nghe tiếng vợ ru con, Mạnh Tông thoáng nghe như một điệu hát nào đó hết sức quen thuộc, mà mình đã từng nghe, từng hát. Thấy chồng ngớ ra, vẻ mặt khác thường, Soan hỏi:

- Anh đã quên hết những làn điệu chèo rồi sao?

Mạnh Tông giật mình như vừa ra khỏi cơn mê. Những làn điệu chèo, bài ru con của những bà mẹ sau lũy tre xanh, nhịp trống quân trong sân đình những đêm trăng sáng, tiếng hò trên bến sông... Chàng ngồi lắng nghe tiếng Soan hát, giọng ngọt ngào chân chất, âm vang như quẩn quít quanh chiếc võng đong đưa mà Soan đang đẩy qua đẩy lại cho đứa con vào sâu giấc ngủ...

Soan nói:

- Bao nhiêu làn điệu của chèo, anh nhớ không? Nhưng với em bài nào cũng thành điệu ru con được cả...

Mạnh Tông nhìn vợ đang cúi xuống đứa con nằm trong võng:

- Xưa anh cũng đã được nghe mẹ hát...

Pho tượng Soan qua những đường chạm khắc của Mạnh Tông dần dần thành hình mỗi lúc một rõ hơn, hằng ngày Mạnh Tông thường tìm cách để ngắm vợ một cách kín đáo không cho Soan biết. Có những quãng thời gian dài chàng chỉ ngắm vợ rồi ngắm tượng. Chẳng có gì hối thúc khiến chàng phải vội vã. Tới lúc pho tượng phải thành, như nơi đến của một người trong cuộc hành trình. Một ngày tới đây chàng sẽ dẫn vợ vào trong gian nhà vẫn đóng kín cho nàng thấy: khúc gỗ ngày nào đã không còn là khúc gỗ xù xì tầm thường như bao khúc gỗ khác. Nó không còn là kiếp gỗ. Nó đã chuyển sinh qua một kiếp sống khác.

Trong những ngày đêm say mê, mài miết bên pho tượng, Mạnh Tông chẳng còn để ý tới những gì đang xảy ra. Mùa nắng lửa vừa qua, trời đổ mưa như trút không ngừng hạt, hết ngày này sang ngày khác gần như không lúc nào dứt. Trong mưa, để nói cho người khác nghe thì phải gào lên. Trời như thấp xuống trong khi nước sông hồ dâng lên tràn bờ. Có ngày mới giữa trưa mà tưởng như trời đã tối tự bao giờ. Pho tượng đã hoàn tất, Mạnh Tông ngắm nghía từ góc nhìn này sang góc nhìn khác mãi không biết chán. Mạnh Tông nóng ruột nhìn trời đất, chỉ mong cho trời quang mây tạnh, chàng mở toang tất cả các cánh cửa cho ánh sáng chan hòa gian nhà nhỏ, chàng sẽ dắt tay Soan vào để thấy được công trình của mình.

Tiếng trống hô đê vẫn vang lên: tai họa đang chờ đợi. Trời mưa như đánh trống, nhiều người ở vùng trũng lũ lướt kéo nhau lên những vùng cao hơn... Mỗi lúc người chạy đi một đông. Rồi tin đê vỡ, mọi người bỏ hết của cải mà chạy mong sao thoát thân. Mạnh Tông nghe tiếng réo gọi hốt hoảng công cha già lên vai, Soan bế con nhỏ rồi cùng nhau chạy theo mọi người... Ai cũng thấy như con nước đang béc gót phía sau lưng, chẳng ai còn có thì giờ mà ngoảnh cổ nhìn lại. Nước lên cao và nhanh có thể nhìn thấy được, những bờ ruộng biến mất, rồi tới những mái nhà thấp... qua đêm, trước mắt mọi người chỉ có nước đục mênh mông cuộn cuộn chảy ra biển, thỉnh thoảng nhô lên mấy ngọn tre già phơ phất... Những người ở gần

quãng đê vỡ khóc than nói về những thảm khốc ở đó, có những cụ già, những trẻ thơ, những người đàn bà chậm chân nước đã cuốn đi cùng với nhà cửa, trâu bò... Và đồng ruộng, nương bãi thì hoa màu rồi đây còn gì để thu hoạch? Người ta chỉ còn biết cầu trời khẩn Phật mong cho con nước sớm qua.

Mưa ngớt dần rồi dứt hạt, trời sáng và xanh trở lại, nước rút nhanh, dân chúng đã đắp lại quãng đê vỡ. Mọi người dắt díu nhau trở về. Mạnh Tông bàng hoàng nhìn cảnh làng mạc bị nước tàn phá. Trong khu vườn rộng của nhà chàng chỉ còn lại ngôi từ đường, ngôi nhà nhỏ của vợ chồng chàng nước đã cuốn trôi, và pho tượng cũng không thấy dấu vết. Mạnh Tông lòng thất lại, nhìn vợ không nói thành lời.

Sau mấy ngày đêm lo ổn định chỗ ăn ngủ cho vợ con, Mạnh Tông quyết định men theo dòng sông với hy vọng tìm thấy pho tượng đá trôi giạt vào đâu đó.

Chàng đi theo hướng nước rút. Những ngày thơ thẩn tìm kiếm vô vọng chàng chỉ thêm đau lòng với cảnh tang thương bày ra trước mắt của vùng chiêm trũng vốn đã nghèo khó... Nhưng người ta không bó tay chờ chết. Những con người khốn khổ không chịu khuất phục, điều mà chắc từ ngàn xưa người đời trước cũng đã từng trải phẫn đấu. Những ngôi nhà sơ sài được dựng lên, người ta dọn đất, đào mương, gieo hạt, trồng cây... Mỗi bước kiếm tìm của Mạnh Tông là thêm một bước thất vọng. Nước đã đưa pho tượng tới đâu? Nó đang chìm dưới đáy nước hay đang lênh đênh trên mặt biển mênh mông?

Khi đi tới ngã ba sông nỗi thất vọng đã thành tuyệt vọng, chàng ngồi bệt xuống bãi phù sa nhìn mung lung bốn phía. Chợt chàng thấy ở phía xa, trên một gò đất cao có nhiều người đang tụ tập dưới một tàn cây xanh. Hình như nơi này nước không dâng tới. Mạnh Tông đi nhanh lên phía gò đất. Một nông dân từ phía trên đi xuống, chàng hỏi:

- Có chuyện gì ở trên đó thế?

- Chúng tôi dựng đền...

Chưa kịp hỏi thêm người kia đã vội vã đi mất. Khi lên được tới nơi có gốc cây xanh, Mạnh tông ngạc nhiên sung sướng: pho tượng còn đây. Chàng định chạy tới ôm lấy pho tượng. Bỗng chàng ngừng lại. Pho tượng ở cách gốc cây khoảng mười bước chân, được để trên một tảng đá, phía trước tượng để một bát nhang còn mới khói hương nghi ngút. Chàng tự hỏi: tượng thần. Hay mình làm. Chàng nhìn những người quanh, mỗi người một việc với công trình xây cất, những người mới tới thì không ai bảo ai đều tới trước tượng thắp hương van vái hết sức cung kính. Chàng nhìn kỹ pho tượng và tin chắc đây là pho tượng mình đã làm. Nhưng tại sao nay tượng lại ở đây, trong khung cảnh này? Mạnh Tông đến bên một cụ già:

- Thưa cụ, đây là tượng...

Ông cụ nhìn Mạnh Tông, miệng suýt suýt ra dấu cho chàng đừng nói tiếp, ông cụ nói nhỏ cho chàng vừa đủ nghe:

- Phải, đây là tượng Bà Chúa... Bà Chúa Trôi đã cứu người trong trận vỡ đê vừa rồi...

Ông cụ kéo tay chàng đi lui ra phía sông như để tránh cho những điều sắp nói có thể thành bất kính trước pho tượng.

- Anh ở xa tới nên không rõ, chẳng là thế này: Hôm vỡ đê, nước tràn về vùng chúng tôi khiếp lắm, cái gì cũng cuốn băng, không có cái gò đất này thì chúng tôi chết sạch rồi. Những người

ở phía trên chết vô kể. Làm sao mà cứu được? Chính mắt tôi nhìn thấy những cánh tay dơ lên kêu cứu, chính mắt tôi nhìn thấy hai người đang bán trên một mái lều mà nước đang cuốn đi băng băng... Chúng tôi chỉ biết lạy trời, lạy Phật. Rồi chúng tôi thấy một pho tượng trôi dạt vào mép nước – ông cụ chỉ xuống đất ngay chỗ hai người đang đứng – Đây, chính ở chỗ này đây. Chính tay tôi và mấy người nữa, chúng tôi quăng dây thừng ra kéo vào. Nhưng sao tượng quá nặng, có người nói chắc tượng đồng, tượng đồng làm sao mà nổi, thật chẳng biết gì cả, khi kéo được đầu tượng lên thì chúng tôi hiểu vì sao tượng nặng: dưới chân tượng có một cánh tay ôm lấy, cánh tay một cháu nhỏ, chúng tôi vội vàng kéo nhanh, một người lội xuống và bế cháu trai nhỏ lên bờ, tay cháu vẫn bám chặt lấy chân tượng. Đưa cháu vào lều, thay bỏ quần áo ướt, một thanh niên vắt ngược cháu lên chạy mấy vòng cho nước trong bụng ọc ra, lau khô rồi chúng tôi người bóp chân, kẻ bóp tay... đứa nhỏ thở rồi khóc, chúng tôi thì mừng chảy nước mắt. Cháu đã sống. Pho tượng cứu cháu...

Ông cụ kể một cách hối hả như sự việc vừa mới xảy ra đây, Mạnh Tông hồi hộp lắng nghe câu chuyện. Ông cụ nói tiếp:

- Lúc cháu nhỏ tỉnh rồi, chúng tôi hỏi thì cháu nói: cháu bị nước cuốn đi, bỗng thấy có vật gì trôi bên cạnh, cháu đưa tay bám lấy, từ đó cháu không biết gì nữa cho tới khi được cứu sống. Thật là chuyện lạ...

Trở lại trước pho tượng, cụ già giọng kính cẩn:

- Bà Chúa đã cứu người, Bà sẽ phù hộ chúng tôi. Chúng tôi lập đền thờ Bà...

Mạnh Tông nhìn lên: pho tượng mới uy nghi làm sao. Chàng bước tới gần nhìn từng chi tiết trên mặt, dưới chân, tới những nếp áo... tất cả, chàng không thể làm: chính là pho tượng chàng đã khắc. Cụ già nói:

- Khi vớt tượng lên cùng cháu bé, có người nói: Phật Bà Quan Âm. Mới thoát nhìn chúng tôi cũng tưởng thế và cho rằng tượng đã trôi từ một ngôi chùa nào đó và định rước vào chùa làng. Nhưng sau mọi người nhìn kỹ thấy không hoàn toàn đúng, có những chỗ giống nhưng không phải. Đây là tượng một bà chúa từ trên ngàn theo nước xuống. Chúng tôi ngay lúc đó đã quyết định lập đền thờ ở chính nơi Bà đã dừng lại. Sao Bà lại chọn nơi này? Cũng lạ lắm anh ạ, cái gò này với làng chúng tôi là một gò đất thiêng: đây là Gò Mả Trâu. Chẳng là ngày xưa vùng này còn hoang vu, thú dữ còn nhiều, các cụ kể lại rằng một đêm cọp về làng, trong làng có một con trâu đã xông ra đánh nhau với cọp, hai con vật quần nhau suốt đêm. Sáng hôm sau, trước mắt dân làng: mấy nương ruộng đã trở thành một ao bùn, chẳng còn một ngọn cỏ, con trâu nằm đè lên xác con cọp mà chết. Nhìn cảnh tượng ai cũng khiếp hãi. Xác cọp được lôi đi, xác trâu được để nguyên tại chỗ và dân làng làm lễ mai táng cho nó. Nếu không có con trâu dũng cảm kia thì bao nhiêu người dân đã thiệt mạng? Sau đó người dân cùng nhau gánh đất đắp mả cho trâu, khi ruộng trũng đắp mãi thành một gò cao, trên giữ gò để một phiến đá lớn, bên cạnh trồng một gốc đa. Từ đó nơi đây người dân gọi là Gò Mả Trâu... Cây đa mỗi lúc một cao, tàn lá mỗi lúc một rộng, bóng mát mỗi lúc một nhiều và trở thành nơi nghỉ chân cho người đi cày đi cấy, cũng như những ai ngang qua cánh đồng...

Giọng kể của cụ già đầy vẻ tôn kính. Mạnh Tông thấp ba nén hương cắm vào bát nhang, chàng chấp tay nhìn lên: khói hương bay quyện mờ ảo, pho tượng trước mắt chàng đã trở thành một pho tượng khác, không còn là tượng đào Soan, không phải tượng vợ chàng. Chẳng phải tượng người con dâu nhà họ Đồng. Đây là tượng Bà Chúa Trôi. Bà Chúa đã cứu

sống người. Giữa đồng nước mênh mông, pho tượng Bà Chúa đầy vẻ uy nghi mà vẫn hiền hậu dịu dàng, như từ đó tỏa ra một vùng ánh sáng lung linh huyền ảo...

Chẳng bao lâu cả vùng đồng chiêm ai cũng biết sự tích pho tượng cứu người. Đền thờ nơi Gò Mả Trâu lúc nào cũng khói hương nghi ngút. Có những người dân quê nói với nhau về những điều cầu xin của mình thành sự thật... Đền thờ Bà Chúa Trôi nay vẫn còn.

### Gia Định 1996

---

1 Thơ N.Đ.Vinh.

---

**Nguồn:** <https://vietmessenger.com/books/?title=lenh%20denh%20qua%20cua%20than%20phu&page=3>

[www.vietnamvanhien.org](http://www.vietnamvanhien.org)



An Lạc & Tự Chủ

**VIỆT NAM VĂN HIẾN**

[www.vietnamvanhien.info](http://www.vietnamvanhien.info)



**TỦ SÁCH VĂN HIẾN ONLINE VỚI HƠN 10800 TÁC PHẨM**